

Lê Quang dịch

ĐO THẾ GIỚI

tiểu thuyết

Daniel Kehlmann



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

DANIEL KEHLMANN

ĐO THẾ GIỚI

LÊ QUANG dịch

HOA QUÂN TỬ thực hiện ebook



nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

2009

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

DANIEL KEHLMANN sinh ngày 13.1.1975 ở Munich (Đức), Là con trai của một đạo diễn và một nữ diễn viên, đã theo học đại học ở Vienna (Áo) năm 1981, học Triết học và Văn học tại Vienna. Sau khi tốt nghiệp, Kehlmann viết luận án tiến sĩ về Khái niệm Cao Thượng của Immanuel Kant, nhưng "tôi bỏ cuộc sớm, vì việc viết văn quá trôi chảy". Sau tác phẩm đầu tay *Màn diễn của Beerholm* (Beerholms Vorstellung), năm 1997, Kehlmann viết phê bình và tiểu luận văn học cho nhiều tờ báo lớn, từ 2001 dạy Nghệ thuật thi ca ở Đại học Mainz và Đại học Wiesbaden và Đại học Cöttingen. Ông đi du lịch rất nhiều, và giành rất nhiều giải thưởng cho các tiểu thuyết và truyện ngắn, gần đây nhất là Cadide Award 2005... Daniel Kehlmann cũng là Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học và Văn học Đức. Kehlmann hiện đang sống tại Vienna

"Kehlmann là một nhà văn kỳ lạ."

"Daniel Kehlmann là một người kể chuyện tuyệt vời, tự tin trong giọng điệu, với sự kiểm soát bậc thầy các tình tiết... Đáng say mê"

"Một thành tựu không nhỏ với một người đàn ông ở tuổi 31."

TÁC PHẨM:

- Màn diễn của Beerholm (Beerholms Vorstellung) tiểu thuyết, 1997
- Trong nắng (Unter der Sonne), tập truyện ngắn, 1998
- Thời đại Mohler (Mahlers Zeit), tiểu thuyết, 1999
- Chốn xa nhất (Der Ternste Ort), truyện dài, 2001
- Tôi và Kaminski (Ich und Kaminski), tiểu thuyết, 2003
- Đo thế giới (Die Vermessung der Welt), tiểu thuyết, 2005
- Carlos Montúfar đâu ? (Wo ist Carlos Montútar ?), tiểu luận, 2005
- Những chuyện đùa rất nghiêm túc (Diese sehr ernsten Scherze), tập bài giảng về thi ca ở Göttingen, 2007

GIẢI THƯỞNG:

- 1998 Giải khuyến khích của Hội Văn học thuộc Hiệp hội Công nghiệp Liên bang
- 2000 Học bổng của Hội Văn học Berlin
- 2003 Giải khuyến khích của Văn phòng Thủ tướng Áo
- 2005 Giải Candide của Hội Văn học Minden
- 2005 Đề cử chung kết giải Booker Đức cho tiểu thuyết *Đo thế giới* (Die Vermessung der Welt)
- 2006 Giải văn chương của Quỹ Konrad Adenauer; Giải Heimito von Doderer, Giải Heinrich von Kleist.

ĐO THẾ GIỚI là tác phẩm khiến cho tên tuổi của Daniel Kehlmann trở nên vang dội khắp châu Âu và thế giới, là cuốn best-seller được báo chí ca ngợi khắp Ý, Pháp, Mỹ và Tây

Ban Nha... Đặc biệt, tại Đức, gần hai năm qua (suốt 72 tuần liên tục từ khi xuất bản) Do the giới vẫn giữ vị trí số 1 trong danh sách sách bán chạy nhất của nước này.

Do the giới đã được bán bản quyền dịch và xuất bản tại 37 quốc gia và lãnh thổ: Albania, Macedonia, Brazil, Bulgaria, Trung Quốc, Croatia, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Anh, Hy Lạp, Hà Lan, Hungary, Iceland, Indonesia, Israel, Ý, Nhật Bản, Hàn Quốc, Latvia, Lithuania, Mexico, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, Serbia, Slovenia, Tây Ban Nha, Tây Ban Nha/Galician, Tây Ban Nha/Catalan, Thụy Điển, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, Việt Nam.

Cây bút trẻ tuổi Daniel Kehlmann đã tạo nên một tiểu thuyết thông minh, hài hước, giàu chất trí tuệ Đức nhất từ cuộc đời hai bậc thiên tài trong thời đại Ánh sáng: Carl Kriedrich Gauss và Alexander von Humboldt. Một người không thích cuộc sống mà thiếu đàn bà nhưng trong đêm tân hôn vẫn nhảy ra khỏi giường để ghi lại một công thức toán. Một người nhập thân vào khoa học và du hành như một kẻ tuần đạo: vượt qua đồng cỏ và rừng rậm, băng qua Orinoco, ném thuốc độc, trèo lên trên đỉnh núi cao nhất mà con người từng biết, thám hiểm mọi hang hốc. Một người được coi như bộ não làm toán vĩ đại nhất sau Newton, chẳng coi nhân quần là gì, thậm chí chẳng cần rời khỏi nhà mình ở Gottingen để chứng minh rằng không gian cong. Một người vĩnh viễn tin vào tiến bộ xã hội, và rồi sẽ được lịch sử biết tới như một Colombus Đen nhị. Câu chuyện là sự giao thoa thú vị giữa hai nhà bác học nổi tiếng của nước Đức vào thế kỷ XIX, trong cái ý nghĩa tối thượng của cuộc đời con người đi khám phá những quy luật bí ẩn của Tạo hóa, nhưng chẳng thiếu hài hước và châm biếm bởi những giảng mắc của trí tuệ siêu việt vào đời thường và xã hội. Với Do the giới, Daniel Kohlmann đã tỏ ra thoải mái một cách đáng ngưỡng mộ trong một trò chơi tinh tế giữa hiện thực và hư cấu, đồng hành cùng những cái tên có trong mọi cuốn lịch sử khoa học, chứng tỏ rằng văn chương vĩnh viễn có những quyền năng không thể coi nhẹ trong việc tiệm cận những chân lý phổ quát của tự nhiên và con người.

Là một bestseller thống trị ở nước Đức với hơn một triệu bản in trong năm vừa qua, tác phẩm đánh dấu sự khởi đầu rực rỡ của một tài năng viết văn tầm cỡ thế giới.

"Tiểu thuyết Đức hài hước nhất năm nay - tuyệt diệu !"

Du Hành

1 tháng Chín năm 1828. Sau nhiều năm, lần đầu tiên nhà toán học vĩ đại nhất nước mới lại rời thành phố quê hương để đi dự Hội nghị các nhà nghiên cứu tự nhiên của Đức ở Berlin. Dĩ nhiên ông không muốn tới đó. Hàng tháng rong ông nhất quyết cự tuyệt, nhưng Alexander von Humboldt vẫn đeo đẳng cho đến khi ông ưng thuận trong một phút mềm lòng và hy vọng rằng ngày đó sẽ chẳng bao giờ tới.

Và bây giờ thì giáo sư Gauss trốn trong chăn. Khi Minna gọi ông dậy vì xe ngựa đã sẵn sàng và quãng đường xa xôi lắm, thì ông quắp chặt lấy gối và cố tổng bà vợ biến đi cho khuất mắt bằng cách nhắm tịt mắt lại. Khi mở mắt ra thấy Minna vẫn đứng đó, ông gọi vợ là đồ nhiều sự, dốt nát và là nỗi bất hạnh trong những năm cuối của đời mình. Thấy nói vậy vẫn vô ích, ông gạt chăn ra rồi đặt chân xuống đất.

Mặt mũi cau có, rửa ráy sơ sài, ông đi xuống gác. Eugen, con trai ông, đang đợi ở phòng khách với hành lý đã gói ghém xong. Nhìn thấy cậu, Gauss lên con thịnh nộ: ông đập tan cái bình đặt trên bậu cửa sổ, giậm chân bành bạch và vung tay chân loạn xạ, không im miệng trở lại cả khi Eugen và Minna, mỗi người một bên, đặt tay lên vai ông và thề thốt là người ta sẽ chăm sóc ông tử tế và ông sẽ sớm về nhà, mọi việc sẽ chỉ thoáng qua như một cơn ác mộng. Ông chỉ bình tĩnh lại khi bà mẹ già nua bị tiếng ồn ào quấy rầy từ trong phòng mình tiến ra, bẹo má ông và hỏi có chuyện gì với thằng cu can đảm của bà. Không một chút thân thiện, ông chia tay mẹ và Minna, hờ hững xoa đầu con bé gái và thằng út. Rồi ông sai người ta đỡ mình lên xe ngựa.

Chuyến đi là một cực hình. Ông mắng Eugen là đồ vô dụng, giật lấy cái ba toong của cậu và đâm thật lực vào bàn chân cậu. Ông nhú mày nhìn ra cửa sổ một hồi lâu rồi hỏi, bao giờ thì con gái ông mới lấy chồng, tại sao không đưa nào chịu lấy nó, nguyên có gì ?

Eugen vuốt lại mái tóc dài, mân mê chiếc mũ đỏ bằng cả hai tay và không muốn trả lời.

- Mày không mở miệng ra hả, Gauss nói.

- Thật tình mà nói, Eugen đáp, chị ấy không được xinh đẹp cho lắm.

Gauss gật đầu, ông thấy câu trả lời có vẻ hợp lý. Ông đòi đọc sách.

Eugen đưa ông cuốn sách mà cậu vừa giờ ra: Nghệ thuật thể dục Đức của Friedrich Jahn. Đó là một trong những cuốn sách ruột của cậu.

Gauss cố đọc, song chỉ được mấy giây là ông ngẩng lên và phàn nàn về cái giẫm xóc xe ngựa bằng da theo lối mới, chỉ tổ làm người ta nôn nao hơn trước. Rồi sẽ đến lúc có máy móc chở con người từ thành phố này tới thành phố kia với vận tốc của đạn ra khỏi nòng, ông nói. Lúc ấy thì chỉ cần nửa tiếng là đi được từ Gottingen đến Berlin.

Eugen lúc lắc đầu về ngò vực.

- Kỳ quái và bất công làm sao, Gauss nói, một ví dụ cho tình ngẫu nhiên thảm hại của sự tồn tại là người ta sinh ra vào một thời đại nhất định và bị cột chặt vào đó, bất kể có muốn hay không. Nó đem lại cho ta một lợi thế bất chính đối với quá khứ và biến ta thành thằng hề của tương lai.

Eugen ngái ngủ gật đầu.

- Thậm chí một đầu óc như ông, Gauss nói, thật ra nếu vào cái thời hồng hoang của nhân loại hay bên bờ sông Orinoco thì sẽ chẳng làm được trò trống gì, trong khi bất cứ một thằng ngu nào sau hai trăm năm nữa cũng có thể chế nhạo ông hoặc bịa đặt những chuyện phi lý vô liêm sỉ về ông. Ông ngẫm nghĩ, một lần nữa gọi Eugen là đồ vô dụng rồi đắm chìm

vào cuốn sách.

Trong khi ông đọc, Eugen cẩn thận nhìn ra cửa sổ để giấu bộ mặt méo xệch đi vì nhục nhã và căm tức.

Quyển Nghệ thuật thể dục Đức nói về các dụng cụ thể dục. Tác giả miêu tả dài dòng những phương tiện mà ông ta phát kiến ra để người ta leo trèo lên. Có thứ ông ta gọi là ngựa xoay, thứ khác là xà kéo, thứ khác nữa lại tên là ngựa nhảy.

- Thằng cha này dở hơi, Gauss nói, rồi ông mở cửa xe ném cuốn sách ra ngoài.

- Sách của cậu, Eugen kêu lên.

Thảo nào, ông cũng nghĩ thế, Gauss nói, ngủ thiếp đi, và không thức dậy nữa cho đến lúc thay ngựa buổi tối ở trạm biên giới.

Trong lúc đợi những con ngựa cũ được tháo yên cương và đóng đai ngựa mới, họ ăn xúp khoai tây trong một quán trọ. Vị khách duy nhất ngoài họ, một người đàn ông gầy gò râu dài má hóp, vụng trộm quan sát họ từ bàn bên cạnh.

- Thân xác của người ta, Gauss nói với vẻ bức dọc vì ông vừa mơ đến dụng cụ thể dục, quả là nguồn gốc của mọi sự hành hạ. Ông vẫn luôn thấy đó là tinh khôi hài độc địa của Chúa, khi một trí óc như ông lại bị giam cầm trong một cơ thể ốm o, trong khi một trí khôn tầm tầm như Eugen hầu như chẳng bao giờ ốm đau.

- Hồi nhỏ cậu bị đậu mùa nặng, Eugen nói, suýt nữa thì không qua khỏi. Còn nhìn thấy sẹo đây này !

Đúng thế, Gauss nói, ông quên khuấy đi mất. Ông chỉ vào những con ngựa của bưu điện ngoài cửa sổ. Kể ra cũng chẳng khác gì một chuyện tiểu lâm, người giàu đi lại trên đường mất gấp đôi thì giờ so với người nghèo. Người nào sử dụng mấy con vật của bưu điện thì sau mỗi chặng lại được đổi. Ai có ngựa riêng thì phải đợi cho chúng nghỉ lấy sức.

- Thì đã sao cơ chứ, Eugen hỏi.

- Dĩ nhiên, Gauss nói, đối với một kẻ không quen tư duy thì đó là điều tất yếu. Cũng tựa như chuyện một chàng trai trẻ thì chống ba toong còn ông già thì không.

- Sinh viên thì phải có ba toong, Eugen nói. Xưa nay vẫn thế, và không việc gì phải thay đổi.

- Có lẽ thế, Gauss nói và mỉm cười.

Họ im lặng múc xúp, cho đến khi tay hiến binh của trạm gác bước vào đòi xem hộ chiếu. Eugen trình cho hắn giấy thông hành của mình: một chứng chỉ của triều đình với ghi chú, cậu tuy là sinh viên nhưng không có vấn đề gì, và được phép theo bố vào lãnh thổ Phổ. Tay hiến binh nhìn cậu đây nghi ngại, kiểm tra hộ chiếu, gật đầu rồi quay sang Gauss. Ông không có giấy tờ gì cả.

- Không hề có hộ chiếu ? Tay hiến binh ngạc nhiên hỏi, không giấy má, không con dấu nào, hoàn toàn không ?

- Ông chưa bao giờ cần mấy thứ đó, Gauss nói. Lần cuối cùng ông qua biên giới Hannover cách đây đã hai mươi năm. Hồi đó ông chẳng gặp khó khăn nào.

Eugen cố gắng giải thích họ là ai, đi đâu, và theo thỉnh cầu của ai. Cuộc họp các nhà nghiên cứu tự nhiên diễn ra dưới sự bảo trợ của vương triều. Là khách danh dự bố cậu có thể coi như được vua mời.

Viên hiến binh muốn xem hộ chiếu.

- Ông không thể biết được, Eugen nói, song bố tôi được tôn kính ở mọi xứ sở xa xăm nhất, là thành viên của mọi viện hàn lâm, từ khi còn trẻ đã được gọi là ông hoàng toán học.

Gauss gật đầu. Người ta nói, vì ông mà Napoléon đã bỏ lệnh bắn phá Gottingen.

Eugen tái mặt.

- Napoléon, viên hiến binh lặp lại.

- Thế đấy, Gauss nói.

Viên hiến binh cao giọng hơn ban nãy một chút, đòi xem hộ chiếu.

Gauss gục đầu lên cánh tay và không động đậy. Eugen hích vào ông, nhưng không kết quả. Chẳng hề hấn gì, Gauss lăm bắm, ông muốn về nhà, chuyện này chẳng hề hấn chút gì cả.

Viên hiến binh lúng túng cạ vào vành mũ.

Người đàn ông ngồi bàn bên xen vào. Tất cả chuyện này sẽ chấm dứt ! Nước Đức sẽ tự do, công dân lương thiện sẽ yên ổn sinh sống và đi lại, với thể xác và tinh thần khỏe mạnh, và chẳng cần giấy tờ gì nữa cả.

Không tin vào tai mình, viên hiến binh đòi thẻ căn cước của ông ta.

Đó chính là chuyện ông muốn nói, người đàn ông kêu lên và lục lọi trong túi. Đột nhiên ông vùng dậy, gạt đổ chiếc ghế đầu rồi lao ra ngoài. Viên hiến binh nhìn trừng trừng vào khung cửa mở đến mấy giây rồi mới định thần đuổi theo người đàn ông.

Gauss từ từ ngẩng đầu lên. Eugen đề nghị đi tiếp ngay. Gauss gật đầu và im lặng ăn nốt đĩa xúp. Trạm hiến binh trống không, cả hai cảnh sát đã bám theo người đàn ông râu dài. Eugen và người xà ích cùng nhau nâng thanh chắn lên. Thế là họ đi vào đất Phổ.

Giờ đây Gauss đã thư thái, gần như vui vẻ. Ông nói chuyện về hình học vi phân. Người ta gần như không thể lường tượng ra nổi con đường đi vào không gian cong sẽ còn dẫn đến đâu. Ngay cả ông cũng chỉ hiểu nó trong những nét cơ bản. Eugen nên vui mừng về trí óc tầm tầm của mình, chứ đôi khi những vấn đề đó thật sự là đáng sợ. Rồi ông kể chuyện thời hoa niên tui nhục của mình. Ông có một người cha nhẩn tâm và lạnh lùng, chứ được như Eugen thì may mắn lắm. Ông làm toán từ khi chưa biết nói. Có lần bố ông đếm lương tháng sai, thế là ông khóc òa lên. Khi bố ông sửa lỗi, lập tức ông im ngay.

Eugen làm ra vẻ bị ấn tượng, cho dù cậu biết câu chuyện không có thật. Joseph, thằng em của cậu, đã bịa ra chuyện đó và rêu rao khắp nơi. Cho tới một lúc, ông bố vì nghe nhiều lần quá mà bắt đầu tin là thật.

Gauss nói đến sự ngẫu nhiên, kẻ thù của kiến thức mà ông luôn tìm cách chiến thắng. Quan sát từ khoảng cách gần, người ta sẽ nhìn thấy sự tinh tế vô tận của mạng lưới nhân quả của mỗi sự kiện. Lùi lại đủ xa mới thấy hết các đường nét. Phóng túng và ngẫu nhiên là vấn đề của tầm xa trung bình, là chuyện khoảng cách. Cậu có biết thế không ?

Cũng tầm tầm, Eugen mệt mỏi trả lời và nhìn vào mặt đồng hồ bỏ túi. Nó chỉ giờ không chính xác lắm, nhưng có lẽ là trong khoảng từ ba ruỡi đến năm giờ sáng.

Tuy nhiên, những quy tắc xác suất không nhất thiết phải có hiệu lực, Gauss vừa nói tiếp vừa ấn cả hai tay lên tấm lưng đau mỏi. Chúng không phải là các định luật tự nhiên, và bao giờ cũng có ngoại lệ, chẳng hạn như trí tuệ của ông, hoặc hiển nhiên là trong trò may rủi thì liên tục có một thằng ngu nào đó thắng. Thậm chí đôi khi ông ngờ rằng cả các định luật vật lý cũng chỉ có giá trị thống kê, nghĩa là cũng dung thứ ngoại lệ: ma quỷ, hoặc thần giao cách cảm.

Eugen hỏi, liệu có phải cha nói đùa.

Chính ông cũng không biết, Gauss nói, rồi ông nhắm mắt và thiếp vào giấc ngủ sâu.

Họ tới Berlin vào chiều muộn ngày hôm sau. Hàng nghìn ngôi nhà nhỏ không có

tâm điểm và hàng lối, một khu dân cư phình trưởng trên vùng đất lầy lội nhất châu Âu. Mãi gần đây người ta mới bắt đầu dựng các tòa nhà lộng lẫy: một nhà thờ xù, mấy cung điện, bảo tàng cho các hiện vật mà Humboldt sưu tầm được từ các chuyến thám hiểm lớn.

Vài năm nữa, Eugen nói, nơi đây sẽ là một kinh đô lớn như Roma, Paris hay Saint Petersburg.

- Không bao giờ, Gauss nói. Một thành phố tởm lợm !

Cỗ xe ngựa này lộc cộc trên lớp đá rải đường xấu xí. Hai lần, lũ ngựa lồng lên vì những con chó gầm ghè, vào đến ngõ thì bánh xe gần như sa lầy trong cát ướt. Chủ nhà của họ sống ở nhà số 4 Packhof, giữa thành phố, ngay sau công trường của nhà bảo tàng mới. Để họ không lạc lối, ông đã lấy bút ngòi nhỏ vẽ một sơ đồ rất chính xác. Chắc là ai đó thấy họ từ xa và đã báo tin, vì chỉ vài giây sau khi họ đi vào sân là cửa nhà mở tung và bốn người đàn ông chạy ra đón.

Alexander von Humboldt là một ông già nhỏ thó với mái tóc trắng như cước. Theo sau ông là một viên thư ký với cuốn vở mở sẵn, một người đưa tin mặc đồng phục và một người đàn ông râu quai nón vác hộp gỗ đóng khung. Cứ như đã tập đội hình, họ đứng vào vị trí. Humboldt dang tay về phía cửa xe ngựa.

Không có gì động cựa.

Phía trong xe có tiếng nói hấp tấp. Không, ai đó kêu lên, không ! Có tiếng đánh thùm thụp, rồi tiếng kêu thứ ba: không ! Rồi một lúc lâu chẳng có gì xảy ra.

Rốt cuộc cánh cửa cũng mở ra, và Gauss cẩn thận trèo xuống đất. Ông giật mình lui lại khi Humboldt đặt tay lên vai ông và nói, quả là một vinh dự xiết bao một thời khắc vĩ đại cho nước Đức, cho khoa học, cho chính ông.

Viên thư ký ghi chép, người đàn ông sau chiếc hộp gỗ suyt: nào !

Humboldt đứng im phăng phắc. "Đây là ông Daguerre", ông thì thào, môi không động đậy. Một môn đệ của ông, hiện đang nghiên cứu cái máy có thể ghi lại một khoảnh khắc lên lớp i-ốt bạc nhạy sáng và giật nó ra khỏi dòng thời gian đang trôi. Đề nghị chó có động đậy !

Gauss nói, ông muốn về nhà.

"Một lát thôi", Humboldt thì thào, "chừng mười lăm phút, bây giờ đã tiến bộ lắm rồi". Mới dạo gần đây còn phải đợi lâu hơn nhiều, những lần thử nghiệm đầu tiên làm lưng ông đau không chịu nổi. Gauss định lần đi, nhưng ông già nhỏ thó giữ ông lại với sức mạnh không ngờ và khẽ nói: báo cho nhà vua biết tin ! Lập tức người đưa tin phóng đi ngay. Tiếp đó, chắc vì vừa nãy ra trong đầu, ông nói: "ghi lại, kiểm tra khả năng nuôi hải cẩu ở Wamemunde, điều kiện có vẻ thuận lợi, mai báo lại cho ta !". Viên thư ký ghi chép.

Eugen lúc này mới hơi khập khiễng trèo ra khỏi xe và xin thứ lỗi vì họ đã đến khá trễ.

- Ở đây không có giờ nào gọi là sớm hay muộn, Humboldt khẽ nói. Ở đây chỉ có công việc mà ta phải làm. May mà trời còn sáng. Không động đậy !

Một viên cảnh sát vào sân và hỏi xem ở đây có việc gì.

- Lát nữa, Humboldt mím môi suyt.

- Đây là một cuộc tụ họp, viên cảnh sát nói. Một là giải tán ngay, hai là ta sẽ chấp hành công vụ.

- Ông là quan thị thần, Humboldt suyt.

- Gì cơ ? Viên cảnh sát nhướn ra trước.

- Thị thần, thư ký của Humboldt nói, người của triều đình.

Daguerre đề nghị viên cảnh sát ra khỏi khung hình. Anh ta nhăn trán lùi lại. Thứ nhất là ai chả nói thế được, thứ hai là lệnh cấm tụ họp có giá trị đối với mọi người. Và người kia, anh ta chỉ vào Eugen, trông rõ là sinh viên, nhất định có chuyện lôi thôi đây.

- Nếu anh ta không biến ngay, người thư ký nói, thì sẽ có vấn đề mà anh ta chưa thể tưởng tượng ra nổi.

- Không được nói giọng đó với công chức, viên cảnh sát ngập ngừng nói, anh ta cho mọi người năm phút.

Gauss thở dài và vùng ra.

- Không được, Humboldt kêu lên.

Daguerre giậm chân. Khoảnh khắc đó thế là vĩnh viễn đi tong !

Như mọi khoảnh khắc khác, Gauss nói bình thản, như mọi khoảnh khắc khác thôi mà.

Và đúng thế: trong đêm hôm ấy, khi Gauss ở phòng bên ngáy ầm nhà và Humboldt lấy kính lúp soi tấm đồng bất sáng thì ông chẳng nhìn thấy gì cả. Mãi một lát sau, một mó hình bóng hỗn độn mờ ảo dường như hiện ra, giống hình vẽ phong cảnh dưới nước. Trong đó là một bàn tay, ba chiếc giày, gấu tay xắn lên của bộ đồng phục và phần dưới một cái tai. Hay không phải ? Ông thở dài ném tấm đồng qua cửa sổ và nghe nó rơi trầm đục xuống nền sân. Vài giây sau ông quên khuấy nó đi, như quên tất cả những gì đã từng vượt khỏi tay ông.

Biển

Alexander von Humboldt nổi danh khắp châu Âu nhờ một cuộc thám hiểm tới vùng nhiệt đới hai mươi lăm năm trước đó. Ông đã tới Nueva Espana, Nueva Granada, Nueva Barcelona, Nueva Andalucía (*) và Hợp chủng quốc, phát hiện ra con kênh tự nhiên nối Orinoco và Amazon (2 con sông lớn ở Nam Mỹ), trèo lên ngọn núi cao nhất trên phần thế giới đã được khám phá, sưu tầm hàng nghìn cây cỏ và hàng trăm động vật, có loài còn sống, đa số đã chết, nói chuyện với vẹt, khai quật tử thi, đo đạc tất cả sông núi và hồ trên đường đi qua, chui vào từng hang động nếm nhiều hoa quả và trèo lên nhiều cây hơn sức tưởng tượng của bất kỳ ai cho phép.

-() Nueva Espana (Tây Ban Nha mới): thuộc địa đầu tiên của Tây Ban Nha ở châu Mỹ (Latinh), gồm Mexico, Belize, Guatemala, El Salvador, Honduras, Nicaragua, Costa Rica, các đảo Caribe (và ở châu Á là Philippin), trong thế kỷ 17 và 18 thêm các vùng ở Bắc Mỹ (hiện là các bang California, Arizona, New Mexico, Texas, Nevada, Colorado, Utah, một phần Wyoming của USA).*

- Nueva Granada: thuộc địa của Tây Ban Nha, gồm Venezuela, Colombia, Panama và Ecuador.

- Nueva Barcelona: một địa danh ở Bắc Venezuela, thuộc Nueva Granada.

- Nueva Andalucía: thuộc địa của Tây Ban Nha, gồm Đông Venezuela, Tây Guyana, Bắc Brazil.

Ông là người nhỏ tuổi hơn trong hai anh em. Cha ông, một quý tộc hạng nhỏ giàu có, mất sớm. Mẹ ông hỏi chính Goethe (Johann Wolfgang Goethe 1747-1832 – nhà thơ Đức) chứ không phải ai khác, liệu bà nên cho các con trai học hành ra sao.

Goethe trả lời rằng, một cặp anh em có trong mình sự đa dạng của những nỗ lực nhân bản, nghĩa là nơi những điều kiện phong phú để hành động và hưởng thụ được hiện thực hóa một cách tiêu biểu nhất, đó quả là một tấn trò ngoạn mục, đáng để gửi gắm hy vọng và suy tư đôi chút.

Không ai hiểu đầu của tai nheo câu đó ra sao. Bà mẹ không hiểu, viên quản gia Kunth gầy gò với cặp tai to cũng không. Rốt cuộc Kunth nói, ông cho là đã hiểu ra rằng ý Goethe nói đến một thử nghiệm. Một đứa nên dạy dỗ thành danh nhân văn hóa, đứa kia thành danh nhân khoa học.

Dạy ai theo hướng nào ?

Kunth suy ngẫm. Rồi ông nhún vai và đề nghị ném đồng xu.

Mười lăm chuyên gia được trả lương cao ngắt để giảng bài cho họ ở trình độ đại học. Cậu em học hóa, lý, toán, đứa anh học ngôn ngữ và văn học, cả hai học tiếng Hy Lạp, Latinh và triết học. Mỗi ngày mười hai tiếng, bảy ngày trong tuần, không nghỉ giải lao và nghỉ hè.

Người em, Alexander, ít lời và yếu ớt, người ta phải thúc cậu làm mọi thứ, điểm học tập của cậu thuộc loại trung bình. Nếu người ta thả cậu một mình thì cậu lang thang khắp rừng, sưu tầm những con bọ và sắp xếp chúng theo những hệ thống tự nghĩ ra. Năm chín tuổi, cậu chế một cây cột thu lôi theo phát minh của Benjamin Franklin và gắn nó lên mái lâu đài nơi họ đang sống, gần kinh đô. Đó là cây cột thu lôi thứ hai trên toàn đất Đức, cột thứ nhất cắm ở Göttingen, trên mái nhà của giáo sư vật lý Lichtenberg. Chỉ ở hai nơi này người ta mới an toàn dưới vòm trời.

Người anh trông như một thiên thần. Cậu có thể ăn nói như một thi sĩ và sớm viết những lá thư già dặn gửi đến những nhân vật nổi tiếng nhất trong nước. Bất kỳ ai gặp cậu

cũng phần khích đến mức khó tự chủ. Ở tuổi mười ba cậu thạo hai ngoại ngữ, lên mười bốn biết bốn ngoại ngữ, lên mười lăm nói bảy ngoại ngữ. Cậu chưa khi nào bị phạt, không ai có thể nhớ được chuyện sai trái nào của cậu. Cậu trò chuyện với sứ thần Anh về chính sách thương mại, với sứ thần Pháp về nguy cơ nổi loạn. Có lần cậu tống em trai vào trong tủ ở một phòng khuất tận góc nhà và khóa lại. Hôm sau, lúc người hầu tìm thấy cậu em gần ngất xỉu thì nó cả quyết là đã tự khóa mình vào tủ vì biết là nói thật cũng chẳng ai tin. Một lần khác, nó phát hiện có thứ bột trắng trong đồ ăn của mình. Nó đủ kiến thức về hóa học để nhận ra đó là thuốc diệt chuột và run rẩy đẩy đĩa thức ăn đi. Từ phía bên kia bàn, người anh ngấm nhìn ngợi khen với cặp mắt nhợt nhạt không để cho ai đoán định điều gì.

Không ai có thể phủ nhận rằng trong lâu đài có ma. Không có gì ghê gớm, chỉ có tiếng chân bước ngoài lối đi trống vắng, tiếng trẻ con khóc không biết từ đâu vọng ra, và thỉnh thoảng có bóng một người đàn ông giọng rề rề van xin người ta mua của ông dây giày, mấy cục nam châm đồ chơi nhỏ nhỏ hay một chai nước ngọt. Song rừng rợn hơn cả ma là chuyện về ma: Kunth cho hai cậu bé đọc sách về thầy tu, về những ngôi mộ mở, những bàn tay thò lên từ vực sâu, về những bài thuốc luyện đan dưới địa ngục và các buổi gọi hồn để người chết nói chuyện, với cử tọa đang chờ đợi vì khiếp đảm. Những cuốn sách đó mới trở thành thời thượng và còn quá mới mẻ, chưa đủ thời gian làm người ta quen được với những cảm giác sợ hãi. Kunth giải thích, đó là việc cần thiết, tiếp kiến sự đen tối là một phần của quá trình trưởng thành, ai không biết đến nỗi sợ siêu hình thì sẽ không bao giờ trở thành một người đàn ông Đức. Có lần họ vớ phải câu chuyện về Aguirre, con người cuồng dại chối bỏ vua và tự phong mình lên ngôi hoàng đế. Trong một chuyến du hành ác mộng, Aguirre và các thuộc hạ của mình đi xuôi chiều sông Orinoco, hai bên bờ dày đặc những bụi cây, không sao cập vào được. Bầy chim rít lạnh lạnh ngôn ngữ của những bộ lạc đã tuyệt vong, và mỗi khi ngẩng đầu lên thì bầu trời phản chiếu những kinh thành với lối kiến trúc mái ta biết rằng bàn tay đã xây dựng chúng không phải của con người. Hầu như chưa nhà nghiên cứu nào đặt chân đến chốn này, và không có địa đồ nào đáng tin cậy.

- Vậy thì cậu sẽ làm việc đó, người em nói. Cậu sẽ đi đến chốn ấy.

- Nhất định rồi, người anh trả lời.

- Cậu nói nghiêm túc đấy !

- Cậu biết chứ, người anh nói, và gọi người hầu để làm chứng cho thời khắc đó. Một ngày đẹp trời, người ta sẽ vui mừng khi biết khoảnh khắc ấy được ghi lại.

Thầy dạy vật lý và triết học của họ là Marcus Herz, học trò yêu của Immanuel Kant và chồng của Henriette, người đàn bà nổi tiếng vì sắc đẹp. Ông rót hai chất lỏng vào một bình thủy tinh: bình nước đựng lại một lát rồi đột ngột biến màu. Ông để khinh khí trào ra từ ống nghiệm, dí lửa vào miệng ống, và ngọn lửa phụt lên với tiếng réo tung bùng. Một nửa gam, ông nói, ngọn lửa cao mười hai phân. Bất kỳ khi nào có cái gì làm người ta giật mình thì tốt nhất là phải đo ngay.

Phòng khách của Henriette là nơi những người có học hội kiến mỗi tuần một lần, hàn huyên về Chúa trời và cảm xúc của họ, nhỏ chút nước mắt, viết thư cho nhau và tự gọi nhau là những thành viên Hội Đức hạnh. Chẳng ai nhớ là người nào đã nghĩ ra cái tên đó. Những câu chuyện của họ phải giữ kín với bên ngoài, nhưng giữa những thành viên Hội Đức hạnh với nhau thì người ta phơi bày một cách cởi mở và chi tiết tất cả những gì có trong tâm hồn. Nếu tâm hồn không có gì thì phải bịa ra. Hai anh em Humboldt là những người ít tuổi nhất. Nhưng chuyện này cũng quan trọng, Kunth nói, và họ không được phép bỏ lỡ cuộc gặp gỡ nào. Nó giúp ích cho đời sống cảm xúc. Ông hối thúc hai cậu viết thư cho Henriette. Bởi vì lúc còn trẻ mà lo là những văn hóa xúc cảm thì sau này có thể sinh ra những hệ lụy không hay. Hiển nhiên là thư nào cũng phải đưa cho ông xem. Đúng như mong đợi, những bức thư của người anh viết hay hơn.

Henriette lịch thiệp đáp từ bằng thứ chữ chập chững của trẻ con. Bản thân cô cũng mới mười chín tuổi. Một cuốn sách mà cậu em gửi cho cô bị gửi trả lại mà chưa đọc: **L'homme machine** của La Mettrie (*La Mettrie: Julien Offray de La Mettrie (1709-1751) bác sĩ và nhà triết học Pháp. Với tác phẩm L'homme machine (Con người - cỗ máy) viết 1748, La Mettrie khẳng định vai trò quan trọng của mình là nhà tư*

tưởng quan trọng trong lịch sử Chủ nghĩa duy vật theo hướng Descartes.) Đây là một tác phẩm đáng bị cấm, một mớ chữ nghĩa kinh tởm. Cô không thể nghĩ đến chuyện mở nó ra.

- Tiếc quá, cậu em nói với anh trai. Đây là một cuốn sách đáng được chú ý. Tác giả khẳng định nghiêm túc rằng con người là một cỗ máy, một cơ cấu hoạt động tự động hoàn hảo.

- Và không có linh hồn, người anh đáp lại. Họ đi qua khu vườn của lâu đài, tuyết phủ một lớp mỏng trên các cành cây trụi lá.

- Không, cậu em phản bác. Có linh hồn. Có linh cảm và nhạy cảm thì cao đối với sự mệnh mông và cái đẹp. Song bản thân linh hồn ấy cũng chỉ là một phần, cứ cho là phần quan trọng nhất của cỗ máy. Và cậu tự hỏi, liệu sự thật có đúng như thế.

- Tất cả mọi người đều là máy ?

- Có thể không phải tất cả, cậu em tư lự nói. Nhưng với hai chúng ta thì đúng.

Mặt hồ nước đóng băng, ánh chiều muộn nhập nhoạng nhuộm tuyết và các nhũ băng sang màu xanh lơ. Anh phải nói cho em biết một chuyện, người anh nói. Mọi người lo cho em. Tính trầm lặng, kín đáo của em. Chuyện học hành ỉ ạch. Toàn bộ cuộc thử nghiệm phụ thuộc vào hai anh em. Không ai trong họ có quyền buông thả mình. Người anh chẳng lại một chút. À, lớp băng rắn lắm.

- Thật chứ ?

- Nhất định rồi.

Cậu em gật đầu, lấy hơi và bước lên mặt hồ. Cậu suy nghĩ xem có nên ngâm *Khúc tráng ca băng tuyết* của Klopstock (*Friedrich Gottlieb Klopstock 1724-1803: nhà thơ Đức*). Dang tay vẫy vẫy, cậu trượt ra đến giữa hồ, quay thành vòng tròn. Anh cậu đứng trên bờ, hơi ngả người ra phía sau, quan sát em mình.

Đột nhiên tất cả im ắng. Cậu không thấy gì nữa, và giá lạnh gần như làm tê liệt mọi giác quan. Lúc đó cậu mới nhận ra là mình ở dưới nước. Cậu vùng vẫy. Đầu cậu vập vào cái gì rất cứng, lớp băng. Chiếc mũ lông của cậu tuột ra và trôi mất, tóc cậu dựng ngược lên, chân chạm đáy. Giờ thì mất cậu đã quen với bóng tối. Trong một thoáng, cậu nhìn thấy phong cảnh cứng đờ: những sợi cỏ run rẩy, phía trên là cây lá, trong suốt như tấm khăn, một con cá đơn độc, vừa đẩy xong lại thoát biến mất như một ảo ảnh. Cậu bơi, trôi lên, lại vập vào băng lần nữa. Cậu hiểu ra là mình chỉ còn sống thêm được vài giây. Cậu lần mò, và đứng lúc không còn không khí nữa thì cậu thấy phía trên mình một khoảng tối, lỗ thủng. Cậu vươn hẳn lên, lấy hơi và phì nước ra, cạnh sắc của băng cửa nát tay cậu, cậu trèo lên, đổ vật ra, kéo theo đôi chân rồi nằm thờ hồn hên và nức nở. Cậu xoay người lại, nằm áp bụng xuống băng và bò vào phía bờ. Anh cậu vẫn đứng đó, cúi xuống nhìn, tay đút túi, mũ kéo sụp xuống mặt. Rồi chìa tay giúp cậu đứng dậy.

Đến đêm thì con sốt bắt đầu. Cậu nghe thấy tiếng người và không biết đó là tiếng những hình bóng trong mơ hay của những người đứng vây quanh giường, và vẫn cảm thấy cái lạnh buốt giá. Một người đàn ông đi lại trong phòng với những bước dài, có lẽ là bác sĩ, và nói, hãy quyết định đi, thành công hay không, đó là quyết định của cậu, xong rồi phải cắn răng đến cùng, đúng không ? Nhưng khi cậu định trả lời thì không nhớ người ấy vừa nói gì nữa, thay vào đó cậu trông thấy đại dương rộng mở dưới bầu trời nhấp nháy ánh điện, rồi lúc cậu mở mắt ra thì đã là buổi trưa ngày hôm sau nữa. Mặt trời mùa đông treo nhợt nhạt trong khung cửa sổ, và con sốt đã đỡ.

Từ đó trở đi điểm số của cậu khá lên. Cậu làm việc tập trung và học thói quen nắm tay thành quả đầm khi suy nghĩ, tựa như phải chiến thắng một đối thủ. Cậu đã thay đổi, Henriette viết cho cậu như thế, cô thấy hơi sợ cậu. Cậu xin được ở một đêm trong căn phòng có nhiều tiếng động ban đêm nhất. Sáng hôm sau, cậu tái mét và cảm lạnh, vết nhằn đầu tiên kéo dọc trên vầng trán.

Kunth quyết định, người anh sẽ học luật còn cậu em học tài chính. Tất nhiên là ông sẽ đi cùng đến trường đại học ở Frankfurt an der Oder, theo chân họ đi nghe giảng bài và quan sát các bước tiến bộ. Trường đại học này không tốt. Người anh viết cho Henriette rằng, kẻ nào bất tài nhưng lại muốn thành tiến sĩ thì có lẽ nên tới đây là đúng. Và vì những lý do nào đó không ai biết được, ở phòng học có một con chó to tướng, không ngừng gãi và làm ồn.

Đến chỗ nhà thực vật học Wildenow, lần đầu tiên cậu em trông thấy cây cỏ nhiệt đới ép khô. Chúng có những cành trổ ra như râu mực, nụ hoa giống con mắt và lá có bề mặt sờ như da người. Cậu thấy quen mặt chúng từ những giấc mơ. Cậu xất nhỏ chúng ra, cẩn thận phác họa, kiểm tra các phản ứng với axit và kiềm, chế từ đó những tiêu bản gọn ghẽ.

Bây giờ thì cậu đã biết là cậu muốn nghiên cứu gì, cậu nói với Kunth, cậu nghiên cứu sự sống.

- Không thể chấp nhận được, Kunth nói. Ở trên thế giới này người ta có nhiều sứ mạng hơn là tồn tại đơn thuần. Chỉ riêng sự sống thôi thì chưa phải là nội dung của sự tồn tại.

Ý cậu không phải thế, cậu đáp lời. Cậu muốn nghiên cứu sự sống, muốn hiểu ra sự kiên trì quái đản để sự sống lan tỏa khắp địa cầu. Cậu muốn biết các mẹo mực của nó !

Vậy là cậu được ở lại và học thầy Wildenow.

Học kỳ tiếp theo, người anh chuyển sang trường đại học Gottingen. Trong khi cậu lần đầu tiên có những người bạn, lần đầu tiên uống rượu và chạm tay vào đàn bà thì cậu em viết luận án khoa học đầu tay.

- Tốt đấy, Kunth nói, nhưng chưa đủ tốt để in dưới cái tên Humboldt. Có lẽ phải đợi ít lâu nữa mới nghĩ đến chuyện xuất bản.

Trong kỳ nghỉ hè cậu đi thăm anh. Tại buổi tiếp khách của lãnh sự Pháp, cậu làm quen nhà toán học Kastner cùng bạn ông là cố vấn triều đình Zimmermann và nhà vật lý học thực nghiệm xuất sắc nhất nước Đức, giáo sư Georg Christoph Lichtenberg. Vị này, một nhúm xương thịt và sự thông thái, mềm mại nắm tay cậu và ngẩng nhìn cậu chòng chọc một cách thú vị. Humboldt hỏi, liệu có đúng là ông đang viết một cuốn tiểu thuyết.

Đúng và sai, Lichtenberg trả lời với ánh mắt tựa như ông nhìn thấy thứ gì mà bản thân Humboldt chưa lường tượng ra. Tác phẩm có tên Bàn về Gunkel, chẳng nói về cái gì và nói chung giậm chân tại chỗ.

Humboldt nói, theo cậu thì viết tiểu thuyết là cách tối ưu để giữ lại cho tương lai cái phù du nhất của hiện tại.

Ra thế đấy, Lichtenberg nói.

Humboldt đỏ mặt. Đạo này việc các tác giả chọn quá khứ xa xăm để thể hiện đang là mốt, thật đúng là một trò ngớ ngẩn.

Lichtenberg quan sát cậu qua cặp mắt ti hí. Sai, ông nói. Và đúng.

Trên đường về nhà, hai anh em nhìn thấy một đĩa bạc thứ hai, lớn hơn một chút bên cạnh vàng trắng mới mọc. Kinh khí cầu đấy, người anh giải thích. Pilâtre de Rozier, cộng tác viên của anh em Montgolfier, hiện đang có mặt ở gần Braunschweig. Cả thành phố bàn tán về chuyện này. Sắp tới lúc tất cả mọi người được lên không trung.

Nhưng họ đâu có muốn, cậu em nói. Họ sẽ quá sợ hãi để làm chuyện đó. Lúc sắp ra đi thì cậu làm quen với nhân vật nổi tiếng Georg Forster, một người gầy gò, ho hen, nước da ốm yếu. Ông đã đi vòng quanh thế giới với Cook (Cook: James Cook (1728-1779) nhà thám hiểm hàng hải người Anh. Trong chuyến đi vòng quanh thế giới lần thứ hai của ông có sự tham gia của nhà tự nhiên học Đức Johann Georg Adam Forster (1754-1794) và nhìn thấy nhiều hơn bất cứ người nào ở đất Đức; bây giờ ông là một huyền thoại, sách của ông nổi tiếng khắp thế giới, và ông làm nghề thủ thư ở Mainz. Ông kể chuyện và

tin và những xác người còn sống, những kẻ ăn thịt người cực kỳ lịch thiệp, những ngày nước biển trong đến nỗi người ta tưởng như đang lơ lửng trên một vực thẳm, những cơn bão cuồng nộ đến mức không ai dám cầu nguyện. Sự sâu muợn bao quanh ông như một lớp sương mù mỏng manh. Ông đã nhìn thấy quá nhiều, ông nói. Đó cũng chính là nội dung truyện ngụ ngôn về Odysseus và các mỹ nhân ngư. Trói mình vào cột buồm cũng chẳng ích gì, có thoát ra được thì người ta cũng không hồi lại nổi sau khi đã ở gần sự mới lạ. Ông hầu như không ngủ được vì ký ức quá mạnh. Mới đây ông được tin vị thuyền trưởng vĩ đại và bí hiểm Cook của ông bị ném vào vạc và ăn thịt ở Hawaii. Ông day trán và nhìn xuống đai giày - ném vào vạc và ăn thịt - lặp lại.

- Cậu cũng muốn du hành, Humboldt nói.

Forster gật đầu. Cũng có người muốn làm chuyện đó. Xong rồi thì ai cũng hối hận thôi.

Tại sao ?

Vì người ta không bao giờ trở lại được nữa.

Forster giới thiệu cậu đến Học viện mỏ Freiberg. Ở đó Abraham Werner (*Abraham Werner: Abraham Gottlob Werner (1749-1817) nhà địa chất học ĐỨC, được coi là người khởi xướng môn nghiên cứu vỏ trái đất: ông đưa ra giả thuyết cơ sở của Học thuyết Neptun (Neptunism) rằng mọi loại đất đá đều là trầm tích của đại dương. Alexander von Humboldt sau cuộc thám hiểm Nam Mỹ đã lật đổ hoàn toàn lý thuyết này bằng cách chứng minh nguồn gốc núi lửa của đá basalt và porphyry.*) dạy rằng ruột trái đất nguội và rắn, núi non sinh ra từ hóa chất kết tủa của đại dương co cụm lại thời nguyên thủy, lửa của hỏa diệm sơn hoàn toàn không từ lòng đất sâu mà do những via than cháy, còn ruột địa cầu là đá cứng. Môn học này mang tên Học thuyết Neptun và được hai giáo phái và Johann Wolfgang Goethe ủng hộ. Ở nhà thờ Freiberg, Werner sai đọc kinh cầu hồn cho những địch thủ dám phủ nhận chân lý của ông. Có lần ông đã đâm giập mũi một sinh viên tỏ ý hoài nghi, nghe đồn trước đây nhiều năm còn cắn đứt tai một người khác. Ông là một trong những nhà giả kim cuối cùng - thành viên của các hội kín, thông thạo những dấu hiệu bất ma quỷ vâng lời. Ông có thể tái tạo những gì bị hủy hoại, dựng lại từ khói những đồ bị cháy, biến bột giã nát thành vật cứng, trò chuyện được với cả quỷ sứ và chề ra vàng. Tuy nhiên ông không có vẻ thông thái. Ông ngả người ra sau, nheo mắt lại và hỏi Humboldt có theo Học thuyết Neptun và tin rằng ruột quả đất nguội lạnh không.

Humboldt thề rằng có.

Nhưng thế thì phải cưới vợ đi.

Humboldt đỏ mặt.

Wemer phồng má lên, làm bộ mặt đầy mưu mô và hỏi cậu đã có người tình chưa.

- Chuyện đó chỉ làm vướng chân, Humboldt nói, người ta kết hôn khi không còn dự định lớn lao nào nữa trong đời.

Wemer trở mắt nhìn cậu.

- Người ta vẫn nói thế mà, Humboldt vội vã nói. Tất nhiên là vô lý !

Đàn ông không vợ, Wemer nói, chưa bao giờ là môn đệ tốt của Học thuyết Neptun.

Humboldt hoàn tất giáo trình của Học viện trong ba tháng. Buổi sáng cậu chui dưới đất sáu tiếng đồng hồ, chiều nghe giảng, tối đến và nửa buổi đêm cậu học cho hôm sau. Cậu không có bạn bè, và khi anh cậu mời đến dự lễ cưới - anh đã kiếm được cô vợ môn đăng hộ đối, trên đời không thể tìm được một người thứ hai - cậu lịch sự trả lời rằng cậu không đến được vì không có thì giờ. Cậu chui rúc qua những hầm lò thấp nhất cho đến khi quen nỗi sợ sự tù túng như quen với vết đau dai dẳng nhưng dần dần cũng chịu được. Cậu đo nhiệt độ: càng chui xuống sâu thì càng nóng hơn, trái với mọi học thuyết của Abraham Wemer. Cậu đề ý rằng trong những hang tối sâu thẳm nhất vẫn có thực vật sống. Có vẻ như cuộc sống không ngưng nghỉ ở nơi nào, ở mọi chốn đều có ít nhất một dạng rêu cỏ, một loài cây cần cỗi nào đó. Chúng đây bí ẩn đối với cậu, vì vậy cậu mổ xẻ và nghiên cứu chúng, phân thành loại

và viết một luận văn về chúng. Nhiều năm sau, khi nhìn thấy những loài cây tương tự trong hang người chết thì cậu đã có sự chuẩn bị.

Cậu làm bài tốt nghiệp và được nhận một bộ đồng phục. Cậu phải khoác nó, khi đặt chân đến bất kỳ đâu. Chức vụ của cậu là trợ tá tại Sở mỏ và luyện kim. Cậu viết cho anh rằng tự mình xấu hổ ra sao vì đã vui sướng về chuyện này.

Mấy tháng sau cậu trở thành thanh tra hầm mỏ được tin nhiệm nhất nước Phổ. Cậu ra lệnh đưa mình tới các lò luyện kim, bãi khai thác bùn đốt và các lò nung của xưởng đồ sứ hoàng gia; đến đâu cậu cũng khiến công nhân khiếp đảm vì tốc độ ghi chép của mình. Cậu luôn trên đường, hầu như quên ăn quên ngủ và cũng chẳng hiểu như thế để làm gì. Cậu viết trong thư gửi anh mình là có gì đó trong đầu khiến cậu lo sợ sẽ phát điên lên mất.

Tình cờ cậu đọc cuốn sách của Galvani (*Luigi Galvani 1737-1798 bác sĩ và nhà vật lý người Ý*) về dòng điện và ếch. Galvani nối đuôi ếch đã cắt rời với hai kim loại khác nhau, và chúng co giật như còn sống. Không rõ là cử động đó do sinh lực còn sót lại trong đuôi ếch hay đến từ bên ngoài, từ sự khác biệt giữa hai kim loại và chỉ hiện diện qua những miếng thịt ếch? Humboldt quyết định tìm câu trả lời.

Cậu cởi áo ra, nằm lên giường và sai người hầu dán lên lưng mình hai miếng băng dính hút máu. Người hầu tuân lệnh, da lưng cậu phồng lên hai mảng lớn. Bây giờ thì rách hai mảng đó ra! Người hầu ngập ngừng, Humboldt phải quát lên. Người hầu cầm con dao mổ. Dao sắc đến nỗi rách hầu như không đau. Máu rò xuống sàn. Humboldt ra lệnh lấy một miếng kẽm ép lên một trong hai vết rách.

Người hầu xin phép nghỉ tay, anh ta thấy choáng váng.

Humboldt đề nghị anh ta đừng có giờ trò ngớ ngẩn.

Khi một miếng bạc chạm vào vết thương thứ hai, một cảm giác gõ đập đau đớn chạy suốt cơ lưng cậu, lên đến tận đầu. Tay run run, cậu ghi lại: *Musculus cucularis, đuôi sau, xương cùng*. Không nghi ngờ gì nữa, có tác động của điện. Dùng miếng bạc lần nữa! Cậu đếm bốn lần giật, trong khoảng cách đều đặn, rồi xung quanh tối sầm lại.

Khi cậu tỉnh lại, người hầu ngồi dưới sàn, mặt tái nhợt, tay đầy máu.

- Làm tiếp đi, Humboldt nói, và cậu chợt nhận ra sau giây phút hoảng sợ kỳ cục, có gì đó trong cậu cảm thấy sung sướng. Giờ đến lượt ếch!

- Không được, người hầu nói.

Humboldt hỏi, liệu anh ta có định tìm nơi làm việc mới không.

Người hầu đặt bốn con ếch chết đã làm sạch sẽ cẩn thận lên tấm lưng máu me của Humboldt. Nhưng bây giờ thế là đủ rồi, anh nói, chúng ta là tín đồ Thiên chúa giáo.

Humboldt lờ anh ta đi và ra lệnh: lấy tiếp miếng bạc! Lại xảy ra điện giật. Mỗi lần giật, cậu nhìn thấy trong gương những thân ếch nhảy lên như còn sống. Cậu cắn vào gối, vải bọc ướt đầm nước mắt. Người hầu cười khúc khích như hóa dại, Humboldt định ghi chép nhưng tay cậu quá yếu. Cậu gượng đứng dậy. Từ hai vết thương, một thứ chất lỏng chảy ra xót đến bỏng da. Humboldt cố hứng một chút chất lỏng đó vào ống thủy tinh, nhưng vai cậu sưng phồng đến nỗi không xoay người được. Cậu nhìn vào mặt người hầu.

Anh ta lắc đầu.

- Thôi được, Humboldt nói, hãy nhân danh Chúa đi gọi bác sĩ đi! Cậu lau mặt, đợi đến khi đủ sức điều khiển được đôi tay và chép lại những điều quan trọng nhất. Có dòng điện chạy, chuyện đó cậu đã cảm thấy, và không phải nó bắn ra từ cơ thể cậu hay mấy con ếch, mà từ sự đối nghịch giữa các kim loại.

Không dễ dàng giải thích cho tay bác sĩ chuyện đã xảy ra ở đây. Tuần sau đó, người hầu bỏ việc, hai vết sẹo hằn lại, và bản luận chứng về những sợi cơ còn sống như là môi

trường truyền điện củng cố danh tiếng khoa học của Humboldt.

"Có vẻ như cậu đang quẩn trí", người anh viết từ Jena. "Song cậu hãy nhớ rằng con người ta có cả trách nhiệm đạo đức đối với cơ thể của mình, nó đâu phải là một đồ vật như các đồ vật khác; anh xin em, đến đây đi ! Schiller muốn làm quen với em đấy". (Schiller: *Johann Christoph Friedrich 1759-1805: nhà thơ Đức*)

"Anh không hiểu em", Humboldt trả lời. "Em đã phát hiện ra rằng con người sẵn sàng đón nhận cực nhọc, nhưng bỏ qua mất nhiều kiến thức vì sợ đau đớn. Còn nếu ai vẫn quyết chịu đau, sẽ ngộ ra nhiều điều mà lẽ ra..." Cậu bỏ chiếc lông ngỗng xuống, nắn vai và vò nhàu tờ giấy. "Quan hệ anh em giữa chúng ta", cậu bắt đầu lại, "tại sao em thấy đó chính là một câu đố ? Đó là vì anh em mình đơn độc mà lại là hai, em không thể trở thành như anh, anh không thể là em, đó là vì hai ta phải cùng nhau đi qua cuộc đời, bên cạnh nhau, bất kể có muốn hay không, vĩnh viễn gần nhau hơn gần bất kỳ ai khác. Và tại sao em lại phỏng đoán rằng sự kỳ vĩ mà anh em mình hoàn thành được sẽ không có tương lai, và, dù cho mình thành công đến đâu, nó sẽ biến đi, tựa hồ như chưa từng có chút gì, cho đến khi tên của anh em mình quyền lại thành một rồi nhạt nhòa đi ?" Cậu sưng lại, rồi xé tờ giấy thành từng mảnh nhỏ.

Để nghiên cứu cây cỏ trong hầm mỏ Freiberg, cậu chế ra đèn thợ mỏ: ngọn lửa cháy bằng bình khí, tỏa sáng cả những nơi không có không khí. Thiếu chút nữa thì cậu bỏ mạng vì nó. Cậu trèo xuống một khoang trống chưa hề được thăm dò, đặt đèn xuống và ngất đi sau mấy phút. Cận kề cái chết, cậu nhìn thấy những cây leo nhiệt đới biến thành thân hình đàn bà, cậu hét lên và tỉnh dậy. Andres del Rio, một cựu học sinh người Tây Ban Nha của Học viện Freiberg, tìm thấy và kéo cậu ra khỏi. Quá xấu hổ, Humboldt gần như không nói nổi lời cảm ơn.

Trong một tháng lao động nhọc nhằn, cậu chế ra máy thở: hai ống dẫn nối cái túi khí đến mặt nạ thợ. Cậu buộc máy vào người rồi leo xuống. Cậu âm thầm chịu đựng những ảo giác bắt đầu xuất hiện. Mãi đến khi đầu gối nhũn ra và cảm giác chóng mặt biến ngọn lửa thành một bó đuốc, lúc ấy cậu mới mở van và chau mày quan sát đám đàn bà biến trở lại thành cây leo và cây leo biến mất dạng. Cậu trụ lại thêm vài tiếng trong bóng tối lạnh lẽo. Lúc thấy lại ánh sáng trời thì cậu được thư của Kunth gọi cậu trở về bên giường mẹ cậu đang hấp hối.

Vì tình thế thúc ép, cậu cưỡi con ngựa nhanh nhất tìm được. Mưa quất vào mặt cậu, áo choàng đập phàn phật, hai lần cậu trượt khỏi yên và ngã xuống bùn. Cậu về nhà, râu không cạo, người bẩn thỉu, và do biết những tình cảnh tương tự đòi hỏi gì, cậu làm ra vẻ hụt hoi. Kunth hồ hững gật đầu, họ ngồi cạnh nhau bên giường mẹ cậu và ngấm sự đau đớn biến khuôn mặt bà thành hình ảnh lạ lẫm. Sức lực cạn kiệt đã thiêu cháy bà từ trong ruột, má hóp lại, cằm dài ra và mũi chột gồ lên, những vết chích vào mạch làm bà gần mất sạch máu. Humboldt giữ tay bà, trong lúc chiều ngả về tối, và một bưu tá đem tới bức thư của người anh, xin thứ lỗi vì có việc khẩn ở Weimar. Lúc bắt đầu vào đêm, bà mẹ uốn người lên và bắt đầu hét lạnh lạnh. Thuốc ngủ không công hiệu, chích máu lần nữa cũng chẳng làm dịu đi, và Humboldt không hiểu nổi tại sao bà có thể xử sự một cách khiếm nhã như vậy. Gần nửa đêm, tiếng hét của bà tự do bùng ra ầm ĩ, tựa hồ xuất phát từ sâu trong cơ thể đang uốn lên, giống như bà đang trải qua cơn cực khoái.

Cậu nhắm mắt đợi, mãi hai giờ sau bà mới im tiếng. Khi trời đã sáng, bà lẩm bẩm tiếng gì không rõ; lúc vầng trăng đã dâng lên trên bầu trời buổi sáng, bà nhìn con trai và nhắc cậu ngồi cho thẳng, kiểu gì lại ngã ngón như thế. Sau đó bà quay mặt đi, mắt bà tựa như biến thành thủy tinh, và cậu nhìn thấy người chết đầu tiên trong đời.

Kunth đặt tay lên vai cậu. Không ai đánh giá nổi gia đình này có ý nghĩa như thế nào đối với ông.

Có chứ, Humboldt nói như một kẻ được nhắc nhở, cậu biết chứ, và cậu không bao giờ quên điều đó.

Kunth thở dài xúc động. Ông biết là từ nay về sau ông vẫn được nhận lương.

Buổi chiều, những người hầu thấy Humboldt đi lại trước lầu đài, đi qua đỉnh đồi, vòng quanh đầm, miệng há, mặt ngửa lên trời như một thằng dở người. Chưa bao giờ họ thấy cậu như vậy. Họ nói với nhau, có lẽ cậu bị kích động kinh khủng. Và đúng vậy: chưa bao giờ cậu hạnh phúc nhường này.

Một tuần sau cậu xin thôi việc. Ngài bộ trưởng không hiểu nổi. Chức vụ cao như vậy khi tuổi còn trẻ, và con đường công danh rộng thênh thang ! Tại sao vậy ?

"Vì tất cả còn quá ít", Humboldt đáp. Cậu đứng đó trước bàn viết của cấp trên, nhỏ nhắn, nhưng hiên ngang, mắt sáng ngời và vai chùng xuống. Và vì bây giờ rốt cuộc cậu có thể lên đường.

Đầu tiên là đến Weimar, ở đó anh cậu giới thiệu em mình với Wieland, **Herder** (Wieland: Christoph Martin Wieland (1733-1813) nhà thơ Đức. Herder: Johann Gottfried Herder (1744-1803) nhà thơ, nhà triết học Đức.) và Goethe. Goethe chào cậu với tư cách đồng hội. Bất kỳ môn sinh nào của Wemer vĩ đại cũng là bạn ông.

"Tôi sẽ đi tới Tân thế giới", Humboldt nói. "Tôi chưa tiết lộ điều đó cho ai. Sẽ không ai cản được bước tôi, và tôi không tính đến khả năng sống sót quay về".

Goethe kéo cậu qua một bên và dẫn cậu đi qua một lối đi dài, dọc theo những căn phòng quét màu khác nhau đến một cửa sổ cao. "Một dự định lớn", ông nói. "Quan trọng trên hết là nghiên cứu núi lửa, để cổ xúy cho Học thuyết Neptun. Dưới mặt đất không có lửa cháy. Sâu thẳm trong thiên nhiên không có dung nham sôi sục. Chỉ có những đầu óc hủ bại mới nghĩ ra mấy chuyện đó".

Humboldt hứa sẽ xem xét núi lửa.

Goethe chấp tay sau lưng. Và chớ bao giờ quên rằng mình từ đâu đến.

Humboldt không hiểu.

"Cậu nên nhớ ai cử cậu đi". Goethe khoát tay về phía những căn phòng nhiều màu, những đầu tượng thạch cao sao lại của Ý, nhóm đàn ông hạ giọng chuyện trò trong phòng khách. Anh cậu đang nói về các lợi thế của thơ tự do không vần, Wieland chăm chú gật đầu, Schiller ngồi trên sofa và ngáp trộm. "Cậu đi từ chỗ chúng tôi", Goethe nói, "từ nơi đây. Cả trên mặt biển, cậu vẫn là sứ thần của chúng tôi".

Humboldt đi tiếp đến Salzburg, ở đó cậu sắm một bộ dụng cụ đo đạc đất tiền nhất mà người ta có thể sở hữu được. Hai khí áp kế để đo áp suất không khí, máy đo độ cao và áp suất để xác định điểm sôi của nước, kính vĩ kế để đo đất, kính lục phân (một dụng cụ quang học để đo góc giữa các hướng nhìn của người sử dụng với một điểm tương đối xa hay với chân trời. Kính này thoát tiền sinh ra trong môn thiên văn và trắc địa, về sau chủ yếu được dùng để đo độ cao của sao, phục vụ cho công tác hoa tiêu trên biển, đôi khi cũng có tác dụng trong hàng không và các chuyến thám hiểm. Tên "lục phân" sinh ra từ bảng đo hình cung gồm 60 độ (1/6 vòng tròn) có gương với chân trời ảo, kính lục phân loại gấp bỏ túi được, la bàn nghiêng để xác định cường độ từ trường trái đất, ăm kế sợi tóc đo độ ẩm không khí, dưỡng khí kế để đo tỉ lệ ôxy trong không khí, một lọ Leyden làm tụ điện và máy đo Cyano xác định độ xanh của bầu trời. Thêm vào đó là hai chiếc đồng hồ đất quá mức tương tượng mới được chế tạo ở Paris. Đồng hồ này không cần quả lắc, mà đếm ngàm từng giây với dây cót hoạt động nhịp nhàng trong ruột. Nếu sử dụng cẩn trọng, nó sẽ không chênh với giờ Paris và cho phép xác định kinh độ bằng cách đo độ cao của mặt trời từ đường chân trời rồi tính theo bảng.

Cậu ở lại một năm và tập luyện. Cậu đo từng ngọn đồi ở Salzburg, hằng ngày xác định áp suất không khí, lập bản đồ từ trường, xem xét không khí, nước, đất và màu trời. Cậu tập tháo ra tra vào mỗi dụng cụ cho tới khi làm được cả lúc đang nhắm mắt, đứng một chân, dưới trời mưa hay ở giữa một đàn bò đầy ruồi nhặng vây quanh. Người địa phương cho là cậu điên. Nhưng cậu biết là cả chuyện đó cậu cũng phải tập cho quen. Có lần cậu buộc tay ra sau lưng cả một tuần để hiểu rõ cảm giác khó chịu và đau đớn. Vì bộ đồng phục làm vướng víu, cậu đi may đo một bộ mới và mặc cả đêm trên giường. Toàn bộ những việc đó nhằm không bao giờ bỏ sót một chi tiết nào, cậu nói với bà Schobel là người cho cậu thuê phòng, rồi xin thêm một cốc sữa chua đã mốc xanh vẫn làm cậu kinh tởm.

Sau đó cậu đi Paris, anh cậu hiện đang sống riêng ở đó để dạy dỗ những đứa con thông minh đến độ hóm của mình theo một hệ thống nghiêm ngặt tự nghĩ ra. Bà chị dâu không ưa cậu. Bà nói là bà thấy cậu bí hiểm, đối với bà thì sự bận bịu triền miên của cậu tựa như một dạng bệnh tâm thần, nói chung trong mắt bà cậu là bức biếm họa của chồng bà.

Chồng bà trả lời rằng không phải bà hoàn toàn không có lý, và ông cũng chưa bao giờ vui về gánh vác trách nhiệm toàn diện về mọi điều rồ dại của cậu em, như một người bảo trợ.

Humboldt giảng bài tại Viện hàn lâm về tính dẫn điện của dây thần kinh ở người. Cậu đứng trong mưa bụi, trên thảm cỏ bị giẫm nát ở ngoại ô, để đo đoạn cuối của kính tuyến nối Paris với cực địa cầu. Khi công việc hoàn tất, mọi người ngả mũ và bắt tay nhau: một phần mười triệu quãng đường đó, nếu đúc thành kim loại, sẽ là đơn vị đo độ dài của tương lai. Họ định gọi nó là mét. Humboldt luôn bay bổng khi đo xong một cái gì đó; lần này cậu say sưa vì sự cuồng nhiệt. Con kích động làm cậu không ngủ được mấy đêm liền.

Cậu hỏi thăm về các cuộc thám hiểm. Một huân tước Bristol nào đó muốn đi Ai Cập, nhưng chưa kịp thì đã đi tù vì tội gián điệp. Humboldt nghe nói là ban giám đốc định cử một nhóm nghiên cứu do ngài Bougainville nổi tiếng đứng đầu xuống biển Nam Thái Bình Dương, song Bougainville đã già như ông Bành Tổ, đặc biệt, ngồi trong cái ghế như ngài vua, lăm băm điều gì đó và vung vẩy tay kiểu nhạc trưởng, tuy không ai rõ ông định chỉ huy ai. Khi Humboldt cúi chào, ông làm phước cho cậu bằng một điệu bộ như cha xúi rỗi xua cậu biến đi. Ban giám đốc thay ông bằng sĩ quan Baudin. Ông ta thân mật tiếp đón Humboldt và hứa hẹn đủ thứ. Ít lâu sau, ông ra đi với toàn bộ số tiền mà nhà nước trao cho.

Một buổi tối, một người đàn ông trẻ ngồi trên bậc thang trước nhà Humboldt đang ở, uống rượu từ một chai bằng bạc và chửi bới âm ỉ khi bị Humboldt lỡ giẫm phải tay. Humboldt xin lỗi, và hai người bắt chuyện. Người đàn ông tên là Almé Bonpland và cũng muốn du hành cùng Baudin. Anh đã hai mươi lăm tuổi, cao to hơi rách rưới, có mấy vết sẹo đậu mùa và thiếu một chiếc răng cửa. Hai người ngắm nhìn nhau, sau này không ai trong họ có thể nói lại là liệu giữa họ có một linh cảm chung, rằng người này đối với người kia quan trọng hơn bất kỳ ai khác, hay họ chỉ cảm nhận như thế khi sau này hồi tưởng lại mọi chuyện.

Bonpland kể, anh quê ở La Rochelle và từng nhẫn nhục chịu đựng bầu trời thấp tè của chốn quê mùa như mái nhà tù. Ngày nào anh cũng muốn chuồn khỏi đó. Rồi anh trở thành bác sĩ quân y, nhưng trường đại học không công nhận chức danh của anh. Trong khi học lại để lấy bằng, anh nghiên cứu thực vật học, anh yêu thích cây cỏ nhiệt đới nhưng bây giờ không biết định bắt đầu làm gì. Quay lại La Rochelle thì thà chết còn hơn !

Humboldt hỏi, liệu cậu có được phép ôm anh ta.

Không, Bonpland sững sốt.

Humboldt nói, họ có quá khứ và dự định giống nhau, và nếu họ hợp lực lại thì ai có đủ sức cản họ ? Cậu chìa tay ra.

Bonpland không hiểu gì cả.

Họ có thể đi cùng đường, Humboldt giải thích, cậu cần một người đồng hành, cậu có tiền.

Bonpland chăm chú nhìn cậu và xoay nút chai lại.

Cả hai đều trẻ, Humboldt nói, và quyết chí nữa, chung lưng lại họ sẽ có sức mạnh. Hay Bonpland không cảm thấy thế ?

Bonpland không cảm thấy thế, nhưng sự phấn khích của Humboldt lây sang anh. Vì thế, song cũng vì thật bất lịch sự khi để một người đứng trợ khắc chìa tay ra, anh bắt tay và cố nén tiếng kêu đau: bàn tay Humboldt nắm chặt hơn là anh mong đợi ở một người nhỏ bé đến thế.

Giờ thì sao ?

Còn đi đâu khác nữa, Humboldt trả lời, ngoài Tây Ban Nha !

Ít lâu sau đó, hai anh em Humboldt chia tay với điệu bộ của hai vị quân vương. Humboldt rất bối rối khi ngọn tóc của bà chị dâu quẹt vào má mình lúc hôn từ biệt. Anh hỏi, liệu họ có ngày hội ngộ.

Chắc chắn, ông anh trả lời. Ở thế giới bên này hay bên kia. Ở dạng thể xác hay linh hồn.

Humboldt và Bonpland trèo lên ngựa và phóng đi. Bonpland kinh ngạc chứng kiến người bạn mình thản nhiên không quay đầu lại lấy một lần, cho đến khi người anh và chị dâu khuất hẳn.

Dọc đường đến Tây Ban Nha Humboldt đo từng quả đồi. Anh trèo lên từng ngọn núi. Đập lấy mẫu đá ở từng sườn núi. Với mặt nạ dưỡng khí, anh thăm dò mọi hang động cho đến tận cùng ngõ ngách. Những người địa phương thấy anh quan sát mặt trời qua mắt thủy tinh của kính lục phân thì cho rằng đó là hai kẻ ngoại đạo tôn thờ mặt trời và lấy đá ném họ. Hai lần đầu họ thoát hiểm mà không hề hấn gì, lần thứ ba thì Bonpland trúng thương nặng.

Anh bắt đầu ngạc nhiên. Có nhất thiết như thế không, anh hỏi, ta đang đi qua đây thôi mà, ta chỉ muốn tới Madrid và nếu chỉ phóng ngựa thôi thì nhanh đến nơi hơn, sao mà tội nọ thế này.

Humboldt cân nhắc. Rồi anh nói, không, tiếc là không. Một ngọn đồi mà ta không biết cao bao nhiêu sẽ hạ nhục trí óc và làm anh bất an. Không liên tục xác định vị trí của mình thì con người không thể tiến tới được. Một câu đố, dù nhỏ đến mấy cũng không được phép phớt lờ.

Từ đó trở đi họ chỉ đi vào ban đêm, để Humboldt rảnh tay đo đạc. Ta phải xác định các tọa độ bản đồ chính xác hơn là từ xưa đến nay vẫn làm. Các bản đồ Tây Ban Nha không được chính xác. Mà ta thì muốn biết đang đi tới đâu.

Nhưng người ta vẫn biết cơ mà, Bonpland kêu lên. Đường cái đây này, và nó dẫn đến Madrid. Cần gì hơn nữa cơ chứ !

Ở đây không nói chuyện đường sá, Humboldt trả lời, mà nói chuyện nguyên tắc.

Gần đến kinh đô, ánh sáng ban ngày nhuộm ánh bạc. Chẳng mấy chốc hầu như không thấy cây cối nữa. Miền trung Tây Ban Nha không phải lòng chảo, Humboldt giải thích. Các nhà địa chất lại nhầm một lần nữa. Đúng ra đó là một cao nguyên, từng là một hòn đảo nhô lên giữa biển khơi thời xa xưa.

Thế đấy, Bonpland nói và uống một ngụm thẳng từ chai. Là hòn đảo.

Bộ trưởng Manuel de Urquijo nắm quyền ở Madrid. Ai nấy đều biết ông ngủ với hoàng hậu. Vua mất quyền lực, các con vua khinh thường cha, cả nước chế nhạo nhà vua. Không thể làm gì mà thiếu giấy phép của Urquijo, vì các thuộc địa cấm người nước ngoài, và chưa bao giờ có ngoại lệ. Humboldt tìm đến các đại sứ của Phổ, Bỉ, Hà Lan và Pháp. Đêm đêm anh học tiếng Tây Ban Nha.

Bonpland hỏi, phải chăng anh không bao giờ ngủ.

Không, nếu không nhất thiết, Humboldt đáp.

Sau một tháng thì anh xin yết kiến được Urquijo tại lâu đài Aranjuez. Ngài bộ trưởng béo phúc phịch, đáng bõn chồn đầy lo âu. Do có sự hiểu lầm, cũng có thể ngài từng nghe đâu đó về Paracelsus (*Paracelsus: tên tự đặt của Philippus Aureolus Theophrastus Bombastus von Hohenheim (1493-1541) bác sĩ, nhà giả kim và nhà triết học Thụy Sĩ.*) nên Urquijo tưởng Humboldt là một bác sĩ Đức và hỏi anh có thuốc cường dương không.

Sao cơ ?

Ngài bộ trưởng dẫn anh đến một góc tối trong căn phòng lát đá, đặt tay lên vai anh và hạ giọng. Đây không phải chuyện chơi bời. Quyền uy của Ngài đối với đất nước này sinh ra từ quyền uy của Ngài đối với hoàng hậu. Hoàng hậu không còn là một cô gái trẻ nữa và Ngài cũng chẳng phải ở độ thanh xuân.

Humboldt hấp háy nhìn ra cửa sổ. Dưới ánh sáng trắng lúc chính ngọ, khu vườn trải rộng trong sự đối xứng hư ảo. Một tia nước uể oải treo trên giếng phun kiểu Mauretania.

Còn nhiều việc phải làm, Urquijo nói. Tòa án Dị giáo vẫn mạnh, chế độ nô lệ còn lâu mới được bãi bỏ. Lũ dèm pha nhan nhản mọi chốn. Ngài không biết sẽ còn trụ nổi bao lâu nữa. Theo đúng nghĩa đen của chữ này. Liệu lời Ngài như thế đã đủ hiểu ?

Humboldt đi tới bàn giấy của Urquijo, chậm rãi, tay nắm thành nắm đấm. Anh chấm lông ngỗng vào mực và kê một đơn thuốc, vỏ cây Cinchona (*Cinchona: một loài cây mọc ở vùng nóng của châu Mỹ, vỏ chứa chất ký ninh có tác dụng chữa sốt rét.*) từ hạ lưu Amazon, chiết xuất từ vùng Trung Phi, rêu thảo nguyên Siberia và một loài hoa đã đi vào huyền thoại trong du ký của Marco Polo. Sắc các thứ thuốc đó, chỉ lấy nước thứ ba. Uống từ từ, hai ngày một lần. Tìm được chừng ấy thành phần có lẽ mất vài năm. Anh ngập ngừng đưa đơn thuốc cho Urquijo.

Chưa bao giờ người ngoại quốc được nhận những giấy tờ như vậy: Nam tước Humboldt và trợ lý của ngài phải được hỗ trợ mọi mặt, được thu xếp chỗ ăn ở, đối xử tử tế, đi tới bất cứ nơi nào họ thích, và được phép đi trên mọi tàu thuyền của vương triều.

Bây giờ, Humboldt nói, chỉ còn phải vượt qua vòng phong tỏa của Anh.

Bonpland hỏi tại sao lại có chữ trợ lý.

Không biết, Humboldt lơ đãng nói. Một sự hiểu lầm.

Có chữa lại được không ?

Humboldt nói, đó không phải ý hay. Những giấy thông hành kiểu này là món quà của Chúa mà ta không được phép cất vãn, hãy cầm lấy nó và lên đường thôi.

Họ lên chiếc chiến thuyền đầu tiên rời La Coruna đi về vùng nhiệt đới. Gió ào ạt từ hướng Tây, sóng lớn. Humboldt ngồi vào chiếc ghế xếp trên boong. Anh cảm thấy mình chưa bao giờ được tự do như thế. May sao, anh viết vào nhật ký, mình không biết say sóng là gì. Rồi anh lên con nôn mưa. Cũng là vấn đề ý chí ! Tập trung tinh thần cao độ và chỉ thỉnh thoảng ngưng tay để nhào người qua lan can, anh viết ba trang giấy về cảm giác lên đường, về màn đêm trùm lên đại dương và ánh đèn bờ biển lặn vào bóng tối. Anh đứng cạnh thuyền trưởng đến tận ban mai và quan sát ông điều khiển tàu. Sau đó anh lấy chiếc kính lục phân của mình ra. Gần trưa anh bắt đầu lắc đầu. Bốn giờ chiều anh gạt chiếc kính qua một bên rồi hỏi thuyền trưởng, tại sao ông làm việc kém chính xác như vậy.

"Tôi làm việc này từ ba mươi năm nay", thuyền trưởng nói.

"Đáng phục lắm", Humboldt nói, nhưng vì thế mà anh ngạc nhiên.

"Người ta không làm việc này vì toán học", thuyền trưởng nói, "mà người ta muốn vượt biển, cứ đi đại khái dọc vĩ tuyến thì một lúc nào đó sẽ đến nơi thôi".

Bức bối trong khi cưỡng lại cơn say sóng, Humboldt hỏi, "làm sao người ta có thể sống được mà chẳng thèm đếm xỉa đến sự chính xác ?"

"Sống tốt ấy chứ", thuyền trưởng nói. "Và lại thì đây là một con tàu tự do. Ai đó thấy có gì không hợp ý đều có quyền rời khỏi tàu bất cứ lúc nào".

Đến gần Tenerife thì họ nhìn thấy một quái vật biển. Ở phía xa, gần như trong suốt trước đường chân trời, một con rắn nhô lên khỏi mặt nước, cuốn thành hai vòng và nhìn qua ống nhòm có thể nhận rõ là nó đang nhìn về phía họ với đôi mắt ngọc. Quanh mõm con

vật là những sợi tua mảnh như râu mép. Chỉ vài tích tắc sau khi con vật lặn mất, ai cũng cho là mình vừa tưởng tượng ra cảnh đó. Có thể là hơi nước, Humboldt nói, hay do đồ ăn tồi tệ. Anh quyết định không ghi lại sự kiện đó.

Tàu thả neo hai ngày để bổ sung đồ dự trữ. Ngay ở cảng, một nhóm gái làm tiền quây quanh họ, sờ soạng và cười cợt mó mảy khắp người họ. Bonpland muốn để một cô gái trong bọn kéo đi, nhưng Humboldt nghiêm khắc cảnh báo anh. Một cô tiến đến sau lưng anh, hai cánh tay trần quây lấy cổ anh, tóc cô xoa lên vai anh. Anh định vùng ra, nhưng một khuyên tai của cô móc vào đai áo choàng của anh. Lũ đàn bà cười, Humboldt không biết giấu tay mình vào đâu. Cuối cùng thì cô ta cũng khúc khích nhảy lùi ra, cả Bonpland cũng cười, nhưng thấy ánh mắt của Humboldt liền nghiêm mặt lại.

"Đằng kia là một núi lửa", giọng Humboldt run rẩy, "ít thì giờ lắm, không có lý do gì để la cà được!"

Họ thuê hai người hướng đạo và leo lên núi. Sau rừng dẻ là đến dương xỉ, rồi một bình nguyên cát pha mọc đầy cây đậu chổi. Humboldt dùng phương pháp Pascal để xác định độ cao ở đây qua áp suất không khí. Họ qua đêm trong một hang còn ứ đầy tuyết. Người lạnh cứng, họ kiếm chỗ nằm được của hang che chở. Mặt trăng treo trên trời nhỏ nhoi và rét mướt, thỉnh thoảng doi bay vụt qua, bóng đỉnh núi in sắc nét trên thảm mây phía dưới chân họ.

Humboldt giải thích cho hai hướng đạo viên rằng toàn Tenerife chỉ là một ngọn núi nhô lên khỏi mặt biển. Liệu họ có muốn biết điều ấy?

Một người trong bọn họ nói, thú thực là không quan tâm mấy.

Sáng sớm hôm sau họ nhận ra là ngay cả các hướng đạo viên cũng không biết đường. Humboldt hỏi có phải họ chưa bao giờ đặt chân đến đây?

"Đúng thế", người kia nói, "để làm gì cơ chứ?"

Nền đá cuội xung quanh đỉnh núi hầu như không bước qua được; mỗi khi họ trượt chân thì đá lở rơi lộc cộc xuống thung lũng. Một trong hai hướng đạo viên bị ngã, làm vỡ chai nước. Họ gào khóc và tay rướm máu, họ trèo đến đỉnh núi. Miệng phễu núi lửa đã nguội lạnh từ nhiều thế kỷ, bề mặt phủ dung nham hóa đá. Tâm nhìn đến tận Palma, Gomera và dãy núi phủ sương Lanzaròtè. Trong khi Humboldt lấy khí áp kế và kính lục phân ra kiểm tra chiều cao của núi, hai hướng đạo viên bực bội ngồi khoanh chân dưới đất và Bonpland lạnh run nhìn chăm chăm về phía xa.

Buổi chiều muộn họ về đến khu vườn của Orotava, khát gần chết. Humboldt váng vất chiêm ngưỡng những cây cỏ đầu tiên của Tân thế giới. Hình ảnh giống nhện mọc đầy lông đang sượt nắng trên gốc cỏ làm Humboldt sợ hãi và sung sướng. Sau đó anh mới nhìn ra cây tiết rồng.

Anh quay lại, nhưng Bonpland đã biến mất. Cây to khổng lồ, phải đến hàng nghìn tuổi. Nó đã đứng đây trước người Tây Ban Nha và trước cả những bộ tộc xa xưa. Trước Chúa trời và Phật tổ, Platon và Tamerlan. Humboldt áp tai vào đồng hồ. Như chiếc đồng hồ điểm nhịp ẩn chứa thời gian trong mình, cái cây này cự tuyệt thời gian - như một vách đứng chặt đứt dòng sông. Humboldt đặt tay lên gốc cây nứt nẻ. Tít trên cao các cành tỏa ra, tiếng líu lo của hàng trăm con chim xuyên qua không trung. Anh âu yếm vuốt lên vỏ cây. Mọi thứ đều chết, tất cả mọi người, mọi vật, liên tục. Chỉ có một thứ không chết. Anh áp má vào gỗ, rồi lui lại và giật thột nhìn quanh xem có ai quan sát mình không. Anh vội lau nước mắt và đi tìm Bonpland.

"Gã người Pháp chứ gì?" Một ngư phủ ở cảng chỉ về phía lán gỗ.

Humboldt mở cửa và nhìn thấy tấm lưng trần của Bonpland trên một cô gái da nâu trần truồng. Anh sập cửa lại, rào bước đi về tàu, không dừng chân khi nghe tiếng Bonpland chạy theo sau và cũng không chậm bước khi Bonpland hỗn hển xin thứ lỗi, áo vắt trên vai và quần trong tay.

"Nếu chuyện đó còn xảy ra lần nữa", Humboldt nói, "anh coi như việc cộng tác đã chấm dứt".

"Cơ mà", Bonpland hựt hơi khi vừa chạy vừa mặc áo, "đôi khi nó mạnh hơn ta, có gì khó hiểu đâu cơ chứ ? Humboldt cũng là một đàn ông mà !"

Humboldt nhắc nhở anh hãy nghĩ đến vợ chưa cưới của mình.

"Tôi làm gì có", Bonpland nói và xỏ chân vào quần "tôi chẳng có ai cả !"

"Con người không phải là súc vật", Humboldt nói.

"Nhưng thỉnh thoảng", Bonpland nói.

Humboldt hỏi, "có lẽ chưa bao giờ anh đọc Kant".

"Người Pháp không đọc sách của ngoại quốc".

"Anh không muốn tranh luận điểm này", Humboldt nói. "Một lần tái diễn là ai đi đường nấy. Liệu anh có chấp nhận không ?"

"Lạy Chúa cao cả", Bonpland nói.

"Liệu anh có chấp nhận không ?"

Bonpland làu bàu câu gì không rõ và cài cúc quần lại.

Mấy hôm sau tàu đi ngang chí tuyến. Humboldt đặt con cá mà anh đang mổ bóng khí trong ánh đèn dầu vụn nhỏ sang bên và ngắm những điểm sáng rực của chòm sao Thập tự phương Nam. Những chòm sao của bán cầu mới, chỉ mới được vẽ một phần trên bản đồ. Nửa bên kia của Đất và Trời.

Đột nhiên họ đi vào giữa một đàn động vật nhuyển thể. Dòng chảy ngược của loài sứa đỏ mạnh đến nỗi tàu chầm chậm trôi ngược chiều. Bonpland vớt hai con lên. Anh nói có cảm giác là lạ trong người. Anh không rõ tại sao, nhưng có gì đó không ổn.

Sáng sớm hôm sau thì cơn sốt bùng phát. Ở tầng dưới hời hám kinh khủng, những người ốm rên rỉ suốt đêm, đến cả gió cũng hôi mùi nôn mửa. Bác sĩ trên tàu không đem theo vỏ cây Cinchona: cái trò đùa theo một mối mà, phương pháp chích máu đã qua thử thách và hiệu nghiệm hơn nhiều ! Một thủy thủ trẻ người Barcelona chết vì mất máu sau lần điều trị thứ ba. Một người khác mê sảng đến mức định bay lên như chim, sau vài cú đập cánh ngã nhào xuống và suýt chết đuối nếu người ta không kịp hạ thủy một chiếc xuống và túm được gã. Trong khi Bonpland ốm nằm trong khoang, uống rượu rum nóng sôi và không làm được việc gì, thì Humboldt cắt vụn hai con nhuyển thể đem soi dưới kính hiển vi, đo áp suất không khí mười lăm phút một lần, đo màu trời và nhiệt độ nước, nửa tiếng một lần thả quả dọi xuống và ghi kết quả vào cuốn nhật ký hải trình dày cộp. Anh giải thích cho Bonpland đang khò khè rằng chính bây giờ là lúc người ta không được phát lộ nhược điểm. Công việc giúp ta khỏe lên. Những cơn sốt sẽ đẩy lùi sự hỗn loạn. Kể cả sự hỗn loạn của cơn sốt.

Bonpland hỏi xem Humboldt có bị say sảng chút xíu nào gọi là có hay không.

Anh không biết. Anh đã quyết định lờ nó đi, vậy là anh không cảm thấy nó. Tất nhiên là đôi lúc anh bị nôn, nhưng thật ra anh cũng không chú ý nữa.

Buổi tối, xác chết tiếp theo được thả xuống nước.

Humboldt nói với thuyền trưởng là anh rất lo ngại. Dịch sốt không được phép làm trở ngại chuyến thám hiểm của anh. Anh quyết định không đi cùng đến tận Veracruz nữa, mà bốn hôm nữa sẽ rời tàu.

Thuyền trưởng hỏi anh bơi có giỏi không.

"Không cần thiết", Humboldt nói, "ba hôm nữa vào khoảng sáu giờ sáng ta sẽ thấy

mấy hòn đảo và một ngày sau tới đất liền". Đó là kết quả tính toán của anh.

Thuyền trưởng khuyên anh nên mỗ xé tiếp thứ gì đi thì hơn.

Humboldt chau mày hỏi, "liệu ông có định lấy anh ra làm trò đùa".

Hoàn toàn không, trò đùa chính là sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế. Tính toán là công việc đáng trân trọng, nhưng đây không phải bài tập cô giáo cho về nhà làm, mà là đại dương mệnh mông. Không ai lường trước được luồng chảy và hướng gió. Không thể biết chính xác bao giờ đất liền hiện ra.

Sáng sớm ngày thứ ba, trong màn sương lộ dần nét bờ biển.

"Trinidad", Humboldt bình thản nói.

"Chắc không phải". Thuyền trưởng chỉ vào hải đồ.

Hải đồ không chính xác, Humboldt nói. Rõ ràng là khoảng cách giữa Cự lục địa và Tân lục địa bị phỏng đoán sai. Chưa có ai đo dòng chảy một cách kỹ lưỡng cả. Nếu được phép, sáng sớm mai anh sẽ xuống bờ Terra k Firma.

Họ rời tàu trước một cửa sông lớn. Nước xiết đến nổi biển trông giống như một khối nước sôi sục. Trong khi ba chiếc xuồng chở hòm xiêng đựng trang bị của họ vào bờ, Humboldt nghiêm trang chào từ biệt thuyền trưởng trong sắc phục Phổ tinh khôi. Ngay trên chiếc xuồng chở họ về hướng đất liền đang uể oải dập dềnh phía trước, anh đã bắt đầu viết thư cho anh trai, kể về không khí sáng sủa, làn gió ấm áp, rặng dừa và những con hồng hạc. "Em không biết bao giờ thư này đến nơi, song anh cố đưa nó lên báo. Thế giới nên biết về em. Thật khó tin rằng em chả là gì đối với thế giới này."

Thầy

Ai hỏi một vị giáo sư về những ký ức ngày xưa, sẽ được câu trả lời là làm gì có mấy thứ đó. Khác với một bức khắc chạm trên đồng hay thư từ gửi qua bưu điện, ký ức không ghi theo ngày tháng. Ta bất chợt tìm ra trong trí nhớ những thứ mà thỉnh thoảng nếu suy nghĩ từ tế có thể xâu chuỗi theo thứ tự thời gian được.

Ví dụ như ký ức về buổi chiều nọ, khi cậu bé chữa cho cha lỗi đếm nhầm tiền lương, nghe có vẻ vô hồn và nhạt nhẽo. Có thể vì cậu nghe người ta kể quá nhiều rồi; đối với cậu, câu chuyện có vẻ sắp đặt và không thật. Tất cả các ký ức khác đều dính dáng đến mẹ. Cậu ngã và mẹ dỗ cậu; cậu khóc và mẹ lau nước mắt cho cậu; cậu không ngủ được và mẹ hát cho cậu nghe; một thằng bé hàng xóm định đánh cậu nhưng mẹ cậu nhìn thấy, bà đuổi theo nó, tóm được và kẹp nó vào đùi rồi tát vào mặt nó cho đến lúc nó tóe máu và ù tai loạng choạng bỏ đi. Cậu yêu mẹ vô hạn. Có chuyện gì xảy ra với mẹ thì cậu chết mất. Không chỉ là một cách nói đâu. Cậu biết là cậu sẽ không sống nổi khi chuyện ấy xảy ra. Đó là lúc cậu mới ba tuổi, và ba mươi năm sau cũng vẫn vậy.

Bố cậu có nghề làm vườn, thường xuyên tay chân lấm láp, kiếm được ít tiền, và cứ lúc nào mở miệng là than vãn hoặc ra lệnh. Ông lặp đi lặp lại khi đang mệt mỏi món xúp khoai tây buổi tối, rằng một người Đức là người không khi nào ngồi còng lưng. Một lần Gauss hỏi: chỉ có thể thôi sao? Thế là đủ để là một người Đức? Bố cậu suy nghĩ lâu đến nỗi không ai tin nổi. Rồi ông gật đầu.

Mẹ cậu phốp pháp và u sầu. Và ngoài nấu nướng, giặt giũ, mơ mộng, khóc lóc, cậu chưa thấy bà làm gì cả. Bà không biết đọc biết viết. Cậu sớm nhận ra là bà đang già đi. Da bà mất sức căng, thân thể sa sút, mắt bà ngày càng bớt long lanh, và mỗi năm khuôn mặt lại thêm nếp nhăn mới. Cậu biết là mọi người đều thế, nhưng ở mẹ cậu thì chuyện đó không sao chịu nổi. Bà tàn lụi đi trước mắt cậu, còn cậu thì không làm gì để ngăn lại được.

Đa số các ký ức về sau này xoay quanh sự chậm chạp. Một thời gian dài cậu nghĩ là mọi người đóng kịch hoặc theo đuổi một nghi lễ buộc họ cứ nghĩ một lát rồi mới nói hay làm được gì đó. Thỉnh thoảng cậu cũng thấy quen được, rồi lại có lúc không sao chịu nổi. Dần dần về sau cậu mới ngộ ra rằng mọi người cần quãng nghỉ đó. Vì sao họ nghĩ ngợi lâu la, khó khăn và nhọc nhằn thế? Cứ như là các ý nghĩ được tạo ra bởi một cỗ máy mà trước đó người ta phải khởi động rồi vào số cứ như là họ không phải là những sinh vật sống và tự chuyển động. Cậu nhận ra là người ta bực mình khi cậu không tuân thủ quãng nghỉ. Cậu cố hết sức, song thường là không làm được.

Cậu cũng ghét cả những ký tự đen đen trong sách biết nói với hầu hết những người lớn, nhưng không nói với cậu và mẹ cậu. Một chiều Chủ nhật, cậu bảo bố giải thích một số điều: có cái vạch dài, có cái ở dưới cong lên, có nửa vòng tròn và cả vòng tròn. Sau đó cậu ngấm nhìn trang giấy cho đến khi những dấu hiệu lạ mắt tự chúng bổ sung cho nhau và đột nhiên từ ngữ hiện ra. Cậu giờ trang, bây giờ trôi chảy hơn, vài giờ sau cậu biết đọc, và ngay buổi tối hôm đó cậu đọc xong cuốn sách, một cuốn sách thật ra tẻ nhạt và liên tục nhắc đến nước mắt của Chúa và nỗi ân hận của những con tim trót sa vào vòng yêu đương. Cậu đem sách cho mẹ để giải thích cho bà những ký tự ấy nhưng bà chỉ cười buồn bã lắc đầu. Đó là giây phút cậu hiểu ra rằng không ai muốn sử dụng trí não của mình. Họ muốn ăn và ngủ, và muốn mọi người tốt với mình. Chứ không muốn tư duy.

Thầy giáo ở trường tên là Buttner và ưa ra đòn.

Ông làm ra vẻ nghiêm nghị và khắc kỷ, và chỉ đôi lúc nét mặt ông để lộ ra vẻ khoái trá khi đánh học trò. Ông thích nhất ra những bài tập mà chúng phải cần nhiều thời gian và dù vậy hầu như vẫn khó tránh phạm lỗi, để rồi rốt cuộc ông có rút roi ra. Khu phố này là khu nghèo nhất Braunschweig, chẳng ai trong số học trò ở đây sẽ học lên cao, không có người nào sẽ làm việc với cái gì khác ngoài đôi bàn tay. Cậu biết là Buttner không ưa cậu được. Dù câm miệng hay cố gắng đến mức nào để trả lời chậm như các trò khác, cậu vẫn cảm thấy sự nghi ngại của Buttner, và thầy giáo chỉ đợi lý do để đánh cậu đau hơn đám còn lại.

Rồi chính cậu lại cung cấp lý do cho ông.

Buttner giao cho học trò nhiệm vụ tính cộng các số từ một đến một trăm. Sẽ cần đến hàng tiếng đồng hồ, và có muốn mấy cũng không làm được mà không mắc phải lỗi trong phép cộng, và khi mắc lỗi thì sẽ bị phạt. Nào làm đi, Buttner gọi, đừng ngồi đực mặt ra thế, bắt đầu đi chứ ! Sau này Gauss không thể nhớ lại là hôm đó cậu mệt hơn mọi khi hay đơn giản chỉ lơ đãng. Chỉ biết là cậu không tự kiểm chế được và ba phút sau cậu cầm tấm bảng đen với một con số duy nhất viết trên đó lên đứng trước bục giáo viên.

À ha, Buttner nói và vó cây roi. Mắt ông ta nhìn vào kết quả, và tay ông khựng lại. Ông hỏi đó nghĩa là gì.

Năm nghìn lẻ năm mươi.

Gì cơ ?

Gauss không thốt nên lời, cậu hắng giọng, cậu toát mồ hôi. Cậu ước gì vẫn còn ngồi tại chỗ và tính toán như các trò khác đang ngồi gục đầu tỏ vẻ không lắng nghe. Thì đâu bài là thế mà: cộng các số từ một đến một trăm. Một trăm cộng một bằng một trăm lẻ một. Chín mươi chín cộng hai bằng một trăm lẻ một. Chín mươi tám cộng ba bằng một trăm lẻ một. Luôn luôn là một trăm lẻ một. Người ta có thể làm chuyện đó năm mươi lần. Nghĩa là năm mươi nhân một trăm lẻ một.

Buttner im lặng.

Năm nghìn lẻ năm mươi, Gauss nhắc lại, hy vọng cũng có được một lần Buttner hiểu ra. Năm mươi nhân một trăm lẻ một là năm nghìn lẻ năm mươi. Cậu day mũi. Cậu chực trào nước mắt.

Trời đất ơi, Buttner nói. Rồi ông im lặng hồi lâu. Thấy rõ sự suy nghĩ trên khuôn mặt: ông hóp má vào và vươn cằm dài ra, ông day trán rồi gõ lên mũi. Rồi ông cho Gauss quay về chỗ. Ngồi xuống đi, ngậm mồm, và ở lại đây sau buổi học.

Gauss hít hơi.

Trái lời, Buttner nói, là ăn đòn ngay.

Vậy là sau tiết cuối cùng, Gauss đứng trước bục giáo viên, đầu cúi gằm. Buttner đòi cậu thề trước Chúa anh minh thông tường vạn sự, rằng cậu đã tự mình làm bài tính. Gauss vâng lời, và cậu toan giải thích là chuyện đó có ghê gớm gì đâu, người ta cần phải bỏ qua thành kiến và thói quen khi xem xét một vấn đề, khi đó giải pháp sẽ tự xuất hiện, nhưng Buttner đã ngắt lời và đưa cậu một cuốn sách dày cộp. Số học cao cấp: món tủ của ông. Gauss hãy cầm sách về nhà và đọc từ đầu đến cuối.

Và thật cẩn thận. Có một trang bị gấp, một vết bẩn, lúc đó chỉ Chúa mới cứu được.

Hôm sau cậu đem trả cuốn sách.

Buttner hỏi, như thế là sao. Tất nhiên là khó rồi, song người ta không được nản chí sớm như vậy !

Gauss lắc đầu, toan giải thích, nhưng cậu không làm được. Mũi cậu sụt sịt, cậu muốn hắt hơi.

Nào, có chuyện gì !

Cậu xong rồi, Gauss lắp bắp. Thú vị lắm, và cậu muốn cảm ơn. Cậu nhìn Buttner chăm chăm và cầu khẩn sao cho mọi thứ kết thúc ở đây.

Không được phép nói dối thầy giáo, Buttner nói.

Đây là quyển sách giáo khoa khó nhất viết bằng tiếng Đức. Không ai nghiên ngẫm xong trong một ngày cả, lại càng không phải một đứa nhóc tám tuổi mũi thò lò.

Gauss không biết phải nói gì.

Buttner lưỡng lự đưa tay với lấy cuốn sách. Giờ thì hãy chuẩn bị tinh thần, ông sẽ kiểm tra cậu !

Nửa tiếng sau ông nhìn Gauss với cặp mắt trống rỗng. Ông biết mình không phải là giáo viên giỏi. Ông không có thiên hướng lẫn năng lực đặc biệt. Nhưng bây giờ sự việc đã rõ: nếu Gauss không lên được trung học thì đời cậu vô nghĩa. Ông nhìn cậu với ánh mắt nhật nhòa, rồi, có lẽ để che giấu những xúc cảm của mình, ông vó cây roi, và Gauss ăn trận đòn cuối cùng trong đời mình.

Ngay chiều hôm đó, một chàng trai gõ cửa nhà bố mẹ Gauss. Anh tên là Martin Bartels, mười bảy tuổi đang học toán và làm trợ lý cho Buttner. Anh xin phép được nói chuyện một lát với con trai của ông bà.

"Tôi chỉ có một đứa, nó mới lên tám".

"Chính nó đấy", Bartels nói. Anh xin phép được mỗi tuần ba buổi làm toán với Gauss. Anh không dùng chữ "dạy", vì, anh mỉm cười bối rối, "nghe không hợp với công việc trong đó có thể anh được học hỏi nhiều hơn là học trò".

Ông bố nhắc cậu đứng thẳng lưng lên. Chuyện ngớ ngẩn ! Ông ngẫm nghĩ một lát. Mặt khác thì, tại sao lại không.

Họ làm việc với nhau một năm liền. Thoạt tiên Gauss vui mừng đợi những buổi chiều khả dĩ gián đoạn sự nhàm chán trong tuần, cho dù cậu không ưa môn toán lắm, học tiếng Latinh ắt thú vị hơn. Rồi mọi việc cũng nhạt đi. Bartels không hẳn chậm tư duy như những người khác, nhưng như thế cũng đã làm Gauss đủ sốt ruột rồi.

Bartels kể là anh đã thưa chuyện với hiệu trưởng trường trung học. Nếu bố cậu cho phép thì Gauss sẽ được một chỗ học miễn phí.

Gauss thở dài.

Thật không phải lỗi, Bartels giọng trách cứ, khi một đứa trẻ lúc nào cũng buồn rầu !

Gauss suy nghĩ, cậu thấy lời nhận xét thú vị. Vì sao cậu buồn ? Có thể do cậu thấy mẹ đang chết dần. Do thế giới làm cậu thất vọng khi nhận ra rằng những liên kết thì lỏng lẻo, ảo tưởng thì thô thiển, mặt khuất thì vá vúi vụng về nhường nào. Vì chỉ có bí mật và lãng quên mới khiến ta chịu đựng nổi. Vì nếu thiếu giấc ngủ hằng ngày dứt ta ra khỏi thực tại thì ta không sống được. Buồn nghĩa là không nhắm mắt được trước thực tại, là tỉnh táo. Tri ngộ là tuyệt vọng, Bartels đáng thương ạ. Tại sao lại thế, Bartels ? Vì thời gian liên tục trôi đi.

Bartels và Buttner cùng thuyết phục ông bố chớ để con làm việc ở xưởng dệt mà nên vào trường trung học.

Bố Gauss miễn cưỡng chấp thuận và cho con lời khuyên, bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đứng thẳng. Từ lâu, Gauss đã quan sát công việc của những người làm vườn và hiểu rằng bố cậu không quan tâm đến sự phi đạo đức của con người, mà bức bối với chứng đau lưng kinh niên mà cái nghề này gây ra. Cậu được hai chiếc áo mới và suất ăn miễn phí ngồi cạnh hiệu trưởng.

Trường trung học làm cậu thất vọng. Quả thật có ít thứ để học: một chút tiếng Latinh, tu từ học, tiếng Hy Lạp, toán ở trình độ vắt mũi chưa sạch, một chút thần học. Những bạn học mới chẳng mấy thông minh hơn các bạn cũ, các thầy tuy không đánh trò ít hơn song nhất thì cũng nương tay hơn. Trong bữa ăn trưa đầu tiên, mục sư hỏi cậu học hành ra sao.

"Tàm tạm", cậu trả lời.

Mục sư hỏi, "cậu học có khó khăn không".

Cậu khịt mũi và lắc đầu.

"Nên biết tu thân", mục sư nói.

Gauss ngược nhìn ngạc nhiên.

Mục sư nghiêm mặt nhìn cậu. "Ngạo mạn là một trọng tội!"

Gauss gật đầu.

"Chớ quên điều đó", mục sư nói. "Suốt đời không quên. Thông minh đến mấy thì người ta vẫn phải giữ tinh thần nhục".

"Tại sao?"

Mục sư xin lỗi, ông hiểu sai gì chẳng.

"Không sao", Gauss nói, "không có gì".

"Có chứ", mục sư nói, ông muốn biết ý cậu.

"Chỉ là cách suy luận thần học thôi", Gauss nói. "Chúa nặn ra ta thế nào thì ta như thế, nhưng rồi không nhất thiết vì thế phải liên tục xin Chúa thứ lỗi. Chẳng logic gì cả".

Mục sư nói, ông cho là thánh giá của ông có vấn đề.

Gauss lôi một chiếc khăn tay bẩn thỉu ra và xì mũi. Cậu tin chắc là ông ta hiểu nhầm, gì đó, nhưng trong mắt cậu thì đó là sự cố ý đảo ngược giữa nguyên nhân và kết quả.

Bartels kiểm cho cậu chỗ ăn miễn phí mới ở chỗ quan cố vấn Zimmermann, một giáo sư của trường đại học Göttingen, gầy gò và niềm nở. Zimmermann bao giờ cũng nhìn cậu với vẻ ngần ngại lịch sự và dẫn cậu cùng đến yết kiến Công tước vùng Braunschweig.

Công tước, một người thân thiện, mí mắt co giật, đón họ trong căn phòng trang trí đầy vàng, thấp nhiều đến nỗi không hề có bóng đổ mà chỉ có ánh phản chiếu từ gương lát trần phòng, trông như một căn phòng thứ hai đảo ngược lơ lửng trên đầu. "Cậu bé thần đồng ấy đây phải không?"

Gauss cúi chào, như người ta đã bày cho cậu. Cậu biết là sắp tới sẽ không còn công tước nào nữa. Lúc đó người ta chỉ còn đọc về các chúa tể toàn trị trong sách nữa thôi, và ý tưởng ai đó đứng trước một người như thế để uốn lưng chào và ngóng đợi một lời truyền cũng lạ lùng như trong cổ tích.

"Làm một bài tính đi!", Công tước nói.

Gauss ho, cậu thấy nóng nực và chóng mặt. Những ngọn nến đang đốt gần hết ôxy. Cậu nhìn vào ngọn lửa, và chợt hiểu ra rằng giáo sư Lichtenberg đã sai, và giả thuyết về nhiên liệu cháy là thừa. Không phải chất sáng, mà chính là không khí cháy.

"Xin lỗi", Zimmermann nói, "có một sự hiểu lầm. Chàng trai này không phải là người biểu diễn ăn nhanh. Thậm chí ngược lại, cậu ta làm tính cũng không được xuất sắc. Tuy nhiên, như bề trên tất nhiên đã biết toán học không dính gì đến chuyện làm tính cộng nhanh cả. Trước đây hai tuần cậu đã hoàn toàn tự mình suy luận ra định luật về khoảng cách giữa các hành tinh của Bode (*Johann Elert Bode – 1747-1826: nhà thiên văn Đức*), sau đó phát kiến mới hai định lý mà cậu ta chưa biết là của Euler (*Leonhard Euler 1707-1783: nhà toán học Thụy Sĩ*). Và cũng góp một công trình đáng kể về cách tính lịch: công thức tính ngày lễ Phục sinh của cậu cho đến nay được cả nước Đức áp dụng. Những thành tựu của cậu trong môn hình học cũng kiệt xuất. Một phần đã được công bố, tuy rằng cố nhiên phải đợi tên thầy giáo này thầy giáo nọ, vì người ta không muốn cậu bé sa vào vòng hủ bại của vinh quang quá sớm.

"Tôi thích học tiếng La tinh hơn", Gauss nói giọng khàn đặc. "Và tôi cũng thuộc mấy chục bản balat".

Công tước hỏi, có ai đang nói đấy ?

Zimmermann huých vào mạng sườn cậu. Ông xin thứ lỗi, chàng trai xuất thân từ hoàn cảnh thô lậu, cách hành xử của cậu còn phải rèn giũa nhiều. Nhưng ông đảm bảo rằng chàng trai chỉ cần một học bổng của triều đình để vươn tới những thành tích có thể làm rạng danh đất nước.

Nghĩa là bây giờ không ai làm tính cả ? Công tước hỏi.

"Tiếc là không", Zimmermann nói.

"Thôi được", Công tước thất vọng. "Mặc dù vậy cậu sẽ được nhận học bổng. Và quay lại đây, khi đã có gì để biểu diễn". Ông rất ủng hộ khoa học. Người được ông bảo trợ tận tình nhất, chàng trai Alexander, vừa mới khởi hành đi tìm hoa lá ở Nam Mỹ. Biết đâu người ta lại trồng được ở đây thêm một cậu bé như thế nữa ! Ông khoát tay ra hiệu cho lui, và như đã tập trước, Zimmermann và Gauss gấp mình đi giật lùi qua cửa.

Ít lâu sau, Pilatre de Rozier đến thành phố. Cùng hầu tước d'Arlandes trong một cái cũi đan mà anh em Montgolfier (*Anh em Montgolfier: Joseph-Michel Montgolfier (1740-1810) và Jacques-Étienne Montgolfier (1745-1799) là hai người Pháp phát minh ra khinh khí cầu. Sau thử nghiệm thành công với súc vật, ngày 21/11/1783, Pilâtre de Rozier và hầu tước d'Arlandes là những người đầu tiên bay trên khinh khí cầu trong 25 phút*) buộc dưới một túi đựng khí nóng, họ bay năm dặm rưỡi qua bầu trời Paris. Sau khi tiếp đất, nghe nói là hai người đàn ông phải đỡ và dắt hầu tước đi, ông này nói năng lảm nhảm và cả quyết đã nhìn thấy những hình hài trong suốt có cánh với bộ ngực đàn bà và mỏ chim bay quanh họ. Mãi mấy giờ sau ông mới bình tâm và đổ mọi thứ cho thần kinh bị kích động quá mức. Ngược lại, Pilatre luôn bình tĩnh và trả lời mọi câu hỏi. Cũng chẳng có gì đặc biệt lắm; người ta có cảm giác đứng im tại chỗ, trong khi mặt đất phía dưới cứ thụt sâu xuống. Nhưng chỉ có ai trải nghiệm rồi mới hiểu được. Những người khác hoặc sẽ thấy tất cả vĩ đại hơn hoặc tầm thường hơn thực tế.

Pilatre đang cùng khí cụ bay của riêng mình và hai trợ lý trên đường tới Stockholm. Ông nghỉ đêm tại một quán trọ rẻ tiền và vừa định đi tiếp thì Công tước sai người đến xin ông trình diễn.

Pilatre nói, đó là việc phức tạp và ông cũng không tiện làm.

Sứ giả xin ông nghĩ lại, Công tước không quen thấy lòng hiếu khách của mình bị đáp lại một cách thô vụng như vậy.

"Lòng hiếu khách nào cơ", Pilatre hỏi. Ông đã trả tiền trọ, và công việc chuẩn bị khinh khí cầu sẽ lấy mất của ông hai ngày đường.

"Ở Pháp người ta có thể nói năng như vậy với bề trên", sứ giả nói, "ở đó có thể làm được lắm thứ. Ở Braunschweig thì Pilatre nên cân nhắc kỹ, trước khi nhờ sứ giả đem một câu trả lời như thế quay về".

Pilatre chịu thua. Lẽ ra ông phải hiểu điều đó rồi mới đúng, ở Hannover đã xảy ra chuyện tương tự, ở Bayem cũng vậy. Vậy thì nhân danh Chúa, chiều mai ông sẽ lên không trung từ cửa ngõ thành phố bản thiêu này.

Sáng sớm hôm sau, có ai đó gõ cửa phòng ông. Một cậu bé đứng bên ngoài, chăm chú ngẩng nhìn ông và hỏi xin được bay cùng.

Đi cùng, Pilatre nói. Với khinh khí cầu thì gọi là đi, chứ không phải bay. Đó là quy định trong giới khinh khí cầu.

"Giới khinh khí cầu nào cơ ?"

"Ta là người đầu tiên", Pilatre nói, "và ta ban quy định đó. Và không, tất nhiên không ai được đi cùng". Ông vuốt má cậu và toan đóng cửa.

"Bình thường thì đó không phải là tinh cách của cậu", cậu bé nói và lấy mu bàn tay quẹt mũi. "Nhưng tên cậu là Gauss, cậu không phải không có tiếng, và ít lâu nữa cậu sẽ có

những phát kiến vĩ đại như Isaac Newton. Cậu không kể chuyện đó vì hãnh tiến, mà vì có ít thời gian quá và rất nên cho cậu tham gia chuyến bay. Trên cao người ta nhìn thấy những vì sao rõ hơn, đúng không ? Sáng hơn và không bị hơi nước làm mờ đi".

"Quá đúng", Pilatre nói.

Vì thế nên cậu phải đi cùng. Cậu biết nhiều về các vì sao, người ta có thể kiểm tra cậu khất khe đến mấy cũng được.

Pilatre cười và hỏi, ai dạy một gã trai bé tí xiu cách nói năng hay thế. Ông ngẫm nghĩ một lát. Thôi được, rốt cuộc ông nói, nếu vì những vì sao thì được !

Buổi chiều, một đám đông tụ họp lại. Trước mặt Công tước và tiểu đoàn cận vệ bùng súng chào, một ngọn lửa từ từ bom khí nóng vào túi giấy da dè qua hai cái vòi. Không ai nghĩ mọi việc sẽ kéo dài đến thế. Một nửa số khán giả đã bỏ về, khi quả cầu bắt đầu tròn lên và chưa đầy một phần tư còn có mặt lúc quả cầu bay lên và ngập ngừng rồi mất đất. Những sợi dây chao căng lên, các trụ lý của Pilatre tháo ống ra, chiếc củi cựa mình. Gauss lúc đó đang ngồi xổm trên nền củi và thì thào gì đó, thiếu chút nữa thì cậu nhảy dựng lên, nếu Pilatre không ấn cậu xuống.

"Chưa được", giọng ông khản đặc. "Cháu cầu nguyện đấy à ?"

"Không", Gauss thì thào, cậu đang đếm các số nguyên tố, đó là việc cậu hay làm khi xúc động.

Pilatre chìa ngón tay cái lên để kiểm tra hướng gió. Khinh khí cầu sẽ lên cao, rồi trôi theo gió, rồi lại hạ độ cao khi không khí nóng trong đó nguội đi. Một con hải âu rít lên gần bên củi. Chưa, Pilatre kêu, chưa được. Chưa. Được rồi ! Và ông nắm cả cổ áo lẫn tóc Gauss kéo dựng lên.

Mặt đất uốn cong về phía xa xa. Chân trời dưới thấp, những đỉnh đồi nửa hư nửa thực trong sương. Đám người ngẩn ra nhìn lên, những khuôn mặt bé xíu xung quanh đám lửa còn cháy, gần đó là những mái nhà thành phố. Những đám khói dính chặt vào ống khói. Một con đường uốn lượn trong cỏ xanh, trên đó có một con la nhỏ tựa cơn trùng. Gauss bám chặt thành củi và mãi đến lúc ngậm được miệng lại cậu mới ý thức được là từ này đến giờ cậu toàn la hét.

"Chúa nhìn thế giới như thế này đây", Pilatre nói.

Cậu định đáp lại, nhưng cậu đã mất giọng. Gió lác với sức mạnh kinh khủng ! Và mặt trời tại sao ở trên cao này lại sáng hơn gấp bội ? Mắt cậu đau nhói, nhưng cậu không nhắm lại được. Và khoảng không này nữa: một đường thẳng nối điểm này với điểm khác, từ mái nhà này đến đám mây kia, đến mặt trời, quay trở lại mái nhà. Các điểm hợp thành đường, các đường thành mặt phẳng, và từ mặt phẳng thành hình khối, nhưng như thế vẫn chưa hết. Từ độ cao này hầu như có thể thấy được mọi đường uốn cong tinh xảo của không gian. Gauss cảm thấy bàn tay Pilatre đặt trên vai mình. Không bao giờ xuống nữa. Lên cao và lên cao tiếp, cho đến khi không thấy mặt đất bên dưới nữa. Một ngày nào đó con người sẽ được trải nghiệm điều đó. Lúc đó ai cũng bay, cứ như là chuyện bình thường vậy, nhưng khi đó thì cậu chết rồi. Mắt cậu hứng khởi dõi về phía mặt trời, ánh sáng biến đổi. Hoàng hôn tựa như sương mù dâng lên vòm trời còn sáng sủa. Vài ánh lửa cuối cùng, sắc đỏ ở chân trời, rồi không còn mặt trời nữa, sau đó là sao. Ở dưới kia không bao giờ diễn biến nhanh như vậy.

"Ta hạ độ cao rồi đó", Pilatre nói.

"Không", cậu nài nỉ, "thêm một lúc nữa đi !" Nhiều sao quá, và mỗi phút lại nhiều thêm. Mỗi vì sao là một mặt trời đang chết. Ngôi sao nào cũng lặn đi, và tất cả đi theo quỹ đạo của chúng, và hết như có công thức cho mỗi hành tinh xoay quanh một mặt trời, cũng có cả một công thức miêu tả tất cả những chuyển động đó mỗi vòng quay của mỗi hành tinh. Công thức đó có thể phức tạp vô cùng, nhưng cũng có thể không, biết đâu lại ẩn giấu trong chính sự đơn giản của nó; có lẽ ta phải quan sát đủ lâu để nhận ra. Mắt cậu đau. Cảm thấy như lâu lắm chưa chớp mắt.

"Ta xuống đến nơi rồi", Pilatre nói.

"Thêm một lúc nữa đi !" Cậu đứng rướn lên trên đầu ngón chân, như thể điều đó có thể giúp ích gì, đắm đắm nhìn ra ngoài, lần đầu tiên hiểu ra rằng chuyển động là gì, hình khối là gì, đặc biệt không gian là gì, không gian mà họ cùng đang tay mở ra, không gian ôm lấy tất cả, cả cậu, Pilatre và cái cũi này, không gian mà...

Họ đâm sầm vào khung gỗ của đồng cỏ khô, một dây chảo đứt, cũi nghiêng sang bên, Gauss lặn vào một vũng bùn, Pilatre ngã đau, bong gân tay và chửi ầm lên khi nhìn thấy vết rách trên cái túi da dê, tục tằn đến nỗi ông nông dân vừa chạy trong nhà ra đứng khựng lại và giờ xềng lên với vẻ hăm dọa. Các trợ lý hụt hơi chạy tới và gấp quả cầu nhàu nhĩ lại. Pilatre ôm tay và vỗ cậu một nhát mạnh phát đau lên.

"Giờ thì cậu biết rồi", Gauss nói.

"Biết gì cơ ?"

"Rằng mọi đường song song sẽ gặp nhau".

"Được", Pilatre nói.

Tim cậu đập loạn. Cậu suy nghĩ, liệu có nên giải thích cho ông rằng chỉ phải gắn một mái chèo cong vào cũi là đủ xoay hướng dòng khí và buộc khinh khí cầu đi theo hướng nhất định. Nhưng rồi cậu im lặng. Không ai hỏi cậu cả, và sẽ bất lịch sự khi bắt mọi người nghe ý tưởng của mình. Ý tưởng quá gần gũi, chẳng chóng thì chày sẽ có ai khác nghĩ ra.

Giờ thì người đàn ông này muốn được thấy thằng bé tỏ ra biết ơn. Gauss cố nở nụ cười trên môi, dang rộng hai tay và cúi chào như một con rối. Pilatre vui sướng, cười và xoa đầu cậu.

Hang

Sau nửa năm ở Nueva Andalucia, Humboldt đã khảo cứu tất cả những gì không đủ chân cẳng hay đủ sợ để chạy thoát khỏi tay anh. Anh đo màu trời, nhiệt độ chớp và trọng lượng sương muối vào ban đêm. Anh ném phân chim, nghiền cứu động đất và trèo xuống hang động của người chết.

Anh ở cùng Bonpland trong một ngôi nhà gỗ sơn trắng bên rìa một thành phố mới bị động đất làm hư hại. Đêm đêm, những cú dư chấn vẫn lôi mọi người khỏi giấc ngủ, người ta vẫn nghe những chuyển động dưới tít sâu kia nếu nằm xuống và nín thở. Humboldt đào hố, thả nhiệt kế buộc vào dây dài xuống giếng và rải hạt đậu lên mặt da trống. Sẽ còn động đất trở lại, anh vui vẻ nói. Thành phố sẽ thành đồng hoang tàn.

Họ ăn tối ở nhà thị trưởng, sau đó đi tắm. Người ta đặt ghế đầu xuống sông, vẫn mặc đồ lót và ngồi trong dòng nước chảy. Đôi lúc có những con cá sấu nhỏ bơi qua. Có lần một con cá cắn đứt ba ngón chân của cháu ông tổng trấn. Don Oriendo Casales, người đàn ông với bộ ria mép rậm rì, rúm người lại và trở mắt sững sờ nhìn một lúc trước khi rút bàn chân bị thiếu ngón ra khỏi làn nước nhuộm màu đỏ sẫm, hoài nghi nhiều hơn kinh sợ. Anh ta ngó nghiêng xung quanh như thể tìm kiếm cái gì đó, rồi ngã vật sang bên và được Humboldt đỡ. Chuyển tàu thủy đầu tiên đưa anh ta về Tây Ban Nha.

Hay có phụ nữ đến chơi: Humboldt đếm chấy trong những bím tóc của họ. Họ đến cả nhóm, thì thầm với nhau và cười khúc khích về người đàn ông nhỏ bé vận đồng phục với chiếc kính phóng đại kẹp trước mắt trái. Bonpland đau khổ vì sắc đẹp của họ. Anh hỏi, thống kê về chấy thì có ích lợi gì.

Người ta muốn biết, Humboldt nói, vì người ta muốn biết. Cho đến nay chưa ai nghiên cứu sự xuất hiện của giống sinh vật sống dai trên đầu những thổ dân ở vùng quanh xích đạo này.

Không xa nhà họ, có chợ bán đầu giá người. Với ánh mắt thất thần, lũ đàn ông đàn bà vai u thịt bắp bị xiềng chân để các điền chủ vạch mồm, xem tai và quỳ hẳn xuống để sờ vào hậu môn mình. Họ sờ gan bàn chân, kéo mũi, kiểm tra đầu tóc và lấy ngón tay búng vào bộ phận sinh dục của những người này. Thường là xong rồi thì họ đi mất, không mua gì cả, món hàng này hiện đang ế ẩm. Humboldt mua ba người đàn ông và tháo xích ra. Họ không hiểu gì. "Các người đã tự do", Humboldt nhờ dịch lại, có thể đi được rồi. Họ trở mắt nhìn anh. Tự do ! Một người hỏi, họ nên đi đâu. "Đi tới đâu các người muốn", Humboldt trả lời. Anh cho họ tiền. Họ ngập ngừng cắn thừ những đồng xu. Một người ngồi xuống đất, nhắm mắt và không động đậy gì nữa, tựa hồ trên thế giới này không có gì làm anh ta quan tâm nữa cả. Humboldt và Bonpland đi khỏi đó trong ánh mắt giễu cợt của đám người đứng quanh. Họ ngoảnh lại mấy lần, song không ai trong số người được thả tự do dõi mắt nhìn theo. Đến tối thì trời bắt đầu mưa, một trận động đất mới trong đêm làm rung chuyển thành phố. Sáng hôm sau ba người đó biến mất. Không ai biết họ đi đâu, và họ cũng không hề xuất hiện trở lại. Phiên đấu giá sau, Humboldt và Bonpland ở nhà, làm việc đằng sau những cửa sổ đóng kín và đợi đến khi chợ đã vắng mới ra ngoài.

Chuyến đi đến trạm truyền giáo ở Chaymas xuyên qua rừng già. Cứ mỗi bước chân lại thấy cây cò lạ. Nền đất như không đủ chỗ cho nhiều thực vật mọc đến thế: những thân gỗ chen chúc nhau, cây nọ che lấp cây kia, dây leo sạt vào đầu vào vai họ. Những thầy tu ở trạm truyền giáo thân mật đón chào hai người, mặc dù không biết họ muốn gì ở đây. Thầy trưởng trạm lắc đầu. Nhất định có gì uẩn khúc ! Chẳng ai đi nửa vòng thế giới để đo miếng đất mà họ không sở hữu cả.

Ở trạm này, những người da đỏ đã được rửa tội sống tự quả. Có một người bản xứ chỉ huy, một cảnh sát trưởng và thậm chí một đội dân vệ. Chẳng nào họ phục tùng tuyệt đối thì người ta để họ sống, như thể đang tự do. Họ trần truồng, chỉ mang trên người một thứ mà họ kiếm được ở đâu đó: mũ, một bên tất, thắt lưng, quần hàm buộc vào vai. Mất một thời gian Humboldt mới làm được ra vẻ đã quen cảnh ấy. Anh cảm thấy bị xúc phạm khi biết lông

mọc ở nhiều nơi trên người của phụ nữ đến thế, anh thấy điều đó không sao tương thích được với phẩm giá tự nhiên của họ. Song lúc anh ngỏ lời nhận xét chuyện ấy với Bonpland thì hẳn ta nhìn anh đầy khoái trá, đến nỗi Humboldt đỏ mặt lên và bắt đầu lắp bắp.

Ở gần trạm truyền giáo, trong hang chim đêm, là nơi sinh sống của người chết. Tuân theo những huyền thoại cổ xưa, người bản xứ cự tuyệt không đưa hai người đến đó. Mất nhiều công thuyết phục, hai thầy tu và một người da đỏ mới chịu đi cùng. Đây là một trong những hang động lớn nhất châu lục, ánh sáng xuyên qua một lỗ rộng sáu mươi nhân chín mươi bộ (foot -30,48cm), đủ sáng để khi tiến sâu một trăm năm mươi bộ vào trong lòng núi, người ta vẫn đi trên cỏ dưới những tán cây. Sau đó mới phải châm đuốc. Từ đây bắt đầu nghe tiếng rú rít.

Những con chim sống trong bóng tối. Hàng nghìn tổ chim lủng lẳng như những cái túi dưới trần hang, tiếng ồn điếc tai. Không ai biết định hướng ra sao. Bonpland bắn ba phát súng, tiếng vang chìm đi trong ồn ào, và anh nhặt lên hai sinh vật còn co giật. Humboldt đập lấy mẫu đá từ sườn núi, đo nhiệt độ, khí áp và độ ẩm, cạo râu từ vách đá. Một thầy tu hét lên khi đạp dế giẫm nát một con sên trần. Họ phải lội qua một con suối, cánh chim phành phạch quanh đầu, Humboldt ép hai tay lên tai, các thầy tu làm dấu thánh giá.

"Đây.", người dẫn đường nói, "là nơi bắt đầu vương quốc của người chết". Anh ta không đi tiếp.

Humboldt đề nghị số tiền thưởng gấp đôi.

Người dẫn đường từ chối. Đây không phải đất lành ! Và nói chung là tìm gì ở đó kia chứ, con người cần có ánh sáng.

"Nói hay đấy chứ", Bonpland gào lên.

"Ánh sáng", Humboldt kêu, "đó không phải là sự sáng sủa, mà là tri thức !"

Anh đi tiếp, Bonpland và hai thầy tu theo chân. Đường đi chia ngã, thiếu người dẫn đường họ không biết đi đâu. Humboldt đề nghị tách thành nhóm. Bonpland và các thầy tu lác đầu.

Thế thì rẽ tay trái, Humboldt nói.

Tại sao tay trái, Bonpland hỏi.

Vậy thì rẽ phải, Humboldt nói.

Nhưng sao lại sang phải ?

"Quý tha ma bắt các anh", Humboldt kêu lên, anh thấy chuyện quá ngu xuẩn. Và anh dẫn mọi người đi về phía trái. Tiếng chim kêu ở dưới này nghe còn âm ỉ hơn. Một lát sau họ nhận ra trong đó có một âm thanh cao vút, nghe bần bật, phát ra rất nhanh và liên tục. Humboldt quỳ xuống và xem xét những cây lá cần cỗi trên mặt đất. Những thực vật truong phòng không màu, hầu như không có hình thù cụ thể. "Hay đấy", anh gào vào tai Bonpland, "ở Freiberg tôi đã viết một bài về chính loài này !"

Khi ngẩng lên, họ không thấy hai thầy tu đâu nữa.

Lũ mê tín ngớ ngẩn, Humboldt kêu. Đi tiếp !

Đường cheo leo xuống dốc. Quanh họ có tiếng cánh đập lách chách, nhưng không bao giờ họ chạm phải con vật nào. Họ lần mò theo vách đá đến trước một hang vòm. Những ngọn đuốc, quá yếu để soi đến vòm trần, ném bóng họ phóng to lên vách hang. Humboldt nhìn lên nhiệt kế: mỗi lúc một nóng lên, anh đoán là giáo sư Wemer sẽ không hài lòng với chuyện này. Rồi anh nhìn thấy hình hài của mẹ bên cạnh mình. Anh chớp mắt, song mẹ anh hiển hiện lâu hơn thời gian của một ảo giác. Khăn quàng thắt nút dưới cổ, đầu nghiêng nghiêng, nụ cười băng quơ, cằm và mũi nhọn hoắt như vào ngày cuối cùng của bà, tay cầm một cái ô méo mó. Anh nhắm mắt, chậm chậm đếm từ một đến mười.

"Gì thế", Bonpland hỏi.

"Không có gì", Humboldt nói và chăm chú lấy ba gờ ra một mẫu đá từ trên vách.

"Đầu kia có đường đi tiếp", Bonpland nói.

"Đủ rồi", Humboldt nói.

Bonpland giục anh nghĩ lại, vào sâu nữa trong núi có thể có nhiều cây cỏ lạ.

"Quay lại thì hơn", Humboldt nói. Đủ rồi là đủ rồi.

Họ đi dọc suối về hướng có ánh sáng trời. Dần dần ít chim hơn, tiếng rít khê đi, chẳng mấy chốc họ có thể tắt đuốc.

Trước hang, người da đỏ dẫn đường đang quay hai con chim trên lửa để cho cháy hết mỡ. Lông chim, mỏ và móng đã cháy, máu xuống lửa, mỡ xèo xèo, khói nồng quẩn trên khoảng trống. Loại mỡ tốt nhất, anh ta giải thích. Không có mùi và giữ tươi hơn một năm !

Bây giờ họ cần hai con mới, Bonpland giận dữ nói.

Humboldt xin chai rượu của Bonpland, uống một ngụm lớn rồi lên đường cùng một thầy tu về trạm truyền giáo trong khi Bonpland quay lại bắn hai con chim khác. Được mấy trăm bước chân, Humboldt dừng lại, ngửa đầu nhìn lên các ngọn cây chống trời trên cao.

Tiếng vọng !

Tiếng vọng, thầy tu nhắc lại.

Nếu không phải là bằng khứu giác, Humboldt nói, thì sẽ bằng tiếng vọng. Âm thanh bật dội ngược từ vách đá. Rõ ràng là bầy chim định hướng bằng cách đó.

Vừa đi tiếp anh vừa ghi chép. Một hệ thống mà con người có thể tận dụng trong đêm không trăng hay dưới nước. Và mỡ: do không có mùi nên rất thích hợp để làm nến. Anh hứng chí mở cửa căn phòng tu viện của mình, nơi một cô gái khóa thân đang đợi. Thoạt tiên anh tưởng là cô đến vì chảy hoặc để đưa tin. Rồi anh hiểu lần này không phải thế và cô gái muốn đúng cái anh nghĩ rằng cô muốn, và không có đường thoát thân.

Chắc là ông tổng trấn sai cô đến đây, có lẽ đó là ý tưởng của ông về một trò vui bổ bã trong cánh đàn ông. Cô ta đợi một đêm và một ngày trong căn phòng trống, vì buồn chán mà cô tháo chiếc kính lục phân ra từng mảnh, lục tung bộ sưu tập cây cỏ, uống chỗ rượu để ngâm tiêu bản và ngủ cho hết con say. Sau khi tỉnh dậy, cô lấy tấm chăn dung một gã lùn vui tính đang chum môi mà cô không nhận ra là Friedrich Đại đế để tô màu lòe loẹt một cách khá khéo tay. Bây giờ, khi Humboldt rút cuộc về đến nhà, cô muốn hoàn thành nhiệm vụ cho nhanh.

Trong khi anh còn đang hỏi cô từ đâu đến, muốn gì, và anh có thể làm gì cho cô, thì cô đã khéo léo phanh quần anh ra. Cô gái nhỏ nhăn mũi mồm và không thể trên mười lăm tuổi. Anh lùi lại, cô tiến lên, anh đẩy cô vào tường, và khi anh định nghiêm khắc mắng cô thì lại quên hết vốn tiếng Tây Ban Nha của mình.

Tên cô là Inés, cô nói, anh hãy tin cậy cô. Khi cô kéo áo anh lên, một cái khuy bung ra và rơi trên nền đất. Humboldt dõi mắt theo, cho đến khi nó chạm vào tường và dừng lại. Cô vòng tay ôm cổ anh và kéo anh ra giữa phòng, trong khi anh lăm bắm nói cô hãy buông anh ra, anh là công chức của triều đình Phổ. Chà chà, cô nói, tim đập ghê thế.

Cô kéo anh cùng ngã xuống thảm, và vì lý do khó hiểu nào đó anh buông xuôi cho cô lật anh nằm lên lưng và đưa tay lần mò xuống phía dưới, cho đến khi cô giật mình và vừa cười vừa nhận xét là ở đây im lìm quá. Anh nhìn tấm lưng cong lên của cô, nhìn trần nhà và hành lá cọ trước khung cửa sổ đang run rẩy trong gió.

Nhanh thôi, cô nói. Anh hãy tin vào cô !

Những lá cây ngắn và nhọn, anh chưa nghiên cứu loại cây đó bao giờ. Anh muốn ngồi dậy, nhưng cô đặt tay lên mặt anh và ấn anh xuống, và anh tự hỏi tại sao cô không hiểu ra trạng thái khốn cùng của anh. Sau này anh không thể nói lại là mọi chuyện kéo dài bao lâu, cho đến khi cô rời anh ra, vuốt lại tóc và buồn rầu nhìn anh. Anh nhắm mắt lại. Cô đứng dậy.

Không sao cả, cô khẽ nói, đó là lỗi của cô.

Đầu anh nhức, cổ họng khô rát. Mãi đến lúc nghe tiếng cửa sập sau lưng cô anh mới mở mắt.

Bonpland gặp anh ngồi bên bàn viết, giữa đồng hồ bấm giờ, âm kế, nhiệt kế và kính lục phân vừa lắp lại.

Anh quan sát tấm lá cọ qua chiếc kính phóng đại kẹp trước mắt. Một cấu trúc thú vị, đáng nhớ ! Đến lúc khởi hành rồi.

Sao đột ngột vậy ?

Theo các báo cáo ngày xưa, có một con kênh nối hai sông Orinoco và Amazon. Các nhà địa lý châu Âu cho đó là chuyện hoang đường. Giới hàn lâm cả quyết chỉ có núi phân chia dòng nước, chứ không có hệ thống sông ngòi nào trong đất liền được nối với nhau cả.

Kể cũng lạ, song chưa bao giờ anh suy nghĩ về chuyện đó, Bonpland nói.

Đó là một sai lầm, Humboldt nói. Anh sẽ tìm ra con kênh và giải được câu đố.

À ha, Bonpland nói, con kênh à.

Anh không ưa thái độ này, Humboldt nói. Lúc nào cũng than vãn, phê phán. Đòi hỏi một chút say mê lẽ nào là quá nhiều ?

Bonpland hỏi, có chuyện gì xảy ra vậy.

Sắp tới sẽ có nhật thực ! Nhờ vậy có thể đo đạc vị trí thiên văn của thành phố ven biển một cách chính xác.

Rồi sau đó, người ta có thể căng một mạng lưới các điểm trắc đạc đến tận cùng dòng kênh.

Nhưng nó ở tận trong rừng nguyên sinh !

Nghe thật là chất chúa, Humboldt nói. Không được khiếp sợ nó. Rừng nguyên sinh cũng chỉ là rừng.

Thiên nhiên ở đâu cũng nói cùng ngôn ngữ.

Humboldt viết thư cho anh trai. Chuyến đi tuyệt vời, đây ắp những phát kiến lớn lao. Ngày nào cũng tìm được cây cỏ mới, nhiều hơn sức ta đếm được, những quan sát động đất gọi mở một lý thuyết mới về vỏ địa cầu. Cả hiểu biết của anh về cuộc sống loài chấy cũng tăng đột biến. Mãi mãi là em của anh. Đưa tin lên báo đi.

Anh kiểm tra xem tay mình có run không. Sau đó anh viết cho Immanuel Kant (1724-1804: triết gia Phổ). Trong óc anh trỗi dậy một ý niệm mới mẻ về ngành địa vật lý. Trên khắp hành tinh, ở các độ cao khác nhau, song nếu nhiệt độ tương tự thì có những loài cây giống nhau mọc, nghĩa là các đới khí hậu không chỉ lan tỏa theo chiều ngang mà còn theo chiều thẳng đứng: ở tại một điểm thôi, trái đất có thể đi qua mọi cấp độ từ nhiệt đới tới châu Nam cực. Nối những vùng này với nhau thành các đường, ta sẽ có một bản đồ các dòng khí hậu lớn. Cảm ơn mọi chỉ giáo và rất hy vọng giáo sư được khỏe mạnh, anh xin phép... Humboldt nhắm mắt, hít sâu một hơi và ký một chữ ký bay bướm nhất mà anh có thể viết ra được.

Một hôm trước khi xảy ra nhật thực, một chuyện khó chịu xảy ra. Khi họ đang đo khí áp trên bờ biển thì một gã Zambo(), nửa da đen nửa da đỏ, tay cầm một cây chùy gỗ

nhảy từ trong bụi ra. Gã gầm gừ, khom người xuống, nhìn chăm chăm. Rồi gã tấn công họ. Humboldt gọi đó là một tai biến bất hạnh, khi anh ghi chép sự việc đó trong ánh nến chập chòn hồi ba giờ đêm mấy hôm sau, trên con tàu lắc lư vì sóng lớn trên đường đi Caracas. Anh nhảy sang trái tránh cú đánh, Bonpland ở bên phải anh thì không may mắn như thế. Song khi Bonpland nằm dõ dưới đất thì gã Zambo đã bỏ lỡ cơ hội; thay vì đánh tiếp đòn nữa, gã nhảy đến, vớ lấy chiếc mũ của Bonpland rơi ra, đội lên đầu và rải những bước dài đi khỏi đó.

Ít nhất thì các dụng cụ cũng không hề gì, và Bonpland tỉnh dậy sau hai mươi tiếng đồng hồ: mặt sưng vù, một chiếc răng gãy, mũi hơi biến dạng, máu khô đọng quanh miệng và cằm. Humboldt ngồi bên giường anh cả buổi tối, qua đêm và mấy giờ lê thê của buổi sớm mai. Anh đưa nước cho Bonpland. Bonpland tắm rửa, nhổ ra và nghỉ ngơi vào gương.

Nhật thực, Humboldt nói, liệu anh có xoay xở được không ?

Bonpland gật đầu.

Chắc không ?

Bonpland nhổ phì ra lúng búng nói, rất chắc.

Những ngày trọng đại sẽ đến, Humboldt nói. Từ Orinoco đến Amazon. Vào sâu trong đất liền. Bonpland hãy đưa tay cho anh !

Gắt gượng như chống lại một trở lực, Bonpland đưa tay lên.

Đúng giờ đã báo trước vào buổi chiều, mặt trời tắt. Ánh sáng trở nên nhợt nhạt, một bầy chim rú rít đập cánh lên cao và theo gió cuốn đi, mọi vật như thể đang hấp thụ ánh sáng, một bóng đen bay lại, quả cầu lửa biến thành một đĩa đen. Bonpland đầu băng bó, giữ bức màn chiếu hình đường chân trời ảo. Humboldt hướng kính lục phân vào đó, mắt kia liếc vào đồng hồ bấm giờ. Thời gian chững lại.

Và lại trôi tiếp. Ánh sáng quay trở lại: vàng thái dương bùng sáng, bóng đen tách khỏi những ngọn đồi, mặt đất, chân trời. Có tiếng chim kêu, ai đó bắn một phát súng. Bonpland hạ bức màn xuống.

Humboldt hỏi chuyện gì xảy ra.

Bonpland nhìn anh nghỉ ngơi.

Anh không nhìn thấy gì, Humboldt nói, chỉ nhìn hình chiếu. Anh phải giữ mặt trời trong kính lục phân, đồng thời không rời mắt khỏi đồng hồ. Không có thì giờ để ngẩng lên nhìn nữa.

Sẽ không có lần thứ hai, Bonpland nói, giọng khàn đặc. Có đúng là anh không ngẩng lên nhìn ?

Giờ thì địa điểm này đã được ấn định vĩnh viễn trên bản đồ thế giới. Chỉ có một vài tích tắc cho phép ta chinh lại sự thiếu chính xác của đồng hồ với sự trợ giúp của bầu trời. Có những người coi trọng việc này hơn những người khác !

Đúng thôi, nhưng... Bonpland thở dài.

Sao ? Humboldt giờ bảng Ephemeris ra, rút bút chì ra và bắt đầu tính toán. Nhưng làm sao ?

Có nhất thiết khi nào cũng phải mang đậm chất Đức đến thế không ?

Số

Vào cái ngày khiến tất cả thay đổi ấy, một cái răng hàm đau đến mức anh tưởng sẽ phát rò phát đại. Trong đêm, anh nằm ngửa, lắng nghe tiếng ngáy của bà chủ nhà ở phòng bên. Chừng sáu rưỡi, khi mệt mỏi hấp háy ngó ra vầng sáng ban mai, anh tìm ra lời giải cho một trong những bài toán cổ xưa nhất thế giới.

Anh lão đảo đi lại trong phòng như một kẻ say. Phải ghi lại ngay, anh không được phép quên. Ngăn kéo không mở ra được, đột nhiên giấy trốn đâu hết, ngòi viết bị gãy và giấy bắn ra giấy, rồi thì cái bô đầy nước tiểu chắn ngang đường. Tuy nhiên, sau nửa tiếng nguệch ngoạc thì mọi thứ đã được viết ra trên mấy tờ giấy nhàu nhĩ, lề cuốn sách giáo khoa tiếng Hy Lạp và mặt bàn. Anh đặt bút xuống. Anh thở nặng nhọc. Anh nhận ra là mình trần truồng, ngạc nhiên về vết bẩn trên sàn và mùi hôi hám. Anh run lên vì lạnh. Răng đau hết chịu nổi.

Anh đọc. Nghiên ngẫm lời giải, dò từng dòng, tìm thật kỹ nhưng không thấy chỗ nào sai. Anh vuốt tay lên trang giấy cuối cùng và ngắm nghía cái hình mười bảy cạnh vẽ lệch và nhòe của mình. Hơn hai nghìn năm qua người ta vẫn dùng thước và com-pa để vẽ hình tam giác và ngũ giác đều. Vẽ hình vuông hay các hình có gấp đôi số góc của một đa giác thì dễ như ăn kẹo. Và nếu kết hợp một hình tam giác với hình ngũ giác thì ta sẽ có hình mười lăm góc. Nhiều nữa thì chịu.

Và bây giờ: mười bảy góc. Và anh linh cảm thấy một phương pháp cho phép đi xa hơn nữa. Nhưng anh còn chưa tìm ra nó.

Anh đến hiệu thợ cạo. Ông ta buộc chặt tay anh lại, hứa là sẽ không có gì tệ hại đâu, và nhanh nhẹn lùa kim vào miệng anh. Vừa mới chạm vào, cơn đau miệng bùng lên dữ dội làm anh suýt ngất xỉu. Anh còn toan tập trung tinh thần, thì cái kim đã quặp lại, có tiếng lách kích trong đầu anh, và chỉ có vị nóng của máu cùng tiếng đập thành thạch trong tai mới đưa anh trở lại căn phòng và người đàn ông đeo tạp dề thợ cạo đang hỏi anh, có tệ lắm đâu mà, phải không ?

Trên đường về nhà anh phải dựa vào những bức tường, đầu gối nhũn ra, chân không tuân lời, mặt mày xây xẩm. Vài năm nữa sẽ có bác sĩ nha khoa, lúc đó người ta sẽ chữa lành được những đau đớn kiểu này và không cần phải nhổ ngay đi mọi cái răng bị viêm. Thế giới sắp không còn đầy những người móm nữa. Cũng không còn tình trạng mọi người đều có sẹo đậu mùa, và không ai bị hói nữa. Anh ngạc nhiên là ngoài mình ra chẳng ai nghĩ đến những chuyện ấy cả. Đối với mọi người thì mọi thứ đều cứ hiển nhiên như vẫn vậy ! Với ánh mắt thất thần anh lên đường đến nhà Zimmermann.

Anh bước vào mà không gõ cửa, và đặt xấp giấy lên bàn ăn.

Ồ, ông giáo sư nói về thương cảm, tệ quá, răng hả ? Bản thân ông may mắn lắm, ông chỉ mới mất có năm cái. Giáo sư Lichtenberg chỉ còn mỗi hai cái răng, và Kastner thì đã hết răng từ lâu. Ông nhón tay tránh vết máu dính, cầm tờ giấy đầu tiên lên. Ông nhăn mày. Mọi ông động đậy. Lâu đến mức Gauss hầu như không tin nổi. Không ai có thể tư duy chậm chạp như vậy !

"Một thời điểm trọng đại", rốt cuộc Zimmermann nói.

Gauss xin một cốc nước.

Ông muốn cầu nguyện. Phải đem in ngay, tốt nhất là với danh tính của một vị giáo sư. Khi còn là sinh viên mà đã xuất bản là không hợp lẽ.

Gauss toan trả lời, song lúc giáo sư đưa nước cho anh thì anh không nói được và uống cũng chẳng xong. Anh ra điệu bộ xin lỗi, loạng choạng đi về nhà, nằm lên giường và nhớ đến mẹ mình ở Braunschweig. Đến Gottingen là một sai lầm. Trường đại học ở đây tốt hơn, nhưng anh thấy thiếu mẹ, lúc ốm đau lại càng rõ hơn.

Gần nửa đêm, khi má sưng to hơn và bất kỳ cử động nào cũng gây đau đớn thì anh

nhận ra là tay thợ cạo đã nhổ nhầm chiếc răng.

May mà đường phố buổi sáng sớm còn vắng. Do vậy chẳng ai nhìn thấy anh liên tục dừng lại, dựa đầu vào tường nhà và khóc nức lên. Anh sẵn sàng bán linh hồn mình để được sống sau đó một trăm năm, khi đã có thuốc trị nỗi đau này và những bác sĩ xứng với cái tên gọi đó. Mà thật ra thì đâu có khó: người ta chỉ cần làm tê thần kinh ở đúng chỗ, tốt nhất là bằng một lượng độc được nhỏ. Chất Curare (*nhựa một loại cây độc, gây liệt cơ dẫn đến tử vong được người da đỏ dùng tẩm tên độc, nhưng với lượng nhỏ có tác dụng gây tê*) phải được nghiên cứu kỹ hơn ! Ở Viện Hóa có một chai chất này, anh sẽ xem xét nó. Những ý nghĩ tuột khỏi anh, anh chỉ còn có thể lắng nghe tiếng rên rỉ của chính mình.

Chuyện đó đôi khi cũng xảy ra, ông thợ cạo vui vẻ nói. Điềm đau lan ra xung quanh, nhưng thiên nhiên thông minh lắm, và con người có khối răng. Lúc ông ta nâng kim lên thì trước mắt Gauss tối sầm.

Tựa như nỗi đau đã xóa sạch sự kiện ra khỏi trí nhớ của anh hay ra khỏi thời gian, lúc tỉnh lại sau mấy giờ - hay sau mấy ngày, anh làm sao mà biết được - anh thấy mình nằm trên chiếc giường xộc xệch, chai rượu uống dở đặt trên bàn ngủ, cạnh chân là phụ trương Trí thức của tờ Toàn cảnh văn chương trong đó quan cảnh Zimmermann trình bày phương pháp mới nhất để vẽ hình mười bảy góc đều. Bartels ngồi bên giường, anh ta đến để chúc mừng.

Gauss chạm lên má. Ôi Bartels, anh ta biết tất cả những chuyện đó: vốn xuất thân nghèo khổ, từng được coi là thần đồng và tin mình sinh ra để làm việc lớn. Rồi anh ta gặp anh, Gauss. Sau này thì Gauss biết là anh ta đã thức trắng hai đêm liền sau khi họ gặp nhau và suy nghĩ, liệu có nên quay về làng để vắt sữa và dọn chuồng bò. Đêm thứ ba, anh ngộ ra là chỉ có một con đường cứu rỗi linh hồn mình: anh phải mướn Gauss. Anh phải giúp Gauss, bất kể khi nào có thể. Từ đó trở đi anh dồn hết sức lực vào công việc chung, anh nói chuyện với Zimmermann, viết thư cho Công tước, và vào một buổi tối gian nan đã thuyết phục bố của Gauss cho con trai đi học trung học bằng những lời đe dọa mà không ai thích nhớ lại nữa. Mùa hè vừa qua, anh theo Gauss về thăm bố mẹ ở Braunschweig. Bỗng dưng mẹ Gauss kéo anh ra một góc, bà rúm ró vì lo lắng và ngượng ngập hỏi anh, liệu con bà có tương lai gì không giữa một đám học giả ở trường đại học ? Bartels chẳng hiểu gì cả. Điều bà muốn nói là, liệu Carl có tương lai gì trong công việc nghiên cứu không. Bà tin cậy hỏi riêng anh và hứa sẽ không kể với ai. Làm mẹ thì khi nào chả lo lắng. Bartels im lặng một hồi lâu trước khi anh hỏi lại với giọng khinh mạn mà về sau anh sẽ xấu hổ, phải chăng bà không biết là con trai bà là nhà khoa học lớn nhất thế giới. Bà khóc và bối rối khủng khiếp. Gauss cố mãi mà không tha thứ hẳn cho Bartels được.

Anh đã quyết định rồi, Gauss nói.

Quyết định gì ? Bartels lơ đãng ngắt lên.

Gauss thở dài sốt ruột. Quyết định đi vào môn toán. Cho đến nay anh thiên về môn ngữ văn cổ điển, và anh vẫn đeo đuổi ý tưởng viết một bình luận về Virgil (*Publio Virgilio Marone (70-19 trước Công lịch) nhà thơ La Mã, tác giả thiên hùng ca Aeneis nói về huyền thoại sáng lập đế chế La Mã và vai trò chủ đạo của Aeneas*), nhất là về hành trình xuống địa ngục của Aeneas. Theo đánh giá của anh, không ai hiểu chương này một cách thấu đáo. Nhưng còn đủ thời gian làm việc đó, anh mới mười chín tuổi. Giờ đây anh đã nhận ra là mình làm được nhiều việc hơn trong toán học. Một khi đã phải có mặt trên thế gian này - có ai hỏi ý ta đâu cơ chứ - thì cũng phải cố làm được công chuyện gì. Chẳng hạn như trả lời cho câu hỏi số là gì. Nền móng của môn số học.

Công trình đời người, Bartels nói.

Gauss gật đầu. Với chút may mắn thì năm năm nữa anh sẽ hoàn thành.

Nhưng chẳng mấy chốc anh nhận ra là sự việc sẽ chóng vánh hơn. Khi đã bắt đầu, các ý tưởng dồn dập ào đến với sức mạnh hiếm thấy. Anh ngủ ít, không đến trường đại học nữa, chỉ ăn uống ở mức tối thiểu và cũng ít về thăm mẹ. Khi vừa đi trên phố vừa lăm bằm, anh cảm thấy mình tinh táo hơn bao giờ hết. Không để mắt nhìn, anh tránh người đi đường, không bao giờ vấp, có lần anh vô cớ nhảy sang bên cạnh và chẳng lấy làm ngạc nhiên khi

đúng trong nháy mắt đó một viên ngói rơi xuống vỡ tan cạnh chân. Những con số không kéo ta ra khỏi thực tại, mà đưa thực tại lại gần hơn, làm nó sáng sủa và rõ ràng như chưa bao giờ được như vậy trước đó.

Giờ đây những con số luôn theo chân anh. Anh không quên nó cả khi đi chơi gái. Ở Göttingen không có nhiều gái làm tiền, tất cả bọn họ đều quen anh, gọi cả tên khi chào anh và thỉnh thoảng còn bớt tiền công, vì anh trẻ, đẹp trai và đỉnh đặc. Cô gái mà anh ưa nhất tên là Nina và đến từ một thành phố vùng Siberia xa lắc. Cô sống trong nhà hộ sinh cũ, tóc sẫm, má lúm đồng tiền sắc lẹm, bờ vai rộng thơm mùi đất; những lúc ôm vai cô, nhìn lên trần nhà và hưởng nhịp đu đưa của cô trên mình, anh hứa sẽ cưới cô và học ngôn ngữ của cô. Cô chế nhạo anh, và khi anh thề là nói nghiêm túc thì cô chỉ đáp lại rằng anh còn quá trẻ.

Việc xem xét trao bằng tiến sĩ cho anh được đặt dưới sự phụ trách của giáo sư Pfaff. Xem xong lá đơn viết nguệch ngoạc của anh, người ta miễn cho anh phần thi vấn đáp, vì quá kỳ khôi nếu bắt anh làm. Khi đến nhận bằng, anh phải chờ ngoài hành lang. Anh ăn một miếng bánh ngọt khô khốc và đọc trong tờ *Học giả Göttingen* bài báo của một nhà ngoại giao Phổ về em trai mình đang ở Nueva Andalucia. Một ngôi nhà trắng ở rìa thành phố, tối tối tắm mát ngoài sông, thường có phụ nữ ghé qua để được đếm số lượng chảy. Anh lật tiếp trang với sự kích động mơ hồ. Người da đỏ trần truồng ở trạm truyền đạo của giáo phái Kapuziner (*môn đệ của giáo phái cải cách nửa đầu thế kỷ 16*), loài chim sống trong hang biết nhìn bằng tiếng kêu của mình như các sinh vật khác bằng mắt. Sự kiện nhật thực lớn, sau đó là chuyến đi đến Orinoco. Thư của anh ta mất một năm rưỡi mới đến được nơi, có trời biết anh ta còn sống hay không. Gauss hạ tờ báo xuống, Zimmermann và Pfaff đứng trước mặt anh. Họ không dám làm phiền anh.

"Người này", anh nói, "thật ấn tượng ! Nhưng cũng vô nghĩa, cứ như chân lý ở đâu đó chứ không ở đây ! Chẳng khác gì chạy trốn chính mình".

Pfaff ngập ngừng trao cho anh tấm bằng: *do summa cum laude* (*loại xuất sắc*). Tất nhiên. Nghe nói là một công trình lớn đang được tiến hành, Zimmermann nói. Ông rất vui khi thấy Gauss đã tìm được một việc cuốn hút tâm can và xua tan nỗi u sầu trong anh.

Quả là đúng thế thật, Gauss nói, và khi việc hoàn tất thì anh sẽ ra đi.

Hai giáo sư nhìn nhau. Ra khỏi lãnh địa Hannover ? Hy vọng không phải thế.

Không, Gauss nói. Rất xa, nhưng không ra khỏi lãnh địa Hannover.

Công việc tiến triển nhanh. Định luật tương hỗ cấp số nhân được khai triển, câu đố về tần suất xuất hiện của số nguyên tố sắp được giải. Ba chương đầu đã xong, anh đang vào phần chính. Nhưng anh luôn đặt cây viết xuống, hai tay chống đầu và tự hỏi, liệu những gì anh đang làm có phải phép không ? Anh có tiến quá xa không ? Nền tảng của vật lý là quy luật, nền tảng của quy luật là định lý, và nền tảng của định lý là con số; khi quan sát nghiêm ngặt những con số đó người ta phát hiện ra mối liên quan giữa chúng, đẩy hoặc hút. Vài chi tiết trong cơ cấu của chúng có vẻ chưa hoàn hảo, tựa như được phác họa một cách sơ sài kỳ lạ, và không chỉ một lần anh tin rằng mình đã vấp phải những sai sót được khóa lấp vụng về - tựa hồ Chúa đã tự cho phép mình cấu thả và mong sao không ai nhận ra chuyện đó.

Rồi đến ngày anh không còn xu nào nữa. Do không còn là sinh viên, anh không còn học bổng. Chuyện anh đi Göttingen chưa bao giờ làm Công tước hài lòng, và đừng mong ngài trả tiền tiếp.

Sẽ có cách, Zimmermann nói. Một công việc thời vụ: người ta đang tìm một người chăm chỉ giúp việc đặc điền.

Gauss lắc đầu.

Việc không dài đâu, Zimmermann nói. Và không khí trong lành chưa có hại cho ai cả.

Và thế là bỗng dưng anh thấy mình loạng choạng dưới trời mưa lướt thướt. Màn trời buông thấp và xám, dưới đất nhão nhoẹt bùn. Anh leo qua một rào cây và chột đứng thò

hồn hên trước mặt hai cô gái, ướt đầm mồ hôi và dính đầy lá thông. Được hỏi làm gì ở đây, anh lúng búng giải thích phép tam giác đặc: nếu ta biết một cạnh và hai góc của tam giác thì có thể tính ra hai cạnh và góc còn lại. Nghĩa là phải chọn một tam giác ở đâu đó trên mặt đất của Chúa, đo cạnh để tiếp cận nhất, rồi dùng dụng cụ này để tính ra các góc chiếu đến điểm thứ ba. Anh nâng chiếc máy kinh vĩ lên, thế này này, các cô thấy chưa, thế này, và xoay nó với những ngón tay vụng về như thế mới làm lần đầu. Rồi ghép hàng loạt những hình tam giác giống thế với nhau. Trong giây phút này có một nhà nghiên cứu người Phổ cũng làm đúng công việc đó giữa đám hình hài hoang đường ở Tân thế giới.

Nhưng phong cảnh đâu phải là mặt phẳng, cô lớn tuổi hơn trong hai người hỏi lại ?

Anh chăm chú nhìn cô. Không ngừng. Tựa như cô chẳng cần phải suy ngẫm gì. Quả đúng thế, anh mỉm cười nói.

Hình tam giác, cô nói, chỉ có tổng các góc là 180 độ trên mặt phẳng, chứ không phải là trên bề mặt hình cầu. Đó là điểm mấu chốt quyết định tất cả.

Anh đưa mắt dò xét, như thể bây giờ mới thấy cô vậy. Cô nhướng mắt đáp lại cái nhìn của anh. Đúng, anh trả lời. Đúng vậy. Để cân bằng sai số đó, sau khi đo thì có thể nói là người ta phải bóp các tam giác nhỏ đến mức không nhận ra được, về nguyên tắc, đó là một phép tính vi phân đơn giản. Tuy nhiên theo kiểu này này thì... Anh ngồi thụp xuống đất, lấy sổ ra. Theo kiểu này thì, anh vừa bắt đầu ghi chép vừa lẩm bẩm, chưa ai từng làm cả. Lúc ngẩng lên thì anh chỉ còn một mình.

Mấy tuần sau đó anh lôi đồng máy trắc địa đi khắp nơi, đóng cọc xuống đất, đo khoảng cách giữa chúng. Có lần anh ngã lăn xuống một sườn dốc và bị sái khớp vai, nhiều lần bị ngã vào bụi lá han, vào một buổi chiều lữ trẻ ranh lấy những nắm tuyết bắn ném anh - mùa đông đã tới rồi. Sau lần một con chó chặn cừu nhảy trong rừng ra, xô anh ngã xuống đất và cắn vào bắp chân một cách khá âu yếm thì anh quyết định bỏ công việc này. Anh không sinh ra để đối đầu với những hiểm họa kiểu ấy.

Bù lại, anh năng gặp Johanna hơn. Có vẻ như cô đã luôn ở gần anh nhưng chỉ bị che mắt hoặc do anh ít chịu để ý. Cô đi trên phố trước anh, và anh cảm thấy, chỉ cần anh mong ước cô đi chậm lại là bước chân của cô đã bớt nhanh một chút rồi. Hoặc cô ngồi trong nhà thờ, ba hàng ghế sau anh, về mặt mặt mồm nhưng tập trung, trong khi ông mục sư vẽ ra viễn cảnh cho tất cả mọi người rằng họ sẽ vĩnh viễn bị đày đoạ, nếu không lấy sự thống khổ của Chúa làm thống khổ của mình, máu của Chúa làm máu mình; đã từ lâu Gauss bỏ thói quen tự hỏi điều ấy có nghĩa gì, và anh biết là nếu lúc này ngoảnh lại thì cô sẽ nhìn anh bằng cặp mắt giễu cợt ra sao.

Một lần họ đi dạo ở ngoại ô cùng cô bạn gái Minna gốc nghệch và hay cười khúc khích. Họ nói chuyện về những cuốn sách mới mà anh không biết, trời hay mưa ra sao, tương lai của Chấp chính đoàn (*tổ chức quyền lực cuối cùng của cách mạng Pháp, tồn tại từ 1795-1799*) ở Paris như thế nào. Johanna thường trả lời trước khi anh nói xong câu. Anh nghĩ đến chuyện ôm cô vật xuống đất, và biết rõ là cô đoán được hết ý nghĩ của anh. Có nhất thiết phải làm bộ làm tịch như thế này không ? Song tất nhiên là phải thế, và khi anh vô ý chạm phải tay cô thì anh cúi mình thật thấp như hàng quý tộc vẫn làm, còn cô lui một chân và nhún gối. Trên đường về anh tự hỏi, đến bao giờ thì con người có thể giao tiếp với nhau mà không cần giả dối. Song trước khi nảy ra ý tưởng gì thì anh sực nghĩ ra là mỗi con số có thể thể hiện được bằng tổng của ba số tam giác. Tay anh run rẩy lục tìm cuốn sổ tay, nhưng anh đã quên nó ở nhà và phải khẽ lẩm nhẩm công thức ấy cho đến quán ăn gần nhất. Anh giật cái bút khỏi tay người bồi bàn và viết nguệch ngoạc lên khăn bàn.

Từ hôm đó trở đi anh không rời khỏi nhà nữa. Ngày biến thành tối, tối thành đêm, và đêm hút hết ánh sáng nhợt nhạt của những giờ đầu buổi sớm mai cho tới lúc một ngày mới bắt đầu, như một chuyện thường tình. Song đâu phải thường tình, cái chết đến bất kỳ lúc nào, anh phải vội lên. Đôi khi Bartels đến và đem theo đồ ăn. Đôi khi mẹ anh đến. Mẹ xoa đầu anh, ngắm anh bằng cặp mắt nhòa lệ yêu thương và đỏ mặt sung sướng khi được anh hôn lên má. Rồi Zimmerman xuất hiện, hỏi liệu anh có cần giúp đỡ gì trong công việc, bắt gặp ánh mắt của anh rồi đi khỏi, bối rối lẩm bẩm điều gì đó. Thư từ của Kastner, Lichtenberg,

Buttner và thư ký của Công tước đến nơi, anh không đọc lá nào. Hai lần bị tiêu chảy, ba lần đau răng và một đêm lên cơn co giật quằn quại khiến anh nghĩ, giờ đã điểm, Chúa không cho phép, đoạn kết là đây. Một đêm khác, đột nhiên anh thấy khoa học, công việc, cả cuộc đời anh đều xa lạ và vô dụng, vì anh không có bạn, và ngoài mẹ anh ra, anh không có nghĩa với bất kỳ ai cả. Nhưng ngay cả chuyện đó, như mọi chuyện khác, rồi cũng qua đi.

Và anh xong việc vào một ngày mưa. Anh đặt bút xuống, xì mũi cẩn thận và day trán. Lập tức ký ức của anh về những tháng vừa qua trôi đi xa lắc, những cuộc vật lộn, những quyết định và suy tư. Trải nghiệm mọi thứ ấy trong mấy tháng qua là một người nào khác không phải là anh. Trước mặt anh là bản thảo mà con người ấy để lại, hàng trăm trang viết chi chít. Anh giở các trang và tự hỏi mình đã làm được việc đó ra sao. Anh không thể nhớ lại bất cứ cảm hứng hay tia chớp mẫn tuệ nào. Chỉ có lao động.

Để trả tiền in, anh phải vay tiền của Bartels, vốn cũng gần như tay trắng. Sau đó lại phát sinh vấn đề khi anh muốn đọc soát lại những trang đã sắp chữ xong; đơn giản là tay buôn sách ngu xuẩn không hiểu nổi rằng ngoài anh ra không ai có thể làm được việc đó. Zimmermann viết cho Công tước để xin thêm được ít tiền, thế là cuốn Luận về số học được ra đời. Anh mới vào tuổi hai mươi, và công trình để đời của anh đã hoàn tất. Anh biết: không rõ anh còn có mặt trên đời này bao lâu nữa, nhưng anh sẽ không làm được việc gì khả dĩ sánh nổi.

Anh viết một lá thư cầu hôn Johanna và bị từ chối. Hoàn toàn không phải vì con người anh, cô viết, cô chỉ không biết có ai sống được bên cạnh anh không. Cô ngờ rằng anh sẽ hút hết sự sống và sức lực từ những người xung quanh, như trái đất từ mặt trời và đại dương từ sông suối, rằng ai ở cạnh anh sẽ bị tuyên án trở thành vô hình vô ảnh như một bóng ma.

Anh gật đầu. Anh đã lường trước câu trả lời đó cho dù không chờ đợi lời giải trình thấu đáo đến thế.

Giờ thì chỉ còn một việc nữa phải làm.

Chuyến đi thật khủng khiếp. Mẹ khóc khi chia tay, cứ như là anh đi Trung Hoa vậy, sau đó thì mặc dù đã hết sức quyết tâm, anh cũng bật khóc. Xe ngựa lăn bánh, ban đầu trên xe ngồi đầy những người hồi hám, một bà ăn trứng sống cả vỏ, một ông không ngại miệng kể những chuyện tiểu lâm báng bổ Chúa song tuy vậy chẳng có gì buồn cười. Gauss cố phớt lờ tất cả bằng cách đọc số mới nhất của tờ Nguyệt san phát triển thiên văn và địa lý. Một hành tinh ma hiện ra mấy đêm liên tiếp trong ống nhòm của nhà thiên văn Piazzì (*Giusepper Piazzì: 1746-1826: nhà thiên văn học, toán học và thần học người Ý*), và người ta chưa kịp xác định quỹ đạo của nó thì nó lại biến mất. Có thể là một sự nhầm lẫn, cũng có thể đó là một hành tinh di chuyển giữa các tinh cầu vòng trong và vòng ngoài. Nhưng chẳng mấy chốc Gauss phải bỏ báo xuống, vì mặt trời đã lặn, xe ngựa lắc mạnh quá và cơn buồn nôn cứ nhòe nhòe qua vai anh. Anh nhắm mắt lại. Một hồi lâu anh thấy lính hành quân, rồi một vòm trời vạch đầy những đường từ tinh, rồi Johanna, sau đó anh thức giấc. Nước mưa trút xuống từ bầu trời ngâu đục buổi sớm, nhưng đêm vẫn chưa qua. Không thể tưởng tượng ra còn những ngày đêm tiếp theo, mười một ngày, mười một đêm, tổng cộng hai mươi hai buổi.

Đến Königsberg (*thủ phủ của Đông Phổ, sau Thế chiến II sáp nhập vào Liên Xô và đổi tên thành Kaliningrad thuộc Nga ngày nay*), anh gần như xỉu đi vì mệt, đau lưng và chán chường. Không có tiền để nghỉ ở nhà trọ, anh đến ngay trường đại học và nhờ một gã quản lý mặt mũi ù lì chỉ đường. Như mọi người ở đây, gã nói giọng địa phương lạ hoắc, đường phố nom lạ lẫm, các cửa hàng treo biển chữ không đọc được, và đồ ăn ở các nhà hàng không có mùi đồ ăn. Chưa bao giờ anh đi xa nhà như thế.

Rốt cuộc anh cũng tìm ra địa chỉ. Anh gõ cửa, đợi một hồi lâu thì một ông già bụi bặm kín người ra mở, và không cho Gauss kịp tự giới thiệu, ông nói là ông chủ không tiếp.

Gauss cố giải thích anh là ai và từ đâu đến.

Ông chủ nhân từ không tiếp khách, người hầu nhắc lại. Ông làm việc ở đây lâu đến

nổi không ai có thể tin nổi, và chưa bao giờ ông làm trái mệnh lệnh nào cả.

Gauss lấy thư giới thiệu của Zimmermann/ Kastner, Lichtenberg và Pfaff ra. Anh đòi bằng được phải đem trình các thư đó !

Người hầu không đáp lời. Ông ta cầm lộn ngược mấy tờ giấy và không đưa mắt nhìn vào.

Gauss tiếp tục nài nỉ, nói rằng anh có thể hình dung được là có rất nhiều khách khứa, và việc tự bảo vệ mình là cần thiết. Nhưng anh phải nói cho rõ ràng, anh không phải là bất kỳ ai.

Người hầu ngẫm nghĩ. Cặp môi ông động đậy không ra tiếng, trông ông có vẻ lúng túng. Thế cơ đấy, ông lẩm bẩm và đi vào, để ngỏ cửa.

Gauss ngập ngừng theo chân ông qua một hành lang ngắn và tối, vào một căn phòng. Mất một lát mắt anh mới quen được với ánh sáng nhấp nháy và nhìn thấy một cửa sổ che kín, một cái bàn, một ghế bành và trên ghế là một người bé tí quăn trong chăn len không động cựa: môi doe ra, trán dô, mũi gầy nhọn, cặp mắt mở nửa chừng không nhìn về hướng anh. Không khí ngột ngạt khiến người ta không thở được. Anh hỏi, giọng khàn đặc, đầy có phải là ngài giáo sư.

Chứ còn ai nữa, người hầu nói.

Anh đi lại gần ghế bành, ngần ngại lấy một quyển Luận về số học ra, trên trang đầu anh đã viết mấy chữ trân trọng và hàm ơn. Anh chìa quyển sách cho con người bé nhỏ. Không có bàn tay nào động đậy. Người hầu thì thảo đề nghị anh đặt cuốn sách lên bàn.

Anh nhỏ giọng giải thích yêu cầu của mình. Anh có những ý tưởng chưa nói cho ai biết. Tỉ như bản thân không gian Euclid (365-300 trước Công lịch - nhà toán học Hy Lạp), khác với luận đề của Phê phán lý tính thuần túy (nguyên văn *Kritik der reinen Vernunft* - là tác phẩm chính về nhận thức luận của Immanuel Kant, xuất bản năm 1781 và được coi là một trong những gốc rễ của triết học hiện đại phương Tây), không phải là hình thức tri giác của chúng ta và do vậy cũng không có tính bắt buộc đối với tất thảy mọi hình thức trải nghiệm, đúng ra nó chỉ là một sự hư cấu, một giấc mơ đẹp. Sự thật rất kỳ quái: định lý hai đường song song không bao giờ gặp nhau chưa bao giờ có thể chứng minh được, không bởi Euclid, không bởi bất cứ ai. Nhưng định lý ấy không hề hiển nhiên như người ta vẫn tưởng ! Anh, Gauss, đoán là định lý ấy không đúng. Có thể không hề có đường song song. Có thể, nếu ta có một đường thẳng và một điểm gần nó, thì không gian cho phép vẽ vô số đường song song khác nhau cắt điểm duy nhất đó. Chỉ có một điều là chắc chắn: không gian gấp nếp, cong và rất kỳ cục.

Thật nhẹ người vì được một lần nói ra hết những chuyện đó. Từ ngữ đã trôi chảy hơn, các câu tự chúng sắp xếp. Đây không phải một trò chơi tư duy, anh khẳng định là... Anh đi tới cửa sổ, nhưng một tiếng kêu thảng thốt của con người bé nhỏ khiến anh chững lại. Anh khẳng định là nếu một tam giác đủ lớn được căng giữa ba ngôi sao trên kia thì đo đạc cẩn thận sẽ cho một tổng số các góc lớn hơn 180 độ như người ta vẫn tưởng, nghĩa là một hình không gian cầu. Vừa hoa tay vừa nhìn lên anh thấy mạng nhện trên trần nhà, nhiều lớp đan nhau chằng chịt. Một ngày nào đó sẽ làm được những phép đo như thế ! Tất nhiên còn lâu lắm, cho đến khi đó anh cần ý kiến của một người duy nhất không được cho anh là điên và phải hiểu anh. Ý kiến của người đã dạy thế giới về không gian và thời gian nhiều hơn bất cứ ai. Anh ngồi xổm xuống để mặt mình ngang hàng với con người bé nhỏ kia. Anh đợi. Cặp mắt nhỏ hướng về phía anh.

Xúc xích, Kant nói.

Sao cơ ?

Ông Lampe phải đi mua xúc xích, Kant nói. Xúc xích. Và mua cả sao nữa.

Gauss đứng lên.

Phép lịch thiệp đâu đã rời bỏ tôi hẳn, Kant nói, thưa các quý ngài ! Một giọt nước dãi chảy xuống cằm ông.

Ông chủ nhân từ đã mệt rồi, người hầu nói.

Gauss gật đầu. Người hầu lấy mu bàn tay chạm vào má Kant. Con người bé nhỏ cười yếu ớt. Họ ra ngoài, người hầu im lặng cúi chào chia tay. Gauss muốn cho ông ít tiền, nhưng chính anh cũng chẳng còn xu nào. Xa xa có tiếng đàn ông hát âm u. Dàn đồng ca của nhà tù đấy, người hầu nói, ông chủ nhân từ hay bức mình vì họ.

Trên xe ngựa, kẹp giữa một vị mục sư và một viên trung úy mập mạp đang vô vọng tìm cách bắt chuyện với những người đồng hành, anh đọc lại bài báo nói về hành tinh bí ẩn lần thứ ba. Tất nhiên có thể tính quỹ đạo của nó ! Người ta chỉ phải lấy xuất phát điểm là hình ê-líp thay vì hình tròn khi tính kết quả gần đúng và sau đó phải tính tế hơn một chút so với mấy thằng ngố đã làm. Vài ngày tính toán, sau đó có thể dự báo hành tinh đó sẽ tái xuất hiện bao giờ và ở đâu. Khi viên trung úy hỏi ý kiến anh về liên minh Tây Ban Nha-Pháp thì anh chẳng biết trả lời ra sao.

Chẳng lẽ anh không cho rằng đó là hồi kết của nước Áo ?

Anh nhún vai.

Thằng cha Bonaparte này !

Ai cơ, anh hỏi.

Quay về đến Braunschweig, anh viết cho Johanna lá thư cầu hôn thứ hai. Rồi anh lấy lọ Curare từ tủ thuốc độc dược của Viện Hóa. Một nhà nghiên cứu nào đó mới đây đã gửi lọ này cùng bộ sưu tập cây cỏ, mẫu đá và những ghi chép từ bên kia đại dương, một nhà hóa học đem nó từ Berlin về, và từ hồi đó nó nằm đây, chẳng ai biết dùng làm gì. Nghe nói một lượng rất nhỏ là đủ chết người. Có lẽ họ sẽ nói với mẹ anh là anh lên cơn đau tim, không lường trước được và không cứu chữa nổi, đó là ý Chúa ! Anh gọi người đưa thư từ ngoài đường, gắn xi bức thư và trả đồng tiền cuối cùng của mình. Rồi anh nhìn chòng chọc ra cửa sổ và chờ.

Anh bật nút lọ. Chất lỏng không mùi. Liệu anh có lưỡng lự ? Có lẽ. Chuyện đó người ta không biết trước khi thật sự làm thử. Song anh ngạc nhiên là mình ít sợ đến thế. Người đưa thư sẽ đem về câu từ chối, sau đó cái chết của anh sẽ là nước cờ mới mà ông Trời không tính đến. Người đưa anh vào thế giới này, với một đầu óc khả dĩ chối bỏ hầu như tất cả những gì thuộc về con người, vào thời điểm mà mỗi động thái còn cực nhọc, khó khăn và bần thủ. Người đã lấy anh làm trò đùa.

Sự lựa chọn kia, giờ đây, khi công trình đã viết xong ? Những năm tháng trong sự tầm thường, kiếm miếng ăn bằng gánh chịu tủi nhục, thỏa hiệp, sợ hãi và căm tức, những thỏa hiệp tiếp theo, đau đớn thể xác lẫn tinh thần, cùng với sự tàn lụi chậm chạp của mọi khả năng trước khi đón nhận đau yếu của tuổi già. Không !

Với đầu óc sáng suốt lạ thường, anh nhận ra mình run cầm cập. Anh nghe tiếng ù trong tai, nhìn bàn tay co giật, lắng nghe nhịp thở gấp gáp. Gần như anh thấy khoái trá.

Có tiếng gõ cửa. Giọng một người nghe hơi giống giọng anh kêu: mời vào !

Người đưa thư vào, ấn vào tay anh một mảnh giấy và và căng căng mặt đợi tiền bo. Dưới đáy ngăn kéo dưới cùng anh còn tìm được một đồng xu. Người đưa thư tung nó lên không, quay nửa vòng và bắt lại sau lưng mình. Mấy giây sau anh nhìn thấy hắt chạy qua ngõ phía dưới.

Anh nghĩ đến Ngày phán xử cuối cùng. Anh không tin là sẽ có chuyện đó. Các bị cáo có quyền tự bào chữa, sẽ có vài câu cật vấn ngược làm Chúa bất bình. Sâu bọ, rác rưởi, đau đớn. Sự chênh lệch ở khắp nơi. Thậm chí bê bối về không gian và thời gian. Nếu người ta đưa anh ra trước tòa, anh định bụng sẽ nói ra mấy điều.

Anh mở thư của Johanna với bàn tay đã hết cảm giác, đặt nó sang bên và với lấy lọ thuốc. Đột nhiên anh có cảm giác đã bỏ sót chuyện gì. Anh ngẫm nghĩ. Có gì đó không mong đợi đã xảy ra. Anh rút lọ lại, suy nghĩ sắc bén hơn, và vẫn chưa hiểu nổi. Mãi sau đó anh chợt ngộ ra là vừa đọc lời chấp thuận.

Sông

Những ngày ở Caracas nhanh chóng trôi qua. Họ phải trèo lên ngọn Silla mà không có người dẫn đường, sau khi nghe nói chưa hề có người dân địa phương nào từng leo lên ngọn núi đôi ấy cả. Chẳng mấy chốc Bonpland chảy máu mũi không sao cầm lại được, và chiếc phong vũ biểu đắt tiền nhất của họ rơi xuống vỡ tan. Gần đến đỉnh núi họ nhặt được những con trai hóa thạch. Lại thật, Humboldt nói, không bao giờ mực nước ngày xưa có thể dâng cao đến thế, vậy thì từ đó cho thấy sự nứt vỡ của lớp vỏ trái đất và các năng lượng trong lòng đất.

Trên đỉnh núi họ bị một đàn ong mình phủ đầy lông tơ quấy nhiễu. Bonpland nằm rạp xuống đất, Humboldt vẫn đứng thẳng, kính lục phân trong tay, mắt kính áp vào khuôn mặt bầu dục côn trùng. Chúng bò lên trán, mũi, cằm anh, chui cả vào cổ áo. Ông tổng trấn đã cảnh báo anh: quan trọng nhất là không được động đây, không thờ, chỉ đợi.

Bonpland hỏi, đã được ngăn đầu lên chưa.

Tốt nhất là chưa, Humboldt nói, môi không động đây. Sau mười lăm phút đám côn trùng rời anh và rào rào như một đám mây đen về hướng mặt trời chiều. Humboldt thú nhận là đứng yên không dễ. Một hai lần, thiếu chút nữa thì anh đã hét lên. Anh ngồi xuống và xoa bóp trán. Thần kinh anh không vững như ngày xưa nữa.

Để chia tay họ, nhà hát Caracas biểu diễn một buổi hòa nhạc ngoài trời. Những hợp âm của Glucki (*Christoph Willibald Ritter von Gluck – 1714-1787: nhà soạn nhạc kịch Đức*) bay lên trời đêm bao la đầy sao, mắt Bonpland ngấn lệ. Anh không biết nói gì bây giờ, Humboldt thì thầm, với anh âm nhạc chưa bao giờ có nhiều ý nghĩa.

Họ khởi hành về hướng Orinoco với những con la. Xung quanh thủ đô là bình nguyên trải rộng, hàng nghìn dặm không cây cỏ hay đồi núi. Trời sáng đến nỗi họ tưởng như đang di chuyển trên một tấm gương bóng loáng, với bóng mình dưới chân và bầu trời trong vắt trên đầu, họ như hình phản chiếu của hai sinh vật từ một thế giới khác. Một lúc nào đó, Bonpland hỏi, liệu họ vẫn còn sống đấy chứ.

Anh cũng không biết, Humboldt trả lời, nhưng dù thế nào chăng nữa, còn có thể làm gì ngoài đi tiếp ?

Lần đầu tiên thấy lại cây cối, đầm lầy và cỏ, họ không còn biết là mình đã xuất hành từ bao lâu trước đó nữa. Humboldt thấy khó khăn khi đọc đồng hồ bấm giờ, anh đã mất thói quen xem thời gian. Những túp lều hiện ra, có người đi ngược lại, và sau khi hỏi đi hỏi lại ngày tháng nhiều lần họ mới tin được rằng mình mới chỉ có hai tuần trên đường.

Ở Calabozo họ gặp một ông già chưa bao giờ bước chân ra khỏi làng. Mặc dù vậy ông sở hữu cả một phòng thí nghiệm: bình thủy tinh, chai lọ, máy đo bằng kim loại để xác định động đất, độ ẩm không khí và từ trường. Cả một cái máy thô sơ có kim gỗ xuống khi người nào đứng cạnh đó nói dối hay kể chuyện ngớ ngẩn. Và một dụng cụ lách tách phóng tia chớp sáng giữa hàng chục bánh xe quay trái chiều nhau phát ra âm thanh xèo xèo. Ta đã phát hiện ra năng lượng bí hiểm này, ông già kêu lên, nó khiến ta trở thành một nhà nghiên cứu vĩ đại !

Không có gì nghi ngờ cả, Humboldt đáp lời, nhưng...

Bonpland hích vào mạng sườn anh. Ông lão quay tay quay mạnh hơn, những tia chớp lẹt xẹt ngày càng to lên, hiệu điện thế cao đến nỗi tóc họ dựng hết lên.

Ấn tượng đấy, Humboldt nói, nhưng đó là điện một chiều và cả thế giới biết rồi. Chính anh cũng có cái máy tương tự, với tác dụng giống thế, và dòng điện tạo ra còn mạnh hơn. Anh chia lọ tích điện Leyden ra, khi lấy miếng lông thú xát vào thành lọ thì người ta tạo ra được những tia chớp phân nhánh li ti.

Ông lão im lặng gãi cằm.

Humboldt vỗ vai ông, chúc ông có nhiều thành công trong tương lai. Bonpland toan dúi cho ông ít tiền, nhưng ông không nhận.

Ông không thể biết điều đó, ông nói. Ông quá xa cách mọi thứ.

Tất nhiên, Bonpland nói.

Ông lão xì mũi và nhắc lại là ông không thể biết điều đó. Cho đến khi khuất tầm nhìn, họ vẫn thấy ông đứng lom khom trước nhà mình và dõi mắt theo họ.

Họ đến bên một ao nước. Bonpland cởi quần áo, lội xuống, chững lại, thở dài và đổ vật xuống. Trong nước có loài lươn phóng điện.

Ba hôm sau, Humboldt chép lại kết quả khảo cứu của họ bằng bàn tay tê dại. Những con vật có thể gây giật điện mà không cần chạm vào. Điện giật không tạo chớp, không thể hiện trên đồng hồ đo điện, không làm lay động cả kim từ, nói vắn tắt, không nhận được ra qua dấu hiệu nào ngoài sự đau đớn do nó gây ra. Tóm con vật bằng cả hai tay hoặc giữ nó bằng một tay còn tay kia chạm vào một miếng kim loại thì tác động còn mạnh hơn lên. Cũng như thế, trong trường hợp hai người cầm tay nhau và chỉ một trong hai người sờ vào con vật thì cả hai đều thấy bị giật cùng một lúc và bị giật mạnh như nhau. Chỉ có phần trước của con lươn là nguy hiểm, bản thân con lươn không bị giật bởi chính động tác phóng điện của mình. Và cú đau thật khủng khiếp, mạnh đến nỗi người ta không hiểu có gì xảy ra với mình. Nó chỉ thể hiện dưới dạng tê, lẫn lộn và chóng mặt, ta chỉ nhận ra sau một lát và nhớ lại thì thấy ngày càng mạnh hơn; làm ta tưởng cảm giác đau ấy không sinh ra trong cơ thể ta mà đúng hơn là thứ gì đó đến từ bên ngoài.

Họ hài lòng đi tiếp. Một dịp may mắn trời cho, Humboldt nói đi nói lại, một tặng phẩm vô giá ! Bonpland tập tễnh, hai tay mất hết cảm giác. Cả mấy hôm sau, mỗi khi Humboldt nhắm mắt là những tia chớp lại nhảy múa trong mắt anh. Đầu gối anh cứng đờ một hồi lâu như đầu gối của một cụ già.

Họ tìm thấy trong đám cỏ mọc cao một bé gái nằm bất tỉnh, chắc khoảng mười ba tuổi, quần áo rách tả tơi. Bonpland nhỏ thuốc vào miệng con bé, nó phì ra, ho và bắt đầu hét toáng lên. Humboldt sốt ruột đi đi lại lại trong khi anh nói với con bé bằng giọng trấn an. Đờ ra vì sợ, con bé nhìn qua nhìn lại giữa hai người. Bonpland xoa đầu nó, và nó bắt đầu nức nở. Chắc kẻ nào đó đã gây cho nó chuyện gì tệ hại lắm.

Chuyện gì cơ ? Humboldt hỏi.

Bonpland ném tới anh một cái nhìn dài.

Chuyện gì cũng được, Humboldt nói, họ phải đi tiếp.

Bonpland đưa nước cho con bé, nó hấp tấp uống. Nhưng không muốn ăn. Anh đỡ nó đứng lên. Không một lời cảm ơn, nó vùng ra và chạy mất.

Có lẽ do trời nực quá, Humboldt nói. Trẻ con lạc đường và ngất đi.

Bonpland nhìn anh một chập rồi nói, ừ, có lẽ.

Đến thành phố San Fernando họ bán những con la và tậu một chiếc thuyền buồm rộng rãi có khoang nằm bằng gỗ, lương thực cho một tháng và súng ống tử tế. Humboldt hỏi tìm những người có kinh nghiệm với con sông này. Người ta chỉ anh đến chỗ bốn người đàn ông ngồi trước một quán rượu. Một người đội mũ chóp cao, một người ngậm ống sậy nơi khoe mép, một người đeo cơ man là trang sức bằng đồng thau, người thứ tư da trắng xanh, ngạo mạn và không một lần hé môi.

Humboldt hỏi họ có biết con kênh nối giữa Orinoco và Amazon không.

Tất nhiên, người đội mũ nói.

Anh ta đã đi trên con kênh đó, người đeo trang sức nói.

Anh ta cũng thế, người đội mũ nói. Nhưng làm gì có kênh nào. Tất cả chỉ là chuyện đồn đại.

Humboldt im lặng bối rối, rồi anh nói, dù có chuyện gì thì anh cũng phải đo đạc con kênh, anh cần những người chèo thuyền có kinh nghiệm.

Người đội mũ hỏi, làm thế thì được gì.

Tiền và kiến thức.

Người thứ ba dùng hai ngón tay rút ống sậy khỏi miệng. Rồi nói, tiền tốt hơn kiến thức.

Tốt hơn nhiều, người đội mũ nói. Tuy nhiên, cuộc sống ngắn ngủi lắm, tại sao phải đem nó ra đặt cược ?

Vì nó ngắn, Bonpland nói.

Bốn người nhìn nhau, rồi nhìn qua Humboldt. Họ tên là, người đội mũ nói, Carlos, Gabriel, Mario và Julio, và họ là những tay cừ, nhưng không rẻ.

Đồng ý, Humboldt nói.

Trên đường về nhà trọ, một con chó chăn cừu xác xơ theo chân họ. Humboldt đứng lại, con chó lại gần và gí mũi vào ủng anh. Khi Humboldt gãi sau tai con chó, nó ọ ọ lên và rên ư ư khoái trá, rồi lùi lại và gầm gừ với Bonpland.

Anh thích con chó này, Humboldt nói. Rõ ràng là con chó vô chủ, anh sẽ cho nó theo.

Thuyền quá nhỏ, Bonpland nói. Con chó này dữ và có mùi.

Rồi họ sẽ hiểu nhau thôi, Humboldt nói và cho con chó ngủ trong phòng trọ của mình. Sáng sớm hôm sau, khi cả hai ra thuyền thì đã bên nhau như đã sống cạnh nhau từ hồi nào.

Không ai nói tới chuyện cho chó theo bao giờ, Julio nói.

Đi sâu về phía Nam, Mario nói và đẩy chiếc mũ cho cân, ở chỗ những người đi chuyên nói ngược câu có giống chó lùn mọc cánh. Chính mắt anh đã nhìn thấy chúng.

Anh cũng thế, Julio nói. Nhưng bây giờ chúng tuyệt chủng rồi. Bị loài cá biết nói xoi thịt hết rồi.

Humboldt thở dài khi xác định vị trí thành phố bằng kính lục phân và đồng hồ bấm giờ, lại một lần nữa cho thấy bản đồ thiếu chính xác. Rồi họ rời điểm đỗ.

Rất nhanh, họ bỏ lại đằng sau những dấu vết cuối cùng của cư dân. Chỗ nào cũng thấy cá sấu: chúng bơi trong nước như những khúc cây, nằm lim dim trên bờ hoặc ngoác mõm ra, mấy con diệc nhỏ nháy nhót trên lưng. Con chó nháy xuống nước, ngay lập tức một con cá sấu bơi lại gần, và khi Bonpland lôi được nó trở lại thuyền thì chân nó loang máu bởi vết cắn của một con prianha. Dây leo vồng xuống nước và cây nghiêng bóng trên sông.

Họ neo thuyền lại. Trong khi Bonpland thu thập mẫu cây, Humboldt đi dạo. Anh trèo qua những bộ rễ, chui qua giữa các gốc cây, gạt sợi tơ của một tổ nhện ra khỏi mặt. Anh hái hoa từ những bụi cây, khéo léo bẻ lưng một con bướm rất đẹp và âu yếm đặt nó vào hộp sưu tầm cây cỏ. Rồi anh chợt đứng trước một con báo.

Con vật ngẩng đầu lên nhìn anh. Humboldt bước một bước sang bên. Nó kéo môi dưới lên, thân mình không chuyển động. Humboldt ngây người. Sau một hồi rất lâu con vật tì đầu lên hai chân trước. Humboldt lùi một bước. Rồi bước nữa. Con báo chăm chú nhìn anh mà không hề ngẩng đầu lên. Đuôi nó quật đi quật lại xua ruồi. Anh lắng nghe, nhưng không nghe thấy gì sau lưng mình. Nín thở, tay áp chặt vào người, ấn cằm xuống ngực và mắt nhìn xuống chân, anh rời khỏi chỗ đó. Chầm chậm từng bước một, rồi nhanh dần. Anh

không được phép vấp ngã, không được phép quay đầu lại. Và anh không thể làm gì khác hơn là bắt đầu chạy. Cành cây quất vào mặt anh, một con bọ đập vào trán anh, anh lao đảo, bám vào một dây leo, một tay áo vướng lại và bị xé tan, anh gạt cành cây khỏi đường chạy. Anh về đến thuyền, người đầm mồ hôi và hụt hơi.

Đi ngay, anh khò khè.

Bonpland vó lấy súng, mấy người chèo thuyền nhồm dậy.

Không, đi cơ !

Vũ khí tốt lắm, Bonpland nói. Họ có thể bắn con thú và có một chiến lợi phẩm tuyệt đẹp.

Humboldt lắc đầu.

Nhưng tại sao không ?

Con báo đã thả cho anh đi.

Bonpland lăm bắm câu gì về sự mê tín và tháo dây chèo. Đám chèo thuyền cười ruồi. Đến giữa sông thì Humboldt đã không thấy sự sợ hãi của mình là dễ hiểu nữa. Anh quyết định miêu tả sự kiện trong nhật ký như lẽ ra chúng phải diễn ra: tay súng sẵn sàng, họ đi vào rừng rậm, nhưng không tìm thấy con thú.

Trước khi anh viết xong, trời đổ mưa sầm sập. Thuyền ngập đầy nước, họ vội vã cập bờ. Ở đó có một người đàn ông đứng đợi, trần truồng, râu ria và bẩn đến mức khó mà nhận ra nổi. Đây là một đồn điền, họ có thể trả tiền để trọ lại qua đêm.

Humboldt trả tiền và hỏi nhà ở đâu.

Ông không có nhà, ông ta nói. Ông là Don Ignacio, quý tộc vùng Castilla *(một vương quốc lâu đời trên cao nguyên miền trung Tây Ban Nha)*, và cả thế giới là nhà ông. Còn đây là vợ và con gái ông. Humboldt cúi chào hai người phụ nữ trần truồng và không biết nhìn đi đâu. Bọn người chèo thuyền căng bạt giữa các gốc cây và ngồi dưới đó.

Don Ignacio hỏi mọi người có cần gì nữa không.

Trong lúc này thì không, Humboldt kiệt sức trả lời.

Khách của ông không bao giờ phải thiếu thốn gì, Don Ignacio nói. Ông trang trọng quay đi. Nước mưa lán trên đầu và vai ông. Ông có mùi hoa, đất ẩm và phấn chuông.

Bonpland nói, đôi khi anh thấy sự hiện diện của mình ở đây thật khó hiểu. Hàng vạn dặm xa cách quê nhà, không do ai thúc giục, mà chỉ vì một tay người Phổ mà anh gặp ở chân cầu thang.

Humboldt trần trọc mãi. Bọn chèo thuyền không ngừng rỉ tai nhau những chuyện tầm phơ bám chặt vào tâm trí anh. Và mỗi khi anh vượt ra khỏi được những hình ảnh nhà bay, đàn bà mình rắn hung bạo hay những cuộc chiến sống còn thì anh lại thấy cặp mắt con báo. Chăm chú, thông minh và tàn nhẫn. Rồi anh tỉnh dậy và lại nghe mưa rơi, tiếng bọn đàn ông và con chó gầm gừ sợ hãi. Một lúc nào đó, Bonpland đến, quán người vào chân anh và ngủ thiếp đi ngay. Trước đó Humboldt không nghe thấy anh ta đi khỏi.

Sớm hôm sau, mặt trời đã lên cao và không còn dấu vết gì của trận mưa đã qua, Don Ignacio từ biệt họ với dáng điệu của ông chủ lâu đài. Họ luôn được chờ đón quay lại ! Vợ ông lịch sự nhún gối chào, con gái ông vuốt tay Bonpland. Gã đặt tay lên vai cô và gỡ một lọn tóc xòa xuống mặt.

Gió nóng như phả trong lò ra. Rừng già dày đặc thêm. Dưới các gốc cây có trứng rùa màu trắng, thần lằn bám chặt như hình khắc gỗ trang trí mạn thuyền. Liên tục có bóng chim phản chiếu lướt trên mặt nước, ngay cả khi bầu trời trống vắng.

Một hiện tượng quang học kỳ lạ, Humboldt nói.

Có gì dính dáng đến quang học đâu, Mario nói. Chim chóc chết liên tục, từng giờ từng giây, thật ra chúng ít làm gì khác ngoài việc chết đi. Hồn ma của chúng tiếp tục tồn tại trong ánh phản chiếu của chúng. Thì cũng phải đi đâu chứ trên trời không muốn chứa chúng.

Còn còn trùng thì sao, Humboldt hỏi.

Chúng không chết, đó chính là vấn đề.

Quả thật bọn muỗi kéo đến không dứt. Chúng kéo ra từ cây cối, không khí và nước. Từ mọi phía. Vô ve đặc bầu không khí, đốt, hút máu, mỗi con bị đập chết lại có hàng trăm con thay thế. Mặt mọi người liên tục chảy máu. Cả những miếng vải dày trùm đầu cũng chẳng cải thiện được vấn đề, muỗi thản nhiên đốt xuyên qua vải.

Sông không dung thứ người, Julio nói. Trước khi lên đường tới đây, Aguirre đâu phải đã mất trí. Ở giữa chốn này hẳn mới nghĩ ra chuyện tự phong cho mình tước hoàng đế. *(Don Lope de Aguirre: một hạ sĩ quan nổi loạn trên đường đi tìm xứ sở huyền thoại bằng vàng ròng El Dorado hồi thế kỷ 16)*

Nhà nghiên cứu Orinoco đầu tiên là một tên sát nhân mất trí, Bonpland nói, nghe có lý ra phết.

Nhân vật đáng buồn này có nghiên cứu gì đâu, Humboldt nói. Nói thế thì khác gì chim nghiên cứu không khí hay cá nghiên cứu nước.

Hoặc người Đức nghiên cứu tính khô hạn, Bonpland nói.

Humboldt nhúm mày nhìn anh.

Chuyện đùa thôi mà.

Nhưng đùa cợt thế là bất công. Người Phổ biết cười đấy chứ. Ở nước Phổ người ta hay cười. Cứ xem tiểu thuyết của Wieland hoặc những vở hài kịch tuyệt hảo của Gryphius thì biết. Cả Herder cũng biết cách đùa cợt thông minh. *(Andreas Gryphius: 1616-1664: nhà thơ Đức)*

Anh không nghi ngờ chuyện ấy, Bonpland mệt mỏi nói.

Thế thì tốt, Humboldt nói và vò lớp lông con chó dính máu vì bị côn trùng đốt.

Họ đâm sang dòng Orinoco, rộng đến nỗi người ta tưởng đang trôi dạt trên mặt biển: phía xa xa thấp thoáng bóng rừng của bờ bên kia như một ảo ảnh. Ở đây hầu như không có thủy cầm. Bầu trời như thể lung linh trong cái nóng.

Vài tiếng sau, Humboldt phát hiện ra rệp đục xuống dưới da ngón chân anh. Họ phải ngừng chuyển đi; Bonpland sắp xếp lại các mẫu cây, Humboldt ngồi trên ghế xếp, ngâm chân trong chậu giấm và vẽ bản đồ dòng chảy của sông.

Pulex penetrans, một loại rệp phổ biến sống trong cát. Anh sẽ miêu tả nó, song nhất quyết không ghi lại, dù chỉ trong nhật ký, là anh bị chúng dùng làm tổ.

Chuyện có gì tệ lắm đâu, Bonpland nói.

Humboldt nói, anh đã suy nghĩ nhiều về quy luật của vinh quang. Một người bị biết là dưới móng chân có rệp sẽ không được ai coi trọng. Không cần biết anh ta làm được gì.

Ngày hôm sau xảy ra sự cố. Ở một đoạn rất rộng không nhìn thấy hai bờ, gió xoay buồm ngược lại hướng đi, thuyền nghiêng một bên, sóng tràn vào, lập tức hàng chục tờ giấy bập bênh trên sông. Thuyền tiếp tục nghiêng nước đã ngập đến đầu gối, con chó tru lên, lũ đàn ông toan nhảy khỏi thuyền. Humboldt nhảy bật dậy, nhanh như chớp tháo dây buộc đồng hồ bấm giờ và quát với giọng sĩ quan, không ai được động dây ! Dòng chảy cuốn trôi thuyền. Buồm quật đi quật lại phành phạch vô dụng, những cái lưng xám của cá sấu tiến lại gần.

Ronpland chuẩn bị bơi vào bờ tìm cứu trợ.

Làm gì có cứu trợ, Humboldt vừa nói vừa nâng dây buộc đồng hồ lên quá đầu. Không ai biết là đang ở giữa rừng già hay sao. Chỉ có thể chờ thôi.

Và thật vậy: phút cuối cùng, gió thốc vào buồm, và thuyền từ từ dựng lên.

Tát nước ra, Humboldt hét.

Đám đàn ông vừa chửi nhau vừa lấy nôi xoong, mũ và cốc chén tát nước. Thuyền nhanh chóng cân bằng lại. Giấy tờ, mẫu cây khô, bút lông ngỗng và sách bập bênh trên sông. Phía xa, chiếc mũ chóp cao trôi đi tựa như vôi vã trốn chạy,

Nhiều khi anh nghĩ sẽ không bao giờ về đến nhà, Bonpland nói.

Chỉ là rất thực tế, Humboldt đáp lại và kiểm tra xem đồng hồ có bị hư hại không.

Họ lại gần các đoạn nước xiết đáng gờm. Lòng sông đầy đá, nước ngầu bọt như đang sôi lên. Không thể đi tiếp với chiếc thuyền chở nặng. Nhóm thầy tu dòng Tên ở trạm truyền giáo địa phương, vũ khí tận răng, cục mịch và giống binh lính hơn linh mục, đón tiếp họ với vẻ ngờ vực. Humboldt tìm trường trạm, một người đàn ông gầy gò có khuôn mặt vàng vồ vì sốt, và trình họ chiếu.

Được, cha Zea nói. Ông ra lệnh qua cửa sổ, một lát sau sáu thầy tu đem hai thổ dân vào. Những người đáng khen ngợi này, cha Zea nói, không ai thạo các đoạn nước xiết như họ, họ tình nguyện xin đưa một con thuyền thích hợp qua những đoạn thác. Các vị khách hãy đợi đến khi chiếc thuyền phía dưới kia xong xuôi, xong rồi họ có thể đi tiếp. Ông khoát tay, người của ông đưa hai thổ dân ra ngoài và đóng xiềng vào chân họ.

Anh vô cùng biết ơn, Humboldt lựa lời nói, nhưng đó là điều anh không chấp nhận được.

Có gì đâu cơ chứ, cha Zea thốt lên, chuyện đó không có ý nghĩa gì, mà chỉ vì tính khí khôn lường của bọn họ. Họ tình nguyện xin làm, rồi sau đó lại không tìm thấy họ ở đâu nữa. Thêm vào đó, trông họ ai cũng giống ai !

Chiếc thuyền sẽ được dùng để tiếp tục chuyến đi được khênh đến. Nó hẹp ngang đến nỗi họ phải ngồi thành hàng dọc và ngồi lên những dụng cụ của mình. Thà xuống địa ngục một tháng còn hơn đi cái thuyền này, Bonpland nói !

Vậy thì anh sẽ được cả hai, cha Zea nói, cả địa ngục lẫn chiếc thuyền.

Tối đến, người ta dọn cho họ bữa ăn ngon lành đầu tiên từ mấy tuần nay, thậm chí cả rượu vang Tây Ban Nha. Ngoài cửa sổ họ nghe giọng nói của những người lái thuyền lộn xộn át lẫn nhau vì họ không nhất trí về diễn biến của một câu chuyện.

Humboldt nói, anh có cảm tưởng ở đây người ta liên tục kể chuyện. Cứ nghe ngao mãi mấy chuyện đời hư cấu làm gì, trong đó thậm chí không có lấy một bài học luân lý ?

Người ta đã thử cả rồi, cha Zea nói. Ở tất cả các thuộc địa bị cấm viết cả truyện hư cấu. Nhưng mọi người rất ngoan cố, và quyền lực thiêng liêng của nhà thờ cũng có giới hạn. Đất này là thế. Ông tự hỏi, liệu nam tước vẫn còn gặp mặt ngài La Condamine danh tiếng nữa không. *(La Condamine: Charles-Marie de La Condamine (1701-1774) nhà toán học và thiên văn học Pháp)*

Humboldt lắc đầu.

Nhưng tôi vẫn gặp, Bonpland nói. Ông cụ ấy từng cãi nhau với đám bồi bàn trong Cung Hoàng gia *(Cung Hoàng gia: (Le Palais-Royal) là một cung điện ở quận 1 Paris, nơi Hội đồng quốc gia Pháp làm việc, cảnh Tây là nhà hát Comédie-Francaise và Hội đồng Hiến pháp, cảnh Đông là văn phòng Bộ Văn hóa)*

Đúng ông ấy đấy, cha Zea nói. Ở đây thỉnh thoảng có người lớn tuổi còn nhớ đến ông ấy. Trong đó có cả một bà vì dùng thuốc của một tay bác sĩ tồi mà già khom đi, song không chết được, trông rất kinh sợ. Chuyện về họ đáng nghe lắm, cha Zea muốn được kể lại.

Humboldt thở dài.

Ngày ấy, cha Zea nói, Viện hàn lâm cử ba nhân viên trắc đạc cử khôi nhất là La Condamine, Bouguer và Godin (*Bouguer: Pierre Bouguer (1698-1758) nhà thiên văn, trắc địa và vật lý Pháp. Godin: Louis Godin (1704-1760) nhà thiên văn Pháp*) đến đây xác định chiều dài kinh tuyến của xích đạo. Chủ yếu vì lý do mỹ học mà người ta định bác lại luận đề xấu xí của Newton rằng quả đất do quay mà bẹt xuống. Cha Zea chăm chú nhìn lên bàn vài giây. Một con bọ to tướng đậu vào trán cha. Bonpland bất giác đưa tay ra, rồi khựng lại và rút tay về.

Đo đường xích đạo, cha Zea tiếp. Nghĩa là vẽ ra một đường ở nơi chưa bao giờ có đường nào cả. Không biết mọi người đã đi xem xét ngoài đó chưa ? Ở nơi khác có đường. Ông lấy cánh tay xương xẩu chỉ ra cửa sổ, bụi cây và cây cối đầy còn trùng bay quanh: Ở đây thì không !

Đường ở khắp nơi, Humboldt nói, nơi nào có không gian theo nghĩa đen thì nơi ấy có đường.

Không gian theo nghĩa đen ở nơi khác, cha Zea nói.

Không gian ở mọi nơi !

Mọi nơi là chuyện bịa. Và không gian theo nghĩa đen ở nơi mà dân trắc địa đem nó đến. Cha Zea nhắm mắt, nâng ly rượu vang lên rồi lại đặt nó xuống mà không uống. Ba người đó làm việc vô cùng chính xác. Mặc dù vậy các thông số của họ chẳng bao giờ giống nhau. Hai phút trên máy móc của La Condamine là ba phút trên máy móc của Bouguer, nửa độ trong kính viễn vọng của Godin là một độ ruồi trong kính của La Condamine. Để vẽ đường, họ phải dựa vào các phép đo thiên văn, chứ hồi đó làm gì có những đồng hồ nhỏ đặc dụng như thế này, ánh mắt giễu cợt của cha lướt qua chiếc đồng hồ bấm giờ của Humboldt đeo ở thắt lưng. Mọi thứ đã quen bị ai đo đạc bao giờ đâu. Ba hòn đá và ba cái lá không nhiều như nhau, mười lăm gam đồ và mười lăm gam đất không nặng như nhau. Thêm vào đó là cái nóng nực, ẩm ướt, muỗi vắt, tiếng thú vật cắn xé nhau không ngơi nghỉ. Con thình nộ vô có và vô mục đích choán hết đầu óc họ. Một người gia giáo như La Condamine lại vụng lẹch các máy đo của Bouguer, và ông này thì làm gãy bút chì của Godin. Ngày nào cũng xảy ra cãi cọ, đến nỗi Godin rút gươm và thất thủ đi vào rừng già. Mấy tuần sau, chuyện đó cũng xảy ra giữa Bouguer và La Condamine. Cha Zea chấp tay lại. Hãy thử tưởng tượng ra những quý ngài văn minh nhường ấy, tóc giả trùm vai, kính cầm tay và khăn mùi soa tắm nước hoa ! La Condamine chịu đựng được lâu nhất. Tám năm trong rừng, dưới sự che chở của một nhúm lính tráng sốt rét. Ông phá những vết rừng mà vừa quay mặt đi thì cây đã mọc kín trở lại, đốn những cây mà đêm hôm sau đã lại vươn tới trời xanh; song tuy vậy ông vẫn ngoan cường áp đặt dần dần một lưới con số lên thiên nhiên cứng đầu cứng cổ. Ông vạch những hình tam giác mà tổng các góc ngày càng sát đến 180 độ, quy về tam giác những cung tròn mà độ cong vẫn vững chắc được cả trong cái nóng rung rinh. Sau đó ông nhận được thư của Viện hàn lâm: hạ vũ khí thôi, Newton đã đúng, quả đất bẹt xuống, mọi việc uống cả.

Bonpland làm một ngum lớn từ chai vang. Có vẻ như anh quên mất là có ly cốc trên bàn và làm một cử chỉ không hay. Humboldt ném sang anh ánh mắt bất bình.

Vậy là kẻ bại trận quay về nhà, cha Zea kể. Bốn tháng trời dọc theo con sông ngày đó còn vô danh mà sau này ông đặt cho tên gọi là Amazon. Trên đường đi ông vẽ bản đồ, đặt tên cho đồi núi, ghi lại nhiệt độ, các loài cá, côn trùng, rắn và người. Không phải vì ông quan tâm mấy thứ đó, mà chỉ để khỏi phát điên. Sau này ở Paris không bao giờ ông nói về những chuyện mà ai đó trong nhóm lính của ông vẫn còn nhớ: tiếng kêu trầm trầm và những mũi tên độc vô cùng chính xác bắn ra từ bụi rậm, ánh sáng ma trôi trong đêm, và đáng chú ý nhất là những lệch lạc cực nhỏ trong thực tại khi thế giới tiến một bước vào siêu thực. Đó là lúc cây cối trông vẫn như cây cối, dòng nước xoáy uể oải còn là dòng nước xoáy, song người ta rừng mình nhận ra đó chỉ là sự nhại màu của một cái gì đó không rõ. Cũng trong thời gian này La Condamine phát hiện ra con kênh mà tay Aguirre điên rồ nhắc đến, khúc nối giữa hai con sông lớn nhất châu lục.

Anh sẽ chứng minh là con kênh ấy có thật, Humboldt nói. Các dòng chảy lớn đều nổi

nhau. Thiên nhiên là một tổng thể.

Thật ư ? Cha Zea gật gù về hoài nghi. Nhiều năm sau, La Condamine đã thành viện sĩ hàn lâm từ lâu, luống tuổi và nổi tiếng, hiếm khi ông còn hét lên choàng dậy và nghe nói thậm chí còn đến được cửa Chúa, chính ông còn tuyên bố rằng con kênh chỉ là một lầm lẫn. Giữa các con sông lớn, như ông nói, không có sự kết nối trên mặt đất. Bởi nó sẽ xô lệch địa vào sự hỗn mang không chấp nhận nối. Cha Zea ngừng lời một lát, rồi ông đứng dậy và cúi chào. Thừa nam tước, chúc ông những giấc mơ lành, và thức dậy sáng khoái !

Sáng sớm hôm sau họ bị những tiếng hét đau đớn lôi tuột ra khỏi giấc ngủ. Một trong hai người đàn ông bị xiềng ngoài sân bị hai linh mục quất roi da. Humboldt chạy tới hỏi có chuyện gì xảy ra.

Không có gì, một linh mục nói, Sao lại hỏi ?

Chuyện cũ rích ấy mà, linh mục kia nói, không liên quan gì đến hành trình của họ, ông đá người da đỏ một cú, người này một lúc sau mới hiểu và khẳng định bằng thứ tiếng Tây Ban Nha ngọng nghịu rằng chuyện cũ rích ấy không liên quan gì đến hành trình của họ.

Humboldt ngáp ngừng. Bonpland vừa nhập cuộc, nhìn anh về trách móc. Nhưng mình phải đi tiếp, - Humboldt khẽ nói. Anh làm gì được bây giờ ?

Cha Zea gọi họ lại và cho xem tài sản quý nhất của cha. Một con vẹt xác xơ biết nói mấy câu trong ngôn ngữ của một bộ lạc đã tuyệt chủng. Bộ lạc này trước đây hai mươi năm vẫn tồn tại, giờ đây không còn lấy một người, cũng chẳng ai hiểu con vẹt nói gì.

Humboldt chìa tay, con vẹt mổ vào tay anh, ngó xuống đất như suy tư điều gì, vẫy vẫy cánh và nói gì đó không ai hiểu.

Bonpland muốn biết tại sao bộ lạc này biến mất.

Chuyện xảy ra thế thôi, cha Zea nói.

Tại sao ?

Cha Zea nheo mắt nhìn anh chăm chú. Tất nhiên, chuyện sẽ đơn giản khi người ta đến đây và rủ lòng thương kẻ nào có dáng vẻ buồn rầu, và về nhà có thể kể lại những chuyện khủng khiếp, Nhưng nếu ai bỗng dưng phải cùng năm mươi người cai trị hàng chục nghìn kẻ hoang dã, đêm nào cũng tự hỏi những tiếng nói trong rừng có ý nghĩa gì, và sáng nào dậy cũng ngạc nhiên là mình vẫn sống, có lẽ người đó sẽ đánh giá sự việc khác đi.

Một sự hiểu nhầm, Humboldt nói, có ai định phê phán gì đâu.

Có chứ, Bonpland nói. Anh muốn biết vài chuyện. Anh sưng lại, không tin là Humboldt vừa đá vào mình. Con vẹt nhìn từ người này qua người kia, nói gì đó và đợi.

Đúng thế, Humboldt nói, anh không muốn tỏ ra bất lịch sự.

Con vẹt có vẻ như suy nghĩ rồi nói một câu dài.

Humboldt chìa tay ra, con vẹt mổ vào tay anh rồi quay đi như bị xúc phạm.

Trong lúc hai người da đỏ lái chiếc thuyền của họ qua những đoạn nước xiết, Humboldt và Bonpland trèo lên núi đá hoa cương phía trên trạm truyền giáo. Nghe nói trên độ cao này có một hang mộ cổ. Gần như không có chỗ đặt chân, chỉ bám được vào những khối tinh thể đá chìa ra. Lên đến đỉnh, ngoại trừ những lúc mất tập trung để xua muỗi, Humboldt lấy bút ra viết một đoạn văn tuyệt hảo mô tả những đoạn nước xiết, sắc cầu vồng bắc qua sông và ánh bạc ẩm ướt của không gian điệu vợi. Rồi họ chấp chới đi qua chớp đá sang đỉnh bên cạnh và đến cửa hang.

Phải đến hàng trăm xác người, mỗi xác trong một cái giỏ đan bằng lá cọ, đôi tay xương ôm lấy đầu gối, đầu gục xuống ngực. Những xác cũ nhất đã hoàn toàn thành bộ

xương, còn lại là nhiều cấp độ phân hủy: những rẻo da như bằng giấy, nội tạng khô vón cục, mắt teo đen như hạt quả. Người ta đã cạo thịt khỏi xương nhiều xác chết. Tiếng rì rào của sông không vọng lên tới đây; không gian yên tĩnh đến nỗi họ nghe cả tiếng mình thở.

Ở đây yên bình quá, Bonpland nói, không như trong hang kia. Ở đó có người chết, còn đây là các cơ thể. Ở đây người ta cảm thấy yên ổn hơn.

Humboldt kéo mấy xác chết ra khỏi giỏ, gỡ hộp sọ khỏi xương sống, rút răng trong xương hàm và nhả từ các ngón tay. Anh cuốn xác một trẻ con và hai người lớn vào vải rồi chằng thật kỹ để hai người có thể cùng vác được.

Bonpland hỏi, liệu Humboldt có ý định nghiêm túc.

Hãy bắt tay vào đi, Humboldt nói, một mình anh không khuân được đến chỗ những con la đâu.

Họ về đến trạm truyền giáo khi đã tối. Trời đêm trong trẻo, những tinh cầu sáng rực rỡ, bầu trời tràn ánh sao đỏ, có mùi vani. Những người da đỏ cảm lạnh lùi lại. Các bà già nhìn chòng chọc từ khung cửa sổ, trẻ con chạy biến. Một người đàn ông vẽ mặt chặn đường họ, hỏi trong tấm vải có gì.

Đủ thứ nợ kia, Humboldt nói.

Mẫu đá, Bonpland nói, và thực vật.

Người đàn ông khoanh tay lại.

Xương, Humboldt nói.

Bonpland rúm người lại.

Xương ?

Xương cá sấu và cá nược, Bonpland nói.

Cá nược, người đàn ông lặp lại.

Humboldt hỏi anh ta có muốn xem không.

Không xem thì hơn, người đàn ông nói, tốt hơn hết là anh ta tin họ.

Họ vất vả hai ngày sau đó, không tìm được người dẫn đường da đỏ nào chỉ cho họ xem vùng đất xung quanh, ngay cả các thầy tu dòng Tên cũng ra về bận bịu khi Humboldt bắt chuyện.

Tất cả lũ người này thật mê tín, Humboldt viết trong thư cho anh trai, người ta dễ nhận ra là đường tới tự do và tri thức còn xa. Ít nhất anh cũng bắt được vài con khi nhỏ chưa nhà sinh vật học nào miêu tả.

Ngày thứ ba, hai người tình nguyện xây xát đôi chũm nhưng đã đem được chiếc thuyền nguyên vẹn qua đoạn nước xiết. Humboldt tặng họ ít tiền và mấy hòn bi ve, sai chất các hòm dụng cụ, củi khô và xác người lên thuyền. Khi chia tay, anh cả quyết là sẽ chịu ơn cha Zea suốt đời.

Anh nên cẩn trọng, cha Zea nói, bằng không thì cuộc đời ngắn lắm.

Bốn người chèo thuyền tiến lại. Một cuộc tranh cãi nảy lửa vì những đồ chất trên thuyền. Đầu tiên là con chó, giờ lại thêm mấy thứ này ! Julio chỉ tay vào gói vải cuốn xác người.

Humboldt hỏi xem họ có sợ không.

Tất nhiên, Mario nói.

Nhưng sợ gì, Bonpland hỏi. Sợ xác đột nhiên sống lại ?

Đúng thế, Julio nói.

Ít nhất thì cũng phải tính thêm tiền, Carlos nói.

Sau quãng nước xiết, dòng sông hẹp ngang, thuyền liên tục bị sóng xô đi quật lại. Không khí đầy bọt sóng, đá vụn qua sát cạnh thuyền đến mức nguy hiểm. Đàn muỗi tàn bạo cứ như không thấy bầu trời, chỉ toàn côn trùng. Chẳng mấy chốc họ không thềm xua chúng nữa. Họ quen với chuyện liên tục chảy máu.

Ở trạm truyền giáo tiếp theo, họ được mời bánh đúc kiến. Bonpland không chịu ăn, nhưng Humboldt nếm một chút. Sau đó anh xin lỗi và biến một lúc vào bụi. Không đến nỗi nào, anh nói khi quay lại. Ít nhất thì đó cũng là một khả năng giải quyết vấn đề lương thực tương lai.

Ở đây không có bóng người nào cả, Bonpland nói. Cái duy nhất thừa thãi là đồ ăn !

Tù trưởng hỏi trong gói vải có gì. Ông có một nghi ngờ khủng khiếp.

Xương cá nước.

Xương cá nước không có mùi như thế, tù trưởng nói.

Thôi được, - Humboldt nói, anh công nhận. Nhưng mấy người này đã chết lâu đến mức không thể gọi đó là xác người được nữa. Nói cho cùng thì cả thế giới cấu thành từ những cơ thể chết ! Mỗi năm đất đã từng là một người, trước đó là một người khác nữa, mỗi sợi không khí đã được hít thở bởi hàng nghìn người đã và đang chết. Vậy thì mọi người thắc mắc nỗi gì, có vấn đề gì ở đây ?

Ông chỉ hỏi vậy thôi, tù trưởng lúng túng.

Dân làng đắp lều bằng bùn có cửa kín để chống muỗi. Trong lều, họ đốt lửa để xua côn trùng ra, sau đó họ chui vào trong, chèn kín cửa, dập lửa và ở trong bầu không khí nóng mấy giờ liền mà không bị muỗi đốt. Trong một túp lều như thế, Bonpland sắp xếp các mẫu cây cho đến khi xiêu đi vì khói. Bên anh, Humboldt ho và mù mờ trong khi viết thư cho anh trai, cạnh anh là con chó thở khò khè. Khi họ chui ra, mắt hấp háy, quần áo hôi hám và ngáp không khí thì một người đàn ông chạy lại xin bói tay cho họ. Anh ta trần truồng, cơ thể vẽ sặc sỡ và đội mũ lông vũ. Humboldt từ chối. Bonpland thích thú. Thầy bói túm ngón tay anh, nhướn lông mày và khoái trá nhìn vào lòng bàn tay anh.

À ha, anh ta như độc thoại, ra thế đấy.

Sao cơ ?

Thầy bói gật gù. Chẳng có gì chắc chắn cả. Chuyện có thể xảy ra thế này hay thế khác. Đức năng thắng số. Ai mà biết được hậu vận của mình !

Bonpland bồn chồn hỏi anh ta nhìn thấy gì.

Trường thọ. Thầy bói nhún vai. Không nghi ngờ gì

Còn sức khỏe thì sao ?

Nói chung là tốt.

Đồ quý tha ma bắt, Bonpland kêu lên, bây giờ anh muốn biết tia mắt kia có ý gì.

Tia mắt nào ? Sống lâu và khỏe mạnh, nhìn thấy đây này, anh ta đã nói thế. Quý ông có thích đất này không ?

Tại sao ?

Quý ông sẽ ở lại đây lâu.

Bonpland cười. Anh không tin. Sống lâu, nhưng lại ở chốn này ? Nhất định không. Trừ khi ai đó ép được anh.

Thầy bói thờ dài, và như để động viên, anh ta nắm tay Bonpland một lúc nữa. Rồi quay sang Humboldt.

Anh lắc đầu.

Gần như miễn phí.

Không, Humboldt nói.

Nhanh như cắt, thầy bói chớp lấy tay Humboldt. Anh định giật lại, nhưng thầy bói khỏe hơn nên buộc phải theo; Humboldt mỉm cười gượng gạo. Thầy bói nhăn trán và kéo tay anh lại gần hơn. Anh ta cúi xuống rồi lại ngả ra sau. Nheo mắt. Phồng má.

Anh ta cứ nói đi, Humboldt giục. Anh còn việc khác phải làm. Có chuyện không lành cũng chẳng sao, đằng nào thì anh cũng có tin đâu.

Chẳng có gì không lành cả.

Mà là... ?

Chẳng có gì. Thầy bói thả tay Humboldt ra. Anh ta lấy làm tiếc, và cũng không xin tiền. Anh bất lực.

Anh không hiểu, Humboldt nói.

Thầy bói cũng không hiểu. Chẳng thấy gì cả. Không có quá khứ, không có hiện tại hay tương lai. Thầy bói chăm chú nhìn vào mặt Humboldt. Vô hồn !

Humboldt nhìn chăm chăm vào tay mình.

Tất nhiên là chuyện ngớ ngẩn. Chắc chắn đó là lỗi của thầy bói. Có lẽ anh ta mất năng lực. Thầy bói đập chết con muỗi trên bụng mình. Có thể anh ta chưa bao giờ có năng lực đó.

Buổi tối, Humboldt và Bonpland buộc con chó ở chỗ bọn chèo thuyền để ngủ một đêm không muỗi trong túp lều oi khói. Mãi đến gần sáng Humboldt mới gục xuống thiếp đi, đầm đìa mồ hôi, mắt cay xè và đầu óc quay cuồng vì khói.

Một tiếng động đánh thức anh. Ai đó chui vào lều và nằm xuống cạnh anh. Lại chuyện gì thế này, anh lâm bầm, tay run rẩy chạm nệm và nhìn thấy đó là một thằng bé. Cháu muốn gì, anh hỏi, có chuyện gì vậy ?

Đứa bé ngấm anh bằng cặp mắt hí hoang dại.

Sao, Humboldt hỏi, có chuyện gì ?

Đứa bé không rời mắt khỏi anh. Nó hoàn toàn trần truồng. Kệ cho ngọn lửa ngay sát mặt, nó không chớp mắt.

Nhưng có chuyện gì hả cháu, Humboldt thì thào

Thằng bé cười.

Tay Humboldt run đến nỗi thả rơi cây nến. Trong bóng tối anh nghe thấy tiếng thở của cả hai. Anh đưa tay đẩy thằng bé đi, nhưng khi chạm vào làn da ướt át của nó thì anh giật mình co lại như bị điện giật. Đi đi, anh nói thầm.

Thằng bé không động đậy.

Humboldt nhảy bật dậy, cốc đầu vào trần. Anh co chân đạp, thăng bé hét lên và rúm người lặn ra, từ khi bị rệp cắn, Humboldt đi ủng cả buổi đêm. Anh đạp cú nữa và lần này thì trúng đầu, thăng bé khẽ rên rĩ rồi im bất. Humboldt nghe tiếng mình thở hỗn hển. Anh nhìn lơ mơ tấm thân trước chân mình. Anh nắm vai nó đẩy ra ngoài.

Không khí buổi đêm làm anh thấy khỏe ra; sau trận xông khói trong lều anh thấy khí trời mát mẻ và trong trẻo. Anh loạng choạng bước tới túp lều kế bên, nơi Bonpland nằm. Nhưng khi nghe tiếng phụ nữ thì anh dừng lại. Anh lắng tai, và lại nghe tiếng ấy. Anh quay đi, chui vào lều mình, chặn cửa lại. Cửa mở một lát làm muỗi bay vào, một con dơi hoảng hốt đập cánh phía trên đầu anh. Lạy Chúa, anh thì thâm. Thế rồi vì kiệt sức anh chìm vào giấc ngủ trần trọc.

Lúc anh thức dậy thì trời đã sáng, cái nực nội trở nên tẻ hơn, bầy dơi đã biến mất. Anh bước ra ngoài trong bộ quần áo chỉnh tề, thanh gươm bên sườn và mũ cặp nách. Khoảng sân trước túp lều vắng ngắt. Mặt anh róm máu từ nhiều vết đứt.

Bonpland hỏi anh có chuyện gì.

Anh vừa thử cạo râu. Không thể chỉ vì muỗi mà ta được phép buông thả mình thành luộm thuộm, ta là người văn minh cơ mà. Humboldt đội mũ lên và hỏi Bonpland đêm qua có nghe thấy gì không.

Không thấy gì đặc biệt, Bonpland dè dặt trả lời. Trong đêm nghe thấy khối thứ.

Humboldt gật đầu. Đúng là người ta mơ thấy những chuyện kỳ quái nhất.

Không nên tin tất cả những gì mà ta nghe thấy, Bonpland nói.

Vì người ta còn phải ngủ nữa chứ, Humboldt nói.

Hôm sau họ tới nhánh Rio Negro, trên dòng nước sẫm màu của nó có ít muỗi hơn. Cả không khí cũng khá hơn. Nhưng nhóm chèo thuyền bồn chồn khi ở gần các xác chết, ngay cả Humboldt cũng nhột nhột và im lặng. Bonpland nhắm nghiền mắt, anh nói, anh lo bị sốt trở lại. Bầy khi réo trong cũi, lay các chấn song và nhe răng với nhau. Một con thậm chí còn mở được cũi, nhào lộn, quấy nhiễu bọn chèo thuyền, leo trèo dọc mép thuyền, nhảy lên vai Humboldt và nhổ vào con chó đang gầm ghe.

Mario đề nghị Humboldt kể chuyện gì đó.

Anh không biết chuyện nào, Humboldt nói và đẩy lại cho cân cái mũ bị con khi xoay ngược. Mà anh cũng không thích kể lể. Nhưng anh có thể đọc bài thơ Đức hay nhất, phỏng dịch sang tiếng Tây Ban Nha.

Trên các đỉnh núi tất cả im ắng, trong các tán cây không nghe thấy gió, chim chóc cũng yên lặng, và người ta sắp chết. *(Nguyên văn là một bài thơ của Coethe, làm năm 1783: Uber allen Gipfeln/ Ist Ruh'/ In allen Wipfeln/ Spürest Du/ Kaum einen Hauch;/ Die Vögelein schweigen im Walde/ Warte nur, balde/ Ruhest Du auch).*

Mọi người nhìn anh.

Hết rồi, Humboldt nói.

Thế là hết, Bonpland hỏi.

Humboldt vói tay lấy chiếc kính lục phân.

Xin lỗi, Julio nói. Làm sao đã hết rồi được.

Tất nhiên đó không phải là một chuyện máu me, chiến tranh và phù phép, Humboldt bức dọc nói. Trong đó không có biến hóa, không người nào hóa thành cây, chẳng ai biết bay hoặc ăn thịt người khác. Anh nhanh tay tóm con khi đang định cời dây giày mình, tống nó vào cũi. Con thú con rít lên, chộp tay anh, thè lưỡi, bung tai và chống đít vào anh. Và nếu anh không nhầm, Humboldt nói, mọi người trên thuyền đều có đủ việc để làm thì phải !

Gần San Carlos thì họ vượt qua đường xích đạo từ tính. Humboldt đắm chiều nhìn các dụng cụ. Lúc còn nhỏ anh đã mơ đến chốn này.

Gần tối thì họ đến cửa con kênh huyền thoại. Lập tức những đàn muỗi bổ nhào vào họ. Nhưng màn sương tan đi cùng hơi nóng, trời hửng lên, Humboldt có thể tính được kinh độ. Anh làm việc suốt đêm. Anh đo góc của quỹ đạo mặt trăng so với chòm sao Thập tự phương Nam, rồi để kiểm tra, anh quan sát hàng tiếng đồng hồ qua kính viễn vọng những vết đen ảo trên các mặt trăng của sao Mộc. Chẳng có gì chính xác cả, anh nói với con chó đang chăm chú nhìn mình. Các bảng đều sai, dụng cụ sai, ngay cả bầu trời cũng không tin được. Tự ta phải chính xác để sự lộn xộn không thể làm ta rối trí.

Mãi gần sáng anh mới xong việc. Anh vỗ tay, dậy đi, đừng để phí thì giờ ! Một điểm đầu con kênh đã đo rồi, ta phải nhanh nhanh đến đầu kia.

Bonpland ngái ngủ hỏi, liệu anh có sợ ai đó đến trước anh. Ở nơi tận cùng thế giới, hàng thế kỷ liền chẳng ma nào quan tâm đến con sông khốn kiếp này.

Ai mà biết được, Humboldt nói.

Vùng này không có trong bản đồ nào, họ chỉ có thể mừng tượng dòng nước đưa họ đến đâu. Những gốc cây đứng sát nhau đến nỗi không vào sát bờ được, và cứ vài tiếng lại có một trận mưa phùn ẩm ướt, tuy nhiên không làm dịu cái nóng hay xua được cơn trùng. Hơi thở của Bonpland nghe như kéo bể.

Không sao cả, anh vừa ho vừa nói, chỉ không biết là con sốt đã ở trong người hay còn ngoài không khí.

Tùng là bác sĩ anh khuyên không nên hít sâu. Anh đoán rừng tỏa ra những làn hơi độc. Cũng có thể các xác chết là nguyên nhân.

Không thể thế được, Humboldt nói. Không thể đổ cho các xác chết.

Rốt cuộc họ cũng tìm được một chỗ để camp bờ. Họ dùng dao quăm và rìu phát quang một khoảng để nghỉ đêm. Những con muỗi nổ lách tách trên ngọn lửa trại. Một con dơi cắn vào mũi con chó, nó chảy máu đầm đìa, lẩn lộn và không thể nằm yên. Nó trốn xuống dưới chiếc võng của Humboldt, tiếng gầm gừ làm họ mãi mới ngủ được.

Sáng sớm hôm sau Humboldt và Bonpland không thể cạo râu được, vì mặt họ bị muỗi đốt sưng vù. Vừa định lấy nước sông rửa lên mặt để làm dịu những chỗ sưng thì họ nhận ra là con chó đã biến mất. Humboldt vội vàng lên đạn.

Không phải ý tưởng hay, Carlos nói. Rừng già ở đây ken dày đặc, không khí quá ẩm để dùng vũ khí. Một con báo đã bắt con chó, chẳng còn cách nào cứu vãn cả.

Humboldt không trả lời, anh biến mất sau những gốc cây.

Chín tiếng đồng hồ sau họ vẫn ở tại chỗ. Humboldt quay lại hàng chục lần, uống nước, tắm dưới sông và định đi tiếp. Bonpland ngăn anh lại.

Chẳng có ích gì, con chó mất rồi.

Không, không bao giờ, Humboldt nói, anh không thể chấp nhận.

Bonpland đặt tay lên vai anh. Thật khốn khổ, nhưng con chó đã chết thật rồi !

Chết hẳn rồi, Julio nói.

Chết hẳn rằng, Mario nói.

Có thể nói, Carlos phụ họa, đó là con chó chết vẻ vang nhất mọi thời.

Humboldt nhìn hết người này qua người kia. Anh há miệng rồi lại ngậm miệng, sau đó anh đặt khẩu súng xuống đất.

Mãi vài ngày sau đó mới thấy một khu dân cư. Một nhà truyền giáo, ngo ngẩn vì không được nói quá lâu, lắp bắp chào họ. Mọi người trần truồng và sặc sỡ: một số vẽ quần áo lên người, những người khác vẽ quần phục mà có lẽ chưa bao giờ họ nhìn thấy, vẽ mặt Humboldt sáng lên khi anh nghe kể rằng ở đây làm Curare.

Nghệ nhân làm Curare là một người khá kính có dáng dấp linh mục gầy gò. Ông giải thích cách tuốt cành cây, xay nhỏ vỏ cây trên một phiến đá, cẩn thận đổ chất lỏng qua một cái phễu làm bằng lá chuối. Cái phễu quan trọng nhất. Ông không tin rằng châu Âu có thể đạt được trình độ điều luyện tương tự.

Vâng, Humboldt nói. Không nghi ngờ gì, cái phễu cực kỳ đặc biệt.

Sau đó, nghệ nhân nói, thuốc được nấu cho bay hơi trong một nồi gốm, hãy cẩn thận, thậm chí nhìn vào cũng rất nguy hiểm, rồi đổ thêm một thứ nước cô đặc làm từ lá cây. Và đây, ông đưa cho Humboldt một bát gốm, là thuốc độc mạnh nhất thế giới này cũng như thế giới bên kia. Dùng thuốc này người ta có thể đầu độc cả các thiên thần !

Humboldt hỏi, có thể uống được không.

Người ta bôi lên mũi tên, nghệ nhân nói. Chưa ai thử uống cả. Có ai lại mất trí đến thế.

Nhưng những con thú bị hạ thì có thể ăn được ngay.

Ăn được, nghệ nhân nói, đó là ý nghĩa của công việc này.

Humboldt ngấm nhìn ngón tay trở của mình, rồi anh chấm vào bát và liếm nó.

Nghệ nhân hét lên.

Đừng lo, Humboldt nói. Ngón tay của anh lành lặn, vòm miệng cũng vậy. Nếu người ta không có vết thương thì phải chịu được thuốc. Tuy nhiên anh xin thứ lỗi, anh thấy trong người hơi yếu. Anh khụy gối xuống, ngồi một lát lâu trên nền đất. Anh day trán và khẽ lẩm nhẩm hát. Sau đó anh chậm chậm đứng dậy và mua của nghệ nhân toàn bộ số thuốc dự trữ.

Chuyến đi bị chậm lại một ngày. Humboldt và Bonpland ngồi bên nhau trên một thân cây đổ. Humboldt nhìn mũi giày, Bonpland hát đi hát lại đoạn đầu của một bài đồng dao Pháp. Giờ thì họ đã biết Curare được làm ra thế nào, họ đã cùng nhau chứng minh được rằng người ta có thể uống một lượng đáng kinh ngạc mà không có hậu quả tồi tệ nào ngoài chút chóng mặt và nhìn thấy ảo ảnh, nhưng chỉ cần một lượng nhỏ xúi nhập vào máu đủ làm tê liệt mọi giác quan, một phần năm gam đủ giết chết một con khỉ nhỏ, tuy vậy có thể cứu sống nó bằng cách dùng sức thổi mạnh không khí vào mồm nó, chừng nào thuốc độc còn làm liệt cơ. Sau khoảng một giờ thì tác dụng của chất độc yếu dần, khả năng cử động dần dần trở lại, và ngoài một chút trầm cảm anh không thấy có hậu quả gì nữa. Cũng vì vậy mà khi bụi cây đột ngột rẽ ra và một người đàn ông có ria mép mặc áo vải gai đầm đìa mồ hôi bình thản tiến ra trước họ thì mọi sự cứ như ảo ảnh. Người đàn ông ấy khoảng trên ba mươi, tên là Brombacher và từ Sachsen đến. Anh ta nói, anh không có kế hoạch hay mục đích gì, mà đơn giản chỉ muốn nhìn thấy thế giới.

Humboldt đề nghị anh đi cùng họ.

Brombacher từ chối. Đi một mình người ta sẽ học được nhiều hơn, và khi nào về quê thì tha hồ mà gặp người Đức.

Áp úng vì mất thói quen dùng tiếng mẹ đẻ, Humboldt hỏi về thành phố quê hương của Brombacher, chiều cao của tháp nhà thờ, dân số.

Brombacher trả lời nhẹ nhàng và lịch sự: Bad Kurthing, năm mươi tư bộ, tám trăm ba mươi hai người Anh mời họ một miếng bánh bột bắp thiêu, họ từ chối. Anh kể chuyện người rừng, súc vật và những đêm cô đơn trong rừng già. Mấy phút sau anh đứng dậy, ngả mũ chào, huỳnh huých đi khỏi, và bụi cây khép lại sau anh. Trong tất cả những chuyện trái

khoáy của đời mình, hôm sau Humboldt viết trong thư cho anh trai, đây là cuộc gặp gỡ kỳ thú nhất. Anh sẽ không khi nào biết chắc được rằng đó là một cuộc gặp gỡ thật sự hay chỉ là di chứng cuối cùng của độc dược tác động mạnh đến trí tưởng tượng của anh và Bonpland.

Gần đến tối thì Curare đã buông họ ra, đủ để họ có thể đi lại và thậm chí thấy đói. Trên đồng lửa, những người ở trạm truyền giáo quay một thanh xiên với một cái đầu trẻ con, ba bàn tay bé tí và bốn bàn chân có thể nhận rõ các ngón. Không phải của người, nhà truyền giáo giải thích, họ ngăn cản chuyện đó trong phạm vi của mình. Chỉ là khi con trong rừng.

Bonpland cự tuyệt không chịu nếm món ấy. Humboldt ngáp ngừng cầm một bàn tay và cắn vào. Vị không dở, nhưng anh thấy trong người không ổn. Liệu người ta có mẹo lòng nếu anh không ăn hết ?

Nhà truyền giáo lắc đầu, mồm đầy thức ăn. Chẳng ai quan tâm chuyện đó !

Trong đêm, tiếng muông thú ồn ào giữ họ tỉnh ngủ. Những con khi bị giam đập ầm ầm vào chấn song và không chịu câm mồm. Humboldt viết đoạn đầu những quan sát về tiếng động ban đêm trong rừng và cuộc sống của thú vật mà người ta phải coi là cuộc tranh đấu tiếp diễn, nghĩa là đối nghịch với thiên đường.

Bonpland nói, anh đoán là nhà truyền giáo nói dối.

Humboldt ngẩng lên.

Ông ta sống ở đây lâu rồi, Bonpland nói. Rừng nguyên sinh có sức mạnh ghê gớm. Chắc là ông ấy vậy, vì vậy mới thề thốt. Dân ở đây ăn thịt người, cha Zea đã kể thế, và ai cũng biết. Một người truyền giáo cô độc thì làm được trò trống gì ?

Vớ vẩn, Humboldt nói.

Đúng đấy, Julio nói.

Humboldt lặng yên một lát. Anh xin thứ lỗi. Mọi người đã mệt mỏi rồi. Anh rất thông cảm. Nhưng nếu ai đó một lần nữa đổ liệt cho con đồ đầu của Công tước xứ Braunschweig ăn thịt người thì anh sẽ phải dùng vũ khí.

Bonpland cười.

Anh nói chuyện nghiêm túc, Humboldt nói.

Không hẳn, Bonpland nói.

Nhất định.

Tất cả im lặng bối rối. Bonpland lấy hơi, nhưng rồi không nói gì. Lần lượt từng người quay sang đồng lửa và làm ra vẻ muốn ngủ.

Từ lúc đó trở đi, Bonpland sốt cao hơn. Buổi đêm, anh liên tục đứng dậy và sau vài bước chân lại sụm xuống, miệng cười khúc khích. Một lần Humboldt có cảm tưởng ai đó cúi xuống mình. Anh lơ mơ nhận ra khuôn mặt Bonpland, răng nhe ra, con dao quắm trong tay. Ý nghĩ thoáng qua thật nhanh. Ở đây hay mơ những chuyện kỳ quái, chuyện đó anh biết quá rõ. Anh cần Bonpland. Anh phải tin tưởng vào Bonpland. Anh nhắm mắt và bắt mình nằm im cho đến khi nghe tiếng chân bước. Lim dim mở mắt lần sau, anh thấy Bonpland nhắm mắt nằm cạnh mình.

Ban ngày giờ khắc xáo lộn; mặt trời treo thấp và đỏ rực trên mặt sông, nhìn vào phát nhức mắt, muối tấn công từ mọi phía, ngay cả bọn chèo thuyền cũng kiệt sức chẳng thêm cất tiếng. Một hồi lâu, có một đĩa kim loại bay theo họ, bay trước họ rồi lại lui về phía sau, lướt ngang trời không gây tiếng động, biến mất, hiện ra lần nữa, lại gần mấy phút liền đến nỗi Humboldt còn nhìn thấy qua kính viễn vọng hình phản chiếu cong cong của con sông trên bề mặt chói chang của nó. Rồi nó vụt bay đi và không bao giờ trở lại nữa.

Họ đến điểm cuối của con kênh trong thời tiết sáng sủa. Phía Bắc nhô cao núi non trắng màu hoa cương, phía bên kia đồng cỏ trải mênh mông. Humboldt bám chặt mặt trời qua kính lục phân, đo góc giữa quỹ đạo sao Mộc và đường di chuyển của mặt trăng đang diều qua.

Bây giờ con kênh mới đúng là có thật, anh nói.

Xuôi theo dòng sẽ đi nhanh hơn, Mario nói. Họ không phải ngại những xoáy nước và có thể đi vào giữa dòng, nhờ vậy tránh được đàn muỗi.

Anh không tin, Bonpland nói. Anh không tin có một chốn nào không muỗi nữa. Muỗi xâm nhập cả vào ký ức của anh. Nhớ đến La Rochelle là anh thấy thành phố đầy côn trùng.

Humboldt giải thích, việc dòng kênh được vẽ lên các bản đồ sẽ chặn hưng cả châu lục này. Người ta có thể chuyên chở hàng hóa tắt ngang qua lục địa, các trung tâm thương mại sẽ mọc lên, sẽ có những hoạt động mà hôm nay chưa ai mơ đến.

Bonpland lên con ho. Nước mắt chảy đầm đìa khuôn mặt, anh khạc ra máu. Ở đây chẳng có gì hết, anh khò khè. Nóng hơn cả địa ngục, chỉ có không khí hôi hám, muỗi và rắn. Ở đây sẽ không mọc lên gì cả, và con kênh bẩn thỉu này sẽ không thay đổi được tình thế. Rốt cuộc là họ đã quay về được chưa ?

Humboldt dò ra nhìn anh mấy giây. Anh chưa đưa ra quyết định. Trạm truyền giáo Esmeralda là khu dân cư Thiên chúa giáo cuối cùng trước miền hoang dã. Từ đó trở đi họ sẽ qua vùng đất chưa có dấu chân người, vài tuần sau là đến Amazon. Chưa ai tìm được nguồn sông đó cả.

Mario làm dấu thánh giá.

Nhưng mặt khác thì làm thế có thể không thông minh lắm, Humboldt tư lự nói, vì không phải là ít nguy hiểm. Nếu có chuyện gì xảy ra với anh thì mọi phát kiến và kết quả sẽ cùng anh tiêu tan. Sẽ không ai biết được gì nữa.

Không được phép làm chuyện rủi ro đó, Bonpland nói.

Đó là cú liều mạng, Julio nói.

Chưa kể đến mấy thứ này ! Mario chỉ vào các xác người. Sẽ không ai được nhìn thấy chúng !

Humboldt gật đầu. Cũng có lúc người ta phải biết dừng lại.

Trạm Esmeralda gồm sáu ngôi nhà chìm trong rừng chuối khổng lồ. Không có lấy cả người truyền đạo, chỉ có một cựu binh người Tây Ban Nha chỉ huy mười lăm gia đình da đỏ. Humboldt thuê mấy người đàn ông nạo mối ra khỏi ván thuyền.

Không đi tiếp là một quyết định đúng đắn, người lính nói. Ở xứ hoang dã sau trạm này người ta giết người không chùn tay. Đó là những kẻ có nhiều đầu, bắt tử và trò chuyện với nhau bằng ngôn ngữ của mèo.

Humboldt thở dài bực dọc; anh thất vọng nếu một người khác tìm ra các nguồn chảy của Amazon trước mình. Để quên đi chuyện đó, anh nghiên cứu hình vẽ mặt trời, trăng sao và những con rắn cuộn khúc phức tạp tạc trên sườn đá gần một trăm thước trên mặt sông.

Mực nước ngày xưa nhất định cao hơn, người lính nói.

Không cao đến thế, Humboldt nói. Rõ ràng núi đá từng nằm thấp hơn. Anh có một ông thầy ở Đức mà anh sẽ không dám liều mạng kể chuyện này.

Hay họ biết bay, người lính nói.

Humboldt mỉm cười,

Nhiều sinh vật biết bay, người lính nói, và chẳng ai lấy đó làm lạ. Ngược lại thì chưa ai thấy một ngọn núi trời lên cao.

Người không bay đượ, Humboldt nói. Thậm chí có nhìn thấy thì anh cũng chẳng tin.

Và cái đó gọi là khoa học ?

Đúng, Humboldt nói, khoa học là thế.

Khi thuyền đã sửa sang xong và Bonpland hạ sốt, họ lên đường quny về. Lúc chia tay, người lính nhờ Humboldt nói giúp ông ở kinh đô để được thuyền chuyển đến nơi khác. Không sao chịu được. Mới đây ông thấy một con nhện trong thức ăn, ông để hai lòng bàn tay cạnh nhau, to chừng này ! Mười hai năm rồi, không thể bắt ai làm chuyện ấy. Tràn ngập hy vọng, ông tặng Humboldt hai con vẹt và vẫy theo họ rất lâu.

Mario đã nói đúng: họ đi xuôi theo sông nhanh hơn, và muỗi ở giữa sông ít hung hãn hơn. Ít lâu sau họ đến trạm dòng Tên, nơi cha Zea ngạc nhiên ra chào đón.

Ông không mong gặp lại họ sớm như vậy. Quả là sức vóc đáng nể ! Họ đi xoay xở ra sao với lũ yêu tinh ăn thịt người ?

Anh không gặp đứa nào, Humboldt nói.

Buồn cười thật, cha Zea nói. Nói đúng ra thì các bộ lạc ở vùng dưới đó đều ăn thịt người cả.

Anh không thể xác nhận điều đó, Humboldt cau mày nói.

Dân ở trạm của ông không yên từ khi họ xuất hành, cha Zea kể. Họ rất nhức nhối khi người ta đưa tổ tiên mình ra khỏi mộ. Có lẽ tốt hơn cả là họ chuyển ngay sang cái thuyền cũ của mình và đi tiếp.

Trông có vẻ như sắp trở trời, Humboldt phản đối.

Không chần chừ được, cha Zea nói. Tình thế căng thẳng, và ông không bảo đảm được điều gì.

Humboldt suy nghĩ một lát. Rồi anh nói, bề trên bảo thì phải nghe thôi.

Đến chiều, mây nổi cuồn cuộn, tiếng sấm rền xa xa trên bình nguyên, và đột ngột họ ở giữa cơn giông mạnh nhất mà họ từng gặp trong đời. Humboldt sai hạ buồm và chuyển hòm xiểng, xác người cùng củi thú vật lên một đảo đá.

Gió gặt bão, Julio nói.

Mưa chưa làm hại ai cả, Mario nói.

Mưa hại tất cả, Carlos nói. Mưa có thể giết người. Đã có người chết vì mưa rồi.

Họ sẽ không bao giờ về được đến nhà, Julio nói.

Thì đã sao, Mario nói, anh ta chưa bao giờ thích thú gì ở nhà cả.

Ở nhà, Carlos nói, có thần chết.

Humboldt sai buộc dây neo thuyền phía bờ bên kia. Họ rời đảo, đúng lúc đó một đợt lũ làm nước sông dâng lên và cuốn con thuyền đi. Humboldt và Bonpland còn nhìn thấy một mái chèo bắn tung lên, sau đó làn nước sôi bọt che hết tầm nhìn của họ. Mấy giây sau con thuyền chợt thoáng hiện ra tận đằng xa, rồi tất cả mất dạng cùng bốn gã chèo thuyền.

Bây giờ thì sao, Humboldt hỏi.

Giờ thì đã ở đây rồi, Bonpland nói, họ có thể xem xét núi đá này.

Một động đá dẫn xuống dưới con nước xiết. Phía trên đầu họ tiếng nước ầm vang, từng cột nước lớn tuôn qua các lỗ thùng trên trần, giữa chúng vẫn còn đất khô. Bonpland giọng khản đặc đề nghị đo nhiệt độ.

Humboldt có vẻ kiệt sức. Anh không thể lý giải tình trạng đó, song nhiều khi anh mấp mé đứng trước quyết định tung hê tất cả. Anh chậm chạp mó má các thiết bị. Giờ thì ra khỏi đây, hang có thể bị ngập bất cứ lúc nào !

Họ chạy vội ra ngoài.

Mưa to hơn. Nước xối xuống đầu họ như từ trong thùng, làm quần áo giày dép ướt sũng và nền đất trơn nhầy không có chỗ bám chân. Họ ngồi xuống đợi. Cá sấu trôi lừ lừ trong làn nước ngầu bọt. Khi trong cúi hủ lên, đập cửa và lay chấn song. Hai con vệt ử rử như miếng giẻ ướt vắt trên sào. Một con tro mắt nhìn phiến nảo, một con không ngừng lăm bầm than phiến bằng thứ tiếng Tây Ban Nha tồi tệ.

Nếu con thuyền không quay lại thì làm gì ? Humboldt hỏi.

Họ sẽ quay lại thôi, Bonpland nói. Cứ yên tâm.

Mưa càng mạnh hơn, cứ như ông trời định dội họ trôi khỏi đảo, Chân trời nhằng nhằng chớp giật, tiếng sấm bị ngắt ở núi đá ven bờ, làm cho tiếng vọng của mỗi lần sét đánh trộn lẫn vào tiếng tiếp theo.

Chuyện không hay, Humboldt nói. Họ bị nước vây xung quanh và hiện đang ngồi trên điểm cao nhất. Hy vọng là lý thuyết về sét của ông Franklin không đúng.

Bonpland lẳng lặng lấy chai rượu của mình ra uống.

Humboldt nói, anh ngạc nhiên thấy nhiều con vật họ thằn lằn trong dòng nước xiết. Ngược với quan điểm của ngành động vật học.

Bonpland làm thêm một ngụm nữa.

Mặt khác thì người ta cũng thấy những con cá thậm chí biết leo ngược thác.

Bonpland nhướng mày. Sấm biến thành một tiếng ù không giảm, Phía cuối đảo, chưa đầy năm chục bước cách chỗ họ ngồi, có gì đen đen to tướng nặng nề leo lên mặt đá.

Nếu họ chết, Humboldt nói, sẽ không ai biết đến họ.

Thì đã sao, Bonpland nói và ném cái chai rỗng đi. Chết là hết.

Humboldt lo ngại nhìn về phía con cá sấu. Nếu họ về được đến bờ biển thì anh sẽ gửi cho anh mình mẫu cây cỏ, bản đồ, nhật ký và các bộ sưu tập. Trên hai tàu thủy khác nhau. Sau đó anh mới lên đường đi Cordilleras *(đây núi nằm ở phía Tây của Bắc Mỹ và Nam Mỹ có nguồn gốc từ hoạt động núi lửa).*

Cordilleras ?

Humboldt gật đầu. Anh muốn xem những núi lửa vĩ đại. Vấn đề học thuyết Neptun phải được giải quyết dứt điểm.

Họ không biết là đã ngồi đợi bao lâu.

Một con bò chết bị cuốn trôi qua, sau đó là nấp một cây đàn dương cầm, một bàn cờ, rồi đến một chiếc ghế xích đu gãy nát. Humboldt cẩn thận lấy đồng hồ ra, lắng tai nghe tiếng tích tắc khe khẽ của Paris và cố xem kim chỉ qua túi bọc tấm sập. Hoặc là con giông vừa bắt đầu trước đó mấy phút, hoặc là họ kẹt ở đây trên mười hai tiếng rồi, hoặc nữa trận mưa không chỉ xáo tung con sông, rừng và trời, mà ngay cả thời gian nữa, nó cuốn trôi mất vài giờ đồng hồ làm cho buổi trưa nay tan lẫn vào buổi đêm và sáng hôm sau. Humboldt vòng hai tay ôm lấy đầu gối.

Đôi khi, anh nói, mọi chuyện làm anh phải suy nghĩ. Thực ra thì anh phải trở thành một viên thanh tra hằm hằm. Được sống trong một lâu đài ở Đức, sinh con đẻ cái, Chủ nhật đi săn hươu và mỗi tháng một lần đến thăm thành phố Weimar. Vậy mà giờ này anh ngồi đây giữa trận hồng thủy, dưới những vì sao lạ, đợi một chiếc thuyền có lẽ sẽ không quay lại.

Bonpland hỏi, liệu anh có cho đó là một sai lầm. Lâu đài, con cái, Weimar. Xứng đáng quá đi chứ !

Humboldt hạ chiếc mũ đã bị nước mưa hóa thành một nắm giẻ vô dụng. Một con dơi bay từ trong rừng ra, sa ngay vào con bão và bị mưa đè xuống, sau mấy nhát đập cánh nó bị dòng nước cuốn phăng đi.

Anh chưa hề có ý nghĩ đó.

Không nghĩ lấy một giây ?

Humboldt cúi người ra phía trước và ngó về phía con cá sấu. Anh suy nghĩ, rồi lắc đầu.

Sao

Sau khi thông báo hành tinh sẽ tái xuất hiện lần tới vào lúc nào và ở đâu và dĩ nhiên là chẳng được ai tin, rồi sau đó cục đá khổng kiếp ấy quả thật chính xác từng ngày từng giờ hiện ra trong màn đêm, giờ thì anh đã nổi tiếng. Thiên văn học là một môn khoa học phổ thông, được vua chúa quan tâm, được các vị tướng dõi theo sự phát triển, các lãnh chúa tung giải thưởng cho phát kiến mới và báo chí đăng tin về Maskelyne, Mason, Dixon và Piazzzi như những người hùng. Ai mở rộng chân trời toán học cho muôn đời sau thì mới chỉ là một kẻ gây hiểu kỳ. Nhưng ai phát hiện ra một vì sao thì đủ ăn tiêu đến già.

Maskelyne: Nevil Maskelyne (1732-1811) nhà thiên văn Anh.

Mason: Charles Mason (1730-1787) nhà thiên văn Anh.

Dixon: Jeremiah Dixon (1733-1779) kỹ sư trắc địa Anh. Cùng Charles Mason, ông đo lại giới tuyến "Mason-Dixon Line" để chấm dứt xung đột giữa Pennsylvania và Maryland (USA).

Gauss không biết phải đáp lại ra sao, anh im lặng cúi xuống.

Còn chuyện riêng thế nào ? Công tước hỏi sau phút nghĩ ngợi quen thuộc. Ông nghe nói anh muốn thành hôn.

Có chứ, Gauss nói, có chứ ạ.

Phòng tiếp khách đã thay đổi. Nhưng tấm gương trên trần, rõ ràng đã không còn thời thượng, được thay thế bởi hình hoa lá mạ vàng. Cũng ít nến cháy hơn. Cả Công tước trông cũng khác: ông đã già đi, một bên mi mắt chảy sệ, má ông sần lên, tấm thân nặng nề của ông như thể đè nặng lên đầu gối một cách đau đớn.

Con gái một thợ thuộc da, như ông nghe kể ?

Đúng thế, Gauss nói, và mỉm cười phụ thêm: thưa bề hạ. Kính cẩn làm sao ! Ở chốn này ! Anh phải kìm mình để không thể hiện vẻ bất kính, vì thật sự anh quý Công tước. Ông không phải một kẻ tồi tệ, ông cố gắng làm nghiêm túc mọi việc, và so với đa số những người khác thì ông hoàn toàn không dốt nát.

Phải kiếm sống cho gia đình, Công tước nói.

Không thể khác được, Gauss nói. Do vậy anh toàn tâm toàn ý vào chuyện Ceres.

Công tước nhăn trán nhìn anh.

Gauss thở dài. Anh cố nói thật chậm. Ceres là tên người ta đặt cho tiểu hành tinh mà Piazzzi là người đầu tiên trông thấy và anh, Gauss, đã xác định được quỹ đạo. Hoàn toàn chỉ vì kế hoạch thành hôn mà anh hiến toàn bộ sức mình để giải quyết vấn đề này. Anh biết là phải làm gì mang tính thực tế mà ai cũng hiểu, kể cả những người ít... Anh ngập ngừng, kể cả những người ít quan tâm đến toán học.

Công tước gật đầu. Gauss nhớ lại là không được nhìn trực diện ông, và cụp mắt xuống. Anh tự hỏi là bao giờ lời mời sẽ đến. Luôn luôn có sự giằng co mệt mỏi, luôn luôn vòng vèo. Mất nhiều thì giờ để bàn ra tán vào !

Về chuyện này thì ông có một ý tưởng, Công tước nói.

Gauss nhướng mày thật cao để làm bộ ngạc nhiên. Anh biết đó là ý tưởng của Zimmermann và ông đã mất hàng giờ đồng hồ để thuyết phục Công tước.

Có thể anh chưa để ý rằng Braunschweig chưa có một đài thiên văn nào.

Thật đúng dịp, Gauss nói.

Sao ?

Anh có nhận ra điều đó.

Công tước tự hỏi, có lẽ đã đến lúc thành phố nên có một đài thiên văn. Và tiến sĩ Gauss, dù còn rất trẻ, sẽ là giám đốc đầu tiên ở đó. Công tước chống tay vào cạnh sườn. Khuôn mặt ông nở một nụ cười rộng. Anh ngạc nhiên, đúng không ?

Anh muốn có thêm tước vị giáo sư, Gauss nói.

Công tước im lặng.

Tước vị giáo sư, Gauss nhắc lại, nhấn mạnh từng từ một. Một chỗ làm việc tại trường Đại học Helmstedt. Lương tháng gấp đôi.

Công tước bước lên rồi lùi lại, lăm bằm trong miệng, nhìn lên trần nhà trang trí cây lá mạ vàng. Gauss tận dụng thời giờ để đếm tiếp vài số nguyên tố. Anh đã đếm đến vài nghìn số rồi, và anh khá tin tưởng là người ta không bao giờ tìm ra được công thức để xác định chúng. Nhưng nếu đếm được vài trăm nghìn số thì người ta có thể tính được sát sạt xác suất xuất hiện của chúng. Đến một lúc, anh quá tập trung, đến nỗi giật bắn mình khi nghe Công tước nói, người ta không được mặc cả với vua chúa.

Anh đâu muốn nói thế, Gauss nói. Ngược lại, anh cho rằng cần phải thông báo rằng từ Berlin đã có lời mời anh, cũng như từ Viện hàn lâm Saint Petersburg. Anh vẫn thích nước Nga từ lâu. Và đã nhiều lần có kế hoạch học tiếng Nga.

Petersburg, Công tước nói, xa xôi lắm. Berlin cũng chẳng gần. Nếu suy nghĩ cho kỹ thì vị trí gần gũi nhất chính là ở đây. Vị trí nào khác cũng đều xa xăm cả. Kể cả Gottingen. Ông không phải là nhà khoa học, hãy sửa lời ông nếu thấy ông nhầm.

Không đâu, Gauss nói, mắt cảm xuống đất. Công tước nói đúng.

Còn nếu tình yêu quê hương không giữ nổi ai đó thì ít nhất cũng phải biết rằng đi lại rất mệt. Đến nơi khác, người ta phải làm quen cuộc sống mới, sẽ có lắm phiền nhiễu, chuyển nhà thì tốn kém và là một việc cực nhọc. Nếu lại còn một người mẹ già ở nhà nữa...

Gauss cảm thấy mặt mình đỏ lên. Mỗi khi ai nhắc đến mẹ anh là lại xảy ra chuyện ấy; không phải vì xấu hổ, mà vì anh yêu mẹ vô cùng. Tuy nhiên, anh phải gắng gượng rồi lặp lại: vậy nhưng, không phải bao giờ người ta cũng được làm cái mình muốn. Ai có gia đình, người đó cần tiền và phải đến nơi nào kiếm được tiền.

Ta sẽ thỏa thuận được thôi, Công tước nói. Tước vị giáo sư thì có thể. Cả khi không được hai lương.

Nếu người ta muốn tước hiệu đó chỉ vì tiền lương ?

Thì người đó không xứng với vinh quang của nghề nghiệp, Công tước lạnh lùng đáp.

Gauss hiểu ra là anh đã đi quá đà. Anh cúi chào. Công tước khoát tay cho phép anh đi, người hầu mở ngay cánh cửa sau lưng anh.

Trong khi đợi lời mời chính thức của triều đình, anh bận bịu với phép tính quỹ đạo. Quỹ đạo của tinh cầu, anh nói với Johanna, không chỉ là một sự dịch chuyển nào đó, mà là kết quả tất yếu của những tác động đến từ mọi vật thể trong khoảng không. Đó là vết đường với độ cong giống hệt nhau trên giấy cũng như trong không gian khi ta thả rơi tự do một đồ vật. Câu đố của lực hấp dẫn. Hấp lực dai dẳng của vạn vật.

Vạn vật hấp dẫn, cô nhắc lại và lấy cái quạt đập lên vai anh. Anh định hôn cô, cô vừa cười vừa tránh anh. Anh chưa hề tìm ra lý do tại sao cô thay đổi ý kiến. Từ lá thư thứ hai trở đi cô làm ra vẻ đó là chuyện đương nhiên. Và anh thích thú nhận ra có những điều mà anh không hiểu.

Hai hôm trước ngày cưới, anh phi ngựa đến Gottingen thăm Nina lần cuối cùng.

Anh sắp lấy vợ, cô nói, và tất nhiên không cưới cô.

Không, anh nói, tất nhiên không.

Cô muốn biết có đúng là anh không hề yêu cô.

Có một chút, anh trả lời trong khi tháo dây buộc trên áo dài của cô và không tin nổi là hai hôm nữa sẽ làm chính việc đó với Johanna. Còn lời hứa kia thì anh sẽ giữ, anh sẽ học tiếng Nga. Và mặc cho Nina cả quyết là không có chuyện gì đâu, rằng trong cái nghề này người ta trở nên ủy mị, anh sùng sốt và phật ý khi thấy cô khóc.

Con ngựa khịt mũi giận dữ khi trên đường về anh bắt nó dừng lại giữa một quãng đồng trống. Anh chợt nghĩ ra cách xác định khối lượng của sao Mộc thông qua độ lệch quỹ đạo của Ceres. Anh ngẩng nhìn lên bầu trời đêm, cho đến khi gáy đau nhức. Vừa mới đây thôi, trên đó chỉ là những chấm sáng. Bây giờ anh phân biệt được những chòm sao, biết những ngôi sao nào đánh dấu các vĩ độ quan trọng trên biển, quen đường đi của chúng, lúc nào chúng hiện ra và lặn đi. Những điều đó anh tự biết, thật ra chỉ vì anh cần tiền nên những ngôi sao ấy thành nghề của anh và anh trở thành người đọc ra chúng.

Có ít khách đến đám cưới: bố anh, luống tuổi và lưng đã cong, mẹ anh, sụt sùi như một đứa trẻ, Martin Bartels và giáo sư Zimmermann, ngoài ra còn có gia đình Johanna, bạn gái Minna xấu xí của cô và một tay thư ký của triều đình với vẻ ngơ ngác không biết tại sao được cử tới đây. Trong bữa tiệc tăn tiện, bố anh nói về chuyện người ta không được uốn lưng, không bao giờ, trước bất kỳ ai, sau đó Zimmermann đứng dậy, mở miệng toan nói gì đó, mỉm cười đáng yêu với cả bàn rồi lại ngồi xuống. Bartels hích vào người Gauss.

Gauss đứng dậy, nuốt nước bọt và nói, anh chưa từng mong đợi tìm được thứ gì đó như hạnh phúc, và nói cho cùng thì đến phút này anh cũng không tin. Nó hiện ra trước mắt anh như một phép tính sai, một nhầm lẫn mà anh hy vọng sẽ không có ai phát hiện ra. Anh ngồi xuống và ngạc nhiên đón nhận những ánh mắt ngơ ngác. Anh khẽ hỏi Johanna, liệu anh đã nói gì không phải.

Đâu có, cô đáp lời. Cô vẫn từng mơ ước được nghe chính bài diễn văn ấy trong lễ cưới của mình.

Một tiếng sau, những vị khách cuối cùng đã đi khỏi và anh cùng Johanna lên đường về nhà. Họ không nói nhiều. Chợt hai người thấy nhau lạ lắm.

Anh kéo rèm trong phòng ngủ, tiến đến trước cô, cảm thấy cô muốn lùi lại, dịu dàng giữ chặt cô và bắt đầu gỡ những dải băng trên áo cô. Trong bóng đêm quá không đơn giản. Nina luôn mặc những đồ không gây phiền phức. Lâu quá, vải gây vướng víu và nhiều dải băng đến nỗi gỡ mãi mà không xong. Nhưng rồi anh cũng làm được, chiếc áo dài rơi xuống, và đôi vai trần của cô trắng thắp thoáng trong bóng đêm. Anh vòng tay qua vai cô, bất giác cô lấy bàn tay che ngực, và anh cảm thấy sự miễn cưỡng của cô khi đưa cô đến giường. Anh suy nghĩ nên xoay xở ra sao với chiếc váy lót của cô, xong được chiếc áo dài là đã đủ mệt rồi. Tại sao đàn bà không mặc những đồ mà người ta dễ cởi ra ? Đừng sợ, anh thì thầm với cô và ngạc nhiên khi cô trả lời rằng cô không sợ, rồi với một động tác chính xác mà anh không hề được chuẩn bị, cô mở khóa thắt lưng anh ra. Em đã làm chuyện này rồi ? Anh nghĩ gì về cô vậy, cô vừa cười vừa hỏi, và trong nháy mắt chiếc váy lót của cô nằm phồng một đồng trên nền nhà, và do cô ngần ngại nên anh kéo cô vào mình. Họ nằm bên nhau, thở dốc, người này đợi nhịp tim của người kia lắng xuống. Khi anh cho tay lần qua ngực cô xuống bụng rồi quyết định, mặc dù có mặc cảm tội lỗi, liêu xuống dưới nữa, thì vàng trắng hiện ra nhợt nhạt giữa hai cánh rèm, và anh xấu hổ, vì trớ trêu thay, chính trong giây phút ấy anh vỡ lẽ ra là người ta có thể chinh lại đúng sai trong khi đo quỹ đạo của các hành tinh ra sao. Anh chỉ muốn ghi lại, song lúc đó tay cô lần tay theo lưng anh xuống phía dưới. Cô không tưởng tượng ra như thế, cô nói trong sự hòa trộn giữa sợ hãi và tò mò, sinh động quá, cứ như có một sinh vật thứ ba bên họ. Anh lặn lên người cô, và do thấy cô giật mình nên anh đợi một lát, rồi cô quặp đùi ôm người anh, song anh xin lỗi, nhồm dậy, lập cập đi ra bàn, chấm cây viết vào mực và viết, không kịp thấp thỏm: tổng các bình ph. của độ chênh lệch giữa q. sát và t. toán, quan trọng lắm, anh không thể quên được. Anh nghe cô nói, cô không thể tin và cũng

không tin nổi, ngay cả bây giờ, khi cô thực mục sở thị. Nhưng anh xong rồi. Lúc quay lại, anh đã phải chân giương, rồi trở lại cảm giác thấy cô dưới mình, và mãi đến khi cô kéo anh sát lại thì anh mới nhận ra mình bồn chồn nhường nào, và trong một thoáng anh ngỡ ngàng rằng hai con người hầu như không biết gì nhau lại vào lâm vào cảnh này. Nhưng sau đó có gì đổi khác, và anh không ngưng nữa, và đến gần sáng thì họ đã biết nhau tường tận như thể luôn làm chuyện ấy và luôn làm với nhau.

Hạnh phúc làm người ta ngu đi ? Những tuần kế tiếp, khi đọc *Luận về số học* đôi khi anh thấy như không phải sách của mình. Anh phải thật tập trung để hiểu hết các dẫn luận. Anh tự hỏi, không biết có phải liệu trí óc mình đã tụt xuống bậc tầm tầm. Thiên văn học là một khoa học thô hơn toán học. Người ta không chỉ suy tưởng để giải quyết được vấn đề, mà phải ngó chòng chọc qua ống kính cho đến chảy nước mắt, và một người khác phải ghi lại các kết quả đo đạc vào một bảng dài dằng dặc. Việc này anh giao cho ông Bessel người Bremen với năng khiếu duy nhất là không khi nào nhầm lẫn. Là giám đốc đài thiên văn, Gauss có quyền tuyển dụng phụ việc - ngay cả khi chưa đặt một viên gạch móng cho đài.

Anh nhiều lần xin yết kiến, nhưng Công tước luôn bận. Anh viết một bức thư phần nộ và không được hồi âm. Anh viết bức thứ hai, và khi vẫn không ai phản ứng cả thì anh kiên trì ngồi đợi trước phòng khách cho đến khi một người thư ký trong trang phục xộc xệch và tóc tai bù rối mời anh ra khỏi. Ngoài phố anh gặp Zimmermann và thống thiết than phiền. Giáo sư nhìn anh như thấy ma và hỏi, có đúng là anh không biết chiến tranh đã nổ ra.

Gauss nhìn quanh. Đường phố im ắng trong ánh nắng, một thợ nướng bánh vác giỏ bánh mì đi qua, con gà chỉ hướng gió bằng tôn trên mái nhà thờ uể oải phản sáng. Từ đỉnh hương thơm ngát. Chiến tranh ư ?

Quả thật từ hai tuần nay anh không đọc báo. Ở nhà Bartels vốn có thói giữ lại tất cả, anh ngồi trước một chồng báo cũ. Anh cau có đọc một bài tường trình của Alexander von Humboldt về cao nguyên Caxamarca.

Thằng cha này mò đi khắp nơi ! Song đúng lúc anh bắt đầu đọc đến thông báo chiến tranh thì bị ngắt quãng bởi tiếng nghiêng rào rào của một đoàn xe. Lưỡi lê, mũ kỵ binh và giáo mác diễu qua cửa sổ trong vòng nửa tiếng. Bartels hỗn hển chạy về đến nhà và kể rằng Công tước nằm trên một chiếc xe ngựa trong đoàn, ông bị trúng đạn ở gần Jena, máu chảy như cắt tiết, đang hấp hối. Mọi sự hồng cả rồi.

Gauss gấp báo lại. Thế thì anh về nhà được rồi.

Anh không thể hé cho ai biết, nhưng anh ưa tay Bonaparte này. Nghe nói ông ta đọc cho sáu thư ký chép thư cùng lúc. Ngày xưa ông đã viết một luận văn kiệt xuất về vấn đề chia đường tròn bằng com-pa cố định. Ông thắng trận bằng cách cả quyết sớm nhất cũng như có sức thuyết phục nhất rằng ông đã thắng trận. Ông tư duy nhanh nhạy và thấu đáo hơn người khác, đó là toàn bộ bí quyết. Gauss tự hỏi, liệu Napoléon đã nghe nói về mình chưa.

Chuyện đài thiên văn chắc là sắp tới không có động tĩnh gì, anh nói với Johanna lúc ăn tối. Anh vẫn quan sát bầu trời từ phòng khách, như thể không ổn ! Anh có lời mời từ Gottingen, ở đó người ta cũng định xây một đài quan sát, không xa nhà, anh có thể về thăm mẹ hằng tuần. Chuyện nhà có lẽ xong xuôi trước khi đưa con ra đời.

Nhưng, Johanna nói, Gottingen bây giờ thuộc Pháp.

Gottingen thuộc Pháp ?

Tại sao chính anh lại là người mù quáng không thấy những gì mọi người đều thấy, cô kêu lên. Gottingen thuộc về Hannover, mà thể chế đồng trị dưới vương triều Anh đã tiêu tan sau khi người Pháp thắng trận và bị Napoléon sáp nhập vào tân vương quốc Westfalen dưới quyền trị vì của Jérôme Bonaparte (*Jérôme Bonaparte: (1784-1860) em út của Napoléon Bonaparte, từ 1807 vua xứ Westfalen.*). Một công chức Westfalen sẽ đứng trước mặt ai tuyên thệ nhậm chức ? Trước mặt

Napoléon !

Anh day trán. Westfalen, Jérôme, anh lặp lại, tựa như sự thể rõ ràng hơn khi anh nói ra miệng. Chuyện đó đáng giá đến họ ?

Đáng giá đến nước Đức, cô nói, và nghĩa là đáng giá đến chỗ đứng của họ.

Anh bắt lực nhìn cô.

Cô biết rồi, bây giờ anh định nói là nhìn ngược lại từ tương lai thì hai phe sẽ hòa hợp, và sắp đến lúc chẳng ai bận tâm đến những điều mà hôm nay người ta hy sinh vì chúng. Nhưng có thay đổi được gì ? Quy lụy tương lai là một dạng của uơon hèn. Liệu anh có tin rằng con người khi đó sẽ khôn ngoan hơn ?

Có lẽ khôn ngoan hơn một chút, anh nói. Bắt buộc phải thế.

Nhưng ta sống trong hôm nay !

Thế mới tiếc, anh nói, đập nền, đi ra chỗ kính viễn vọng và hướng nó lên bề mặt mù sương của sao Mộc. Trong màn đêm trong trẻo anh nhìn thấy những mặt trăng bé xíu của sao Mộc rõ hơn bao giờ hết.

Ít lâu sau anh tặng giáo sư Pfaff chiếc kính viễn vọng, và họ chuyển nhà đến Gottingen. Ở đây cũng đầy rẫy lộn xộn. Lính Pháp làm ồn ào suốt đêm, và ở nơi đài quan sát sẽ mọc lên người ta thậm chí còn chưa đào móng, chỉ có vài con cừu đang gặm cỏ. Anh phải quan sát các vì sao từ phòng tháp cũ của giáo sư Lichtenberg nằm trên tường thành. Và tệ nhất là: người ta buộc anh phải họp nhóm chuyên môn. Các chàng trai trẻ đến phòng khách của anh, đứng dựa trên ghế của anh và bôi bẩn đệm sofa trong khi anh vắt hết sức lực để làm cho họ hiểu một tí chút gì đó.

Trong tất cả những người anh đã từng gặp trong đời thì các sinh viên của anh là lữ ngu nhất. Anh nói chậm đến nỗi chưa xong câu thì anh đã quên bém từ đầu tiên. Chẳng ích gì. Anh bỏ qua các đoạn khó khăn và chỉ giữ những luận, cứ nhập đề. Họ cũng không hiểu. Anh phát khóc lên được. Anh tự hỏi, phải chăng những kẻ điên điên có một ngôn ngữ dị biệt mà người ta có thể học như học ngoại ngữ. Anh vung tay múa chân, chỉ vào miệng và uốn lưỡi phát âm thật rõ các âm tiết như nói chuyện với người câm điếc. Nhưng bài thi chỉ có một chàng trai với cặp mắt sáng màu làm được. Anh ta tên là Moebius, và có lẽ đó là người duy nhất không bị thiếu năng trí tuệ. Khi trong kỳ thi thứ hai lại chỉ có mình anh ta đỗ thì ông trưởng khoa trong cuộc họp khoa gọi Gauss ra nói chuyện riêng và xin anh chớ khắt khe quá mức. Khi Gauss ầm ức trào nước mắt về đến nhà thì thấy ở đó toàn những khách lạ không mời: một thầy thuốc, một mục đồ dè dặt và hai ông bà nhạc.

Anh đã bỏ lỡ tất cả, bà mẹ vợ nói, chắc là đầu óc lại chỉ toàn trắng với sao !

Đến một ống kính viễn vọng tử tế còn chưa có, anh hậm hực nói. Có chuyện gì xảy ra vậy ?

Một thằng cu.

Thằng cu nào vậy ? Khi gặp ánh mắt của bà thì anh hiểu ra. Và anh biết ngay là bà sẽ không bao giờ tha thứ cho anh chuyện đó.

Anh đau khổ vì thấy khó mà yêu nổi đứa bé. Người ta nói với anh là tình cảm ấy sẽ tự đến. Nhưng mấy tuần sau khi sinh, khi anh đỡ trên tay cái sinh vật yếu ớt, vì lý do nào đó mang tên là Joseph, và ngắm nghía cái mũi tí xíu cùng những ngón chân đầy đủ một cách khó hiểu của nó thì trong lòng anh không thấy gì ngoài thương hại và ngại ngùng. Johanna đỡ lấy con và hỏi hơi có chiều lo lắng, phải chăng anh không hạnh phúc. Dĩ nhiên là có chứ, anh nói và đi tới chiếc kính viễn vọng.

Từ khi họ ở Gottingen, anh lại đến chỗ Nina. Cô không còn trẻ trung, và cô đón tiếp anh thân thuộc như một người vợ. Anh vẫn chưa học tiếng Nga, cô nói giọng oán trách, còn anh xin lỗi và hứa sẽ sớm bắt đầu. Anh tự thề với mình rằng Johanna sẽ không biết gì về

những chuyến thăm viếng này, có bị tra tấn anh vẫn nói dối. Anh có nghĩa vụ giữ cô tránh xa sự đau khổ. Anh không có nghĩa vụ nói sự thật với cô. Hiểu biết là đau khổ. Không ngày nào trôi qua mà anh không mong mỏi, giá như mình kém hiểu biết đi thì hơn.

Anh bắt tay vào một tác phẩm về thiên văn học. Không có gì trọng đại, không phải một cuốn sách để đời như Luận về số học, anh coi đó là thời đã qua. Nhưng tác phẩm này đưa ra hướng dẫn để tính quỹ đạo một cách chính xác chưa từng có. Và anh phải vội vàng lên. Mặc dù vừa đến tuổi ba mươi, anh nhận ra khả năng tập trung tinh thần của mình đã giảm sút và những quang nghĩ mà mọi người có vẻ cần có trước khi trả lời ngày càng ngắn đi. Anh rụng thêm vài cái răng, những cơn đau quặn ruột hành hạ anh tuần này qua tuần khác. Thầy thuốc khuyên anh mỗi sáng hút một tàu thuốc và tắm nước ấm trước khi đi ngủ. Anh chắc mình sẽ không sống lâu. Khi Johanna báo cô có mang đứa nữa thì anh không biết là mình nên vui hay buồn. Nhất định nó sẽ lớn lên mà không có bố. Ít nhất thì lần này anh làm mọi việc đúng đắn: anh lo lắng lúc cô sinh nở và nhẹ người sau đó, và để tỏ cảm tình với cô bạn gái Minna ngốc nghếch của vợ, họ đặt tên con gái là Wilhelmine. Mấy tháng sau, khi anh thử dạy con gái làm tính thì Johanna nói rằng còn quá sớm.

Vì Johanna lại có mang, anh miễn cưỡng đi đến Bremen để cùng Bessel duyệt lại bảng sao Mộc. Cả tuần trước khi đi anh ngủ kém, mơ dữ, ban ngày cáu kỉnh và trầm cảm. Chuyến đi còn tệ hơn hồi đi Königsberg, xe ngựa chật hơn, những người đồng hành hơi hám hơn, và khi một bánh xe bị gãy thì họ phải đứng bốn giờ liền trong bùn dơ tay xà ích vừa chửi rủa vừa sửa chữa. Vừa xuống khỏi xe, sức kiệt, đầu nặng và lưng đau, lập tức Gauss bị Bessel hỏi ngay chuyện tính khối lượng sao Mộc dựa trên những nhiễu loạn của Ceres. Và nó đã có một quỹ đạo cố định chưa ?

Gauss đỏ bừng mặt mũi. Chưa xong, anh phải làm gì nữa đây ! Anh đã tiêu tốn vào đó hàng trăm giờ. Vụ này phức tạp ngoài sức tưởng tượng. Một việc khôn khổ, và anh cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa, người ta nên nương nhẹ với anh, anh cũng chẳng sống lâu nữa, thật sai lầm khi bắt tay vào công việc vợ vẫn này.

Bessel dè dặt hỏi, anh có muốn ngắm biển không.

Không đi thám hiểm, Gauss nói.

Biển kìa ngay đây, Bessel nói, như một cuộc đi dạo thôi !

Thực ra đó là một chuyến đi khá vất vả, và xe ngựa lắc lư mạnh đến nỗi Gauss lại lên cơn đau bụng. Trời mưa, cửa sổ đóng không kín, và họ ướt đến tận đồ lót.

Nhưng bỏ công, Bessel nói đi nói lại. Người ta phải nhìn thấy biển một lần trong đời chứ.

Người ta phải nhìn thấy ? Gauss hỏi, điều đó viết ở đâu vậy.

Bãi cát dơ dáy, nước biển cũng không như mong đợi. Chân trời như hẹp lại, bầu trời thấp, đại dương như một nồi canh dưới làn sương mù bần thiêu. Gió thổi lạnh. Gần đó có gì cháy, khói làm khó thở. Bập bênh lên xuống theo sóng là xác một con gà không đầu.

Được, Gauss hấp háy nhìn vào màn sương, giờ thì quay về được rồi chứ.

Nhưng sự hăng hái của Bessel không phanh lại được. Nhìn thấy biển chưa đủ, người ta còn phải vào nhà hát một lần trong đời !

Xem hát đất lắm, Gauss nói.

Bessel cười. Ngài giáo sư hãy coi mình là khách mời, đó là niềm vinh hạnh cho ông. Ông thuê một chiếc xe tư, nháy mắt là đến ngay !

Chuyến đi kéo dài bốn ngày cực nhọc, chiếc giường ở nhà trọ Weimar cứng như gỗ, làm lưng của Gauss đau không sao chịu nổi. Thêm vào đó, phấn hoa từ cây cối dọc sông làm anh hắt hoi. Trong Nhà hát hoàng gia rất nóng, và ngồi hàng tiếng đồng hồ thật khó chịu. Đang diễn một vở của Voltaire. Một người hạ sát một người khác. Một cô gái khóc. Một

ông than thở. Một cô khác quỳ gối xuống. Các đoạn độc thoại. Bản dịch hay và du dương, nhưng Gauss ưa đọc hơn. Anh ngáp chầy nước mắt rùng rùng trên má.

Cảm động quá, Bessel thì thầm, đúng không !

Diễn viên tung hô, tiến lên rồi lùi lại không nghĩ, mắt đảo điên trong khi nói.

Anh nghĩ là Goethe hôm nay ngồi trên lô, Bessel thì thầm.

Gauss hỏi, có phải đó là con lừa đã cả gan sửa lại học thuyết ánh sáng của NeWton.

Mọi người quay lại nhìn họ, Bessel rúm người trên ghế và không nói câu nào nữa cho đến khi màn hạ.

Lúc ra về, một người đàn ông gầy gò hỏi, phải chăng ông đang hân hạnh được tiếp chuyện nhà thiên văn học Gauss ?

Nhà thiên văn học và toán học, Gauss nói.

Người đàn ông tự giới thiệu là một nhà ngoại giao Phổ, hiện sống ở Roma, đang trên đường tới Berlin nhận nhiệm vụ trưởng ban giáo dục tại Bộ nội vụ. Có nhiều việc phải làm, giáo dục học đường ở Đức phải được cải tổ từ nền móng. Bản thân ông được hưởng một nền giáo dục tuyệt hảo, giờ thì ông có dịp truyền lại một phần những gì học được. Ông đứng rất thẳng, không cần tựa lên cây gậy bạc của mình. Cũng nói thêm, họ là cựu sinh viên cùng trường đại học và có cùng người quen. Ông không biết là Gauss cũng nghiên cứu toán học. Thật tuyệt vời, đúng không ạ ?

Gauss không hiểu ông nói gì.

Vở diễn ấy mà.

Tạm tạm, Gauss nói.

Ông hiểu rồi. Không hợp lắm vào thời điểm này. Lẽ ra diễn vở nào đó của Đức thì hơn. Nhưng khó mà tranh luận với Goethe về đề tài này.

Ban này không chú ý, Gauss xin nhà ngoại giao nói lại tên.

Nhà ngoại giao nghiêng mình nói tên. Cũng nói thêm, ông là một nhà nghiên cứu !

Gauss tò mò rướn ra trước.

Ông nghiên cứu các ngôn ngữ cổ.

Thì ra thế, Gauss nói.

Nghe có vẻ thất vọng, nhà ngoại giao nói.

Ngôn ngữ học. Gauss gật gù. Anh không muốn làm phật lòng ai cả.

Không sao, không sao. Anh cứ việc nói ra.

Gauss nhún vai. Đó là việc của những người có tố chất mô phạm nhưng không đủ thông minh cho toán học, những người tự bịa cho mình một luận lý học riêng.

Nhà ngoại giao im lặng.

Gauss hỏi ông chuyện chu du, chắc là ông đã đặt chân khắp nơi !

Đó là em trai ông, nhà ngoại giao gượng gạo đáp.

Một sự nhầm lẫn, không phải xảy ra lần đầu. Ông từ biệt, chậm rãi đi khỏi.

Buổi đêm Gauss không chợp mắt được vì đau lưng và đau bụng. Anh trần trở và tắm rửa sơ phận, Weimar và nhất là Bessel. Mới sáng sớm, Bessel còn chưa dậy, anh sai

thăng ngựa và đưa anh về Gottingen ngay lập tức.

Rốt cuộc đến nơi, túi còn rách trên tay, vừa còng người xuống vì đau bụng và ngựa chéo ra sau vì cứng lưng, anh đến trường đại học hỏi chuyện khỏi công xây đài quan sát.

Đạo này không nghe thấy gì từ trên Bộ, viên công chức trả lời. Hannover thì xa. Chẳng biết gì cụ thể cả. Còn nếu anh quên: đang có chiến tranh.

Quân đội có tàu thuyền, và phải có hoa tiêu, Gauss nói, muốn thế phải có những bản đồ thiên văn khó lòng mà vẽ ra ở trong bếp.

Viên công chức hứa sẽ thông tin sớm. Ngoài ra, người ta đang có kế hoạch đo lại chính xác vương quốc Westfalen. Ngài giáo sư đã có thời làm nghề trắc địa. Họ đang tìm một nhân vật cần cù để phụ trách việc này.

Gauss há miệng. Với tất cả sức mạnh của ý chí, anh kịp ngăn lại mà không quát vào mặt người kia. Anh ngậm miệng lại và đi khỏi, không một lời chào.

Anh giật tung cửa nhà và hét, anh đã về và sẽ không nhanh chóng rời khỏi nhà lần nữa. Trong lúc anh tháo ủng ở hành lang thì thầy thuốc, bà đỡ và mẹ vợ từ phòng ngủ bước ra. Hay quá, lần này anh sẽ không bị tên. Anh hỏi, miệng ngoác ra cười và đôi chút cường điệu, đứa nhỏ đã ra chưa, con trai hay con gái, và quan trọng nhất là cân nặng bao nhiêu.

Con trai, thầy thuốc nói. Nó đang hấp hối. Như mẹ nó.

Họ đã thử đủ cách, bà đỡ nói.

Trí nhớ của anh không thể gom lại mọi diễn biến xảy ra sau đó. Tựa hồ như thời gian bật lên trước rồi tụt lại sau, như nhiều cảnh tượng hiện ra rồi lại tự xóa lẫn nhau. Một ký ức ghi lại cảnh anh đứng bên giường Johanna, khi cô thoáng mở mắt và trong ánh mắt cô nhìn anh không biểu lộ rằng cô nhận ra anh. Tóc bết trên khuôn mặt cô, bàn tay cô nhom nhóp và kiệt lực, cái nôi với đứa trẻ bên cạnh ghế anh. Đối lại là một hồi tưởng khác, Johanna đã thiếp đi khi anh ulla vào trong phòng, và hồi tưởng thứ ba là cô đã chết, thân hình tái nhợt như sáp, hay là hồi tưởng thứ tư về một cuộc chuyện trò mạch lạc đến khủng khiếp giữa anh và cô: Johanna hỏi, cô có phải chết không, sau một lát ngập ngừng anh gật đầu, kể đó cô xin anh chớ buồn bã quá lâu, người ta sống rồi chết, vậy thôi. Mãi sau sáu giờ tối mọi sự việc mới ăn nhập vào nhau. Anh ngồi bên giường cô. Mọi người thì thảo ngoài hành lang. Johanna đã chết.

Anh đẩy ghế lại, cố làm quen với ý nghĩ phải lấy vợ mới. Anh có mấy đứa con. Anh không biết nuôi nấng chúng ra sao. Làm việc nhà anh cũng không biết. Người hầu thì đắt.

Anh khẽ mở cửa. Thế đấy, anh nghĩ. Phải sống, mặc dù mọi thứ đã trôi qua. Hoạch định, tổ chức, mỗi ngày, mỗi giờ và mỗi phút. Làm như nó còn ý nghĩa vậy.

Anh yên lòng một chút khi nghe tiếng mẹ vào nhà. Anh nghĩ đến các ngôi sao. Một công thức ngắn, tóm gọn mọi chuyển động của chúng trong một dòng. Lần đầu tiên anh hiểu ra rằng mình sẽ không tìm được công thức ấy. Trời dần tối. Anh ngập ngừng tiến đến chiếc kính viễn vọng.

Núi

Trong ánh sáng của ngọn đèn dầu, Aimé Bonpland gắng viết một bức thư về nhà trong khi gió ngày càng thổi nhiều bông tuyết bay qua. Cứ nghĩ đến những tháng đã qua, anh thấy như mình đã trải cả chục cuộc đời, chúng đều tựa tựa như nhau và không cuộc đời nào đáng sống lại lần nữa. Chuyển đi trên dòng Orinoco hiện ra trong đầu anh giống những gì anh đã đọc trong sách vở, Nueva Andalucia như một truyền thuyết từ thuở xa xăm, Tây Ban Nha chỉ là một cụm từ. Dần dần sức khỏe anh khá lên, có những hôm không lên cơn sốt, thừa dần những cơn mộng mị trong đó anh bóp cổ nam tước Humboldt, chặt thành từng khúc, bắn chết, thiêu cháy, đầu độc hay vùi anh ta xuống đồng đá.

Anh gặm cuống lông ngỗng của cây viết và suy nghĩ. Phía trên cao, giữa bầu la đang ngủ, lông phủ sương giá và tuyết, Humboldt đang tính toán xác định vị trí của họ dựa vào những mặt trăng của sao Mộc. Anh để ống thủy tinh của phong vũ biểu bập bênh trên đầu gối. Bên cạnh anh, ba người dẫn đường nằm ngủ, quấn chặt trong chăn len.

Ngày mai, Bonpland viết tiếp, họ sẽ chinh phục đỉnh Chimborazo (*ngọn núi lửa đã ngừng hoạt động ở Ecuador, 6.310 trên mực nước biển*). Phòng trường hợp họ không sống sót, nam tước Humboldt đã khẩn thiết khuyên anh nên viết một lá thư vĩnh biệt, vì cứ thế mà chết và không để lại một lời tuyệt mệnh thì thật hèn kém. Họ sẽ sưu tầm đá và cây cỏ trên núi, ngay cả trên độ cao này cũng có thực vật lạ, những tháng vừa qua anh đã thu hoạch được vô số mẫu. Nam tước khẳng định là chỉ có mười sáu loài cơ bản. Nhưng anh có mắt tinh để nhận ra, chứ Bonpland thấy không đếm xuể. Một phần lớn các mẫu vật của họ, trong đó có ba xác người rất cổ, đã được đưa lên tàu thủy ở La Havana chờ đi Pháp. Các tiêu bản thực vật và ghi chép gửi theo chiếc tàu thứ hai đến tay anh trai của nam tước Humboldt. Trước đây ba tuần, cũng có thể là sáu tuần, ngày tháng trôi nhanh quá và anh đã mất cái nhìn bao quát, họ nghe nói là một chiếc tàu bị chìm. Nam tước Humboldt trải qua những ngày tồi tệ, nhưng sau đó anh nói, họ mới chỉ bắt đầu thôi. Bonpland không sốc lắm vì những đồ vật bị mất, vì lúc đó anh bị sốt cao, chỉ lơ mơ biết mình ở đâu, tại sao, và mình là ai. Phần lớn thời gian anh chiến đấu với lũ ruồi và nhện máy trong những cơn ác mộng. Anh cố không nghĩ đến chuyện đó, và hy vọng con tàu bị đắm không chở xác người. Anh đã ở cạnh mấy cái xác đó lâu đến nỗi khi đi hết sông anh không còn coi chúng chỉ là hàng vận tải trên thuyền, mà là những bạn đồng hành câm lặng.

Bonpland vuốt mồ hôi trán, uống một ngụm lớn từ chai rượu bằng đồng thau. Ngày xưa anh có một chai bằng bạc nhưng đã đánh mất nó trong hoàn cảnh nào đó mà anh không nhớ ra nữa. Họ mới chỉ bắt đầu thôi, anh viết, nhận ra câu đó đã viết một lần và lại gạch đi. Họ mới chỉ bắt đầu thôi ! Anh hấp háy và gạch câu đó đi lần nữa. Tiếc là anh không thể miêu tả các chi tiết của hành trình, anh bị chóng mặt, chỉ còn thấy vài hình ảnh trước mắt mà phải cố gắng lắm anh mới tạo ra được sự liên hệ. Ví dụ như ở La Havana nam tước bắt hai con cá sấu và nhốt chung với một bầy chó để quan sát động thái săn mồi của chúng. Tiếng chó tru lên không sao chịu nổi, nghe như tiếng trẻ con gào thét. Sau đó tường phòng bắn đầy máu và Humboldt phải trả tiền cho người ta quét lại vôi.

Anh nhắm mắt, lại mở bừng ra và sừng sốt ngó nghiêng, tựa như vừa thoáng quên mình đang ở đâu. Anh ho và tu một ngụm lớn. Trước Cartagena tàu của họ suýt mắc cạn, trên sông Magdalena họ bị muỗi hành hạ kinh khủng hơn ở Orinoco, cuối cùng họ leo hàng nghìn bậc đá của người Inca bỏ lại để lên hang động lạnh lẽo của dãy Cordilleras. Bình thường ra, những người thổ dân công họ lên, nhưng nam tước Humboldt không chấp nhận. Vì lý do nhân phẩm. Những người thổ dân phật ý, suýt đánh họ. Bonpland hít một hơi sâu, sau đó thì đành chịu vậy, anh khẽ thở dài. Trước cửa ngõ Santa Fé de Bogotá các hào mục địa phương ra nghênh tiếp họ, rõ ràng danh tiếng của họ đã truyền đến đây nhanh hơn, chỉ lạ là ai cũng biết đến nam tước mà chẳng nghe tên Aimé Bonpland bao giờ. Có thể cơn sốt là lý do. Anh chững lại, câu cuối có vẻ không hợp lý. Anh định gạch nó đi, nhưng rồi lại thôi. Đó là những người hào sảng, họ cười lớn khi nam tước cự tuyệt không muốn rời chiếc phong vũ biểu, và họ cũng ngạc nhiên là tại sao một người nổi tiếng mà lại bé nhỏ như vậy. Họ ở nhà của nhà sinh vật học Mutis. Nam tước luôn muốn bắt chuyện về cây cỏ, lần nào Mutis cũng

đáp lại là những đề tài ấy không thích hợp trong phòng khách. Ít ra thì thảo dược của Mutis cũng làm Bonpland hạ sốt. Mutis có một người hầu riêng, một cô gái da đỏ đến từ vùng cao nguyên, với cô này người ta có thể - ông ta ngừng lời, uống một ngụm lớn và chau mày liếc về phía Humboldt lúc này không còn nhìn rõ trong bóng chiều nhập nhoạng - hàn huyên tuyệt vời về chuyện nọ chuyện kia và chuyện khác nữa. Trong lúc đó nam tước tham quan hầm mỏ và vẽ bản đồ. Những tấm bản đồ tuyệt hảo, về chuyện này thì ông Mutis không nghi ngờ gì.

Mutis ngủ gật mấy lần không chú ý, rồi tiếp tục nói. Họ đi tiếp với mười một con la, vượt sông, theo đường đèo. Mưa nhiều. Nền đất lầy lội và lắm gai, và nam tước Humboldt vẫn không chịu được công nên kỳ thực họ phải đi chân trần để giữ gìn đôi ủng. Có lẽ đi toét chân ra mất. Mấy con la mới lì lợm làm sao ! Chắc là họ phải bỏ dở cuộc trèo núi Pichincha vì buồn nôn và chóng mặt. Thoạt tiên nam tước Humboldt định một mình đi tiếp, nhưng chính ông cũng bị ngất. Sau đó nam tước thử lần nữa với một hướng đạo viên, tất nhiên người này cũng chưa bao giờ lên trên đó cả, ở đất này không ai trèo lên núi nếu không bị cưỡng bách. Thử đến lần thứ ba mới thành công, sau đó thì họ biết rõ quả núi cao bao nhiêu, nhiệt độ của đám khói bốc ra và cấu tạo đá. Nam tước Humboldt quan tâm đề tài núi lửa hơn hẳn mọi thứ khác, chuyện này liên quan đến các ông thầy của ông ở Đức và đến một người ở Weimar mà ông tôn kính như Chúa trời. Sau đó đến cao điểm của hành trình: lên đỉnh Chimborazo. Bonpland uống ngụm cuối cùng, quấn chặt chăn hơn nữa quanh mình và nhìn qua phía Humboldt, và vừa vận nhận ra, nam tước đang ghé tai vào một cái phễu đồng thau nghe ngóng nền đất.

Anh nghe có tiếng sấm lặn, Humboldt kêu. Vò trái đất đang chuyển dịch ! Hy vọng là với chút may mắn họ có thể thấy núi lửa bùng lên.

Thế thì hay, Bonpland nói, anh gấp bức thư lại, đút vào túi rồi nằm duỗi dài ra đất. Má anh cảm thấy cái lạnh của nền đất đóng băng. Có vẻ như nó làm dịu cơn sốt của anh.

Như mọi khi, anh ngủ thiếp đi ngay. Cũng giống như mọi khi, anh mơ thấy mình ở Paris trong một buổi ban mai mùa thu, mưa và nhẹ nhẹ vào cửa kính. Một người phụ nữ trông không rõ mặt hỏi xem anh có thật sự tin rằng mình đang đi qua miền nhiệt đới, và anh trả lời, không tin hẳn, và nếu tin thì cũng chỉ thoáng một giây. Sau đó anh tỉnh dậy vì Humboldt lay vai anh, hỏi còn đợi gì nữa, đã quá bốn giờ rồi. Bonpland đứng dậy, và khi Humboldt quay đi thì anh tóm lấy và đẩy về phía vực thẳm rồi lấy hết sức bình sinh quăng anh ta qua bờ vực. Ai đó lay vai anh, hỏi còn đợi gì nữa, đã bốn giờ rồi, phải đi thôi. Bonpland dụi mắt, phui tuyết trên tóc và nhòe dậy.

Người da đỏ dẫn đường ngái ngủ nhìn anh. Humboldt đưa cho ông ta một phong bì gấp xi. Lá thư từ biệt gửi anh trai. Anh đã sửa đi sửa lại mãi. Nếu anh không trở lại thì hãy cẩn thận chuyển đến cho trạm dòng Tên gần nhất.

Người dẫn đường vừa hứa vừa ngáp.

Và đây là của tôi, Bonpland nói. Thư không dán, ai muốn đọc cũng được, và nếu không gửi đi thì cũng chẳng sao cả.

Humboldt ra lệnh cho các hướng đạo viên đợi họ tối thiểu ba ngày. Họ uể oải gật đầu và kéo chiếc chăn len khoác vai cho thẳng. Humboldt kiểm tra kỹ lưỡng đồng hồ bấm giờ và kính viễn vọng. Anh khoanh tay ngo vào hư vô một chốc. Rồi đột ngột bước đi. Bonpland vội vớ lấy ống đựng mẫu cây và gậy để chạy theo.

Humboldt sáng khoái như đã từ lâu rồi không thể, anh kể chuyện thời thơ ấu, chuyện mày mò làm cột thu lôi, những chuyến xuyên rừng đơn độc, và sau đó, việc sắp xếp những côn trùng đầu tiên thành bộ sưu tập, chuyện phòng khách nhà Henriette Herz. Anh thương hại những kẻ không được tận hưởng lối giáo dục tình cảm đó.

Giáo dục tình cảm của anh, Bonpland nói, diễn ra với một con bé nông dân hàng xóm. Nó cho phép anh hầu như muốn gì được nấy. Chỉ phải cẩn thận để phòng mấy thằng anh trai.

Anh không quên được con chó, đột nhiên Humboldt nói. Cho đến giờ anh vẫn không thoát nổi mặc cảm tội lỗi. Anh đã mang trách nhiệm đối với con vật ấy !

Con bé nông dân ấy thật kỳ lạ. Chưa đầy mười bốn tuổi, mà biết lắm trò không ai tin nổi.

Chuyện những con chó ở La Havana thì lại khác.

Tất nhiên là anh cũng thương hại chúng. Nhưng khoa học đòi hỏi như vậy, qua đó thì họ biết rõ hơn động thái săn mồi của cá sấu. Và lại đó là những con cầu lai tạp không phải chó nòi và cũng khá ghê lở.

Nơi họ đi qua không có cây cỏ gì nữa, ngoài những bụi vàng nâu bám trên các tảng đá chồi lên khỏi tuyết. Bonpland nghe rõ tiếng tim mình đập thành thịch và tiếng rít của gió quét trên lớp tuyết. Anh giật bắn mình khi một con bướm đập cánh bay lên trước mặt.

Humboldt thở hắt ra khi kể về vụ Urquijo bị hạ bệ. Một chuyện tồi tệ. Mới chỉ là tin đồn, nhưng ngày càng nhiều dấu hiệu cho thấy ông ta không được hoàng hậu ủng hộ nữa. Vậy là chế độ nô lệ lại kéo dài thêm nhiều thập kỷ nữa. Về đến nhà anh sẽ viết vài điều mà bọn người ấy phải thấy chướng tai.

Tuyết chất cao hơn. Bonpland trượt chân và tụt xuống dốc, một lát sau Humboldt cũng vậy. Họ quấn bàn tay bị chà xước vào khăn để giữ chúng khỏi lạnh. Humboldt ngấm đê giày bằng da của mình. Đỉnh, anh tự lự hỏi. Đỉnh đóng từ bên trong, xuyên qua đê. Đó là thứ họ có cần lúc này ?

Không bao lâu tuyết ngập đến đầu gối. Bỗng nhiên sương mù vây chặt họ. Anh đo độ nghiêng của kim từ và xác định độ cao qua khí áp kế. Nếu anh không nhầm thì quãng đường ngắn nhất đưa lên đỉnh chạy theo hướng Đông Nam qua một sườn đá ít dốc, sau đó rẽ trái, rồi dốc dựng lên cao.

Đông Nam, Bonpland lặp lại. Trong đám sương mù này người ta còn không thể biết nổi đỉnh núi hay thung lũng ở đâu.

Kia kìa, Humboldt nói và cả quyết chỉ tay về một hướng.

Họ khom người dò từng bước bên vách đá bị tách ra thành những cây cột. Tận trên cao, thỉnh thoảng hiện ra rồi lại biến mất, một lối hẹp phủ tuyết đưa lên đỉnh núi. Trong khi trèo, họ nghiêng người qua bên trái là bên sườn đá dốc xuống và phủ băng trong như thủy tinh. Bên phải là vực thẳm dựng đứng. Thoạt tiên Bonpland hoàn toàn không chú ý đến người đàn ông với khuôn mặt râu rậm mặc đồ sẫm màu dò dẫm cạnh họ. Chỉ khi người đó biến thành giống như một hình lục giác khê phập phồng thì mới thấy khó hiểu.

Bên trái kia kìa, anh hỏi, có gì hay sao ấy ?

Humboldt thoáng nhìn sang bên cạnh. Không.

Thôi được, Bonpland nói.

Họ nghỉ chân trên một khoảng hẹp phẳng phiu vì Bonpland chảy máu cam. Anh lo lắng liếc sang phía hình lục lăng lơ lửng trôi lại gần họ. Anh ho và làm một ngụm từ chiếc bình đồng thau. Khi máu đã cầm và họ đi tiếp thì anh thấy nhẹ người hơn. Humboldt nói là họ mới đi được vài tiếng thôi. Sương mù dày đặc đến nỗi không phân biệt được đâu là trên hay dưới nữa: nhìn đi đâu cũng chỉ thấy một màu trắng giăng giăng.

Lúc này tuyết đã cao đến hông. Humboldt hét lên và biến mất trong một đám tuyết. Bonpland lấy tay bới túm được áo khoác và lôi anh ra. Humboldt đập tuyết khỏi áo và kiểm tra các dụng cụ xem có bị hư hỏng không. Họ đội trên một vĩa đá nhô ra cho đến khi màn sương loãng bớt và tràn đầy ánh sáng. Chắc là mặt trời sắp xuyên qua.

Bạn cố tri ơi, Humboldt nói. Anh không định tỏ ra uớt át, nhưng nhìn lại quãng đường dài đã qua và trong giây phút trọng đại này thì anh phải nói mấy lời như sau.

Bonpland lắng tai. Nhưng không nghe thấy gì. Có vẻ như Humboldt đã lại quên khuấy đi mất.

Anh không định làm hỏng không khí này, Bonpland nói, nhưng có gì đó không ổn. Bên tay phải họ, không, xa hơn nữa, không, đúng rồi, kia kìa. Trông như một ngôi sao băng băng. Hay như một ngôi nhà. Anh đoán là chỉ mình anh nhìn thấy nó.

Humboldt gật đầu.

Bonpland hỏi, có lý do gì khiến anh lo ngại không.

Tùy quan điểm từng người, Humboldt nói. Nguyên nhân có lẽ là áp suất không khí yếu hơn và thành phần không khí thay đổi. Chuyện khí độc thì có thể quên đi. Mặt khác, anh không phải là bác sĩ.

Mà là gì ?

Thật kỳ diệu thay, Humboldt nói, càng lên cao khí quyển càng liên tục giảm mật độ. Nếu tính ngoại suy thì có thể luận ra điểm nào bắt đầu chân không. Hoặc ở vị trí nào mà điểm sôi tụt theo áp suất làm máu bắt đầu sôi lên trong huyết quản, về phần mình anh nhìn thấy con chó bị mất đã từ lâu. Trông nó xác xơ, lại còn cụt mất một chân và một tai. Ngoài ra, nó không bị lún vào tuyết, cặp mắt nó rất đen và đã chết. Một hình ảnh không hay, và anh phải cố nén mình khỏi hét lên. Và luôn luôn anh tiếc nuối rằng chưa đặt tên cho con vật. Song cũng chẳng cần thiết, họ chỉ có con chó này thôi, đúng không ?

Anh không biết đến con nào khác, Bonpland nói.

Humboldt yên tâm gật đầu, họ tiếp tục trèo núi. Họ phải đi chậm vì các vết đá nứt ẩn dưới tuyết. Có lúc sương mù tan ra vài giây, để lộ một vực sâu bên cạnh rồi khép lại ngay. Humboldt nói với giọng oán thán chính mình, cứ chảy máu mãi ở lợi, thật đáng xấu hổ.

Bonpland lại chảy máu mũi trở lại, và anh không cảm thấy gì nữa ở tay mặc dù đã quấn kín. Anh xin lỗi, ngồi thụp xuống và nôn.

Họ thận trọng trèo lên một vách đứng. Bonpland nhớ lại hôm họ bị trận mưa cầm chân trên hòn đảo sông Orinoco. Họ đã thoát khỏi đó như thế nào nhỉ ? Anh không thể nhớ được. Đúng lúc anh định hỏi Humboldt thì một hòn đá dưới giày Humboldt lờ ra và rơi lên vai anh. Đau đến nỗi thiếu chút nữa thì anh rơi khỏi vách đá. Anh nhắm mắt lại và vờ tuyết lên mặt. Sau đó đỡ hơn, tuy hình lục lăng vẫn treo phập phồng bên cạnh, và khó chịu hơn nữa là mỗi lần anh muốn giơ tay bám thì vách đá lại lùi xa một chút. Đôi khi có những khuôn mặt bạc thếp, khinh mạn hay chán chường từ trong vách đá nhìn anh. May mà vì sương mù nên không nhìn xuống được đáy sâu.

Hồi ở trên đảo, anh hỏi, họ đi khỏi đó như thế nào ấy nhỉ ?

Mãi không nghe câu trả lời, đến nỗi Bonpland đã quên câu hỏi, song rốt cuộc Humboldt quay đầu sang nhìn anh. Anh cũng không thể nhớ ra. Như thế nào nhỉ ?

Phía trên vách đá màn sương đã xé toang. Họ nhìn thấy mấy vệt trời xanh và vòng dốc bao quanh chóp núi. Không khí lạnh rất loãng: hít sâu đến mấy cũng chẳng được chút nào vào phổi. Bonpland toan đếm mạch của mình nhưng anh đếm lần liên tục, rốt cuộc đành phải bỏ. Họ leo lên một cầu đá hẹp phủ tuyết, nằm vắt ngang một kẽ nứt.

Nhìn ra phía trước, Humboldt nói. Không bao giờ nhìn xuống !

Lập tức Bonpland nhìn xuống. Anh cảm thấy như luật phối cảnh bị xô lệch, đáy vực ào lên phía anh, vệt cầu đá tụt hẫng xuống dưới. Anh giật mình bám chặt cây gậy, lắp bắp không ra lời.

Đi tiếp, Humboldt nói.

Không phải đá, Bonpland nói.

Humboldt dừng chân. Đúng thật: dưới chân họ không phải đá. Họ đang đứng trên một vòng cung băng tuyết treo lơ lửng. Anh nhìn chòng chọc xuống dưới.

Đừng nghĩ gì, Bonpland nói, đi tiếp đi.

Đi tiếp, Humboldt nhắc lại, nhưng không động đậy.

Cứ đi thôi, Bonpland nói.

Humboldt lại dần bước.

Bonpland dò dẫm từng bước. Tựa như hàng giờ trôi qua, anh nghe tiếng tuyết nghiêng rào rào dưới chân và biết rõ giữa mình và vực thẳm chỉ là những tinh thể nước. Cho đến cuối đồi, trắng tay và bị giam chân giữa sự cô quạnh ở Paraguay, anh vẫn gọi được ra những hình ảnh cụ thể đến từng chi tiết: màn sương mù xao xác, không khí sáng trắng, vực thẳm dưới đáy của tầm nhìn. Anh muốn lẩm nhẩm một bài hát, nhưng cái giọng nghe thấy lại không phải giọng của anh, nên anh đành bỏ. Vực sâu, đỉnh núi, bầu trời và tuyết nghiêng rào rào, và hai người vẫn chưa đến đích. Và mãi vẫn chưa đến. Tới một lúc, anh sang đến bên kia, Humboldt đã đợi sẵn, chìa tay ra đón.

Bonpland ! Humboldt gọi. Anh chợt nhỏ thó, xám ngoét và già khụ.

Humboldt ! Bonpland gọi.

Họ im lặng đứng cạnh nhau một lúc lâu. Bonpland ép khăn tay ngăn máu mũi chảy. Dần dần, thoát tiên còn trong suốt, nhưng mỗi lúc càng rõ hơn, hình lục lăng lại phập phồng hiện ra. Cây cầu tuyết chỉ dài khoảng mười, tối đa là mười lăm bộ, đi qua đó có thể chỉ mất vài giây.

Họ lò dò men theo vệt đá mấp mô. Bonpland nhận ra mình thật ra là ba người: một người đi, một người xem người ấy đi, và người nữa luôn miệng bình phẩm bằng thứ ngôn ngữ không ai hiểu nổi. Anh thử tát vào mặt mình một cái. Cũng không ăn thua mấy, đầu óc anh mạch lạc ra được mấy phút. Nhưng chẳng có gì thay đổi, ở phía trên, nơi mọi khi là bầu trời thì bây giờ là mặt đất, và họ đảo chiều, nghĩa là lộn ngược đầu đi xuống dốc.

Nhưng như thế cũng có ý nghĩa, Bonpland nói to. Nói cho cùng thì họ đang ở phía kia của quả đất mà.

Anh không hiểu câu trả lời của Humboldt, vì tiếng rì rầm của người đi theo đã át hết. Bonpland cất tiếng hát. Thoạt tiên là một người, rồi đến lượt người kia cùng hòa giọng. Bonpland học bài này ở trường, khá chắc chắn là ở bán cầu này không ai biết bài đó. Một mình chứng là hai người bên cạnh anh có thật chứ không phải những kẻ giả mạo, vì ai dạy họ hát được bài ấy ? Có gì đó thiếu logic trong cách lập luận này, nhưng anh không nhận ra đó là gì. Rồi thì rốt cuộc anh cũng chẳng quan tâm nữa, vì đảng nào cũng chẳng có gì bảo đảm rằng chính anh là người đang nghĩ hay đó là một trong hai người kia. Hơi thở của anh ngắn và nặng nề, tim anh đập dồn.

Humboldt đột ngột dừng bước.

Có chuyện gì thế, Bonpland giận dữ hỏi.

Humboldt hỏi, anh có nhìn thấy nó không.

Tất nhiên rồi, Bonpland nói, tuy chẳng biết nó là gì.

Anh phải hỏi, Humboldt nói, vì anh không thể tin vào các giác quan của mình. Thêm vào đó là con chó cứ liên tục xen tiếng vào.

Anh chẳng bao giờ ưa con chó ấy cả, Bonpland nói.

Đây đúng là một vực sâu, Humboldt hỏi, đúng không ?

Bonpland nhìn xuống. Trước mũi chân họ, một khe sâu chừng bốn trăm bộ dốc

xuống. Phía bên mép vực bên kia là đường dẫn tiếp lên đỉnh, và từ đó thì đỉnh núi có vẻ không còn xa.

Song ta không bao giờ qua được bên kia !

Bonpland giật mình, vì không phải anh mà người đàn ông phía bên phải nói câu đó. Để có thể tin chắc là mình đã nói, anh ta lặp lại lần nữa. Ta không bao giờ qua được bên kia !

Không bao giờ ! Người đàn ông bên trái khẳng định. Trừ phi ta biết bay.

Humboldt quỳ xuống, chậm chạp như gặp phải một lực cản nào đó, và mở hộp đựng khí áp kế. Tay anh run đến mức suýt làm rơi nó. Cả anh cũng bị máu dồn lên mũi và nhỏ xuống áo khoác. Không được làm hỏng gì đâu đấy, anh nghiêm giọng nói.

Rất vui lòng, Bonpland nói.

Humboldt nhóm được lửa bằng cách nào đó và đun một nồi nước. Anh không thể tin vào khí áp kế, anh giải thích, và cũng không tin vào đầu óc mình, anh phải xác định độ cao qua điểm sôi. Mắt anh nheo lại, môi run run vì tập trung cao độ. Khi nước sôi, anh đo nhiệt độ và nhìn đồng hồ. Rồi anh lấy cuốn sổ ra. Anh vò mấy tờ giấy liên, đến khi tay mình đủ nghe lời mà viết các con số.

Bonpland nghi ngại nhìn xuống vực. Bầu trời xao xác sà thấp dưới chân họ. Cũng đã hơi quen với chuyện đi lộn ngược, tuy nhiên không quen chuyện Humboldt làm tính chậm như thế. Bonpland hỏi, liệu hôm nay còn làm được gì nữa không.

Xin lỗi, Humboldt nói. Anh thấy khó tập trung tư tưởng quá. Nhờ ai đó buộc con chó lại đi !

Anh chẳng bao giờ ưa con chó ấy cả, Bonpland nói. Lập tức anh xấu hổ vì đã nói ra câu đó. Anh ngượng đến quay quắt cả người. Anh cúi xuống và bị nôn lần nữa.

Xong rồi, Humboldt nói. Và anh được phép thông báo cho Bonpland biết rằng họ đang ở trên độ cao 18.690 bộ.

Lạy Chúa, Bonpland nói.

Như vậy, họ là những người lên được độ cao kỷ lục. Chưa ai rời khỏi mực nước biển xa được như họ.

Còn đỉnh núi thì sao ?

Đỉnh hay không đỉnh, đây là kỷ lục thế giới.

Anh muốn lên đỉnh, Bonpland nói.

Không nhìn thấy vực sâu kia hay sao, Humboldt hét lên. Cả hai đều mất trí rồi. Nếu họ không xuống núi ngay thì họ không bao giờ về được nữa.

Ta cũng có thể đơn giản kể rằng đã lên đến đỉnh, Bonpland nói.

Humboldt nói, anh coi như tai mình không nghe thấy câu đó.

Anh cũng không nói câu ấy, mà là người bên cạnh !

Cũng chẳng ai kiểm chứng được, Humboldt tư lự.

Chính thế, Bonpland nói.

Anh không nói câu ấy, Humboldt kêu lên.

Nói gì cơ, Bonpland hỏi.

Họ nhìn nhau ngơ ngác.

Ghi lại độ cao rồi, Humboldt nói. Mẫu đá lấy rồi. Bây giờ nhanh nhanh xuống núi !

Đường leo xuống rất lâu. Họ phải vòng xa để vượt vực sâu mà khi nãy chiếc cầu tuyết bắc qua. Tuy nhiên tâm nhin tốt và Humboldt tìm ra đường một cách dễ dàng. Bonpland chập chững bám theo. Đầu gối anh không nghe lời. Liên tục có cảm giác đang lội trong nước chảy, và ánh sáng khúc xạ làm chân bước chập chờn khó nhìn. Cả cây gậy trong tay cũng trở nên bướng bỉnh: nó quăng quật, chọc vào tuyết, dò dẫm trên đá, mà Bonpland không thể làm gì khác ngoài việc theo nó. Mặt trời đã xuống thấp. Humboldt trượt chân, trôi tuột trên nền sỏi. Tay và mặt anh xước hết, áo khoác rách bươm, chỉ có khí áp kế là nguyên vẹn.

Đau cũng hay, anh nghiêng rằng nói. Anh suy nghĩ mạch lạc được một lát. Con chó biến mất.

Thật sự là anh chẳng bao giờ ưa con chó ấy cả, Bonpland nói.

Hôm nay phải xuống đến nơi, Humboldt nói. Trời đêm sẽ lạnh. Tâm trí họ đang lẫn lộn. Họ sẽ không sống nổi đến mai. Anh thổ ra máu. Và rất thương con chó. Con vật đáng yêu.

Lúc này thì chân thật thế thôi, Bonpland nói, đến mai là họ sẽ đổ hết cho chúng say núi vì thiếu dưỡng khí trong máu, vì vậy anh muốn biết Humboldt nghĩ gì khi đứng trên cầu tuyết.

Anh ra lệnh cho mình không được nghĩ, Humboldt nói. Nghĩa là anh không nghĩ gì cả.

Đúng là không nghĩ gì ?

Không mảy may chút gì.

Bonpland hấp háy nhìn về phía hình lục giác đang nhạt dần. Hai trong số những người đi theo anh đã mất dạng. Còn một nữa. Nhưng có khi cũng chẳng nên lo lắng. Anh nghĩ đó chính là anh.

Hai chúng ta đã chinh phục ngọn núi cao nhất thế giới, Humboldt nói. Đó là điểm cần ghi lại, bất kể chuyện gì còn xảy ra trong đời họ.

Chưa hẳn, Bonpland nói.

Ai chinh phục núi thì phải tới đỉnh. Ai không lên tới đỉnh thì chưa chinh phục được nó. Humboldt im lặng ngẫm hai bàn tay rướm máu của mình.

Ở trên cầu tuyết, Bonpland nói, anh hối hận rằng mình là người thứ hai bước chân lên.

Chuyện đó là thường, Humboldt nói.

Nhưng không chỉ vì người thứ nhất chóng qua nguy hiểm hơn. Đầu óc anh đã nảy ra những ý kỳ quái. Nếu là người đi đầu, có gì đó trong anh thúc giục anh khi đạp mạnh lên cầu khi đã qua khỏi. Một mong muốn mạnh mẽ.

Humboldt không đáp. Có vẻ như anh đang chìm trong suy tưởng.

Bonpland đau đầu, và anh lại thấy sốt. Anh kiệt lực. Sẽ phải một thời gian dài nữa mới tiêu hết hệ lụy của ngày hôm nay. Ai đi xa, anh nói, sẽ biết thêm nhiều điều. Cả một số điều về chính mình.

Humboldt xin lỗi. Tiếc là anh không nghe thấy gì. Gió quá !

Bonpland im lặng mấy giây. Không có gì quan trọng cả, anh nói về hàm ơn. Chuyện ba hoa. Vớ vẩn.

Vậy thì đi thôi, Humboldt nói với vẻ mặt vô cảm.

Đừng chần chừ làm gì !

Hai tiếng sau họ gặp một hướng đạo viên đứng chờ. Humboldt xin lại bức thư của mình và xé ngay. Đó là những chuyện không nên sơ xuất. Không có gì khó coi bằng một bức thư tuyệt mệnh mà người viết còn sống.

Anh không quan tâm chuyện đó, Bonpland nói và ôm cái đầu đang nhức. Họ muốn giữ hay rút thư của anh cũng được. Hoặc gửi nó đi.

Đêm đến, ngồi co ro tránh tuyết dưới tấm chăn len, Humboldt viết hai chục bức thư để báo về châu Âu rằng, trong giới trần tục anh là người lên đến độ cao lớn nhất. Anh cẩn thận gắn xi từng bức. Rồi thiếp đi như chết.

Vườn

Tối muộn, giáo sư gõ cửa ngôi nhà trong trang viên. Một người hầu trẻ mảnh khảnh mở cửa và nói, bá tước von der Ohe zur Ohe không tiếp khách.

Gauss bảo anh ta nhắc lại cái tên.

Người hầu nói: bá tước Hinrich von der Ohe zur Ohe. *(nghĩa đen: bá tước vùng sông Ohe tính đến Ohe).*

Gauss phải phì cười..

Người hầu nhìn Gauss với vẻ mặt tựa như vừa phải bãi phân bò. Dòng họ của chủ nhân từ đã mang tên ấy từ hàng nghìn năm rồi.

Nước Đức quả là một xứ khô hạn, Gauss nói. Gì thì gì ông đến vì chuyện đo đất. Phải dọn một số chuồng ngựa, nhà nước phải xin ngài... Ông mỉm cười. Nhà nước phải xin ngài bán lại vài gốc cây và một nhà kho vô dụng. Chuyện hình thức, có thể giải quyết chóng vánh.

Có thể thế thật, người hầu nói. Nhưng chắc chắn không phải ngay tối nay.

Gauss nhìn xuống đôi giày lấm lem của mình. Ông đã lo ngại từ trước rồi. Thôi được, vậy thì ông ngủ đêm ở đây, hãy sửa soạn cho ông một phòng !

Người hầu nói, anh ta nghĩ là không có chỗ.

Gauss hạ chiếc mũ nhưng xuống, lau trán và nắn cổ áo. Ông thấy khó ọc và muốt mồ hôi. Dạ dày ông đau quặn. Có chuyện hiểu lầm. Ông không tới đây xin xỏ gì. Ông là giám đốc Sở trắc địa quốc gia. Và nếu ai không tiếp đón ông thì ông sẽ quay lại cùng nhiều người khác. Liệu nói như thế đã hiểu chưa ?

Người hầu lùi một bước.

Đã hiểu chưa ?

Xin vâng, người hầu nói.

Xin vâng, thưa giáo sư !

Thưa giáo sư, người hầu lặp lại.

Và bây giờ ông muốn yết kiến bá tước.

Người hầu nhú mào đến nỗi vàng trán nhăn nhúm lại. Chắc anh ta nói chưa đủ rõ. Ông chủ đáng kính đã lui về nghỉ rồi. Ông đang ngủ !

Mấy phút thôi, Gauss nói.

Người hầu lắc đầu.

Giấc ngủ không phải ý Chúa. Ai ngủ thì cũng có thể đánh thức được. Ông càng đứng ở đây lâu bao nhiêu thì bá tước càng chậm trở lại giường bấy nhiêu, và trong khi đợi thì tâm trạng ông cũng chẳng tốt lên chút nào. Ông mệt lắm rồi.

Người hầu khàn giọng mời ông đi theo.

Anh ta cầm giá nến đi nhanh như định bỏ rơi Gauss. Kể cũng không khó: chân Gauss đau nhức, da giày quá cứng, người ông ngứa ngáy dưới lớp áo len, gáy ông bỏng rát báo hiệu lại bị cháy nắng lần nữa. Họ đi qua hành lang có trần thấp và giấy dán tường bọt bọt. Một hầu gái vóc người ư mắt bụng bỏ đi qua. Gauss luyến tiếc dõi mắt theo cô. Họ đi xuống cầu thang rồi lại lên thang, sau đó lại xuống. Có lẽ ngôi nhà này muốn làm rối trí

khách tới thăm, và chắc chắn sẽ đạt được mục đích đối với những người không có trí tưởng tượng hình học. Gauss nhắm tròn số, họ đang ở khoảng mười hai bộ cao hơn cổng chính và đi bốn mươi bộ về hướng Tây Nam. Người hầu gõ cửa, mở ra và nói gì đó vào bên trong rồi để Gauss đi vào. Một ông già trong chiếc áo ngủ, đi giày gỗ, ngồi trên ghế đu. Ông cao lớn, gò má hóp và tia mắt sắc.

Rất hân hạnh, tôi là von der Ohe zur Ohe. Tại sao ông cười ?

Ông không cười, Gauss nói. Ông là nhân viên trách địa của nhà nước. Ông không cười bao giờ, chỉ muốn tự giới thiệu và cảm tạ lòng mến khách.

Chính thế, Gauss nói. Bây giờ chúc ông ngủ ngon ! Ông hài lòng theo chân người hầu xuống một cầu thang nữa, qua một lối đi rất ngọt ngào. Bọn này sẽ không bao giờ đối xử với ông như với một gia nô nữa !

Niềm đắc thắng của ông không kéo dài được lâu. Người hầu dẫn ông vào một xó ghé tắm. Không khí hơi ẩm, trên sàn vương vãi cỏ mục, giường là một tấm ván, một cái xô gi đựng nước khá bẩn để rửa ráy, không thấy phòng vệ sinh ở đâu.

Ông đã trải qua nhiều thứ trên đời, Gauss nói. Trước đây hai tuần, một nông dân đã mời ông ngủ trong cũi chó. Nhưng nó còn tử tế hơn ở đây.

Có thể là như thế, người hầu nói trong lúc đã rời bước. Nhưng ở đây không có gì khác.

Gauss thờ dãi trong khi nhắm mắt đặt lưng xuống phản gỗ. Gối đầu cứng và hôi. Ông trái mũ lên nhưng cũng chẳng ích gì. Mãi không chớp mắt nổi. Lưng đau, không khí ngọt ngào, ông sợ ma, và thấy thiếu vắng Joharma như mọi đêm. Chỉ cần một phút thiếu chú ý, thế là người ta gánh một nhiệm vụ, lặn lội xuyên rừng và đàm phán với nông dân về những cái cây vận vẹo của họ. Vừa chiều nay thôi, ông trả tiền gấp năm cho một cây dương cổ thụ. Những người giúp việc lè mề mãi mới của xong cây để ông bắt được tín hiệu phát sáng của Eugen qua kính kính vĩ. Tất nhiên là thoát tiên con lừa này bắt tín hiệu về phía ngược lại ! Mai họ sẽ gặp nhau, và ông phải lo sao để từ đó chỉ cần hai đường thẳng để nối đến điểm nút gần nhất. Giờ đây đó là nghề của ông. Cuốn sách về thiên văn đã xuất bản từ lâu, trường đại học cho ông nghỉ. Ít nhất thì lương bổng cũng khá, và nếu không ngốc lắm thì người ta có khối cách kiếm thêm chút tiền phụ vào. Với những ý nghĩ ấy ông ngủ thiếp đi.

Sáng sớm, một giấc mơ nhọc nhằn đánh thức ông. Ông thấy chính mình nằm trên phản gỗ và mơ thấy mình đang nằm trên phản trong khi mơ thấy mình đang nằm và đang mơ trên phản. Ông chộn rộn ngồi dậy và biết ngay là mình chưa tỉnh ngủ. Rồi trong vòng mấy giây ông chuyển từ thực tại này sang thực tại kia và sang đến thực tại kế tiếp, và chẳng thực tại nào đưa lại cho ông cái gì hay ho hơn là vẫn căn phòng bẩn thỉu vương cỏ khô trên sàn và xô nước trong góc. Có lần, một bóng đen đứng giữa khung cửa, một lần khác có con chó chết nằm trong góc, rồi một thằng bé với mặt nạ gỗ vợ vẫn đi lạc vào phòng, song chưa kịp nhìn rõ thì nó lại chạy mất. Cuối cùng, khi ngồi rũ rượi ở rìa phản và nhìn ra buổi sáng ban mai ngập nắng thì ông không nén được cảm giác mình đã đi trượt một bước khỏi thực tại mà ông đang ở trong. Ông vã nước lạnh lên mặt và nhớ đến Eugen, chiều nay ông sẽ gặp nó. Thông thường, quá mắng nó làm lòng ông dịu đi. Ông mặc quần áo và vừa ngáp vừa bước ra ngoài.

Ông đi qua các phòng với những bức tranh đã nhạt đi vì thời gian: những người đàn ông nghiêm nghị, vẽ vụng về, trát màu quá dày. Đồ đạc bằng gỗ lem luốc và bụi bặm. Ông tự lự dừng trước một tấm gương. Hình trong gương làm ông thiếu hài lòng. Ông mở mấy ngăn kéo rộng, rồi thò phào nhìn thấy cánh cửa song sắt dẫn ra vườn.

Mảnh vườn được hoạch định kỹ lưỡng đến kinh ngạc: cọ, phong lan, cây họ cam, xương rồng hình thù kỳ dị và đủ các loại cây cỏ mà Gauss chưa hề thấy cả trong tranh, sỏi rào rào dưới giày, một dây leo kéo mũ ông tuột khỏi đầu. Có hương vị ngọt ngào, trên nền đất là những quả cây vỡ nhoè nhoét. Cây cỏ ngày càng um tùm, đường đi hẹp lại, ông phải

lom khom đi tiếp. Lãng phí quá ! Ông chỉ mong là ở đây không có thêm côn trùng lạ. Lách qua giữa hai gốc cọ, áo ông bị mắc lại và thiếu chút nữa làm ông đâm vào bụi gai. Giờ thì ông đứng trên bãi cỏ. Bá tước ngồi đó trên chiếc ghế dựa, vẫn mặc áo ngủ và tóc tai bù xù. Ông đang uống trà.

Ấn tượng lắm, Gauss nói.

Ngày xưa còn đẹp hơn nhiều, bá tước nói. Người làm vườn thời này dốt lắm, và bọn Pháp cho vào ở đã phá phách nhiều. Ông mới quay về được ít lâu. Ông từng qua Thụy Sĩ, là dân di cư, bây giờ thì mọi sự đã tạm thời thay đổi. Ngài nhân viên trắc địa có muốn ngồi không ?

Gauss ngó quanh. Chỉ có độc một chiếc ghế, mà bá tước thì đang ngồi trên đó. Không nhất thiết, ông ngập ngừng nói.

Vậy thì ta có thể đàm phán ngay, bá tước nói.

Chỉ là chuyện hình thức, Gauss nói. Để có tầm nhìn thông đến điểm đo Schamhorst, ông phải hạ ba gốc cây trong vườn của bá tước và dọn đi nhà kho có vẻ như đã nhiều năm bỏ hoang.

Schamhorst ? Không người nào nhìn xa đến thế được.

Có chứ, Gauss nói, nếu sử dụng ánh sáng hội tụ. Ông đã chế ra một công cụ có thể phát tín hiệu nhảy sáng vượt qua những khoảng cách không ngờ. Nhờ đó, lần đầu tiên có thể trao đổi tín hiệu giữa Trái đất và Mặt trăng.

Trái đất và Mặt trăng, bá tước lặp lại.

Gauss mỉm cười gật đầu. Ông thấy rõ trong đầu ông già ngu muội đang nghĩ gì.

Chuyện cây và nhà kho, bá tước nói, là một đánh giá nhầm. Nhà kho cực kỳ cần thiết. Cây thì rất quý.

Gauss thở dài. Ông rất muốn ngồi xuống. Ông đã từng phải nói những câu chuyện tương tự bao nhiêu lần rồi ? Tất nhiên rồi, ông mệt mỏi nói, nhưng cũng không nên cường điệu quá mức. Ông biết rõ giá trị của nhúm cây và túp lều. Nhất là vào giai đoạn này, không nên gây áp lực thái quá với nhà nước.

Tinh thần ái quốc, bá tước nói. Thú vị đấy. Nhất là khi người đòi hỏi tinh thần yêu nước lại là người trước đây không lâu còn là viên chức của Pháp.

Gauss trở mắt nhìn ông.

Bá tước nhấp ngụm trà và đề nghị ông chó hiểu nhầm. Ông không trách cứ ai cả. Thời buổi khốn đốn, và ai cũng hành xử trong phạm vi điều kiện của mình.

Vì ông mà Napoléon bỏ kế hoạch bắn phá Göttingen, Gauss nói !

Bá tước gật đầu. Trông ông có vẻ không ngạc nhiên. Không phải ai cũng có may mắn được người đảo Corse ấy vì nể. *(Đảo Corse: một hòn đảo Pháp ở Địa Trung Hải, ám chỉ xuất xứ của Napoléon.)*

Và không phải ai cũng có công trạng, Gauss nói.

Bá tước đắm chiêu nhìn vào chén trà. Về mặt kinh doanh thì ngài nhân viên trắc địa không ngây thơ như bề ngoài tỏ ra.

Gauss hỏi, ông nên hiểu câu đó như thế nào cho phải.

Ông được phép mong đợi là ngài nhân viên trắc địa sẽ trả bằng tiền hiệp ước như thông lệ ?

Tất nhiên, Gauss nói.

Vậy thì ông phải hỏi là, liệu ngài nhân viên trắc địa có được nhà nước thanh toán khoản chi đó bằng vàng không. Vì nếu thế thì sẽ sinh một khoản lãi khá nhỏ chuyển đổi. Để nhận ra điều ấy thì người ta không nhất thiết phải là một nhà toán học.

Gauss đỏ mặt.

Ít nhất thì không nhất thiết phải là ông hoàng trong giới toán học, người ắt không đơn giản bỏ qua chuyện đó, bá tước nói.

Gauss chấp tay sau lưng và ngắm nhìn những cây phong lan mọc trên gốc cọ. Trong chuyện này không có gì là bất hợp pháp cả, ông mỉm cười nói hất ra.

Ai dám nghĩ, bá tước nói. Ông tin chắc rằng ngài nhân viên trắc địa đã kiểm định rồi. Ngoài ra thì ông rất cảm phục công việc đo đạc. Thật là một công việc khác thường, vác máy móc lang thang hàng tháng trời.

Chỉ ở Đức thôi. Ai cũng làm việc hết như thế ở vùng núi Cordilleras thì được coi là nhà khám phá.

Bá tước gật gù. Tuy nhiên đó vẫn là công việc nặng nhọc. Lại để gia đình ở nhà nữa. Ngài nhân viên trắc địa có gia đình chứ ? Một bà vợ tử tế ?

Gauss gật đầu. Ông thấy mặt trời chói quá, cây cối làm ông yên ả trong lòng. Ông hỏi xem đã nên nói chuyện mua cây chưa. Ông phải đi tiếp, ít thời gian lắm !

Nhưng cũng không ít đến nỗi ấy, bá tước nói. Đã là tác giả của Luận về số học thì thật ra chẳng bao giờ phải vội vã nữa.

Gauss kinh ngạc nhìn bá tước.

Xin chớ khiêm nhường không cần thiết, bá tước nói. Chương về chia vòng tròn thuộc về những điều đáng chú ý nhất mà ông từng đọc. Ông gặp được những ý tưởng mà thậm chí ông thấy đáng học hỏi.

Gauss cười phá lên.

Đúng đấy, đúng đấy, bá tước nói, ông nói nghiêm túc đấy.

Gauss nói, ông ngạc nhiên vì ở đây gặp được một người có những mối quan tâm đó.

Ông nên gọi là kiến thức thì hơn, bá tước nói. Mối quan tâm của ông thì hạn chế lắm. Tuy nhiên ông luôn chú trọng để phát triển kiến thức của mình vượt lên trên mức quan tâm. Về chuyện này: ông nghe nói là ngài nhân viên trắc địa định nói với ông điều gì.

Sao cơ ?

Cũng lâu lâu rồi. Ta thán, bực mình, thậm chí cả một cáo trạng.

Gauss day trán. Ông dần thấy nóng trong người. Ông không biết bá tước ám chỉ chuyện gì.

Nhất định không có gì ?

Gauss nhìn ông ngờ ngác.

Thì thôi vậy, bá tước nói. Còn chuyện cây cối thì ông tặng miễn phí.

Nhà kho thì sao ?

Cũng vậy.

Nhưng tại sao ? Gauss hỏi và giật mình vì chính mình. Thật là một lỗi ngu xuẩn.

Chẳng lẽ lúc nào cũng cần lý do hay sao ? Vì yêu nước như trách nhiệm của mỗi công dân thôi mà. Vì lòng kính trọng ngài nhân viên trực địa.

Gauss cúi mình cảm tạ. Giờ thì ông phải lên đường, thằng con vô dụng của ông đang đợi, hôm nay ông phải đi đến tận Kalbsloh.

Đáp lại lời chào của ông, bá tước vẫy vẫy bàn tay gầy gò của mình.

Trên đường đến trang viên chột Gauss có cảm giác như mình mất định hướng. Ông tập trung tinh thần rồi rẽ phải, rẽ trái rồi rẽ phải, qua chiếc cửa song sắt, hai lần rẽ phải, qua một cửa nữa thì vào tiền sảnh hôm qua. Người hầu đã đợi ở đó, mở cổng và xin lỗi vì căn phòng. Anh ta không biết khách là ai. Đó là phòng cạnh chuồng ngựa, chỉ cho bọn cầu bơ cầu bất ngủ. Phía tầng trên không tệ như thế. Có gương, bồn rửa, thậm chí cả vài trái giường.

Bọn cầu bơ cầu bất, Gauss nhắc lại.

Vâng, người hầu nói với vẻ mặt không đổi. Lũ lưu manh và hạ tiện. Rồi nhẹ nhàng khép cổng.

Gauss hít thật sâu. Ông nhẹ người khi ra đến bên ngoài. Ông phải biến nhanh, trước khi ông già điên kia ân hận quyết định của mình. Thì ra ông ta đã đọc Luận về số học. Ông vẫn chưa quen được với sự nổi tiếng. Ngay cả hồi đó, giữa lúc chiến sự kinh khủng nhất, khi một sĩ quan tùy tùng chuyển thư thăm hỏi của Napoléon thì ông vẫn tưởng là một nhầm lẫn. Biết đâu là nhầm lẫn thật; ông sẽ không sao biết được. Ông rảo bước xuống dốc, đi vào rừng.

Những gốc cây hôm qua được đánh dấu đã khôn khéo trốn tiết, thật bực mình. Trời oi nồng làm ông toát mồ hôi, và nhiều ruồi quá. Trên mỗi gốc cây cần bỏ đi ông đã lấy phấn đánh dấu chữ thập. Bây giờ phải vẽ dấu thứ hai đề lên để biết là đã được phép đến. Mới đây Eugen hỏi ông có thấy tiếc không, những cây cổ thụ ấy cao vút, chúng đem lại bóng cả và đã sống ngàn ấy năm. Thằng bé vừa mẫn cảm vừa chậm hiểu. Thật ngán ngấm: ông đã từng hạ quyết tâm chăm chút năng khiếu của các con mình, làm cho việc học hành nhẹ nhàng hơn và bồi bổ tất cả những gì phi thường trong chúng. Nhưng hóa ra trong chúng chẳng có gì phi thường cả. Chúng cũng chẳng thông minh lắm. Joseph có chí hướng tốt để thành sĩ quan dự bị, nó là con của Johanna mà. Wilhelmine ít nhất thì cũng nghe lời và giữ cửa nhà sạch sẽ. Nhưng còn Eugen ?

Rốt cuộc ông cũng tìm thấy nhà kho và đánh dấu vào đó. Có lẽ những người giúp việc phải mất vài ngày mới phá xong. Sau đó ông sẽ xác định được góc lệch với tuyến chính, và mạng lưới sẽ được bổ sung thêm một tam giác. Cứ thế, từng bước một, ông phải tiến đến tận biên giới Đan Mạch.

Rồi sắp đến lúc tất cả chỉ là trò vật. Người ta sẽ bập bênh trên khinh khí cầu và đọc khoảng cách trên thước từ tính. Người ta sẽ gửi các tín hiệu hóa điện từ một điểm đo đến điểm tiếp theo và nhận ra khoảng cách qua độ truyền giảm của cường độ điện. Nhưng có ích gì cho ông cơ chứ, ông phải làm việc đó hôm nay với thước dây, kính lục phân và kính kinh vĩ, trong đôi ủng lấm bùn, lại phải nghĩ ra những phương pháp khả dĩ cân bằng sự sai lệch trong đo đạc bằng toán học thuần túy: những sai số li ti lần nào cũng cộng lại thành tai ương lớn. Chưa bao giờ tồn tại một bản đồ chính xác của vùng này cũng như của bất cứ vùng nào khác.

Mũi ông ngứa, một con muỗi đốt vào chính giữa. Ông lau mồ hôi. Ông nhớ đến báo cáo của Humboldt về muỗi ở sông Orinoco: con người và côn trùng không thể chung sống dài lâu, không thể chung sống vĩnh viễn, không bao giờ. Ngay tuần trước Eugen bị một con ong bắp cày đốt. Nghe nói là có tỉ lệ một triệu côn trùng trên một người. Khéo léo và may mắn đến đâu cũng không diệt hết chúng được. Ông ngồi lên một gốc cụt, lấy miếng bánh mì cứng ra và dè dặt cắn. Chỉ vài giây sau đã có những con ong đầu tiên vo ve quanh đầu ông. Nói một cách thực tế thì người ta phải chấp nhận là côn trùng sẽ chiến thắng.

Ông nghĩ đến Minna vợ mình. Ông không bao giờ lừa dối cô. Thoạt tiên ông suy nghĩ có nên cưới Nina, nhưng Bartels đã thuyết phục ông qua một bức thư dài là không được làm chuyện đó. Vậy là ông nói với Minna rằng ông cần một người cho các con, cho công việc trong nhà và mẹ mình. Rằng ông giờ đây không thể sống một mình, còn Minna ít ra cũng là bạn gái thân nhất của Johanna. Cuộc hứa hôn của Minna với một thằng ngốc nào đó vừa tan vỡ, cô không trẻ trung gì nữa, cơ may lên xe hoa của cô cũng rất nhỏ. Minna khúc khích cười ngượng ngịu, đi ra ngoài rồi lại quay vào và mân mê tà áo. Sau khi khóc một chút, cô nhận lời. Ông nghĩ đến đám cưới, đến nỗi sợ hãi ập đến khi ông thấy cô trong áo dài trắng, những chiếc răng to tướng lộ ra trong nụ cười hạnh phúc. Đó là lúc ông nhận ra sai lầm của mình. Vấn đề không ở chỗ ông không yêu cô. Vấn đề là ông không chịu nổi cô. Vì bên cạnh cô ông trở nên bồn chồn và bất hạnh, giọng cô làm ông nghĩ đến tiếng viên phấn nghiền ken kết trên bảng, mới thấy cô từ xa là ông đã có cảm giác cô đơn, và chỉ cần nghĩ đến cô là ông mong muốn được chết đi cho rồi. Tại sao ông làm nghề đo đất ? Để khỏi phải ở nhà.

Ông nhận ra là lại mất phương hướng. Ông nhìn lên cao. Những ngọn cây vươn lên bầu trời âm đục. Nền rừng dập dềnh dưới chân ông. Phải cẩn thận không thì rất dễ trượt chân trên những rễ cây ướt. Buổi trưa chắc ông phải ăn ở nhà một nông dân, và như mọi khi, món xúp bánh mì và sữa béo sẽ lại làm ông đau quặn ruột. Và bất cứ bác sĩ nào cũng có thể nói cho ta biết rằng toát mồ hôi là không khỏe.

Mấy tiếng sau, Eugen tìm thấy ông vừa lượn rừng vừa chửi bới.

Tại sao bây giờ mới đến, Gauss quát lên.

Eugen cả quyết không phải tội cậu đến muộn, một nông dân đã chỉ nhầm đường, sau đó cậu không nhìn thấy dấu vạch ở nhà kho vì nó ở vị trí quá thấp và một con dê đứng chắn ngay đằng trước. Lúc cậu thấy chữ thập đánh dấu thì nó xông vào tấn công cậu. Cậu chưa bao giờ bị dê cắn cả, cũng không biết là có chuyện dê cắn người.

Gauss thở dài chìa tay ra, cậu bé tưởng bị ăn tát nên lùi giật lại. Nhưng ông chỉ muốn vỗ vai cậu. Gauss nổi cáu, giờ thì ông không thể làm xong động tác đó mà không ngượng ngịu. Vậy thì ông phát nhẹ vào má nó. Hơi quá mạnh tay, và Eugen mở to mắt nhìn ông.

Mày đứng đần ra đó làm gì, Gauss nói, vì ông phải lý giải cho cái tát đó. Đứng thẳng lên ! Ông lấy khỏi tay Eugen máy gương hướng dương (*Heliotrop: dụng cụ đo Gauss phát minh ra để nhìn được những điểm đo xa đến 100 cây số nhờ dùng ánh sáng mặt trời hội tụ qua gương*) đã gấp lại. Không có gì lạ, thằng bé có trí thông minh của Minna và chỉ có thiên hướng sâu muộn của bố. Gauss âu yếm vuốt lên mặt gương pha lê, thước vạch và ống viễn vọng xoay được. Nhân loại sẽ còn dùng phát minh này lâu nữa ! Gauss nói, ước gì ông được cho bá tước xem cái máy này.

Bá tước nào cơ ?

Gauss rên lên. Từ khi còn nhỏ ông đã quen với sự chậm chạp của mọi người. Nhưng với con trai mình thì ông không cho qua được. Đồ lừa ngu xuẩn, ông nói và cất bước. Ông quay quắt cả người khi nghĩ đến những việc còn phải làm. Nước Đức không phải quốc gia của các đô thị, ở đó chỉ có nông dân và vài ba nhà quý tộc lập dị. Đất nước này cấu thành từ hàng nghìn cánh rừng và làng mạc. Ông có cảm giác phải đến thị sát tất cả.

Kinh Đô

Những phóng viên đầu tiên đã chực ở Nueva Espana.

Thiếu chút nữa thì họ không đến được đất này, vì thuyền trưởng của con tàu duy nhất đến Acapulco cự tuyệt không cho dân ngoại quốc lên tàu. Hộ chiếu loại gì thì mặc, ông là dân Nueva Granada và không cần biết đến Tây Ban Nha, còn triện của Urquijos thì chẳng nào cũng vô giá trị ở đây, vào thời điểm này thì sang bên kia cũng không có giá trị. Đã thành nguyên tắc, Humboldt không muốn dứt tiền. Cuối cùng thì vấn đề được giải quyết bằng cách Humboldt đưa tiền cho Bonpland và Bonpland dúi cho thuyền trưởng.

Trên đường đi, núi lửa Cotopaxi phun trào gây ra một trận bão, và do thuyền trưởng bỏ ngoài tai lời khuyên của Humboldt - ông làm nghề này đã nhiều năm, và theo luật hàng hải thì không được trái lời sĩ quan hoa tiêu, thủy thủ nào làm việc đó có thể bị treo cổ - họ bị cuốn lệch khỏi hải trình rất xa. Để cho con bão không trôi qua vô ích, Humboldt sai buộc mình vào đuôi tàu, nằm thọc trên mặt nước, để đo độ cao của những con sóng xa bờ. Ông treo ở đó cả một ngày trời, từ lúc bảnh mắt đến tận đêm, ống kính lục phân trước mắt. Sau đó tuy hơi bị thất thần nhưng ông đỡ hết người, tươi tắn và vui vẻ, không hiểu nổi tại sao đám thủy thủ từ đó trở đi gọi ông là quý.

Một người có ria mép đứng ở bến Acapulco. Anh ta tên là Gomez, viết cho nhiều tờ báo ở Nueva Espana và chính quốc. Anh cầu khẩn được theo chân bá tước.

Không phải bá tước, Bonpland nói. Mới là nam tước thôi.

Không cần thiết có ai đi theo, vì ông tự ghi chép hành trình của mình, Humboldt nói và nhìn Bonpland về trách móc.

Gomez hứa sẽ chỉ như cái bóng, như con gió thoảng qua mà thôi, thật ra chỉ như không khí vô hình, và tuy vậy anh muốn quan sát tất cả những gì cần đến nhân chứng.

Trước hết Humboldt xác định tọa độ của thành phố cảng. Ông nằm ngửa, dõng kính viễn vọng lên bầu trời đêm và đọc cho Gomez ghi lại rằng một bản đồ chính xác của Nueva Espana sẽ khuyến khích di dân đến thuộc địa, tăng cường chinh phục thiên nhiên, cải thiện bộ mặt của vùng đất. Ông nghe kể rằng một nhà thiên văn Đức tinh ra được quỹ đạo của một hành tinh mới. Tiếc là không thể biết gì rõ hơn, báo chí ở đây lạc hậu quá. Đôi khi ông muốn về nhà. Ông hạ ống nhòm xuống và đề nghị Gomez gạch hai câu cuối đi.

Họ đi đến vùng núi. Bonpland đã bình phục sau trận sốt: gầy đét và tái mét dù có ánh nắng, những nếp nhăn đầu tiên xuất hiện, và tóc trên đầu thưa hẫ hẫ so với mấy năm trước. Mới sinh ra thói gặm móng tay, và đôi lúc ho theo thói quen. Ông rưng nhiều rằng đến nỗi ăn uống khó khăn.

Ngược lại Humboldt tựa như không thay đổi. Với tính bận bịu cố hữu ông vẽ bản đồ của châu lục. Ông ghi lại các đới thực vật, áp suất không khí giảm theo độ cao, mức độ pha trộn vào nhau của các loại đá trong lòng núi. Để phân biệt các thành phần đá khác nhau, ông chui vào các hang động, nhiều khi chúng hẹp đến nỗi ông bị mắc kẹt và Bonpland phải túm chân kéo ra. Ông trèo lên cây, một cành cây gãy và Humboldt ngã vào Gomez đang ghi chép bên dưới.

Gomez hỏi Bonpland, Humboldt là người như thế nào.

Ông biết rõ Humboldt hơn bất kỳ ai, Bonpland nói. Hơn cả bố mẹ ông ta, hơn chính cả ông ta nữa. Ông không có chủ đích làm chuyện đó, nhưng sự thật là thế.

Và sao nữa ?

Bonpland thở dài. Ông chẳng biết nói gì.

Gomez hỏi, hai người đã chung đường từ bao lâu rồi.

Ông không rõ, Bonpland nói. Cả cuộc đời rồi. Cũng có thể lâu hơn.

Tại sao ông gánh lên vai chuyện ấy ?

Bonpland nhìn anh với cặp mắt ngầu đỏ.

Tại sao ông gánh lên vai chuyện ấy ? Tại sao làm trợ lý...

Không phải trợ lý, Bonpland nói. Mà là cộng tác viên.

Vậy thì tại sao ông vẫn ở lại làm cộng tác viên cho ông ta, mặc cho mọi gian khổ và đã chừng ấy năm liền ? Bonpland nghĩ ngợi. Vì nhiều lý do.

Ví dụ ?

Thật ra thì ông chỉ luôn muốn biến khỏi La Rochelle, Bonpland nói. Rồi thì việc nọ để việc kia. Thời gian trôi qua mau một cách vô lý.

Đó không phải là câu trả lời, Gomez nói.

Ông phải đi bầm xương rồng. Bonpland quay đi và thoăn thoắt trèo lên cao.

Trong lúc đó Humboldt trèo xuống hầm mỏ Taxco. Trong nhiều ngày, ông quan sát, công việc khai thác bạc, kiểm định đóng ván xây tường lò, gỗ đá và chuyện trò với các đốc công. Với chiếc mặt nạ và đèn đi lò, trông ông như con ma. Ông cứ xuất hiện ở đâu là công nhân sụp xuống lạy và cầu cứu Chúa. Nhiều lần các đốc công phải cứu ông khỏi bị công nhân ném đá.

Ông khâm phục nhất sự lạnh trí của công nhân khi ăn cắp. Không ai được vào giỏ thang kéo trước khi bị khám xét kỹ càng. Vậy mà họ luôn tìm ra cách giấu đem về vài viên quặng. Humboldt xin phép tham gia khám người, vì mục đích khoa học. Ông tìm được bạc trong tóc, dưới nách, trong mồm và cả trong hậu môn những người đàn ông đó. Ông ghê sợ việc này, Humboldt nói với giám đốc mỏ là ông Femando Garcia Utilia đang mơ màng ngắm ông khám rốn một thằng bé; duy nhất chỉ vì khoa học đòi hỏi. Không thể khai thác tài nguyên dưới lòng đất sâu một cách trật tự mà không đi ngược với lợi ích riêng tư của công nhân. Ông nhắc lại câu đó để Gomez chép. Ngoài ra, nên cải thiện hầm mỏ, có quá nhiều tai nạn xảy ra.

Ở đây có đủ người, Femando nói. Ai chết, sẽ có người thay.

Humboldt hỏi, ông đã đọc Kant chưa.

Một ít, Femando nói. Nhưng ông không nhất trí. Ông ưa Leibniz hơn *(nhà bác học người Đức ở các lĩnh vực: triết, toán, lý, lịch sử, luật, tôn giáo và ngoại giao)*. Tổ tiên ông là người Đức nên ông hiểu tất cả những viễn tưởng tuyệt vời đó.

Hôm họ đi tiếp, hai quả khinh khí cầu neo tròn xoe và sáng rực treo cạnh mặt trời. Đó là một hiện nay, Gomez kể, ai có tên tuổi và lòng dũng cảm cũng muốn được lên không trung một lần.

Trước đây nhiều năm ông đã thấy chiếc khinh khí cầu đầu tiên trên bầu trời Đức, Humboldt nói. Hạnh phúc thay cho ai được bay hồi đó. Khi nó không còn là ma thuật nữa, song cũng chưa phải chuyện thường nhật. Như khám phá ra ngôi sao mới vậy.

Gần tới Cuemavaca, một người Bắc Mỹ trẻ tuổi bắt chuyện với họ. Anh ta có bộ râu xoắn cầu kỳ, tên là Wilson và viết bài cho Biên niên ký Philadelphia.

Bây giờ thì quá đủ rồi, Humboldt nói.

Tất nhiên Hợp chúng quốc khuất trong bóng của người láng giềng lớn, Wilson nói. Nhưng trên quốc gia non trẻ ấy, công chúng càng ngày càng tỏ ra say mê Tướng Humboldt và các chiến công của ông.

Thanh tra mỏ, Humboldt nói cướp lời Bonpland, không phải tướng !

Trước khi vào kinh đô, Humboldt đóng bộ lễ phục. Một phái đoàn của phó vương đợi họ trên đỉnh đồi với chìa khóa thành phố. Từ sau Paris họ chưa đến một kinh đô nào quy mô thế này. Ở đây có một trường đại học, một thư viện công cộng, một vườn bách thảo, Viện hàn lâm nghệ thuật và Viện mỏ theo hình mẫu Phổ dưới sự lãnh đạo của Andres del Rio, một bạn học cũ của Humboldt ở Freiberg. Cuộc hội ngộ có vẻ như không làm ông ta vui quá mức cần thiết. Ông ta đặt tay lên vai Humboldt, giữ ông ở khoảng cách một cánh tay và ngắm ông qua cặp mắt nheo nheo.

Thì ra đúng thế, mặc cho mọi lời đồn đại, ông nói bằng thứ tiếng Đức ngọng ngịu.

Đồn đại gì ? Từ khi gặp Brombacher, Humboldt không nói tiếng mẹ đẻ bao giờ. Tiếng Đức của ông nghe vụng về và ngập ngừng, ông luôn phải tìm cho đúng từ.

Tin đồn, Andres nói. Ví dụ như ông là gián điệp của Hợp chúng quốc. Hay của Tây Ban Nha.

Humboldt cười. Gián điệp Tây Ban Nha tại thuộc địa của Tây Ban Nha ?

Tại sao không, Andres nói. Sẽ không còn là thuộc địa lâu nữa đâu. Người ta biết rõ chuyện đó, ở đây lại càng rõ hơn.

Gần quảng trường chính người ta bắt đầu khai quật di tích của ngôi đền bị Cortés phá hủy (*Hernan hay Hernando Cortes: 1485-1547: nhà thám hiểm và thực dân Tây Ban Nha*). Trong bóng của nhà thờ lớn, công nhân đứng ngáp vặt, mùi bánh ngô nồng nồng quẩn trong không khí. Nằm trên nền đất là những chiếc đầu lâu với mắt bằng đá quý, dao bằng đá vỏ chai, hình khắc đá nghệ thuật tả cảnh xẻ thịt người, hình nhân bằng gốm với lồng ngực phanh ra. Lại có cả một bàn thờ làm từ đầu lâu đeo gót sơ sài. Mùi ngô làm Humboldt khó chịu, nôn nao trong người. Quay đầu lại, ông thấy Gomez và Wilson ghi chép vào sổ.

Ông đề nghị họ để ông một mình, ông phải tập trung tinh thần.

Đó là cách làm việc của một nhà nghiên cứu lớn, Wilson nói.

Một mình, để tập trung tinh thần, Gomez nói. Thế giới phải biết chuyện này !

Humboldt đứng trước một bánh xe khổng lồ bằng đá. Một mớ tạp nham những thần lùn, đầu rắn và hình người bị tẻ ra thành những mảng hình học. Ở giữa là một khuôn mặt có lưỡi thè ra và cặp mắt không mi. Ông ngắm thật lâu. Dần dần sự hỗn độn đi vào trật tự; ông nhận ra những sự tương thích, những hình ảnh bổ sung lẫn nhau, những biểu tượng - được lặp đi lặp lại theo quy luật tinh tế - là con số được mã hóa. Đây là một bộ lịch. Ông cố vẽ lại nó, nhưng không được, có sự liên quan nào đó với khuôn mặt ở giữa. Ông tự hỏi mình đã bắt gặp ánh mắt này ở đâu rồi. Ông nhớ đến con báo, rồi thằng bé trong căn lều đất. Ông bồn chồn ngắm trang sổ. Có lẽ cần một thợ vẽ chuyên nghiệp. Ông chăm chăm nhìn khuôn mặt, và có thể vì trời nóng hay mùi ngô mà ông đột nhiên phải quay mặt đi.

Hai mươi nghìn, một công nhân vui vẻ nói. Để khai trương ngôi đền này, phải tế thần hai mươi nghìn mạng người. Lần lượt từng người một: moi tim, chặt đầu. Hàng người rồng rắn đợi dài đến tận cửa ngõ thành phố.

Anh bạn ơi, Humboldt nói, đừng kể chuyện bậy bạ !

Anh công nhân nhìn ông với vẻ bị xúc phạm.

Hai mươi nghìn trong một ngày tại một nơi, không thể tin được. Các nạn nhân sẽ không quy phục. Người xem cũng sẽ không quy phục. Thêm vào đó: trật tự thế giới này không chấp nhận điều đó. Nếu những chuyện tương tự xảy ra thì đó là ngày tận số của thế gian.

Ìa vào mấy chuyện thế gian đó, người công nhân nói.

Bữa tối Humboldt ăn cùng phó vương. Andres del Rio và nhiều thành viên chính phủ cũng đến, một giám đốc bảo tàng, mấy sĩ quan và một người đàn ông nhỏ bé kiêu kì, nước da sẫm màu và trang phục cực kỳ thanh lịch: bá tước de Moctezuma, chắt của Thần vương cuối cùng ngự trị vương quốc Tây Ban Nha. Ông sống trong một lâu đài ở Castilla và có việc qua thuộc địa mấy tháng. Vợ ông, một phụ nữ đẹp cao lớn, ngắm Humboldt với vẻ quan tâm không giấu giếm.

Con số hai mươi nghìn là đúng, phó vương nói. Biết đâu còn hơn, có nhiều phỏng đoán khác nhau. Dưới thời giáo chủ Tlacaélel cả vương quốc sa vào cơn say máu. *(Tlacaélel: (1397/1398-1480/1487) một nhà cải cách tôn giáo, rất có thể chỉ là nhân vật truyền thuyết trong lịch sử México cổ đại.)*

Không phải cuộc sống của một giáo chủ có gì sung sướng đâu, Andres nói. Người ta thường xuyên phải tự gây thương tật cho mình. Chẳng hạn như vào những dịp lễ quan trọng, xin các mệnh phụ thứ lỗi, người ta phải chích máu từ hạ bộ.

Humboldt háng giọng và bắt sang chuyện về Goethe, cả về anh trai của mình và sở thích của hai anh em về ngôn ngữ của các dân tộc cổ đại. Họ coi những ngôn ngữ đó là một thứ tiếng Latinh có ưu thế hơn, tinh túy và gần với cội nguồn thế giới hơn. Ông hỏi, điều đó có đúng với thổ ngữ Aztec không.

Phó vương nhìn sang Bá tước de Moctezuma.

Ông không thể trả lời được, ông chỉ nói tiếng Tây Ban Nha, bá tước nói, không rời mắt khỏi đĩa thức ăn.

Để chuyển đề tài, phó vương hỏi ý kiến Humboldt về các mỏ bạc.

Không hiệu quả, Humboldt lo lắng nói, khắp nơi làm việc kém chuyên nghiệp và cầu thả. Ông nhắm mắt một thoáng, lập tức khuôn mặt đã hiện ra ngay. Có gì đó đã nhìn ông, ông cảm thấy điều đó, và nó sẽ không quên ông. Ông nghe tiếng mình nói, chỉ có lượng bạc thừa mứa làm ta nhầm tưởng là có hiệu quả. Các hầm lò lạc hậu, tỉ lệ mất cắp kinh khủng, nhân lực không đủ trình độ chuyên môn.

Mấy giây im lặng. Phó vương đưa mắt sang Andres del Rio đang tái mặt.

Tất nhiên nói như vậy là cường điệu, Humboldt nói, sau khi giật thột vì những lời của chính mình. Nhiều thứ cũng gây ấn tượng tốt ! Bá tước de Moctezuma nhìn ông, mỉm cười yếu ớt.

Nueva Espana cần một Bộ trưởng về mỏ có năng lực, phó vương nói.

Humboldt hỏi phó vương nghĩ đến ai.

Phó vương im lặng.

Không thể được, Humboldt giơ tay phát biểu. Ông là người Phổ, ông không thể phục vụ một quốc gia khác.

Mãi đến khi buổi tối đã muộn ông mới có thể nói vài câu với bá tước de Moctezuma. Ông khẽ hỏi bá tước có biết đến một bộ lịch bánh xe khổng lồ bằng đá.

Bán kính khoảng năm elle ? *(Ellé: đơn vị đo chiều dài cổ không thống nhất, khoảng 55-85 cm.)*

Humboldt gật đầu.

Có hình rắn lông chim, một khuôn mặt cứng đờ ở tâm ?

Vâng, Humboldt kêu lên.

Ông không biết chút gì hết, bá tước nói. Ông không phải là người da đỏ mà là một quý tộc Tây Ban Nha. Humboldt hỏi về phả hệ.

Bá tước vươn thẳng người hết cỡ, và bây giờ thì đứng đến ngực Humboldt. Cha ông

khi bị Cortés bắt cóc đã cầu xin mạng sống như một mục đàn bà, đã than vãn khóc lóc và rồi cuộc sau nhiều tuần tù ngục đã đổi chiến tuyến. Chính những người Aztec đã ném đá ông đến chết. Nếu ông, bá tước de Moctezuma, ra đến quảng trường chính thì sẽ không sống được lấy năm phút. Bá tước nghĩ ngợi, rồi ông nói, có khi chẳng xảy ra chuyện gì. Chuyện lâu lắm rồi, người ta hầu như không nhớ nữa. Ông nắm cùi tay vợ và tỉ mỉ nhìn Humboldt từ dưới lên. Ai gặp ông cũng cố truy tìm di ảnh nét mặt của Thần vương. Biết được tên ông là mọi người nhìn thấu qua ông để đến với quá khứ. Liệu Humboldt có thể tưởng tượng ra cuộc sống trong bóng cả của bậc tiền bối vĩ đại.

Thình thoảng, Humboldt trả lời.

Phả hệ, bá tước nhắc lại bằng giọng khinh miệt. Ông và vợ bỏ đi không lời từ biệt.

Sớm hôm sau Humboldt không thấy Bonpland đâu. Lập tức ông bỏ đi tìm. Ngoài đường đầy các thương nhân. Một người bán quả khô, người khác bán thân được chữa bệnh, trừ bệnh viêm khớp, người thứ ba lấy rìu chặt đứt bàn tay trái của mình rồi chuyển tay cho đám đông ngắm nghía trong khi đau đớn chờ lấy lại. Gã ấn bàn tay vào chỗ chặt rồi rắc thuốc nước vào. Mặt tái mét vì mất máu, gã đập mấy lần lên bàn để chứng tỏ là bàn tay đã liền lại. Những người đứng xung quanh vỗ tay và mua hết chỗ thuốc nước của gã. Người thứ tư có thân được chữa viêm khớp, người thứ năm bán họa báo in xấu xí. Trong một số báo gã kể chuyện một thầy tu có phép màu, trong một tờ khác là chuyện một thằng bé da đỏ thấy Đức mẹ Đồng trinh Guadalupe hiển thánh, một tờ thứ ba nói về chuyến phiêu lưu của một nam tước người Đức đã lái thuyền qua địa ngục của sông Orinoco và trèo lên ngọn núi cao nhất thế giới. Tranh ảnh không đến nỗi tồi, nhất là bộ đồng phục của Humboldt rất giống.

Ông tìm ra Bonpland đúng ở nơi dự đoán. Ngôi nhà trang trí cầu kỳ, mặt tiền lát gạch men Trung Hoa. Người gác cổng đề nghị ông đợi. Mấy phút sau Bonpland hiện ra trong bộ đồ quàng vớ lên người.

Humboldt hỏi, ông phải nhắc Bonpland nhớ đến thỏa thuận của họ bao nhiêu lần nữa.

Đây chỉ là một khách sạn như bao khách sạn khác, Bonpland đáp, và thỏa thuận của họ thật là vô lý, Bonpland chưa đồng ý bao giờ.

Gì thì gì, Humboldt nói, đó cũng là một thỏa thuận.

Bonpland yêu cầu ông quên những bài giảng đạo ấy đi.

Hôm sau họ trèo lên núi Popocatepetl. Một lối mòn đưa gần lên đến đỉnh. Gomez và Wilson, ông thị trưởng, ba thợ vẽ và gần một trăm kẻ hiếu kỳ đi theo họ. Mỗi khi cắt một mẩu cây, Bonpland phải đưa cho mọi người xem. Thường là khi nhận lại thì nó nát bét, không thể cho vào ống đựng mẩu nữa. Lúc Humboldt đeo mặt nạ dưỡng khí lên trước khi chui vào một hang đất, tất cả vỗ tay rào rào. Và trong khi ông xác định độ cao đỉnh núi bằng khí áp kế và dòng nhiệt kế xuống miệng núi lửa thì những người bán hàng bán nước giải khát.

Trên đường xuống núi, một người Pháp bắt chuyện với họ. Anh tên là Duprés và viết cho nhiều tờ báo Paris. Thật ra anh đến đây vì chuyến thám hiểm của Viện hàn lâm do Baudin dẫn đầu. Nhưng không thấy tăm hơi Baudin đâu, và anh không thể tưởng tượng ra dịp may này khi biết một nhân vật còn vĩ đại hơn đang ở đây.

Trong một thoáng, Humboldt không nén được nụ cười hãnh diện. Ông vẫn hy vọng được nhập cuộc cùng Baudin để cùng đến Philippin. Ông suy nghĩ khả năng đón đầu viên thuyền trưởng ở Acapulco rồi cùng nhau tiến hành cuộc khảo cứu những hòn đảo linh thiêng.

Cùng nhau, Duprés nhắc lại. Cuộc khảo cứu linh thiêng trên những hòn đảo.

Cuộc khảo cứu những hòn đảo linh thiêng chứ !

Duprés gạch đi, viết lại câu đó và cảm ơn.

Sau đó họ thăm quan thành phố hoang tàn Teotihuacán. Những công trình đồ sộ có vẻ quá lớn với bàn tay con người. Theo một đại lộ chạy thẳng, họ tới một quảng trường nằm lọt giữa các đền đài. Humboldt ngồi xuống đất và làm tính, đám người quan sát ông từ xa. Chẳng mấy chốc những người đầu tiên thấy chán, vài người bắt đầu chửi bới, sau một giờ thì gần như không còn ai và sau chín mươi phút tất cả đi hết. Chỉ còn tay nhà báo trụ lại. Bonpland đâm đầu mồ hôi trở về từ kim tự tháp cao nhất.

Không ngờ nó cao đến thế!

Humboldt gật đầu. Trong tay ông là chiếc kính lục phân.

Bốn tiếng sau, trời đã tối từ lâu, ông vẫn ngồi đó trong tư thế cũ, người cúi trên mảnh giấy. Bonpland và ba nhà báo lạnh run, ngủ thiếp đi. Một lát sau, khi gói ghém các dụng cụ, Humboldt đã biết rằng nếu nhìn từ đại lộ thì mặt trời vào đúng ngày Hạ chí sẽ mọc ở đỉnh kim tự tháp cao nhất và lặn đúng đỉnh kim tự tháp cao nhì. Toàn bộ thành phố này là một tấm lịch. Ai đã nghĩ ra nó? Những người ấy thông hiểu trăng sao đến mức nào, và họ định để lại thông điệp gì? Hàng nghìn năm trôi qua, và ông là người đầu tiên đọc được thông điệp ấy.

Tại sao ông lại bồn chồn vậy, Bonpland hỏi khi bị đánh thức bởi tiếng dụng cụ kêu lách cách.

Chừng ấy nền văn minh và chừng ấy sự dã man, Humboldt nói. Sự kết đôi dị hợm! Có thể nói là phản diện của những lý tưởng Đức.

Có lẽ đã đến lúc quay về, Bonpland nói.

Về thành phố?

Không phải thành phố này.

Humboldt nhìn lên bầu trời sao một lát. Rồi ông nói, được. Ông sẽ học cách hiểu những tảng đá chồng lên nhau một cách thông minh khủng khiếp, coi chúng như một phần của thiên nhiên. Sau đó ông sẽ để Baudin một mình xuất hành hướng Philippin và lấy chuyến tàu thủy sớm nhất đi Bắc Mỹ. Từ đó họ sẽ quay về châu Âu.

Nhưng trước khi đó họ đến ngọn Jorullo, trái núi lửa cách đây năm chục năm đột ngột trỗi lên từ mặt đất bằng trong sấm chớp, bão lửa và mưa tro. Khi ngọn núi xuất hiện đằng xa, Humboldt vỗ tay vì xúc động. Ông phải trèo lên đó, ở đó ông mong sẽ phân bác hoàn toàn được học thuyết Neptun, ông đọc cho các nhà báo chép. Ông thấy hơi áy náy khi nghĩ đến Abraham Wemer vĩ đại - đến đây ông đánh vần từng chữ cái để họ viết cho đúng tên.

Dưới chân núi, tỉnh trưởng Guanajuto và một đoàn tùy tùng đông đảo ra đón họ, trong đó có người đầu tiên chinh phục ngọn núi này là một vị cao tuổi tên là Don Ramón Espelde. Ông muốn dẫn đầu đoàn thám hiểm bằng được. Chuyện quá nguy hiểm để có thể bỏ mặc những người nghiệp dư.

Humboldt cam đoan rằng ông đã trèo lên nhiều núi hơn bất kỳ người nào khác trên đời.

Don Ramón thản nhiên tiếp tục khuyên chớ nên nhìn thẳng vào mặt trời và mỗi lần đặt chân phải xuống đất thì phải cầu nguyện Đức mẹ Đồng trinh Guadalupe.

Họ di chuyển chậm chạp vì luôn phải đợi ai đó trong đám người đi theo. Nhất là Ramon liên tục trượt chân hay quá mệt không đi tiếp được. Trước ánh mắt ngạc nhiên của mọi người, Humboldt liên tục bò trên tứ chi để dùng ống nghe thăm dò nền đất. Lên đến đỉnh, ông dùng dây đu xuống miệng núi lửa.

Thật là một gã khủng, Don Ramón nói, ông chưa từng thấy ai làm việc đó.

Được kéo lên khỏi miệng núi lửa, Humboldt mặt mũi xanh lè, ho hen khốn khổ và áo quần cháy sém. Ông vừa hấp háy nhìn vừa hét lên, học thuyết Neptun hôm nay có thể không ra mộ được rồi !

Chán quá, Bonpland nói, học thuyết ấy đã từng chứa bao thơ mộng.

Ở Veracruz họ lên chiếc tàu đầu tiên quay về La Havana. Humboldt nói khi bờ biển chìm dần vào màn sương, ông phải thú thật là ông vui mừng khi mọi chuyện đi đến hồi kết. Ông dựa vào lan can và nheo mắt nhìn trời. Bonpland chợt nhận ra là lần đầu tiên Humboldt trông không còn nét trẻ trung nữa.

Họ gặp may: một tàu thủy vừa vãn ròi La Havana đi ngược lên phía Bắc để theo dòng Delaware tới Philadelphia. Humboldt tìm gặp thuyền trưởng, trình thị thực Tây Ban Nha của mình và xin lên tàu.

Lạy Chúa, viên thuyền trưởng thốt lên, lại là ông ! - Trời ! Humboldt nói.

Họ nhìn nhau sững sốt.

Nhưng ông phải lên mạn đó, Humboldt nói và hứa dọc đường sẽ không can thiệp vào công tác hoa tiêu. Ông sẽ tin cậy thuyền trưởng hoàn toàn. Chuyến vượt đại dương ngày xưa ông vẫn còn ghi nhớ như một kỳ tích trong nghệ thuật hàng hải. Mặc cho bệnh dịch, tay bác sĩ dốt nát và những tính toán sai.

Để rồi lại đến Philadelphia ? Thuyền trưởng nói. Theo ý ông thì tất cả bọn nổi loạn ấy phải giết chết hết đi, ở đó hay ở đây cũng vậy.

Ông có mười bốn kiện chõ mẩu đá và thực vật, Humboldt nói, và thêm hai mươi tư lông cừu nhốt khí và chim, cộng với các loại côn trùng và nhện đựng trong bình thủy tinh cần được chăm sóc tử tế. Nếu được phép thì có thể bốc ngay lên tàu.

Cảng này tấp nập lắm, viên thuyền trưởng nói, nhất định lại sắp có một tàu khác vào.

Ông cũng đồng ý, Humboldt nói. Nhưng ông đã được những vị vua Thiên chúa giáo cấp thị thực này rồi, và họ mong ông hãy khẩn trương.

Humboldt giữ lời hứa và không can thiệp vào việc hoa tiêu. Chuyến đi trôi chảy, trừ việc một con khỉ sống chuồng. Một mình nó ăn hết nửa chỗ lương thực dự trữ, thả hai con nhện lông ra và xé tan mọi thứ trong phòng thuyền trưởng. Humboldt ngủ nhiều trên khoang sau suốt chuyến đi, viết thư cho Goethe, anh trai và tổng thống Thomas Jefferson. Trong khi đỗ hàng ở Philadelphia, ông từ biệt thuyền trưởng lần nữa.

Ông hy vọng sẽ tái ngộ, Humboldt nghiêm trang.

Ông cũng hy vọng không kém, thuyền trưởng đáp lời, bộ đồng phục của ông vá vúi tạm bợ.

Hai người đứng nghiêm chào nhau.

Một chiếc thuyền đò đưa họ vào kinh đô. Một sứ giả đem giấy mời đến: tổng thống hân hạnh mời họ nghỉ chân trong dinh thự chính phủ mới xây xong, và tổng thống chò nghe nhiều chuyện về chuyến du hành đã trở thành huyền thoại của ngài Humboldt.

Vinh dự quá, Duprés nói.

Chữ ấy chưa xứng, Wilson nói. Humboldt và Jefferson ! Và anh được tham dự !

Tại sao lại là chuyến du hành của ngài Humboldt, Bonpland hỏi. Sao không là chuyến du hành của Humboldt và Bonpland ? Hay cuộc viễn du Humboldt- Bonpland ? Hay cuộc thám hiểm Bonpland ? Ai thử giải thích xem !

Một ông tổng thống nhà quê, Humboldt nói. Ai quan tâm đến mấy lời của ông ấy !

Thành phố Washington đang trong giai đoạn xây dựng. Khắp nơi giàn giáo, hố móng và gạch đá, vang tiếng cưa và búa. Dinh thự chính phủ vừa hoàn tất nhưng chưa quét màu xong, một ngôi nhà xây theo kiến trúc cổ điển có mái vòm và hàng cột vây quanh. Ông rất vui khi lại được thấy một minh chứng cho ảnh hưởng của Winckelmann vĩ đại ! (Johann Joachim Winckelmann (1717-1768) nhà khảo cổ học Đức, tác giả nhiều sách về mỹ thuật cổ đại).

Một hàng lính lúng túng xếp hàng bồng súng chào, tiếng kèn trumpet vang lên, một lá cờ tung bay trong gió. Humboldt đi thật thẳng người và nâng tay ngang vành mũ. Từ phía dinh thự, mấy người đàn ông trong áo đuôi tôm sẫm màu tiến lại; tổng thống đi đầu, kế sau là ngoại trưởng Madison. Humboldt phát biểu vài câu về niềm vinh hạnh được tới đây, lòng kính trọng của mình đối với tư tưởng tự do, niềm vui được bỏ lại sau lưng một chế độ chuyên chế nặng nề.

Tổng thống hỏi ông đã ăn chưa và vỗ vai ông. Thừa nam tước, ông phải ăn chút gì đã !

Bữa tiệc tối không nuốt được, nhưng tất cả các quan chức của nền cộng hòa đều có mặt. Humboldt kể về cái lạnh băng giá của vùng Cordilleras và bầy muỗi ở Orinoco. Ông kể chuyện hay, nhưng luôn sa đà vào các sự kiện: ông thuyết trình rất chi tiết về dòng chảy và dao động áp suất, quan hệ giữa độ cao và mật độ thực vật, sự khác biệt tinh tế giữa các loài côn trùng, đến mức vài mệnh phụ đã bắt đầu ngáp. Khi ông rút sổ tay ra để chuẩn bị đọc các kết quả đo đạc thì Bonpland đá vào chân ông dưới gầm bàn. Humboldt uống một ngụm rượu vang và nói về gánh nặng của chuyên chế, và sự bóc lột tài nguyên khả dĩ tạo nên một kiểu giàu có thiếu sáng tạo mà nền kinh tế quốc dân không bao giờ được hưởng lợi lộc gì. Ông nói đến cơn ác mộng chế độ nô lệ. Và thấy bị đá vào chân lần nữa. Ông giận dữ nhìn qua Bonpland, lúc đó mới nhận ra cú đá đó là của ngoại trưởng.

Jefferson có nhiều đất đai, Madison thì hào.

Thì sao ?

Với mọi thứ liên quan.

Humboldt chuyển chủ đề. Ông kể về hải cảng La Havana bắn thiêu, cao nguyên Caxamarca, vườn vàng điều tàn của Atawallpa, hàng nghìn dặm đường đá mà người Inca dùng để nối các đỉnh núi với nhau. Ông đã uống nhiều hơn mức quen thuộc, mặt ông ửng đỏ, tay vung mạnh mẽ. Ông luôn trên đường, từ năm tám tuổi trở đi. Chưa bao giờ ông trụ lại đâu quá sáu tháng. Ông đã thấy tất cả các châu lục và những con thú huyền thoại mà truyện cổ tích phương Đông kể đến: chồn bay, rắn nhiều đầu, vẹt biết rất nhiều ngôn ngữ. Ông vừa đi về phòng ngủ vừa mỉm cười một mình.

Hôm sau, mặc dù nhức đầu nhưng ông có hẹn trao đổi dài trong phòng bầu dục của tổng thống. Jefferson dựa vào lưng ghế và hạ mục kính xuống.

Kính hai tròng, ông giải thích, rất giá trị, một trong nhiều phát minh của bạn ông là Franklin. Nói thật ra ông luôn thấy Franklin là người bí hiểm, không sao hiểu được. Vâng. Tất nhiên, đây !

Trong khi Humboldt nghiên cứu chiếc mục kính, Jefferson chấp tay trước ngực và đặt câu hỏi. Mỗi khi Humboldt nói tràn lan, ông lắc đầu từ tốn, ngắt lời và hỏi lại. Như tình cờ, trên bàn là một bản đồ Trung Mỹ. Ông muốn biết cận kề về Nueva Espana, đường vận tải và hầm mỏ. Ông quan tâm đến bộ máy hành chính ở đó, cách truyền mệnh lệnh trên mặt đất và trên biển, dư luận trong giới quý tộc, quy mô, trang bị cũng như trình độ đào tạo của quân đội. Bên cạnh một láng giềng hùng mạnh như vậy, người ta không bao giờ có đủ thông tin cả, Tuy vậy, tổng thống nhắc nhở rằng nam tước do triều đình Tây Ban Nha cử đi nên rất có thể phải có trách nhiệm bảo mật.

Đâu có, Humboldt nói. Có hại đến ai đâu ? Ông cúi xuống xem tấm bản đồ mà ông vừa chỉnh lý nhiều lỗi và đánh dấu chữ thập chính xác những điểm đóng quân quan trọng nhất.

Jefferson thở dài cảm ơn ông. Ở đây người ta có biết gì đâu cơ chứ. Một cộng đồng nhỏ theo giáo phái Tin lành tận bên rìa thế giới. Xa tít tắp và cô độc.

Humboldt ngó qua cửa sổ. Hai công nhân khiêng một chiếc thang lại, một người thứ ba đang đào sỏi. Thú thật là ông sốt ruột muốn về nhà quá.

Về Berlin ?

Humboldt cười. Không ai có đầu óc sáng sủa lại gọi thành phố khốn kiếp ấy là nhà mình được. Tất nhiên là ông vừa nói đến Paris. Gì thì gì, chắc chắn là ông sẽ không bao giờ sống ở Berlin nữa.

Con

Gauss chán nản bỏ khăn ăn xuống. Đồ ăn không vừa miệng ông chút nào. Nhưng vì khó than phiền về chuyện này nên ông chuyển qua chê bai thành phố. Ông hỏi, làm sao người ta có thể chịu đựng được nó.

Thành phố này cũng có lợi thế, Humboldt nói lập lờ.

Lợi thế gì ?

Humboldt nhìn chăm chăm một lát xuống mặt bàn. Rồi ông nói, ông dự định đan một mạng lưới gồm những điểm quan sát từ tính lên khắp quả đất. Ông muốn tìm ra trong ruột quả đất có một, hai hay vô số khối nam châm. Ông đã thuyết phục được Hội hoàng gia ủng hộ, nhưng ông còn cần sự trợ giúp của ông hoàng của giới toán học !

Để làm việc đó không cần đến một nhà toán học xuất sắc, Gauss nói. Ông đã nghiên cứu từ trường hồi mười lăm tuổi. Chuyện trẻ ranh. Ở đây có trà uống không nhỉ ?

Humboldt ngơ ngàng, ông búng ngón tay. Vừa qua buổi trưa, và giáo sư đã ngủ một lèo mười sáu tiếng. Trái lại, Humboldt dậy từ năm giờ sáng như mọi hôm, không ăn sáng mà làm vài thí nghiệm về dao động của từ trường trái đất, sau đó đọc cho thư ký chép lại dự toán chi phí và tác dụng của việc nuôi hải cẩu ở Warnemunde, viết bốn lá thư đến hai Viện hàn lâm, tranh luận với Daguerre về vấn đề hãm hình trên bản đồng bằng hóa chất - có vẻ còn rất nan giải, uống hai tách cà phê, nghỉ mười phút và viết chú thích về giới thực vật vùng Cordilleras cho ba chương trong cuốn sách du hành của mình. Ông đã nói chuyện với thư ký Hội nghiên cứu tự nhiên về chương trình đón tiếp tối nay, viết một công văn ngắn gửi đến tân thủ tướng Mexico về chuyện bom nước khỏi hầm mỏ và phúc đáp thư của hai nhà viết tiểu sử. Lúc đó Gauss ngái ngủ và cau có đi từ phòng khách ra và đòi ăn sáng.

Nói lại chuyện Berlin, Humboldt nói, ông hầu như không được lựa chọn. Sau nhiều năm ở Paris thì ông... Ông vuốt mớ tóc bạc khỏi mặt, lấy khăn tay ra揩揩 xì mũi, gấp lại và vuốt thẳng trước khi đút lại vào túi. Ông phải nói thế nào nhỉ ?

Hết sạch tiền ?

Nói thế thì quá lời. Nhưng hoàn tất công trình du ký ít nhiều đã làm cạn kiệt tài chính của ông. Ba mươi tư cuốn sách. Tất cả các bảng và tranh khắc, bản đồ và minh họa. Và mọi việc đó giữa lúc có chiến tranh, vật tư hiếm hoi và tiền công ngất ngưởng. Minh ông phải làm thay cho cả một viện hàn lâm. Bây giờ thì ông là quan thị thần, được dự yến tiệc triều đình và ngày nào cũng gặp vua. Thiếu gì chuyện tồi tệ hơn.

Chính thế, Gauss nói.

Ít nhất thì Friedrich Wilhelm (*Priedrich Wilhelm đệ tam (1770-1840), vua Phổ.*) đánh giá cao công tác nghiên cứu ! Chứ Napoléon luôn căm ghét ông và Bonpland, vì ba trăm nhà khoa học của ông ta không làm được nhiều ở Ai Cập bằng hai người ở Nam Phi. Khi trở về, hai người là đê tài bàn tán trong thành phố hàng tháng trời. Napoléon thấy gai mắt trước chuyện ấy. Duprés đã ghi lại mấy hồi ức rất đẹp từ thời kỳ đó trong cuốn Humboldt - nhà du hành vĩ đại. Cuốn này đỡ làm sai lệch các sự kiện thực tế như cuốn Nhà khoa học và du hành - những chuyến đi của tôi với bá tước Humboldt do Wilson viết.

Eugen hỏi, Bonpland sau này ra sao. Trông thì biết anh ngủ không ngon. Cùng với hai người giúp việc, anh phải qua đêm trong một căn phòng ngột ngạt ở nhà dưới. Anh không biết là con người có thể ngáy to như vậy.

Trong cuộc tiếp kiến duy nhất, Humboldt kể, hoàng đế đã hỏi ông có sưu tầm cây cỏ không. Ông trả lời là có. Hoàng đế nói, thế thì giống hệt vợ ta, rồi bắt nhả quay đi.

Vì ông mà Bonaparte đã bỏ kế hoạch bắn phá Gottingen, Gauss nói.

Ông có nghe chuyện đó, Humboldt nói, nhưng ông hồ nghi, có thể Bonaparte có lý do chiến lược thì đúng hơn. Thế nào chẳng nữa, sau đó Napoléon định trục xuất ông khỏi biên giới vì tội làm gián điệp cho Phổ. Cả Viện hàn lâm đã đồng lòng cản được chuyện đó. Chứ ông thì - Humboldt đưa mắt nhìn viên thư ký, và anh ta lập tức mở vở ghi ngay - chẳng hề nghe ngóng chuyện ai ngoài chuyện thiên nhiên, không dò tìm điều bí mật nào ngoài những sự thật của tạo hóa nằm phơi ra đấy.

Những sự thật của tạo hóa nằm phơi ra đấy, viên thư ký dẫu môi lặp lại.

Nằm phơi hiển hiện ra đấy !

Viên thư ký gật đầu. Người hầu bung vào một cái khay đựng mấy cái chén bằng bạc.

Còn Bonpland, Eugen nhắc lại.

Chuyện tồi tệ. Humboldt thờ dài. Chuyện rất buồn. Nhưng trà bung lên rồi - một món quà tặng của Sa hoàng. Bộ trưởng tài chính của Sa hoàng đã nhiều lần mời ông sang Nga. Tất nhiên là ông từ chối, vì lý do chính trị cũng như, rất dễ hiểu, vì ông đã cao tuổi.

Quyết định đúng đắn, Eugen nói. Chế độ chuyên chế kinh khủng nhất thế giới ! Anh giật mình, đỏ mặt lên vì lời nói của mình. Gauss cúi xuống, khó nhọc nhắc cây gậy của mình lên, nhắm và chọc vào chân Eugen dưới bàn. Ông bị trượt, chọc thêm lần nữa. Eugen rúm người lại.

Ông cũng không thể phản bác hoàn toàn, Humboldt nói. Ông phẩy tay, lập tức viên thư ký ngừng ghi chép. Quá trình tái lập trùn lên châu Âu như một tấm màn. Ông không thể giấu là nguyên nhân cũng ở anh trai mình. Những hy vọng thời thanh xuân của ông ta đã xa xăm mờ ảo đi. Một bên là sự chuyên chế, bên kia là nền tự do của bọn ngu tối. Họ từng chứng kiến, ba người đàn ông đứng ngoài phố thì đã bị coi là tự tập. Nhưng nếu ba mươi người làm lễ gọi hồn trong phòng hậu thì chả sao cả. Hàng chục kẻ ba hoa rao giảng về tự do trong khắp nước và được nuôi sống bởi những người cả tin. Châu Âu đã thành sân khấu của ác mộng, và không ai tỉnh ra được khỏi đó nữa. Trước đây vài năm ông chuẩn bị một chuyến đi Ấn Độ, đã có đủ tiền, mọi dụng cụ và kế hoạch. Lẽ ra đó phải là đỉnh cao của những hoạt động của đời ông. Nhưng người Anh đã cản trở. Không ai muốn chứa chấp một kẻ thù của chế độ nô lệ trong nước mình. Ở châu Mỹ Latinh thì lại xuất hiện hàng chục quốc gia mới, không có nghĩa lý và mục đích.

Sự nghiệp của của bạn ông, Bolivar (*Simon Jose Antonio de la Santisima Trinidad Bolivar Palacios y Blanco – 1783-1830: anh hùng dân tộc, và chiến sĩ đấu tranh cho độc lập tự do Nam Mỹ*), thế là sụp đổ. Các vị khách có biết chiến sĩ tự do ấy gọi ông là gì không ?

Ông im lặng. Một lát sau mọi người mới hiểu ra là ông chờ câu trả lời.

Là gì cơ, Gauss hỏi.

Người đích thực phát hiện ra Nam Mỹ ! Humboldt mỉm cười nhìn vào tách trà. Có thể đọc chuyện đó trong cuốn Nam tước Humboldt của Gomez. Một cuốn sách không được coi trọng đúng mức. À, ông nghe nói là giáo sư hiện nay đang nghiên cứu toán xác suất ?

Thông kê tử vong, Gauss nói. Ông nhấp một ngụm trà, nhắm mắt và đẩy tách trà xa hết tầm tay với. Người ta cứ tưởng là quyết định được đời mình. Người ta xây đắp và phát hiện, mua đồ đạc, tìm thấy những người mình yêu hơn cả cuộc sống riêng, sinh con đẻ cái, những đứa khôn ngoan hay ngu đần, nhìn những người mình yêu quý nhắm mắt, rồi có tuổi và ngu đi, ốm đau và xuống đất. Người ta cứ tưởng là mình tự quyết định hết thảy. Chỉ có toán học mới cho thấy là ta luôn chọn những lối đi thông thường. Chế độ chuyên chế, nghe mà chối tai ! Các ông hoàng cũng chỉ là những sinh vật tội nghiệp, họ sống, đau đớn và chết đi như mọi người khác thôi. Các quy luật tự nhiên mới là những kẻ bạo chúa đích thực.

Nhưng lý trí tạo nên quy luật, Humboldt nói.

Chuyện vô lý cũ rích theo tinh thần Kant. Gauss lắc đầu. Lý trí không tạo nên gì và

hiều cũng ít. Không gian cong lại và thời gian nở ra. Ai vẽ một đường thẳng, cứ thế vẽ tiếp và vẽ tiếp thì lúc nào đó sẽ gặp lại điểm xuất phát. Ông chỉ vào mặt trời xuống thấp ngoài cửa sổ. Ngay cả các tia sáng của tinh cầu cháy rụi kia cũng không truyền xuống đây theo đường thẳng. Người ta có thể tính toán sơ sơ thế giới, nhưng không có nghĩa là đã hiểu chút gì.

Humboldt khoanh tay. Thứ nhất là mặt trời không rụi đi, nó tái sinh nhiên tố (Nhiên tố: (nguyên văn *Phlogiston*) theo một giả thuyết đã lỗi thời trong thế kỷ 17 và 18 thì trong các vật liệu có thể cháy được đều chứa nhiên tố, gọi là *Phlogiston* hay *Caloricum*, nó nhập vào vật thể khi được hơ nóng và thoát ra khi cháy) và sẽ tỏa sáng vĩnh viễn. Thứ hai, chuyện không gian là gì vậy? Ở sông Orinoco ông đã nghe những người chèo thuyền kể mấy chuyện tiểu lâm tương tự. Ông không hiểu gì những lời văn vơ của họ. Và họ cũng thường uống những chất làm rối loạn giác quan.

Gauss hỏi thăm, quan thị thần làm việc gì là chính.

Việc nọ việc kia. Quan thị thần này cố vấn cho vua trong những quyết định quan trọng, vận dụng những kiến thức của mình ở những nơi có tác dụng. Thông thường ông được hỏi ý kiến trong các cuộc thương nghị ngoại giao. Vua đòi ông có mặt hầu như trong mỗi bữa ăn tối. Người rất mê nghe những báo cáo về Tân thế giới.

Nghĩa là được trả lương để ăn và tán chuyện?

Viên thư ký cười khúc khích, chợt tái mặt xin lỗi, nói anh ta bị ho.

Không phải các quy luật tự nhiên là những kẻ bạo chúa đích thực, Eugen phá vỡ sự im lặng. Trong nước có những phong trào mạnh mẽ, tự do không chỉ còn là một từ của những người ủng hộ Schiller.

Phong trào của lũ lừa, Gauss nói.

Ông luôn đồng cảm với Goethe hơn, Humboldt nói. Schiller gần gũi với anh trai của ông hơn.

Lũ lừa không bao giờ làm nên công chuyện gì cả, Gauss nói. Có thể chúng thừa hưởng được chút tiền và một cái tên danh giá, nhưng không phải trí thông minh.

Anh trai ông, Humboldt nói, mới viết một bài luận sâu sắc về Schiller. Bản thân ông không gần văn chương lắm. Sách vở không chứa con số làm ông thấy bất ổn. Vào nhà hát ông chỉ thấy ngán ngấm.

Hoàn toàn đúng, Gauss thốt lên.

Ông cho rằng nghệ sĩ quá ư dễ quên nhiệm vụ của mình: miêu tả cái tồn tại. Nghệ sĩ cho cái lệch lạc là thể mạnh, nhưng chuyện bịa đặt làm người ta rối trí, phong cách hóa làm sai lệch thế giới. Hãy xem, trang trí sân khấu không che giấu nổi vật liệu làm ra chúng là bìa cứng, họa phẩm Anh lỏng bông như bát canh sơn dầu, tiểu thuyết lạc lối, biến thành ngụ ngôn dối trá vì tác giả gán ý tưởng ngộ nghĩnh của mình vào tên các nhân vật lịch sử.

Kính tòm, Gauss nói.

Ông đang tập hợp một danh mục các đặc tính của thực vật và hiện tượng thiên nhiên mà các họa sĩ sẽ bị luật pháp bắt buộc phải tuân thủ trong sáng tác. Cũng nên dùng biện pháp tương tự cho thi ca. Ông nghĩ đến danh sách liệt kê tính chất của các nhân vật quan trọng mà tác giả không có quyền tự do đi chệch khỏi. Nếu phát minh của ông Daguerre trong tương lai được hoàn chỉnh thì nghệ thuật đăng nào cũng hết đất sống.

Thằng này viết thơ đấy, Gauss hắt hàm về phía Eugen.

Thật hả, Humboldt hỏi.

Eugen đỏ mặt.

Thơ và những thứ ngu xuẩn, Gauss nói. Từ khi còn bé. Nó không cho tôi xem, nhưng đôi khi nó ngốc đến nỗi vút bừa bãi mấy tờ giấy. Làm nhà khoa học dốt đã đành,

nhưng nó viết vẫn còn tệ hơn.

Họ may mắn gặp thời tiết tốt, Humboldt nói. Tháng trước mưa nhiều. Bây giờ có thể hy vọng là mùa thu sẽ đẹp.

Nó là đồ ăn bảm. Anh nó ít nhất cũng đi lính, chứ nó chẳng học hành gì, chẳng làm được gì. Nhưng lại làm thơ cơ !

Anh đang học luật, Eugen nói. Và học cả toán !

Thế hả, Gauss nói. Một nhà toán học thuộc loại chỉ nhận ra phương trình vi phân khi bị nắm tóc dúm đầu vào. Ai cũng biết là học đại học suông chẳng có ý nghĩa gì. Ông đã phải nhìn vào những bản mặt ngu dại của lũ trẻ ranh mấy chục năm rồi. Ông mong con trai mình khá khẩm hơn. Nhưng sao lại đâm đầu vào toán ?

Nhưng anh có muốn thế đâu, Eugen kêu lên. Anh bị ép !

Thật sao, ai ép cơ chứ ?

Sự chuyển đổi của thời tiết và bốn mùa, Humboldt nói, là vẻ đẹp đích thực của những vĩ độ đó. Đối nghịch với giới thực vật nhiệt đới muôn màu là cảnh trí hàng năm của châu Âu, sự bùng tỉnh dậy của tạo hóa.

Ai ép à, Eugen. Ai cần một trợ lý đo đạc ?

Một trợ lý vĩ đại. Ông đã phải đo lại hai lần, hết dặm này đến dặm khác, vì nhiều lỗi quá.

Lỗi ở vị trí thứ năm sau dấu phẩy ! Nó chẳng ảnh hưởng gì, hoàn toàn vô nghĩa.

Gượng đã, Humboldt nói. Đúng sai trong đo đạc không bao giờ vô nghĩa.

Còn chuyện cái gương hướng dương bị vỡ, Gauss hỏi, cũng vô nghĩa hay sao ?

Đo đạc là một nghệ thuật cao siêu, Humboldt nói.

Một trách nhiệm không được phép coi nhẹ.

Đúng ra là hai gương hướng dương mới đúng, Gauss nói. Cái kia tuy là do chính ông đánh rơi, song chỉ vì một thằng ngốc dẫn ông đi nhầm đường rừng.

Eugen bật dậy, vớ cây gậy và chiếc mũ đỏ chạy ra ngoài. Cửa đập đánh sầm sau lưng anh.

Đó là câu trả lời, Gauss nói. Sự hàm ơn đã thành một từ lạ.

Tất nhiên tuổi trẻ là tuổi không đơn giản, Humboldt nói. Nhưng ta cũng không nên ngiệp ngã quá, đôi khi một lời động viên có tác dụng hơn mọi trách cứ.

Không có bột thì gột mãi cũng chẳng nên hồ. Còn về hiện tượng từ tính thì cách đặt câu hỏi đã sai: mấu chốt không phải là trong lòng đất có bao nhiêu nam châm. Dù thế nào chẳng nữa, người ta vẫn có hai cực và một từ trường có thể miêu tả qua cường độ từ lực và độ nghiêng của kim nhiễm từ.

Ông luôn đem theo một kim đo độ nghiêng, Humboldt nói. Nhờ vậy mà ông sưu tập được trên mười nghìn kết quả.

Trời ạ, Gauss nói. Công việc chân tay thôi chưa đủ, phải tư duy nữa chứ. Thành phần trực hoành của từ lực có thể coi là hàm số của vĩ độ và kinh độ địa lý. Còn thành phần tung tốt nhất là nên phát triển theo lũy liên nghịch đảo với bán kính trái đất. Mấy hàm số hình cầu đơn giản. Ông khẽ cười.

Hàm số hình cầu, Humboldt mỉm cười. Ông chẳng hiểu chữ nào.

Ông bỏ không thực hành nữa rồi, Gauss nói. Hồi hai mươi tuổi ông không cần đến một ngày cho mấy bài toán trẻ ranh đó, hôm nay ông phải xin một tuần lễ. Ông gõ gõ vào trán. Cái này không vâng lời như ngày xưa nữa. Ước gì đạo ấy ông cứ uống Curare. Nào người mỗi ngày chết đi một ít.

Curare muốn uống bao nhiêu cũng được, Humboldt nói. Muốn chết thì phải cho thâm nhập vào huyết quản.

Gauss trở mắt nhìn ông. Thật chứ ?

Tất nhiên là thật, Humboldt tự ái trả lời. Chính ông đã phát hiện điều đó.

Gauss im lặng một lát. Rồi ông hỏi, chuyện gì đã thực sự xảy ra với Bonpland ?

Đến giờ rồi ! Humboldt đứng dậy. Hội nghị không đợi. Sau bài diễn văn khai mạc của ông sẽ có một buổi tiếp tân nho nhỏ cho vị khách quý. Quản thúc !

Gì cơ ?

Bonpland bị quản thúc ở Paraguay. Sau khi quay về Paris ông ta không còn biết gì là điều độ nữa. Danh giá, rượu chè, đàn bà. Cuộc đời ông đã mất phương hướng, đó là lỗi lầm duy nhất mà lẽ ra không bao giờ được phép phạm phải. Ông là chủ tịch Hội cây cảnh hoàng gia một thời gian và trồng phong lan tuyệt đẹp. Sau khi Napoléon bị hạ bệ ông lại vượt biển. Ở bên đó ông có một nông trang và gia đình, song trong nội chiến ông đã đứng về nhầm phe, hoặc cũng có thể là đúng phe, chỉ biết là phe đó đã thất bại. Một tên độc tài điên khùng tên là Prancia (*nhà độc tài Paraguay từ 1814 đến 1840*), lại là bác sĩ nữa, cầm chân ông tại chính nông trại của mình và luôn dọa giết ông. Ngay cả Simon Bolivar cũng chẳng giúp Bonpland được chút gì.

Khùng khiếp quá, Gauss nói. Nhưng Bonpland là thằng cha nào thế nhỉ ? Ông chưa nghe tên ấy bao giờ.

Bố

Eugen lang thang ở Berlin. Một kẻ ăn mày ngửa tay xin anh, một con chó ư ử bám lên chân anh, một con ngựa kéo xe phì hơi vào mặt anh, một cảnh sát quát anh không được vạ vật ở đây. Ở một góc phố anh bắt chuyện với một thầy tu trẻ, cùng từ tình lẻ ra như anh và cũng hay bị bắt nạt.

Toán học, thầy tu nói, thú vị đấy !

Có gì đâu, Eugen nói.

Tôi tên là Juilian, thầy tu nói.

Họ chúc nhau may mắn rồi chia tay.

Được mấy bước chân nữa thì một người đàn bà chào hỏi anh. Anh giật mình và sợ đến mức bủn rủn đầu gối, vì anh đã nghe kể mấy chuyện đó. Anh vội vã đi tiếp, không quay đầu lại khi cô ta chạy theo, và sẽ không bao giờ biết rằng cô chỉ muốn nói là anh đánh rơi mũ. Trong một quán ăn, anh uống hai cốc bia. Anh khoanh tay nhìn mặt bàn ướt át. Chưa bao giờ Eugen buồn như thế. Không phải vì bố mình, bố thì lúc nào cũng thế, cũng chẳng vì nỗi cô đơn. Mà vì chính thành phố này. Vì đám người chen chúc, những ngôi nhà cao, bầu trời bẩn đục. Anh viết vài dòng thơ. Không hay. Anh nhìn đăm đăm vào hư vô cho đến khi hai sinh viên quần rộng phấp phới và tóc dài kiểu cách ngồi vào bàn.

Gottingen hả, một sinh viên hỏi. Đắt dữ đấy. Ở đấy có nhiều phong trào !

Eugen gạt đầu bí hiểm, mặc dù anh chẳng biết gì mấy chuyện đó.

Nhưng rồi nền tự do sẽ đến, sinh viên kia nói, bất chấp mọi cản trở.

Nhất định nó sẽ đến.

Cô đơn và lẩn lút như tên trộm trong đêm, người đầu tiên nói.

Giờ thì họ đã biết mình có điểm gì chung.

Một tiếng sau họ ra đường. Như thói quen trong giới sinh viên, Eugen khoác tay một người, người kia đi sau ba chục bước chân để không bị cảnh sát chặn lại. Eugen không hiểu tại sao có thể đi lâu như thế: liên tục hiện ra đường phố mới, thêm một ngã tư nữa, và cả cái kho dự trữ của cuộc sống nhộn nhạo xung quanh cũng có vẻ như không bao giờ cạn. Họ đi đâu, và làm sao có thể sống kiểu này được ?

Trường đại học tổng hợp mới của Humboldt là trường tốt nhất thế giới, được tổ chức khác hẳn các trường khác, với những giáo viên danh tiếng nhất trong nước. Nhà nước khiếp sợ nó như địa ngục.

Humboldt đã sáng lập một trường đại học tổng hợp ?

Anh trai Humboldt, cậu sinh viên nói. Con người có tư cách ấy. Không phải gã nô lệ của bọn Pháp ru rú ở Paris suốt cuộc chiến tranh đâu. Người anh đã công khai kêu gọi em mình cầm vũ khí, nhưng hấn làm như tổ quốc chẳng là gì cả. Trong thời chiếm đóng, hấn sai gắn một tấm biển vào tòa lâu đài của mình ở Berlin, không nên trộm cắp vì chủ nhà là thành viên viện hàn lâm Paris. Khốn nạn quá !

Đường phố lên dốc, rồi xiên xuống. Hai thanh niên đứng trước cửa một ngôi nhà và hỏi mặt nhau.

Tự do trong chiến đấu.

Đó là mặt khẩu của lần trước.

Sinh viên kia lên đến nơi. Hai người thì thăm với nhau. Germania ?

Cũ rồi.

Đức và tự do ?

Lôi thôi quá. Hai người gác đưa mắt nhìn nhau. Rồi bọn họ vẫn được vào.

Xuống cầu thang, họ đến một căn hầm có mùi ẩm mốc. Hòm xiềng trên nền nhà, trong góc chất đầy thùng nạo vang. Hai sinh viên lật tà áo choàng, để lộ ra một phù hiệu đỏ đen thêu lồng kim tuyến. Họ mở một tấm ván trên nền nhà. Một cầu thang hẹp dần xuống tầng hầm thứ hai sâu hơn.

Trước một bức diễn thuyết khắp khiêng là sáu hàng ghế ngồi. Trên tường treo cò đuôi neho đỏ đen, chừng hai chục sinh viên đã đợi sẵn. Tất cả đều có ba toong, vài người đội mũ Ba Lan, những người khác đội mũ Đức kiểu cổ. Một số mặc quần rộng tự may lấy với thắt lưng rộng thời Trung cổ. Những ngọn đuốc cắm trên tường làm bóng họ rung rinh. Eugen ngồi xuống. Anh thấy chóng mặt vì không khí tù hãm và hồi hộp. Ai đó ri tai nhau là ông ta sẽ đích thân đến. Ông ta hoặc một người như ông, không biết được, nghe nói ông ta bị giữ chân ở Freyburg nhưng vẫn luôn vì hành khắp nơi trong nước. Không thể tưởng tượng là chính ông sẽ đến. Đến vô tim ra mắt, nếu được thấy mặt ông.

Ngày càng nhiều sinh viên đến thêm, luôn là nhóm hai người, luôn khoác tay nhau, đa số tranh cãi về cái mặt khẩu mà rõ ràng là chẳng ai biết. Đây đó có người đọc một cuốn thơ hay *Nghệ thuật thể dục Đức*. Vài người mấp máy môi như khi cầu nguyện. Tim Eugen đập rộn ràng. Các ghế đã có người ngồi hết; ai đến thêm, người ấy phải chen vào một góc.

Một người đàn ông bước nặng chân xuống thang và mọi người im bật. Ông ta rất cao lớn, thanh mảnh đầu hói và bộ râu xám để dài. Đó là, và lạ lùng rằng Eugen không ngạc nhiên, người đàn ông ngồi bàn bên cạnh trong quán ăn hôm qua đã can thiệp vào vụ cãi nhau với cảnh sát. Ông đi chậm chậm đến bực, tay vung vẩy. Ở đó ông vươn thẳng người và đội một sinh viên run rẩy chậm rãi mới xong ngọn nến, rồi nói với giọng cao và khô khan: Các bạn không cần phải biết tên tôi !

Một sinh viên phía sau thở hắt ra. Còn thì tất cả im phăng phắc.

Người đàn ông râu dài nâng cánh tay, co thành góc vuông, lấy tay kia chỉ vào và hỏi, có ai biết đó là gì không.

Không ai trả lời, không ai thờ. Vậy thì ông ta tự nói: cơ bắp !

Các bạn can đảm ơi, ông nói tiếp sau một quãng nghỉ dài, các bạn trẻ khỏe, cường tráng, các bạn phải mạnh lên nữa ! Ông hắng giọng. Vì, ai muốn tư duy một cách sâu sắc, đến tận nguồn con và chạm tới bản chất, người ấy phải cứng cáp thân thể. Tư duy mà thiếu cơ bắp sẽ yếu ớt và mờ nhạt, leo khoèo như bọn Pháp vậy. Đứa bé cầu nguyện cho tổ quốc, chàng trai trẻ mơ màng, nhưng người đàn ông thì phải phấn đấu và chịu đựng. Ông cúi xuống và giữ tư thế đó một lát trước khi nhip nhàng xấn ống quần lên. Ở đây nữa ! Ông lấy nắm đấm gõ vào bắp chân. Tinh khôi và mạnh mẽ. Rắn nhờ tập vòng quay, mạnh bởi đu xà, ai muốn thì cứ sờ vào. Ông đứng thẳng dậy và ngoảnh chú vào phòng trước khi hét lên như sấm: Nước Đức hãy mạnh mẽ như cẳng chân này !

Eugen cố ngó nghiêng xung quanh. Nhiều khán giả mồm há hốc, lắm kẻ lệ tuôn đầm đìa, một người nhắm mắt run rẩy, trong khi chàng trai bên cạnh cắn ngón tay xúc động. Eugen hấp háy mắt. Không khí trở nên ngột ngạt, và qua ánh đuốc lung linh anh thấy mình như một phần trong đám đông lớn hơn gấp bội. Anh cố gắng nén tiếng nức nở đang chực dâng lên.

Người râu dài nói, không gì có thể bẻ gãy được trang nam nhi. Cạnh tranh với chúng bạn, hiên ngang trước kẻ thù. Nhân dân không bị đè nén bởi thể mạnh của kẻ thù, mà vì sự yếu nhược của chính mình. Bị trói chặt. Ông đập bàn tay lên ngực. Không thể thờ, không thể cựa quậy, không biết chí hướng và lòng ngoan đạo của chính mình sẽ dẫn đến đâu. Lãnh chúa, bọn Pháp và thầy tu trói chặt và ru ngủ nhân dân trong vòng tay âu yếm dịu dàng của ngoại quốc, trong giấc mê miệng còn mút tay. Nhưng các trang nam nhi, hãy vai sát vai,

trong trắng và ngoan đạo. Hãy tư duy ! Ông nắm tay lại, dấm lên trán. Một tư duy như sợi dây đoàn kết mà không thể lực ma quỷ nào giằng đứt nổi. Đã đến lúc tiến theo hướng nhà thờ Đức chân chính và chế ngự cuộc đời. Nhưng ta hiểu điều đó ra sao, hỏi các trang nam nhi ? Ông vươn hai tay, từ từ khuỷu gối rồi lại đứng dậy. Đó là: làm chủ cơ thể, huấn luyện cơ thể, nhảy lên và cúi xuống, kéo xà và uốn, để đàn ông cho ra dáng đàn ông. Hôm nay người ta ở đâu ? Vừa mới đây, trong khi vi hành ông đã chứng kiến một cụ già và một sinh viên, ông bố người Đức và con trai mình, hai người lương thiện bị cảnh sát những nhiều vì không đem theo giấy tờ. Ông đã hăng hái can thiệp, như một người Đức phải làm, và ơn Chúa thẳng được bọn tay sai hành hạ. Hằng ngày người ta mục sở thị sự bất công, bất kể lúc nào và ở đâu, vậy ai sẽ chống lại bất công nếu không phải là các trang nam nhi, những người xa lánh rượu và gái, chăm chỉ luyện tập, những thầy tu của nước Đức, trong trắng và ngoan đạo, vui tươi và tự do ? Người ta đã tổng cổ được bọn Pháp, giờ đến lượt các lãnh chúa, Liên minh Vô thần thánh sẽ không tồn tại được bao lâu nữa, triết học phải nắm cổ và nhào nặn lại thực tế, trời đất ạ ! Ông đập tay lên bực, và Eugen nghe mình cùng mọi người hét lên Hurra ! Người râu dài đứng yên và vươn thẳng. Chợt ông thay đổi nét mặt và lui lại.

Eugen cảm thấy có luồng gió. Tiếng hò reo im bật. Năm người đàn ông tiến vào: một ông già nhỏ nhắn và bốn quân cảnh.

Lạy Chúa, người cạnh Eugen kêu lên, tay quản lý !

Ông biết mà, ông già nói với các quân cảnh. Chỉ việc quan sát tất cả lũ chúng nó điều thành từng cặp. May mà bọn chúng đều ngu như thế.

Ba tên quân cảnh dừng ở trên bậc, một tên đến bực diễn giả. Người râu dài chợt trở nên hom hem và cũng không cao lớn nữa. Ông vung tay lên quá đầu, nhưng cử chỉ đe dọa không thành, và tay ông đã vào còng.

Ông sẽ không lùi bước trước áp lực hay van xin, ông hô lên trong khi bị cảnh sát đưa ra cầu thang. Các trang nam nhi không được phép làm thế. Đây là lúc bão táp nổi lên. Rồi lúc bị đẩy lên bậc thang ông nói: tất cả chỉ là một sự nhầm lẫn, ông sẽ giải thích. Nhưng ông đã bị đẩy ra ngoài.

Ông đi gọi tiếp viện, tay quản lý nói và vội vã leo lên thang.

Không nói chuyện, một viên quân cảnh nói. Không một lời, bất cứ ai định nói gì với ai. Không thì sẽ có ngay một gõ vào sọ.

Eugen bật khóc.

Anh không phải người duy nhất. Mấy thanh niên nghẹn ngào nức nở. Một số nhảy dựng lên, nay lại ngồi xuống. Năm chục sinh viên có ba toong trong tay và ba cảnh sát, Eugen nghĩ. Một người phải tấn công, những người khác sẽ theo. Và nếu anh làm chuyện đó ? Anh làm được. Eugen tưởng tượng ra cảnh đó trong vài giây. Rồi anh biết là mình quá nhát để ra tay. Anh lau nước mắt và im lặng ngồi đợi đến khi tay quản lý quay lại cùng hai mươi quân cảnh dưới quyền một sĩ quan cao lớn có bộ ria hải cẩu.

Đưa đi, người sĩ quan ra lệnh, cho vào cũi lấy cung lần đầu để nắm tình hình, mai chuyển sang nơi có trách nhiệm.

Một cậu bé gầy gò quỳ sụp xuống trước người sĩ quan, ôm lấy ủng và xin rủ lòng thương. Ông ta áy náy nhìn lên trần nhà, một quân cảnh kéo cậu ta ra khỏi. Eugen tận dụng giây phút đó để xé một trang trong sổ tay, viết tin báo cho bố. Trước khi tra tay vào còng, anh kịp gấp nhỏ tờ giấy và giấu trong nắm tay.

Ngoài đường là xe cảnh sát. Những người bị bắt ngồi chen chúc trên hàng ghế băng, quân cảnh đứng sau lưng. Tình cờ Eugen ngồi chéch đối diện với người đàn ông râu dài đang lò dò nhìn ra đường trước.

Mình chạy trốn đi, một sinh viên nói thầm.

Đây là một chuyện hiểu lầm, người râu dài nói, ông tên là Kosselrieder và là người Schlesien, vô tình sa vào chuyện này. Một quân cảnh giáng dùi cui sắt lên vai ông, ông sụm xuống, mồm khế lăm bầm.

Còn ai nữa, viên quân cảnh hỏi.

Không ai động đây. Cửa xe đóng sầm lại, và họ xuất phát.

Thinh Không

Mắt nhắm hờ, Humboldt nói về các vì sao và dòng chảy. Giọng ông nhẹ nhàng nhưng cả phòng nghe được. Ông đứng trước bức màn vẽ bầu trời đêm với những ngôi sao quần tụ thành các vòng tròn đồng tâm: phòng sân khấu của vở Cây sáo thần do Schinkel vẽ được căng lên lần nữa nhân dịp này. Giữa các vì sao người ta viết tên các nhà khoa học Đức: Buch, Savigny, Huleland, Bessel, Klaproth, Humboldt và Gauss. Phòng họp kín không chứa một chỗ. Kính một mắt và hai mắt, rất nhiều quân phục, quạt phe phẩy, ở lô trung tâm là bóng thái tử và phu nhân ngồi bất động. Gauss ngồi hàng ghế đầu tiên.

Đầu phải, Daguerre đang trong tâm trạng vui vẻ thì thào vào tai ông, còn vài năm nữa ông mới chụp được ảnh. Một lúc nào đó ông cũng sẽ giải quyết được vấn đề ánh sáng, nhưng ông và phụ tá hoàn toàn không biết được cách nào để hãm được i-ốt bạc.

Gauss và Daguerre nhún vai rồi im lặng.

Nhìn lên bầu trời đêm, Humboldt nói, cũng chưa thật sự hình dung được hết sự mênh mông của vòm trời. Màn sương sáng của đám mây Magellan trên bầu trời Nam bán cầu không phải cấu tạo từ vật chất vô định hình, không phải sương hay khí, đó là các mặt trời mà khoảng cách vời vợi khiến chúng như tan vào nhau trong tầm nhìn. Một ô trong dải Ngân hà với kích thước hai độ nhân mười lăm độ, như ống kính viễn vọng thu được, chứa hơn năm vạn tinh cầu có thể đếm được và có lẽ còn thêm mười vạn không thể nhìn thấy vì tỏa sáng quá yếu. Như vậy có nghĩa là Ngân Hà bao gồm hai mươi triệu mặt trời, mà con mắt ta chỉ nhận ra qua một khoảng cách bằng đường kính của chúng như một quầng sáng mờ mờ, một trong hơn ba nghìn đốm sáng mờ ảo mà các nhà thiên văn đếm được. Vậy thì ta tự hỏi, nếu có nhiều vì sao như vậy thì tại sao cả bầu trời không luôn luôn ngập tràn ánh sáng, tại sao trên đó có nhiều màu đen như vậy. Và người ta không tránh được nhận định có một nguyên tắc đối cực với sự sống, một cái gì đó cản trở trong khoảng không, một môi trường thình không nuốt hết ánh sáng. Lại một lần nữa thiên nhiên chứng tỏ tính hợp lý nội tại, vì nói cho cùng thì môi nền văn hóa của con người bắt đầu bằng quan sát quỹ đạo của các thiên thể.

(Thinh không (ether hay luminiferous ether): môi trường phi vật chất được giả định trong khoa vật lý cuối thế kỷ 17 để làm cơ sở lý giải hiện tượng lan truyền ánh sáng trong chân không. Khái niệm này do Christiaan Huygen (1629-1693) đưa ra. Về mặt giá trị từ khi thuyết tương đối của Albert Einstein (1879-1955) về cơ học lượng tử được công nhận).

Lần đầu liên Humboldt mở mắt ra. Một trong những vật thể bơi trong thinh không đen ấy là Trái đất. Một lõi lửa nằm trong một lớp vỏ cứng, một lớp vỏ lỏng sệt và một lớp vỏ lỏng đàn hồi, cả ba đều là môi trường cho sự sống. Ngay ở những độ sâu dưới đất ông vẫn tìm thấy thực vật phát triển không cần ánh sáng. Núi lửa là van thoát tự nhiên cho lõi lửa của Trái đất, lớp vỏ đá cứng còn được hai đại dương bao bọc, một bằng nước và một bằng không khí. Giữa hai đại dương ấy liên tục có những dòng chảy: ví dụ như dòng nước ấm nổi tiếng đẩy nước của Đại Tây Dương qua eo biển Nicaragua và Yucatan, sau đó qua con kênh Bahama về phía Đông Bắc, ngược thêm lục địa Newfoundland rồi từ đó theo hướng Đông Nam xuống quần đảo Azores. Người ta coi dòng nước ấm đó là nguyên nhân của những hiện tượng kỳ dị như trái chà là, cá bay và đôi khi thậm chí còn thấy cả người Eskimo chèo thuyền ở bờ biển Ailen. Chính ông đã từng phát hiện ra trong biển lạnh một dòng chảy không kém quan trọng đem nước lạnh phương Bắc dọc theo Chile và Peru xuống đến chí tuyến. Mặc cho ông khẩn khoản hết lời, ông mỉm cười nửa đắc ý nửa ngượng ngùng, giới thủy thủ vẫn gọi đó là dòng chảy Humboldt. Những dòng chảy trong đại dương không khí cũng có tác động tương tự, chúng chuyển động nhờ sức nóng dao động của mặt trời, bị gián đoạn bên vách dốc của các triền núi lớn do đó sự phân chia các loại cây cỏ không theo vĩ độ mà uốn lượn theo các đường đẳng nhiệt. Hệ thống dòng chảy này nối các châu lục thành một thể thống nhất tương hỗ. Humboldt ngừng lời một lát, tựa như ý nghĩ sắp tới làm ông xúc động. Như trong các hang đất, dưới biển và trong không khí cũng vậy: chỗ nào cũng có cây mọc. Giới thực vật là một biểu hiện bề ngoài, một sự phát triển cam lạng của cuộc sống. Cây

cỏ không có nội tâm, không có gì giấu giếm, có gì chúng biểu lộ ra hết. Bị ném ra đời và ít được bảo vệ, bị gắn vào mặt đất và những điều kiện trên đó, chúng vẫn tồn tại và sống dai. Ngược lại thì côn trùng, thú vật và con người được che chắn và bảo vệ. Nhiệt độ không đổi trong cơ thể giúp chúng đương đầu với các điều kiện thay đổi. Ngắm nhìn một con vật, người ta chưa biết gì hết, nhưng cây cỏ thổ lộ hết bản chất của chúng trước mắt ta.

Bây giờ ông ấy sinh ra đa cảm, Daguerre thì thầm.

Nghĩa là cuộc sống tiến qua các giai đoạn ẩn giấu tính tổ chức của mình ngày càng cao, cho đến khi đạt bước đột phá mà người ta hoàn toàn được phép gọi là bước tiến xa nhất có thể: tia chớp lý trí. Không có đường phát triển thẳng đến đích ấy. Sự hạ nhục lớn thứ nhì của con người là chế độ nô lệ. Còn sự hạ nhục lớn nhất là ý tưởng con người xuất thân từ khi.

Người và khi ! Daguerre cười.

Humboldt ngửa đầu ra sau, tựa như ông lắng nghe câu nói của chính mình. Người ta đã hiểu biết khá rõ về vũ trụ. Người ta thăm dò không gian bằng kính viễn vọng, biết rõ cấu tạo, trọng lượng và quỹ đạo của trái đất, xác định tốc độ ánh sáng, hiểu các dòng chảy trên biển và điều kiện sống, và sắp tới lúc người ta sẽ giải nốt câu đố cuối cùng: lực của nam châm. Đích đến đã hiện ra trong tầm mắt, việc đo đạc thế giới sắp hoàn tất. Vũ trụ sẽ thành một khái niệm được thấu hiểu, mọi vấn đề nguyên thủy của con người như sợ hãi, chiến tranh và bóc lột sẽ chìm sâu trong quá khứ, và chính nước Đức cũng như phải kể đến các nhà nghiên cứu tại hội nghị này phải góp phần cấp thiết nhất. Khoa học sẽ đưa lại kỷ nguyên của phồn vinh, và biết đâu một ngày nào đó khoa học thậm chí còn chiến thắng cả tử thần. Humboldt đứng im phăng phắc mấy giây liền. Rồi ông cúi chào.

Daguerre thì thầm trong tiếng vỗ tay, từ khi ở Paris quay về bá tước không còn như xưa nữa. Ông khó tập trung tinh thần hơn. Và cũng hay lặp đi lặp lại.

Gauss hỏi, có đúng là Humboldt quay về vì thiếu tiền.

Trước tiên vì có lệnh, Daguerre nói. Nhà vua không chịu chấp nhận thần dân danh giá nhất của mình ra sống ở nước ngoài. Humboldt đã kiếm cách thoái thác trong các thư phúc đáp gửi đến triều đình, nhưng bức cuối cùng là một chiếu chỉ rõ ràng mà ông chỉ có thể cưỡng lại bằng cách cắt đứt mọi quan hệ. Và để làm chuyện đó thì, Daguerre mỉm cười, ông cụ thiếu quá nhiều tiền. Cuốn du ký được chờ đợi từ lâu đã làm dư luận thất vọng: hàng trăm trang giấy đầy những số đo, ít chuyện cá nhân, nói chung không phải là một cuộc phiêu lưu. Quả là một bi kịch có thể ảnh hưởng đến danh tiếng của ông. Một người du hành nổi tiếng thì phải để lại những câu chuyện lý thú chứ. Đơn giản là ông già đáng thương không biết cách viết sách ! Giờ thì ông ngồi ở Berlin, xây một trạm thiên văn, có hàng nghìn dự án và làm điên đầu hội đồng thành phố. Các nhà khoa học trẻ hơn lấy ông ra làm trò đùa.

Ông không biết ở Berlin ra sao. Gauss đứng dậy. Nhưng ở Göttingen ông chưa gặp nhà khoa học nào còn trẻ mà lại không ngu ngốc cả.

Thậm chí chuyện ngọn núi cao nhất cũng không ra sao cả, Daguerre nói trong lúc theo Gauss đi ra cửa. Cho đến nay người ta đã phát hiện ra là dãy Hy Mã Lạp Sơn có nhiều đỉnh cao hơn nhiều. Một đòn đau cho ông già. Nhiều năm ròng ông không chịu tin điều đó. Ngoài ra ông không vượt nổi nỗi đau của cuộc thám hiểm Ấn Độ thất bại.

Trên đường ra tiễn sánh Gauss và phải một quý bà, giẫm lên chân một người đàn ông và hai lần xì mũi ăm ỉ đến nỗi mấy viên sĩ quan khinh bỉ quay lại nhìn ông. Ông không quen ở chỗ đông người như thế. Daguerre đỡ cùi tay ông, nhưng ông quát lại, làm trò gì vậy ! Ông suy nghĩ một lát, rồi nói: nước muối.

Được thôi, Daguerre trả lời vẻ thương hại.

Gauss nhắc ông ta chó có tròng mắt lên nhìn như một thằng ngố như vậy. Người ta có thể lấy nước muối bình thường hãm i-ốt bạc.

Daguerre giật mình chừng lại. Gauss chen qua đám đông đi đến chỗ Humboldt đang đứng ở cửa vào tiền sảnh. Nước muối, Daguerre kêu sau lưng ông. Tại sao ?

Không cần phải là nhà hóa học mới biết chuyện ấy, Gauss nói qua vai, một chút trí khôn là đủ. Ông ngập ngừng tiến vào tiền sảnh, tiếng vỗ tay rộ lên, và nếu Humboldt không nắm ngay tay ông và đẩy đi tiếp thì ông đã bỏ chạy. Hơn ba trăm người đang đợi ông.

Nửa tiếng đồng hồ tiếp theo là một cực hình. Liên tục có những cái đầu lô nhô chen đến phía ông, những bàn tay nắm tay ông và chuyển nó cho người kế tiếp trong khi Humboldt thì tháo rì tai ông một loạt tên tuổi vô nghĩa. Gauss nhắm tính là nếu ở nhà thì ông cần khoảng một năm bảy tháng để tiếp chừng ấy người. Ông muốn về nhà. Một nửa số đàn ông mặc quân phục, một phần ba có ria mép. Chỉ có một phần bảy những người có mặt là phụ nữ, một phần tư trong số họ dưới ba mươi tuổi, chỉ hai cô không xấu, và nếu có định chạm tay vào thì ông chỉ chọn có một cô thôi, nhưng chỉ mấy giây sau khi nhún gối chào ông thì cô này cũng lại đi mất. Một người đàn ông đeo ba mươi hai cuống huân chương hờ hững giờ ba ngón năm tay Gauss, Gauss bất giác cúi chào thái tử gật đầu rồi đi tiếp.

Ông thấy không khỏe trong người, Gauss nói, ông muốn về đi ngủ.

Ông nhận ra cái mũ nhung của mình biến đâu mất; ai đó đã nhắc nó khỏi đầu ông, và ông không biết đó là việc cần làm hay người ta lấy trộm của ông. Một người vỗ vai ông, làm như họ quen thân nhau từ lâu, và cũng có thể đúng thế thật. Trong khi một người mặc quân phục rập gót chào và một người đeo kính mặc áo đuôi tôm cam đoan đây là giây phút trọng đại nhất đời mình thì Gauss thấy nước mắt chực trào ra. Ông nhớ mẹ.

Đột nhiên tất cả im phăng phắc.

Một ông già gầy gò, da mặt như sáp và tư thế nghiêm trang thiếu tự nhiên đi vào. Bước ngắn, tựa như chân không động đậy, ông lướt về phía Humboldt. Cả hai vươn tay đặt lên vai nhau và cúi đầu vài phân, rồi mỗi người lùi một bước.

Thật mừng quá, Humboldt nói.

Đúng vậy, người kia nói.

Những người xung quanh vỗ tay. Hai người đợi tiếng vỗ tay chấm dứt rồi quay sang Gauss.

Đây là người anh trai thân yêu của ông, Humboldt nói, ông bộ trưởng.

Ông biết, Gauss nói. Họ đã làm quen nhau trước đây mấy năm ở Weimar.

Nhà giáo dục Phổ, Humboldt nói, người tặng cho nước Đức trường đại học tổng hợp của mình và đem lại cho thế giới lý thuyết hiện hành về ngôn ngữ.

Đó là thế giới mà không ai khác ngoài người em của ông đã khai phá được hình dạng cho ta nắm được, ông bộ trưởng nói. Bàn tay ông lạnh lẽo và thiếu sinh khí, ánh nhìn dò dẫm như mắt búp bê. Đúng ra thì từ lâu ông không còn là nhà giáo dục nữa. Chỉ có cuộc sống riêng tư và thi ca.

Thi sĩ ? Gauss vui mừng thả được tay ông ra.

Mỗi ngày, từ bảy giờ đến bảy rưỡi tối, ông đọc cho thư ký chép một bản xonnê (thể thơ gồm 2 khổ bốn câu và 2 khổ 3 câu). Ông làm thế từ mười hai năm nay, và sẽ làm tiếp đến khi nhắm mắt.

Gauss hỏi đó có là những bài xonnê hay.

Ông tin chắc, ông bộ trưởng nói. Nhưng bây giờ ông phải đi.

Rất đáng tiếc, Humboldt nói.

Biết vậy, ông bộ trưởng nói, buổi tối tuyệt vời, rất vui.

Hai người vươn tay ra và lập lại nghi lễ ban nãy. Bộ trưởng quay ra cửa và đi những bước nhỏ chững chạc ra ngoài.

Một niềm vui không đợi trước, Humboldt nhắc lại. Chợt ông có vẻ bồn chồn.

Ông muốn về nhà, Gauss nói.

Một lát nữa đã, Humboldt nói, đây là chỉ huy quân cảnh Vogt, người rất có công với khoa học. Ông đang dự định trang bị la bàn cho các đồn cảnh sát của Berlin. Qua đó người ta có thể tập hợp những dữ liệu về sự dao động của từ trường ở kinh đô. Viên chỉ huy quân cảnh cao hai thước, có bộ ria mép hải cẩu và bắt tay đau khủng khiếp. Còn đây là, Humboldt tiếp, nhà động vật học Malzacher, đây là nhà hóa học Rotter kia là nhà vật lý Weber đến từ Halle với phu nhân.

Hân hạnh, Gauss nói, hân hạnh. Thiếu chút nữa thì ông phát khóc lên được. Ít ra thì cô gái cũng có khuôn mặt nhỏ nhắn xinh xắn, mắt đen và cổ áo dài xẻ sâu. Ông dán mắt vào cô, hy vọng sẽ vui lên.

Weber nói, anh là nhà vật lý thí nghiệm. Khảo cứu các công năng của dòng điện. Chúng cố lẫn đi, nhưng anh sẽ không cho chúng thoát.

Ông cũng làm như thế. Gauss nói, mắt không rời khỏi cô gái xinh đẹp. Với những con số. Lâu lắm rồi.

Anh biết chứ, Weber nói. Anh đã đọc cuốn Luận về số học kỹ hơn Kinh thánh. Tuy nhiên anh đọc Kinh thánh cũng không kỹ lắm.

Cô gái có hàng lông mày thanh mảnh và rất cong. Áo dài để lộ vai trần. Gauss tự hỏi, đặt môi lên bờ vai ấy thì sẽ như thế nào.

Anh ước gì, Gauss nghe tiến sĩ Weber từ Halle nói tiếp, một trí óc như ngài giáo sư, nghĩa là không đặc chủng về toán mà phổ quát, một ngày nào đó sẽ dành công sức giải quyết được vấn đề khảo cứu thế giới qua thực nghiệm. Anh có nhiều câu hỏi lắm. Ước vọng lớn nhất của anh là trình những câu hỏi ấy lên giáo sư Gauss.

Ông có quá ít thì giờ, Gauss nói.

Có thể thế, Weber nói. Nhưng đây là chuyện cần thiết, và anh không phải là một người vớ vẩn nào đó.

Gauss nhìn anh lần đầu tiên. Trước mặt ông là một chàng trai với khuôn mặt thuần dài và cặp mắt sáng.

Anh phải nói câu đó, Weber mỉm cười giải thích, vì ý nghĩa công việc. Anh nghiên cứu chuyển động dạng sóng của từ trường. Các bài viết của anh được nhiều người đọc.

Gauss hỏi tuổi anh.

Hai mươi tư tuổi. Weber đỏ mặt.

Anh có cô vợ đẹp, Gauss nói.

Weber cảm ơn. Vợ anh nhún gối chào, nhưng trông không có vẻ ngượng ngập.

Bố mẹ anh rất tự hào về con ?

Anh đoán thế, Weber nói.

Chiều mai anh có thể đến thăm ông, Gauss nói. Anh được ban một giờ đồng hồ, sau đó phải biến đi.

Thế là đủ, Weber nói.

Gauss gật đầu đi ra cửa. Humboldt gọi, ông phải ở lại, người ta đang đợi vua đến, nhưng ông không đợi được nữa, ông mệt đứt hơi rồi. Viên chỉ huy quân cảnh có ria mép chạy ngang mặt ông, mọi người cố vượt nhau bên phải và bên trái rồi lại bên phải, và mãi một lúc sau mới vượt được. Ở chỗ giữ áo, một người đẩy nốt ruồi đứng giữa đám sinh viên chửi bới với thổ ngữ Schwaben: nghiên cứu tự nhiên, cái gì cũng biết tuốt, ếch ngồi đáy giếng, xa rời logic, ngu xuẩn, các vì sao cũng là vật chất ! Gauss chạy ra đến phố.

Dạ dày ông đau nhói. Có đúng là ở thành phố lớn có loại xe mà ta dễ dàng chặn lại để đi về nhà ? Nhưng ở đây không có chiếc xe nào. Hôi hám. Ở nhà thì ông đã lên giường từ lâu rồi. Và mặc dù không thích thấy mặt Minna, không muốn nghe giọng cô và không có gì quấy rầy ông bằng sự hiện diện của cô, ông vẫn thấy thiếu cô do thói quen. Ông dụi mắt. Già đến thế này để làm gì ? Mắt mờ, chân chậm, đầu óc mụ mẫm. Tuổi già không phải là bi kịch. Mà là lỗi bịch.

Ông tập trung tinh thần nhớ lại mọi chi tiết con đường mà lúc này chiếc xe ngựa của Humboldt từ nhà số 4 Packhof đến Hội ca hát. Ông không nhớ tường tận hết các đường rẽ, nhưng hướng đi có vẻ chính xác: chệch tay trái, có lẽ hướng Đông Bắc. Ở nhà thì ông chỉ cần ngược nhìn lên trời là đủ, nhưng trong cái núi rác rưởi này thì chẳng nhìn thấy ngôi sao nào. Thỉnh không nuốt ánh sáng. Có lẽ ai sống ở đây mới nảy ra được ý tưởng ngộ nghê như vậy !

Sau mỗi bước ông lại ngó lại. Ông sợ kẻ cướp, chó và những vũng lầy lội. Ông sợ thành phố này lớn đến mức không bao giờ tìm được đường ra, sợ mê hồn trận của nó giam chân ông lại và không nhả ông về nhà nữa. Nhưng không, ta không được phép suy diễn đến vô tận như thế ! Một thành phố, đó cũng chỉ là những ngôi nhà, và một trăm năm nữa những ngôi nhà bé nhất cũng lớn hơn chúng, và ba trăm năm nữa - ông nhăn trán, tính ước lượng đường phát triển số mũ không dễ, khi tâm tư xáo trộn, buồn rầu và bụng lại đau nữa - nghĩa là ba trăm năm nữa thì hầu hết các thành phố sẽ có nhiều dân cư hơn các lãnh địa Đức cộng lại. Người như côn trùng, ở trong các bọng ong, làm những công việc thấp hèn, sinh con đẻ cái rồi chết. Tất nhiên người ta sẽ phải đốt xác, không nghĩa địa nào đủ chỗ nữa. Và tất cả các chất thải ? Ông hắt hơi và tự hỏi, có lẽ ốm mất rồi.

Hai giờ sau, khi chủ nhà về đến nơi thì Gauss đang ngồi trong chiếc ghế bành lớn, miệng hút tẩu, chân gác lên chiếc bàn đá nhỏ kiểu Mèxicô.

Ông bỗng dung chạy đâu vậy, Humboldt kêu lên, người ta đi tìm ông, lo có chuyện xấu nhất xảy ra, lại còn bữa tiệc đứng tuyệt vời nữa ! Nhà vua rất thất vọng.

Ông tiếc bữa tiệc nhất, Gauss nói.

Như thế không hay. Nhiều người cất công đến đây vì ông. Không làm thế được !

Ông thích tay Weber ấy, Gauss nói. Còn khoảng thỉnh không nuốt ánh sáng là chuyện vớ vẩn.

Humboldt khoanh tay.

Occam's razor, Gauss nói (Occam's razor (dao cạo của Occam): một nguyên tắc tối giản trong khoa học, khuyến nên ưu tiên lý luận đơn giản nhất trong các lý luận cùng để giải thích một sự việc, gọi theo triết gia Anh William of Occam (1285-1349).

Cần hạn chế đến mức thấp nhất số lượng cần thiết các giả thuyết đủ để giải thích một sự việc. Ngoài ra, tuy không gian trống rỗng, nhưng uốn cong. Các vì sao di chuyển trong một vòm cầu cực kỳ bí hiểm.

Lại chuyện ấy, Humboldt nói. Hình học thiên thể. Ông ngạc nhiên là một người như Gauss lại đi theo chủ thuyết kỳ dị ấy.

Không phải thế, Gauss nói. Ông đã quyết định từ lâu là không xuất bản gì về chủ đề này. Ông không thích làm bia cho sự nhạo báng. Quá nhiều người lấy thói quen của mình làm định luật cơ bản của thế giới. Ông thả hai quầng khói nhỏ bay lên trần nhà. Thật là một buổi tối đáng nhớ ! Suýt nữa thì ông không tìm thấy đường về nhà, và để lữ người hầu lười nhác mở cửa vào nhà thì ông phải gõ chuông dựng cả nhà dậy. Không đâu có đường phố

bắn thiêu như ở đây.

Có lẽ ông đã đi đây đó nhiều hơn, Humboldt nghiêm giọng. Và ông cam đoan là có đường phố bắn thiêu hơn. Và đơn giản bỏ đi là một lỗi lớn, trong khi nhiều người hợp mặt, và với những người ấy người ta có thể phát động nhiều dự án.

Dự án, Gauss thở phà ra. Hươu vượn, kế hoạch, âm mưu. Tán gẫu với mười lãnh chúa và một trăm viện hàn lâm để được phép dựng lên ở đâu đó một chiếc phong vũ biểu. Đó không phải là khoa học.

À ha, Humboldt thốt lên, vậy thế nào là khoa học đây ?

Gauss rít tẩu. Một mình một bàn làm việc. Một tờ giấy trước mặt, cùng lắm là thêm một ống nhòm, ngoài cửa sổ một bầu trời trong veo. Nếu người đó không bỏ cuộc trước khi hiểu ra. Đó mới chính là khoa học thực thụ.

Và nếu người ấy lên đường du hành ?

Gauss nhún vai. Những gì ở phương xa, trong các hang lỗ, núi lửa hay hầm mỏ, đều là tình cờ và không quan trọng. Không vì thế mà thế giới dễ hiểu hơn.

Con người bên bàn làm việc ấy, Humboldt nói, tất nhiên cần đến một người vợ chăm sóc, giữ ấm chân và nấu ăn cho, cũng như những đứa con ngoan ngoãn vâng lời biết lau chùi các dụng cụ, và cha mẹ chăm sóc người ấy như một đứa trẻ. Và một ngôi nhà vững chắc có mái kín chống mưa. Và một cái mũ để không bao giờ bị đau tai.

Gauss hỏi, ông định ám chỉ ai.

Ông chỉ nói chung chung.

Trong trường hợp này thì đúng là ông cần tất cả những thứ đó, và nhiều hơn nữa. Không có thì ai chịu nổi ?

Người hầu đã mặc áo ngủ bước vào.

Humboldt hỏi, đó là thói gì vậy, không biết gõ cửa hay sao ?

Người hầu trao cho ông một tờ giấy. Vừa có một thằng bé ngoài đường đưa đến. Có vẻ quan trọng.

Không cần biết, Humboldt nói. Ông không nhận thư buổi đêm của bất kỳ ai. Cứ như trong kịch của Kotzebue vậy ! *(Otton Eustafievitch Kotzebu -1788-1846: nhà thám hiểm gốc Đức, sĩ quan hải quân Nga, 3 lần đi vòng quanh thế giới)*. Ông miễn cưỡng mở tờ giấy ra và đọc. Lạ thật, ông nói. Một bài thơ. Văn vẻ lộn xộn. Nói về cây, gió và biển. Cả một con chim ác và một vị vua thời Trung cổ. Rồi ông bỏ dở. Rõ ràng người viết không tìm ra từ nào vần với bạc.

Người hầu nhắc ông quay mặt tờ giấy.

Humboldt làm theo và đọc. Lạy Chúa, ông khẽ nói.

Gauss ngồi dậy.

Chắc chắn là Eugen có vấn đề. Tờ giấy này đã được tuần ra từ trong trại giam của cảnh sát.

Gauss đăm đăm nhìn lên trần nhà.

Thật không hay chút nào, Humboldt nói. Chả gì thì ông cũng là viên chức nhà nước.

Gauss gật đầu.

Và ông cũng chẳng giúp được. Sự việc sẽ tuần tự nhi tiến. Tuy nhiên, người ta có thể tin vào nền tư pháp Phổ, không thể có chuyện bất công. Ai không phạm tội, có thể yên tâm.

Gauss ngắmm cái tẩu của mình.

Xấu mặt, Humboldt nói, rất đáng buồn. Chả gì thì đó cũng là khách của ông.

Thằng này chưa bao giờ làm nên tích sự gì. Ông lại đưa tẩu lên môi.

Họ im lặng một lát. Humboldt tiến ra cửa sổ và nhìn vào khoảng sân tối đen.

Làm được gì bây giờ ?

Ừ, Gauss nói.

Hôm nay là một ngày dài, Humboldt nói. Cả hai đều mệt rồi.

Và cũng chẳng trẻ trung gì nữa, Gauss nói.

Humboldt cầm đĩa nển theo và đóng cửa sau lưng mình. Ông hút hết tẩu thuốc đã, Gauss nói.

Gauss chấp hai tay sau đầu. Ánh sáng duy nhất đến từ đốm cháy trong tẩu của ông. Ngoài đường có tiếng xe lăn qua xúng xoảng. Gauss lấy tẩu khỏi miệng và lăn nó giữa các ngón tay. Ông chúm môi và lắng nghe. Có tiếng chân lại gần, cửa mở toang ra.

Không thể thế được, Humboldt kêu lên. Ông không chấp nhận chuyện này !

Thế ư, Gauss nói.

Nhưng ta có ít thời gian. Đêm nay Eugen còn ở chỗ canh sát. Sáng sớm mai anh sẽ bị mật vụ lấy cung, lúc đó không cần được gì nữa. Nếu họ muốn đón anh ra thì phải làm ngay bây giờ.

Gauss hỏi, liệu Humboldt có biết mấy giờ rồi.

Humboldt nhìn ông chằm chằm.

Từ nhiều năm nay, chưa bao giờ ông đi ra đường vào giờ này. Và nghĩ cho kỹ thì chưa bao giờ cả.

Humboldt đặt đĩa nển xuống, không tin vào tai mình.

Thôi được. Gauss thở dài đặt tẩu xuống rồi đứng dậy. Chuyện này nhất định sẽ làm ông ốm thêm mất thôi.

Ông trông rất khỏe, Humboldt nói.

Đủ rồi, Gauss kêu lên. Tất cả đủ tệ lắm rồi, ông không việc gì phải chịu thêm sự xúc phạm nào nữa !

Hồn

Chỉ huy quân cảnh Vogt đi vắng. Vợ ông, quần trong tấm váy ở nhà bằng len, mặt mũi tóc tai còn in nếp ngủ, nói với họ là chồng bà sau bữa tiệc ở Viện âm nhạc có về qua nhà rồi sau đó bị gọi đi, chắc là có vụ bắt bớ. Gần nửa đêm ông lại quay về, mặc đồ dân sự và lại đi mất. Mỗi tuần một lần như vậy. Không, bà không biết ông đi đâu.

Không thể làm được gì nữa, Humboldt nói. Ông cúi chào và toan đi.

Ông nghĩ là còn có thể, Gauss nói.

Hai người nhìn ông dò hỏi.

Ông nghĩ là còn có thể làm được gì đó. Humboldt chưa bao giờ lấy vợ nên không biết tiến trình ra sao. Một người đàn bà có chồng mỗi tuần một lần đi ra ngoài vào giữa đêm, ắt biết rõ là chồng đi đâu. Và nếu ông ta không nói thì bà vẫn tìm ra được. Bà có thể giúp hai ông già một việc quan trọng.

Bà thật sự không được nói gì cả, bà Vogt lẩm bẩm.

Gauss tiến lại gần một bước, đặt tay lên tay bà và hỏi, tại sao bà làm khó cho họ thế. Ông và bạn ông liệu có trông giống như lũ chỉ điểm, như những người không biết giữ bí mật ? Ông cúi đầu và mỉm cười với bà. Chuyện thật sự là rất quan trọng.

Nhưng không ai được phép biết là bà nói ra.

Đương nhiên rồi. Gauss nói.

Chẳng phải chuyện cấm. Và cũng chỉ từ khi bà ông ấy chết. Người ta đoán là có tiền giấu đâu đây, nhưng không ai biết ở đâu. Vậy thì phải thử xoay xở trong phạm vi khả năng của mình thôi.

Lại một lần nữa, Gauss nói trong khi họ xuống thang gác, chúng tôi đàn bà không giữ được gì trong lòng. Để cho vợ biết gì là cả phố biết theo. Dừng lại trước trại giam của cảnh sát một chút được không, ông muốn ngó mặt thẳng vô dụng một chút ?

Không thể được, Humboldt nói. Ông không được lộ mặt ra ở đó.

Người Cộng hòa số một của châu Âu không được bước chân vào trại giam của cảnh sát ?

Chính người Cộng hòa số một mới không được, Humboldt nói. Vị thế của ông mong manh hơn thoát nhìn từ bên ngoài. Sự nổi tiếng không phải lúc nào cũng có tác dụng bảo vệ. Định hướng trên dòng Orinoco còn dễ hơn ở thành phố này. Ông hạ giọng. Trong trại giam của cảnh sát, người ta chỉ phân loại những người bị bắt theo tình cảnh, sáng sớm mai mặt vụ mới đến ghi chép nhân thân. Nếu họ thuyết phục được Vogt thả ngay thẳng về nhà thì sẽ không còn dấu vết nào đọng lại.

Không trông chờ được gì ở thẳng này, Gauss nói. Weber làm ông hài lòng hơn.

Người ta đâu có lựa chọn, Humboldt nói.

Có lẽ thế thật, Gauss nói và im lặng cho đến khi xe ngựa dừng lại.

Họ đi qua một cái sân nhóp nhúa, lên một thang gác. Họ phải dừng lại hai lần để Gauss lấy hơi. Họ lên đến tầng năm, Humboldt gõ cửa căn hộ. Một người da mai mái với râu cằm xoắn nhọn mở ra. Anh ta mặc một chiếc sơ mi thêu chỉ kim tuyến, quần nhung the và đôi giày trong nhà mồn vệt.

Lorenzi, anh nói. Mấy giây sau họ mới hiểu là anh ta tự giới thiệu.

Humboldt hỏi chỉ huy quân cảnh có ở đây không.

Ông ấy ở đây, Lorenzi nói bằng thứ tiếng Đức bập bẹ, và mấy người khác nữa. Ai muốn vào đây thì phải tham gia vòng tròn.

Thôi được, Gauss nói.

Vòng tròn không được phá vỡ, Lorenzi nói, nếu không thì còi dương và còi âm sẽ xáo lộn lẫn nhau. Nói cách khác là phải trả tiền.

Gauss lắc đầu, nhưng Humboldt dúm cho Lorenzi vài đồng tiền vàng, anh ta khom lưng tránh sang một bên.

Sàn hành lang trải một lớp thảm mòn vẹt. Văng qua cánh cửa khép hờ là tiếng một người phụ nữ van vãn. Họ bước vào.

Một ngọn nến duy nhất tỏa sáng trong phòng. Nhiều người ngồi quanh một chiếc bàn tròn. Tiếng van vãn là của một cô bé chừng mười bảy tuổi. Cô mặc một chiếc váy ngủ trắng, mặt đầm mồ hôi, tóc dính bết trên trán. Chỉ huy quân cảnh Vogt ngồi bên trái cô, mắt nhắm nghiền. Cạnh ông là một ông đầu hói, ba người đàn bà đứng tuổi, một cô nữa mặc đồ đen, mấy người đàn ông mặc đồ lớn sẫm màu. Cô bé lúc lắc đầu và rên rĩ. Humboldt định ra ngoài, Gauss giữ ông lại. Lorenzi đẩy hai chiếc ghế lại gần. Họ ngập ngừng ngồi xuống bên bàn.

Và bây giờ, Lorenzi nói, tất cả đều phải nắm tay nhau !

Không bao giờ, Humboldt nói.

Có gì ghê gớm đâu, Gauss nói và nắm lấy tay Lorenzi. Nếu người ta tổng mình ra thì đúng là chẳng làm nên chuyện gì.

Không, Humboldt nói.

Không làm không được, Lorenzi nói.

Gauss thờ dãi và tóm lấy tay trái của Humboldt, đồng thời người đàn bà cạnh ông nắm lấy tay kia. Bà ta khoảng sáu mươi tuổi và trông như một pho tượng sương gió. Humboldt ngồi ngây ngất như hóa đá.

Cô bé hất đầu ra phía sau và hét. Những cử động uốn éo của cô làm áo ngủ trễ xuống. Gauss nhướng mắt ngắm nhìn cô. Thân hình cô vươn lên, tựa như muốn nhảy dựng dậy, nhưng hai người đàn ông bên cạnh đã giữ chặt cô. Cô bé nhe răng, đảo tròn mắt, rên rĩ đảo người sang hai bên. Cô nhìn thấy vua Salomon, cô găm gù, nhưng ông không chịu hiện ra, bây giờ một người khác sẽ đến.

Ông không chịu được nữa, Humboldt nói.

Thật ra cũng thú vị đấy chứ, Gauss nói. Còn con bé trông cũng không đến nỗi tệ.

Cô bé hét lên, một con co giật ném người cô bật ra phía sau; không có hai người đàn ông bên cạnh giữ chặt thì cô đã ngã cùng cái ghế. Sau đó cô im lặng trở lại, đặt đầu nghiêng và im phăng phắc lên mặt bàn. Có một người đã đến, cô nói. Một ông chú báo với người ấy là đã tha lỗi mọi sự. Một người con mong mẹ. Ngoài ra cô còn thấy con quý đội lột người Bonaparte đang bốc cháy trong địa ngục. Hết hết lên những lời nhạo báng khủng khiếp và không muốn ăn năn. Cô quay đầu lắng nghe. Chiếc váy ngủ tụt xuống dưới vú. Da cô nhầy mồ hôi. Cô nhìn thấy anh trai một người khác, ông báo là cái chết của ông là cái chết tự nhiên, không việc gì phải bận tâm xem xét nữa. Cô thấy mẹ một người khác. Bà rất thất vọng. Công việc của ông ta sẽ không có ý nghĩa gì, bây giờ thì bà nhận ra điều đó, ông ta chỉ đợi mẹ chết để biến khỏi nhà như một kẻ du thủ du thực, và hồi ấy trong hang đá ông ta cứ làm như không nhìn thấy bà. Rồi còn một đứa bé nữa, nó nhấc vó bố mẹ là mọi sự ổn thỏa, căn phòng rất rộng, người ta bay lượn suốt ngày, và nếu cần trọng thì không ai phải chịu đau đớn cả. Một bà già say nói lại là bà ta không giấu tiền và cũng chẳng giúp gì được. Cô

thốt lên một tiếng như bị bóp cổ, ngẩng đầu lên và nhẹ nhàng rút tay khỏi gọng kìm của hai người đàn ông ngồi bên, kéo chiếc váy ngủ lại cho ngay ngắn và mỉm cười ngu ngơ vô định.

Được rồi, Gauss nói.

Từ phía bên kia bàn Vogt giật mình nhìn ông. Lúc này ông ta mới nhận ra họ.

Humboldt tái mét, mặt ông như mặt nạ.

Như mê cuồng, bà mặc đồ đen nói.

Phút giây độc nhất vô nhị trong sự giao lưu giữa các thế giới, Lorenzi nói. Mọi người nhìn anh ta đầy vẻ trách móc, anh ta nói không lẫn âm hưởng Ý; anh ta vội nhắc lại từng lời cho đúng cách. Cô bé nhìn quanh bối rối. Gauss chăm chú quan sát cô.

Vogt hỏi, có phải họ theo chân ông.

Cũng có thể nói như thế, Humboldt nói. Vì một điều thỉnh cầu. Nói chuyện riêng với nhau. Ông ra dấu bảo Gauss ở lại rồi cùng Vogt đi ra hành lang.

Ông đến đây vì bà mình, Vogt thì thảo. Không ai biết tiền cất đâu. Hoàn cảnh của ông không đơn giản. Một người có tư cách phải trả sạch nợ, bất kể trong tình thế nào. Cho nên ông phải thử mọi cách.

Humboldt hắng giọng. Ông nhắm mắt vài giây, tựa như phải chấn chỉnh lại tư thế. Rồi ông nói, một chàng trai, con trai nhà thiên văn ngồi bên kia, bị bắt ở một cuộc tụ họp ngớ ngẩn, vẫn còn thời gian để dễ dàng thả anh ta về nhà.

Vogt vuốt ria mép.

Người ta có thể giúp ích cho đất nước. Nước Phổ đặt nhiều kỳ vọng cộng tác với người đàn ông này. Đừng để ông ta phật lòng, đó là một nguyện vọng tối cao.

Nguyện vọng tối cao, Vogt lặp lại.

Ở nơi khác, Humboldt nói, làm việc này có thể được huân chương.

Vogt dựa lưng vào tường. Tội của những sinh viên ấy không phải chuyện vặt. Một cuộc họp kín rất có vấn đề. Thoạt tiên người ta còn tưởng là chính tác giả của Nghệ thuật thể dục Đức đến thuyết trình. May sao, hình như diễn giả chỉ là một trong nhiều kẻ mạo danh ông ta phiêu du khắp đất nước. Một liên lạc viên khẩn cấp đang trên đường đến Freiburg để khẳng định thật giả.

Cả một nạn dịch mạo danh, Humboldt nói. Hai cộng tác viên của ông, Daguerre và Niepce, đang nghiên cứu một phát minh khả dĩ khắc phục vấn đề này. Qua đó những nhà chức trách sẽ có những bức hình chính thức, để không ai có thể đội lốt các nhân vật nổi tiếng nữa. Ông biết rõ vấn đề này, vừa mới đây có một người ở Tyrol sống hàng tháng trời bằng tiền công vì tuyên bố rằng mình là Humboldt và biết cách tìm vàng.

Dù thế nào đi nữa, Vogt nói, tình hình rất nghiêm trọng. Ông những muốn nói là không thể làm gì. Ông nhìn Humboldt đầy hy vọng. Nhưng chuyện không đơn giản.

Ông chỉ phải đến trại giam của cảnh sát và cho cậu bé về nhà, Humboldt nói. Chưa ghi tên. Sẽ không ai biết được.

Vấn cứ là một sự mạo hiểm, Vogt nói.

Một sự mạo hiểm nho nhỏ thôi.

Nhỏ hay lớn, giữa những người biết điều thì sẽ có đi có lại.

Humboldt hứa sự hàm ơn.

Sự hàm ơn biểu hiện dưới nhiều hình thức.

Humboldt cam đoan, ông có thể coi Humboldt là một người bạn luôn sẵn sàng làm bất cứ điều gì.

Điều gì là điều gì. Vogt thờ dài.

Humboldt hỏi, ông ám chỉ gì.

Vogt rên lên. Hai người nhìn nhau ngơ ngác.

Trời ạ, giọng Gauss vang lên bên cạnh họ. Chẳng lẽ ông không hiểu thật sao ? Thằng cha này muốn ăn hối lộ.

Vogt tái mặt.

Hắn muốn ăn tiền, Gauss nói bình thản. Quân đốn mạt. Đồ bẩn thỉu.

Ông phản đối, Vogt rít lên, ông không chấp nhận những lời ấy !

Humboldt cuống quýt lấy tay ra hiệu cho Gauss. Nhiều người tò mò từ phòng khách đi ra: ông đầu hói và bà áo đen thì thọt trao đổi, cô bé mặc váy ngủ nhìn qua vai họ.

Phải thế thôi, Gauss nói. Đã là một kẻ khốn nạn, vô liêm sỉ, tham lam vô độ, thì cũng phải gắng chịu được sự thật chứ.

Đủ rồi, Vogt quát lên.

Còn lâu mới đủ, Gauss nói.

Sáng sớm mai ông sẽ cử các phụ tá của mình đến !

Lạy Chúa, Humboldt kêu lên, tất cả là một sự hiểu lầm.

Ông sẽ ném cổ cả lũ ấy ra đường, Gauss nói. Ất là những kẻ bất lương dưới quyền một con bộ hung. Ông sẽ cho chúng một phát đá đít, hay đá vào các chỗ khác nữa !

Vogt dần giọng hỏi, phải chăng nói thế là quan ngại không muốn cho ông một hân hạnh.

Tất nhiên là có chứ. Chẳng lẽ ông lại thích bị một thằng khốn kiếp bắn chết !

Vogt mở miệng rồi ngậm lại, nắm chặt nắm đấm và ngó lên trần. Cầm ông run run. Nếu ông hiểu đúng chuyện thì con trai ngài giáo sư gặp khó khăn. Ngài giáo sư không nên tin là sẽ chóng gặp lại con mình. Ông loạng choạng đi ra chỗ để quần áo, giật măng tô và mũ xuống rồi hộc tốc lao ra ngoài.

Nhưng đây là mũ của tôi, ông đầu hói kêu lên và chạy theo Vogt.

Thế là xoi hỏng bóng không, Gauss nói trong sự im lặng bao quanh. Ông nhìn một hồi lâu vào phòng, rồi rút tay vào túi và ra khỏi căn hộ.

Một sự hiểu lầm tai hại, Humboldt nói khi đuổi kịp ông ở cầu thang. Ông ta đâu muốn tiền !

Ha ha, Gauss cười nhạt.

Một viên chức cao cấp của nhà nước Phổ không ăn hối lộ. Không bao giờ có chuyện đó.

Ha ha !

Ông lấy tính mạng mình ra thề !

Gauss cười lớn.

Họ ra ngoài trời và thấy xe ngựa của mình đã đi mất.

Thì đi bộ vậy, Humboldt nói. Cũng chẳng xa lắm, ngày xưa ông đã vượt qua những chặng đường kinh khủng hơn nhiều.

Xin ông không nói lại chuyện ấy, Gauss nói. Ông không muốn nghe nữa.

Hai người giận dữ nhìn nhau, rồi họ dần bước.

Tuổi già là thế, Humboldt nói sau một hồi. Ngày xưa ông có thể thuyết phục bất cứ ai. Có thể vượt mọi chướng ngại và qua mọi cửa như ông muốn. Chưa từng ai cản nổi ông.

Gauss không đáp. Họ im lặng đi cạnh nhau.

Được, rốt cuộc Gauss lên tiếng. Ông thừa nhận. Ông hành động như thế là kém thông minh. Nhưng ông bức mình quá !

Chuyện gọi hồn phải bị cấm mới đúng, Humboldt nói. Không được tiếp cận người chết như vậy. Thô thiển và tục tằn quá ! Ông lớn lên với hồn ma và biết phải đối xử với họ ra sao.

Những ngọn đèn đường kia, Gauss nói, sắp sửa được thắp bằng khí đốt, khi đó sẽ hết bóng đêm. Hai chúng ta già đi trong một kỷ nguyên kém cỏi. Chuyện Eugen bây giờ thế nào ?

Đuổi học. Có thể bị tù. Trong một số trường hợp có thể bị đi đày.

Gauss im lặng.

Đôi khi người ta phải chấp nhận là không giúp được cho người khác, Humboldt nói. Ông đã cần nhiều năm trời để chấp nhận được là mình không thể làm gì được cho Bonpland. Ông không thể vì vậy mà ngày nào cũng u uất.

Nhưng ông phải báo tin cho Minna. Vợ ông yêu con như rồ dại.

Cái gì muốn rơi xuống thì phải để nó rơi, Humboldt nói. Nghe không hay, nhưng đó là mặt bạo liệt có thể nói là mặt dã man của cuộc đời thành đạt.

Cuộc đời của ông đã qua rồi, Gauss nói. Ông có một tổ ấm không ý nghĩa, một đứa con gái không ai muốn, và một đứa con trai sa vào tai họa. Mẹ ông cũng không còn sống được lâu nữa. Mười lăm năm qua ông đi đo đồi núi. Ông dừng chân ngắm trời đêm. Tự trung là ông không giải thích được vì sao ông thấy trong lòng nhẹ nhàng như vậy.

Ông cũng không giải thích được, Humboldt nói. Nhưng tình trạng của ông cũng giống thế.

Có thể còn làm được chuyện này chuyện nọ. Từ tính. Hình học không gian. Đầu óc ông không còn như xưa, nhưng chưa phải đã vô dụng.

Ông chưa bao giờ đến châu Á, Humboldt nói. Đột nhiên ông tự hỏi, có phải là lỗi lầm khi từ chối lời mời sang Nga.

Tất nhiên là ông cần cộng tác viên mới. Ông không thể làm một mình nữa rồi. Con trai cả trong quân đội, đứa nhỏ còn bé quá, còn Eugen thì bỏ đi. Nhưng tay Weber kia hay đấy. Có một cô vợ xinh đẹp. Ở Göttingen có một ghế giáo sư vật lý còn trống.

Chuyện không đơn giản, Humboldt nói. Chính quyền sẽ để mắt kiểm tra từng động thái của ông. Song nếu cho rằng ông bạc nhược và dễ phục tùng thì người ta đã nhầm. Họ cản được ông đi Ấn Độ, nhưng ông sẽ qua Nga được.

Vật lý thực nghiệm, Gauss nói, đó là đất mới. Ông phải suy nghĩ về nó.

Nếu có chút may mắn, Humboldt nói, ông có thể đến tận Trung Hoa.

Thảo Nguyên

Cái chết, thưa các quý vị, là gì ? Nói cho cùng, đó không phải là sự chấm dứt và mấy giây phút vụt tắt, mà là sự xuống dốc từ từ trước đó, quá trình bại hoại lê thê hàng năm trời; quãng thời gian mà con người hiện hữu nhưng đâu phải thực sự hiện hữu, khi con người đã mất hết những gì đẹp đẽ nhất của mình nhưng vẫn cả quyết được rằng mình còn đó. Thiên nhiên, thưa quý vị, khi an bài sự ra đi của chúng ta, đã nương tay thế đấy !

Khi tràng pháo tay chấm dứt thì Humboldt đã rời bọc diển thuyết. Trước cửa Trường nhạc, một chiếc xe ngựa đã đợi để đưa ông đến bên giường bệnh của chị dâu. Bà là đàn đi, nhẹ nhàng và không đau đớn, nửa tỉnh nửa mê, chỉ một lần mở mắt, nhìn thấy Humboldt trước tiên, rồi khẽ giật mình khi thấy chồng, tựa như khó phân biệt được hai người. Mấy giây sau thì bà chết. Sau đó hai anh em ngồi đối diện nhau, Humboldt cầm tay anh, vì ông biết rằng hoàn cảnh đòi hỏi vậy; nhưng họ quên hẳn trong một lát việc phải ngồi thẳng và nói những điều thông thường.

Cuối cùng thì người anh cũng hỏi, liệu Humboldt có nhớ lại lúc hai người đọc câu chuyện về Aguirre và ông quyết định đi tới Orinoco ? Ngày hôm ấy đã được ghi lại cho hậu thế !

Tất nhiên là ông nhớ, Humboldt nói. Nhưng ông không tin rằng hậu thế còn quan tâm đến nữa, ông nghi ngờ chính cả ý nghĩa của chuyến đi Orinoco. Con kênh không đem lại phần vinh cho châu lục, nó cô đơn nằm đó dưới đám mây muối như vẫn vậy từ xưa, Bonpland đã nói đúng. Ít nhất thì cuộc sống của ông cũng không đến nỗi buồn chán.

Sự buồn chán chưa bao giờ làm ông bận tâm, người anh nói. Ông chỉ không muốn cô đơn.

Ông luôn cô đơn, Humboldt nói, nhưng ông có một nỗi sợ ghê gớm trước sự cô đơn.

Ông rất đau khổ vì không được làm chủ tịch thượng viện, người anh nói, Hardenberg đã ngăn đường ông, trong khi số phận của ông là phải vào vị trí đó.

Không một ai có số phận, Humboldt nói. Người ta cố đưa ra một thứ số mệnh để một ngày nào đó tin vào nó. Nhưng có nhiều thứ không thích hợp, người ta phải tự ép buộc mình.

Người anh ngả ra sau và nhìn ông một lát lâu. Vẫn những thằng bé ?

Anh đã biết chuyện đó ?

Luôn biết.

Hai người không nói lời nào rất lâu, rồi Humboldt đứng dậy, và họ ôm nhau xã giao như mọi khi.

Chúng ta còn gặp nhau chứ ?

Nhất định. Ở cuộc đời này hay cuộc đời kia.

Những người đi theo ông đã đợi ở Viện hàn lâm, nhà động vật học Ehrenberg và nhà khoáng vật học Rose. Ehrenberg béo, lùn, bộ râu nhọn, Rose cao hơn hai thước và có vẻ như tóc lúc nào cũng ướt. Cả hai đeo kính dày. Triều đình cử hai người làm trợ lý cho Humboldt. Họ cùng nhau kiểm tra trang thiết bị: máy đo Cyano, kính viễn vọng, đồng hồ Anh - đo chính xác hơn đồng hồ Pháp, máy đo độ nghiêng của kim từ cải tiến để xác định từ tính do chính tay Gambey chế tạo (*Henri-Prudence Gambey (1787-1847) kỹ sư và nhà chế tạo máy đo chính xác người Pháp.*), và một cái lều không có chi tiết nào bằng sắt. Sau đó Humboldt đi đến lâu đài Charlottenburg.

Vua Friedrich Wilhelm khó nhọc cất tiếng. Người khen ngợi chuyển đi đến vương

quốc của con rể Người. Do đó Người phong cho thị thần Humboldt tước Quan cơ mật chính thống, từ nay được xưng là khanh.

Humboldt phải quay mặt đi vì quá xúc động.

Khanh có chuyện gì, Alexander ?

Chỉ vì chuyện chị dâu mới mất, Humboldt nói nhanh.

Người biết nước Nga, vua nói, và biết cả danh tiếng của Humboldt. Người không muốn nghe lời ta thán ! Không nhất thiết phải nhỏ lệ trước bất cứ một nông dân bất hạnh nào đó !

Ông đã hứa điều đó với Sa hoàng, Humboldt nói như thể đã học thuộc lòng. Ông sẽ chăm chú tới thiên nhiên hoang sơ không người chứ không nghiên cứu điều kiện sống của các tầng lớp dưới. Câu này ông đã viết hai lần cho Sa hoàng và ba lần gửi đến các quan chức Phổ.

Hai bức thư nằm ở nhà. Một của anh trai, cảm ơn vì đã đến thăm và chia sẻ. Liệu chúng ta có gặp lại nhau hay không, bây giờ chỉ còn hai chúng ta, nói đúng ra thì lúc nào cũng luôn như thế. Chúng ta được dạy từ sớm là cuộc sống cần có khán giả. Cả hai chúng ta đều cho rằng cuộc đời mình là cả thế giới. Dần dần các quan hệ thu hẹp lại, và chúng ta buộc phải nhận ra rằng mục đích chính cống của mọi nỗ lực không phải vũ trụ, mà chỉ là người kia trong chúng ta. Vì em mà anh muốn thành bộ trưởng, vì anh mà em trèo lên đỉnh núi cao nhất và chui vào các hang động, vì em mà anh xây dựng trường đại học tổng hợp kiệt xuất nhất, còn em phát hiện ra Nam Mỹ cho anh, và chỉ những đầu óc ngu tối không hiểu nổi một cuộc đời kếp mới nghĩ đến chữ cạnh tranh: vì có em mà anh trở thành giáo viên của đất nước, vì anh tồn tại mà em thành nhà nghiên cứu một phần thế giới, khác đi chút nào là không xứng đáng. Và chúng ta luôn có linh cảm chắc chắn, thế nào là xứng đáng. Anh xin em chớ để bức thư này cùng những thư từ trao đổi khác giữa hai chúng ta làm ảnh hưởng gì đến tương lai, mặc dù em, như đã nói với anh, không muốn biết gì đến tương lai nữa.

Bức thư kia của Gauss. Ông cũng gửi lời chúc may mắn và một số công thức đo từ tinh mà Humboldt chẳng hiểu lấy một chữ. Ngoài ra ông khuyến dụ hãy học tiếng Nga trên đường đi. Chính ông đã bắt đầu rồi, một phần cũng bởi lời hứa từ rất xa xưa. Nếu Humboldt gặp một người nào tên là Pushkin thì chớ quên gửi tới ông ta lời chào kính trọng.

Người hầu vào phòng trình rằng mọi sự đã sẵn sàng, ngựa đã được ăn, các dụng cụ đã chất lên, mờ sáng có thể xuất hành.

Thật sự là tiếng Nga giúp Gauss quên đi nỗi bức dọc trong nhà, những ta thán và trách móc suốt ngày của Minna, bộ mặt ủ ê của cô con gái và mọi câu hỏi về Eugen. Lúc chia tay, Nina có tặng ông cuốn từ điển tiếng Nga: bà đi đến chỗ em gái ở Đông Phổ, vĩnh viễn rồi bỏ Gottingen. Trong một thoáng, ông tự hỏi, phải chăng Nina là người phụ nữ của đời mình, chứ không phải Johanna.

Ông cũng mèm tính đi. Thời gian cuối, thậm chí ông còn nhìn được mặt Miruia mà không thấy ác cảm. Có gì đó trong khuôn mặt gầy gò, cũ kỹ và luôn oán thán của bà sẽ làm ông thấy thiếu vắng, nếu lúc nào đó bà không ở bên ông nữa.

Đạo này Weber hay viết cho ông. Có vẻ chắc chắn là anh sắp về Gottingen. Ghế giáo sư đã trống, và lời nói của Gauss có trọng lượng. Thật tiếc, ông nói với con gái, là may xấu quá và anh ta đã có vợ !

Trên đường từ Berlin về, khi bị xe ngựa lắc cho ốm người đến mức như chưa từng thấy trong đời, ông cố tập trung vào việc nghiên cứu từng chi tiết những chuyển động rập rình, đung đưa và chao đảo. Dần dần ông có thể tưởng tượng ra mọi bộ phận trong quan hệ tác động tổng thể. Việc này hầu như không giúp ông chống say, nhưng làm ông hiểu rõ được nguyên tắc của sự ép buộc tối giản: mỗi chuyển động chỉ thích ứng với chuyển động của toàn bộ hệ thống trong chừng mực có thể. Ngay sau khi về đến Gottingen lúc mờ sáng, ông gửi cho Weber những ghi chép của mình về chuyện đó. Weber gửi lại, kèm những nhận xét

thông minh. Mấy tháng nữa tiểu luận này sẽ được xuất bản. Thế là ông trở thành nhà vật lý.

Vào các buổi chiều, ông đi dạo rất lâu trong rừng. Bây giờ ông không lạc đường nữa, ông thuộc vùng này hơn bất cứ ai, vì chính ông đã ghi lại tất cả lên bản đồ.

Đôi khi ông có cảm giác là mình không chỉ đo một khoảnh đất, mà còn sáng tạo ra nó, nghĩa là nhờ ông mà nó hiện thành thực thể. Nơi chỉ có cây, rêu, đá và cỏ, nay trù lên tất cả là một mạng lưới những đường thẳng, góc và con số. Một khi ai đó đã đặt thước đo cái gì thì nó không còn ở trạng thái cũ, và sẽ không bao giờ trở lại như ngày xưa nữa. Gauss tự hỏi, liệu Humboldt có hiểu ra điều đó. Trời bắt đầu đổ mưa, ông trú dưới một gốc cây. Ngọn cỏ run rẩy, đất ướt tỏa hương, và ông không muốn ở bất cứ nơi nào hơn ở đây.

Nhóm của Humboldt không tiến nhanh được. Thời điểm xuất hành của ông rơi đúng vào mùa tuyết tan - một lỗi về hoạch định mà ngày xưa nhất định không bao giờ ông phạm phải. Những chiếc xe ngựa lún xuống bùn và luôn bị trượt khỏi mặt đường úng nước, họ luôn phải dừng lại đợi. Đoàn xe quá dài và quá đông người. Đến Königsberg họ đã chậm hơn dự tính. Giáo sư Bessel đón Humboldt bằng một bài diễn văn lê thê, dẫn họ đi thăm đài thiên văn mới và chỉ cho khách xem bộ sưu tập hổ phách lớn nhất cả nước. Humboldt hỏi ông ngày xưa có làm việc với giáo sư Gauss không.

Điểm sáng của đời tôi, Bessel nói, cho dù không đơn giản. Phải sau một thời gian rất lâu rồi ông mới quên nỗi khoảnh khắc ở Bremen, khi ông hoàng của toán học khuyên ông hãy từ bỏ khoa học mà chuyển sang làm đầu bếp hay thợ đóng móng ngựa, nếu như mấy nghề đó vẫn chưa quá cao siêu đối với ông. Ít nhất thì ông còn gặp may, bạn ông là Bartels ở Saint Petersburg còn bị vỗ nặng hơn với Gauss. Chỉ có lòng hâm mộ mới giúp ta tồn tại trước ưu thế vượt trội nhường ấy.

Đường đi tiếp đến Sovetsk đóng kín bằng, xe bị tụt hố mấy lần. Đến biên giới Nga, một топ quân Cô-dắc đã nhận lệnh đợi để tháp tùng họ.

Thật không cần thiết, Humboldt nói.

Ông nên tin anh, viên chỉ huy nói, đội tháp tùng rất cần thiết.

Ông đã hàng năm trời trong chốn hoang dã mà không có tháp tùng !

Chốn hoang dã thì đã ăn thua gì, viên chỉ huy nói. Đây là nước Nga.

Bên ngoài Tartu, một chục phóng viên và toàn bộ khoa tự nhiên đợi họ. Họ muốn giới thiệu ngay cho khách xem các sưu tập khoáng chất và bách thảo.

Rất hay, Humboldt nói, nhưng ông không tới đây để xem bảo tàng, mà vì thiên nhiên.

Ông sẽ lo chuyện đó trong lúc đợi, Rose hăng hái nói, đừng vì vậy mà làm cản trở công việc, ông đi theo đoàn vì lý do đó !

Trong khi Rose đo đạc những quả đồi quanh thành phố, ông thị trường, các trường khoa của trường đại học tổng hợp và hai sĩ quan đưa Humboldt qua dãy phòng thông nhau dài đến mức khó tin, trong bầu không khí ít được thông gió và đầy những mẫu đá hổ phách. Trong một viên hổ phách có một con nhện mà Humboldt chưa bao giờ nhìn thấy, trong một viên khác là một con bò cạp có cánh mà người ta phải gọi là sinh vật thần thoại mới đúng. Humboldt để viên đá sát mắt và nheo mắt, nhưng chẳng ích gì, mắt ông đã kém. Phải sai người vẽ lại hình này mới được !

Tất nhiên, tiếng Ehrenberg đột nhiên vang lên sau lưng ông. Ehrenberg lấy viên đá từ tay ông và đi khỏi. Humboldt định gọi ông, rồi lại thôi. Có lẽ cũng khó coi trước mặt mọi người. Ông không được xem bức vẽ, và cũng chẳng bao giờ thấy lại viên hổ phách, về sau, khi ông hỏi Ehrenberg về việc đó thì ông ta không nhớ nữa.

Họ rời Tartu đi về phía kinh đô. Một liên lạc viên của triều đình phóng ngựa đi đầu, hai sĩ quan nối đuôi, cả ba giáo sư và một nhà địa chất học của Viện hàn lâm Saint Petersburg tên là Volodin mà Humboldt luôn không để ý khi ông ta có mặt, vì thế lần nào ông cũng giật

mình khi Volodin nhẹ nhàng thì thầm nói xen vào. Tựa hồ như có gì đó trong nhân vật mờ nhạt ấy không chịu cho trí nhớ lưu lại, hoặc ông ta đặc biệt kiệt xuất trong nghệ thuật tàng hình. Đến sông Narva họ phải chờ hai hôm, cho đến khi băng trôi. Bây giờ thì cả đoàn đông đến nỗi phải dùng con phà lớn qua sông. Phà chỉ đi được khi sông hết băng nên họ tới Saint Petersburg muộn.

Đại sứ Phổ theo Humboldt đến buổi yết kiến. Sa hoàng nắm tay ông thật lâu, cả quyết rằng chuyến viếng thăm của ông là niềm vinh dự của nước Nga, hỏi thăm anh trai của Humboldt mà Người còn nhớ rõ từ cuộc đại nghị ở Viên.

Nhớ với nghĩa tích cực ?

Hừm, Sa hoàng nói, thú thật là Người luôn thấy hơi sợ ông.

Mỗi đại sứ châu Âu tổ chức một buổi đón tiếp Humboldt. Ông ăn tối nhiều lần với gia đình Sa hoàng. Bá tước Cancrin, bộ trưởng tài chính tăng gấp đôi kinh phí đi lại đã định.

Ông rất biết ơn, Humboldt nói, đồng thời ông ngậm ngùi nhớ lại thời xưa, khi ông phải tự trang trải cho các chuyến đi của mình.

Không có lý do gì để ngậm ngùi, Cancrin nói, ông được tự do như ý, và đây là lộ trình đã được phê chuẩn, ông đẩy cho Humboldt một tờ giấy. Ông có đội tháp tùng dọc đường, người ta đợi ông ở mỗi chặng, tất cả các tỉnh trưởng đã được lệnh bảo vệ an ninh cho ông.

Ông không thoải mái lắm, Humboldt nói. Ông muốn tự do đi lại. Một nhà nghiên cứu phải được phép làm việc ngẫu hứng.

Chỉ khi không có kế hoạch tường tận, Cancrin mỉm cười góp lời. Và kế hoạch này cực kỳ hoàn hảo, ông xin hứa như vậy.

Trước khi đi tiếp đến Matxcova, Humboldt lại nhận được thư; hai bức của anh trai, vốn cô đơn nên sinh ra dông dài, một lá thư dài của Bessel, và một tấm thiệp của Gauss đang bù đầu với các thí nghiệm về từ trường. Ông rất chú trọng công việc này. Ông đã sai làm hẳn một căn phòng không có cửa sổ, cửa kín gió, đóng đinh bằng đồng không bị nhiễm từ.

Thoạt tiên các quan chức thành phố cho là ông điên. Nhưng Gauss đã chửi bới, đe dọa, than phiền, rồi hứa hẹn những lợi thế hoàn toàn bịa đặt về thương mại, kinh tế và uy tín quốc gia, cho đến khi rốt cuộc họ đồng ý và xây căn phòng bên cạnh đài thiên văn. Giờ thì phần lớn thời gian của ông được dành để ngồi trước cây kim sắt dài đu đưa trong một cuộn khuếch đại. Những chuyển động của nó yếu đến nỗi không thể nhìn thấy bằng mắt thường; người ta phải chia kính viễn vọng vào tấm gương gắn phía trên cái kim để nhìn thấy sự dao động li ti trên thước vạch. Phỏng đoán của Humboldt chính xác: từ trường tới đất dao động, cường độ của nó biến đổi theo chu kỳ. Nhưng khoảng cách giữa các lần đo của Gauss ngắn hơn của Humboldt, ông đo chính xác hơn, và tất nhiên là ông tính toán tốt hơn; ông khoái chí khi thấy Humboldt quên không tính đến độ giãn của sợi dây treo kim.

Trong ánh sáng đèn dầu, Gauss quan sát sự dao động đó hàng giờ liền. Không một tiếng động nào truyền tới đây. Giống như chuyến đi khinh khí cầu ngày xưa với Pilâtre cho ông thấy không gian là gì, một ngày nào đó ông sẽ ngộ ra sự xáo động trong tim của thiên nhiên, người ta không cần leo lên núi hay cực nhọc lặn lội qua rừng già, ai quan sát cây kim này, người đó thấu thị ruột gan thế giới. Đôi lúc suy nghĩ của ông lan man đến gia đình. Ông nhớ Eugen, và Minna không khỏe từ khi ông đi khỏi nhà. Thằng út sắp học xong. Nó cũng chẳng đặc biệt thông minh, có lẽ sẽ không lên đại học. Người ta phải chấp nhận thôi, không được phép đánh giá con người cao hơn thực tế. Ít nhất thì mối đồng cảm của ông với Weber ngày càng tốt lên, và vừa mới đây thôi, một nhà toán học Nga gửi cho ông bản luận văn, trong đó có phỏng đoán là hình học Euclid không đúng và các đường song song giao nhau. Từ khi ông viết lại là chẳng ý tưởng nào trong đó mới đối với ông, người Nga cho ông là một kẻ ngạo mạn. Nghĩ đến chuyện ai đó xuất bản những gì mà mình đã biết từ lâu là ông thấy nhói trong lòng một cách lạ lùng. Vậy là ông phải sống đến cái tuổi này để hiểu ra thế nào là

tham vọng. Có nhiều lần trong khi chăm chú quan sát cây kim và không dám hít thở vì sợ quấy đảo bản khiêu vũ thâm lặng của nó, ông thấy mình như một nhà ảo thuật thời hồng hoang, như một nhà giả kim trong một bức khắc đồng. Nhưng, tại sao không ? Scientia Nova (*khoa học mới*) sinh ra từ ảo thuật, và nó luôn ít nhiều mang chút ảo thuật trong mình.

Ông cẩn thận mở bản đồ nước Nga ra. Phải đặt những căn phòng như kiểu này ở khắp miền đất hoang vu của Siberia, với những nhân viên đáng tin cậy và có đủ hiểu biết để chăm sóc các dụng cụ, ngồi được hàng giờ trước kính viễn vọng và sống một cuộc đời tĩnh lặng, cẩn trọng. Humboldt có tài tổ chức, thậm chí có thể làm được cả việc này. Gauss suy nghĩ. Khi ông vừa làm xong danh mục các địa điểm thích hợp thì thằng út giật toang cửa và đem tới một bức thư. Gió lùa vào, giấy tờ bay tung tóe, kim lắc loạn xạ, và Gauss giảng cho thằng bé hai cái tát lệch mặt. Sau đó, mãi nửa tiếng ngồi im lặng chờ la bàn mới đủ ổn định trở lại để Gauss dám động cựa và mở thư. Phải thay đổi kế hoạch, Humboldt viết, ông không thể làm như ông muốn, người ta buộc ông phải theo một lộ trình đã được ấn định trước mà ông thấy không tiện đi chệch khỏi, ông chỉ có thể đo đạc trên lộ trình đó, không được ra ngoài, và ông đề nghị điều chỉnh các phép tính cho phù hợp. Gauss mỉm cười buồn rầu cất bức thư đi. Lần đầu tiên ông thấy thương hại Humboldt.

Ở Matxcova mọi việc đều ngừng lại. Ông thị trường nói, không thể để vị khách quý đi tiếp ngay được. Đã đành là mùa này thuận lợi, nhưng thành phố đón chào ông, và ông không thể từ chối Matxcova những gì mà ông đã ban cho Saint Petersburg. Vậy là Humboldt tối nào cũng phải dự tiệc, trong khi Rose và Ehrenberg sưu tầm mẫu đá ở quanh thành phố; những bài diễn từ vang lên, khách khứa trong áo đuôi tôm nâng cốc tung hô, dàn nhạc hơi với các nhạc cụ sai giọng cất tiếng, và luôn có ai đó hỏi han đầy thông cảm, có phải Humboldt khó ỏi. Không, ông trả lời và ngó mặt trời đang lặn xuống, duy chỉ nhạc là ông không thú lắm, và có nhất thiết phải chơi âm ỉ như thế ?

Mấy tuần sau người ta mới cho phép ông đi tiếp đến Ural. Thêm nhiều người nhập đoàn, mất hẳn một ngày chỉ để sửa soạn các xe ngựa.

Không thể tin nổi, Humboldt nói với Ehrenberg, ông không thể chấp nhận, đây không phải là chuyến thám hiểm nữa !

Không phải khi nào người ta cũng làm được điều mình muốn, Rose xen vào.

Thêm vào đó là, Ehrenberg hỏi, như thế có gì dở ? Toàn là những nhân vật thông thái và khả kính, họ có thể đảm nhận những việc mà mình khó làm. Humboldt đỏ bừng mặt mũi, nhưng trước khi ông thốt ra lời thì xe ngựa chuyển bánh, tiếng ông chìm trong tiếng bánh xe cán đường và tiếng vó ngựa gõ.

Gần Nizhny Novgorod, ông dùng kính lục phân đo chiều rộng sông Volga. Nửa tiếng đồng hồ liền, ông nhìn qua kính, quay bảng đo độ, lăm băm tính nhẩm. Nhóm đồng hành kính cẩn quan sát. Tựa như trải nghiệm một chuyến du lịch xuyên qua thời gian, Volodin nói với Rose, như được bước vào một cuốn sử thi. Ông muốn trào nước mắt !

Rốt cuộc Humboldt tuyên bố, dòng sông rộng năm nghìn hai trăm bốn mươi phẩy bảy bộ.

Tất nhiên rồi, Rose nói, về xoa dịu.

Chính xác là hai trăm bốn mươi phẩy chín bộ, Ehrenberg nói. Song ông cũng phải thú thật rằng với phương pháp đo cổ lỗ như thế thì kết quả tương đối khả quan.

Vào thành phố Humboldt được dâng muối, bánh mì và một chìa khóa vàng, danh hiệu công dân danh dự. Ông phải nghe dàn đồng ca thiếu niên biểu diễn. Sau đó tham dự mười bốn cuộc đón tiếp của nhà chức trách và hai mươi một cuộc đón tiếp tư nhân, trước khi đi ngược dòng Volga trên một chiếc tàu tuần tiễu. Gần Kazan ông đòi đo từ trường bằng được. Trên đất trống, ông sai dựng chiếc lều không có sắt, đề nghị mọi người yên lặng và chui vào lều treo la bàn lên bộ khung treo. Ông cần nhiều thời gian hơn vì tay run, cũng vì gió làm chảy nước mắt. Cây kim chậm chạp di động, ổn định vị trí, đứng yên mấy phút rồi lại

bắt đầu dao động. Humboldt nghĩ đến Gauss, giờ này cách đó một phần sáu vòng trái đất cũng đang làm công việc tương tự. Ông già đáng thương chưa bao giờ nhìn thấy gì trên thế giới. Humboldt mỉm cười u ám, bỗng dưng ông thấy thương hại Gauss. Rose gõ lên vách lều từ bên ngoài và hỏi có thể làm nhanh hơn được không.

Trên đường đi tiếp, họ gặp một đoàn nữ phạm nhân, kèm hai bên là các kỵ sĩ vắc giáo. Humboldt định dừng lại và nói chuyện với họ.

Không thể được, Rose nói.

Hoàn toàn không thể nghĩ đến chuyện ấy, Ehrenberg nói thêm. Ông gõ lên mái, và xe ngựa chuyển bánh, mấy phút sau đám mây bụi mà họ gây ra che khuất cả đoàn tù nhân.

Ở Perm, đã thành thói quen, Ehrenberg và Rose bắt tay vào sưu tầm mẫu đá, trong lúc Humboldt ăn tối với thống đốc. Ông thống đốc có bốn anh em, tám con trai, năm con gái, hai mươi bảy cháu và bốn chắt cùng một số lượng anh chị em họ không đếm nổi. Tất cả có mặt và đều muốn nghe chuyện về vùng đất bên kia đại dương. Ông không biết, Humboldt nói, ông hầu như không nhớ nữa, ông rất muốn đi ngủ.

Sáng hôm sau ông ra lệnh chia bộ sưu tập ra: mỗi mẫu cần hai bản và vận chuyển riêng.

Nhưng họ đã có các bộ sưu tập riêng từ lâu, Rose nói.

Ngay từ đầu, Ehrenberg nói.

Không một nhà nghiên cứu tử tế nào làm khác, Rose nói. Nói cho cùng thì ai cũng biết các bài viết của Humboldt.

Họ tới Yekaterinburg. Humboldt trọ ở nhà một thương lái bộ râu như tất cả đàn ông ở đây, áo choàng dài và một đai lưng to bản. Tối muộn, lúc Humboldt từ buổi đón tiếp ở chỗ thị trưởng về, chủ nhà muốn uống rượu với ông. Humboldt từ chối, ông kia bắt đầu sụt sùi như một đứa trẻ, đấm ngực và kêu lên bằng thứ tiếng Pháp tồi, khổ quá, khổ quá, ông muốn chết.

Thôi được, Humboldt nói, nhưng chỉ một ly thôi.

Vì vodka mà Humboldt ốm cả người, nằm bẹp hai ngày liền. Vì lý do không ai rõ, chính quyền cử một đội Cô-dắc gác cổng, và hai sĩ quan không chịu đi khỏi phòng ông, họ ngáy ầm ầm trong góc.

Lúc Humboldt đã ngồi dậy được, Ehrenberg, Rose và Volodin đưa ông đến một mỏ có hàm lượng vàng thấp. Viên chỉ huy mỏ tên là Ossipov muốn biết có thể làm gì để trị nước ngập úng trong lò. Ông ta dẫn Humboldt vào một vĩa bị ngập: nước cao đến hông, có mùi mốc meo. Humboldt chán nản nhìn xuống hai ống quần ướt sũng của mình.

Phải bơm nhiều hơn !

Nhưng người ta không có đủ máy bơm, giọng Ossipov sầu thảm.

Thế thì cần nhiều máy bơm hơn, Humboldt nói.

Ossipov nói, ai trả tiền được.

Ít ngập hơn, Humboldt nói chậm, sẽ khai thác được nhiều hơn.

Ossipov nhìn ông ngò vức,

Nhưng ta bù lại chỗ tiền mua máy bơm, đúng không ?

Ossipov suy nghĩ, sau đó ông vỗ lấy tay Humboldt và áp nó lên ngực mình.

Trên đường đi Humboldt bị sốt. Ông bị viêm họng, nước mũi chảy liên tục. Cầm lạnh,

ông nói và quần tằm chần len quanh mình chặt hơn. Liệu xà ích có đi chậm hơn được không, ông không nhìn rõ cánh rừng thông.

Tiếc là không thể trông mong gì ở họ, Rose nói, xà ích Nga học đánh xe như thế, không biết gì khác.

Đến tận Núi Nam châm họ mới dừng lại. Giữa đồng bằng Vissokaya Gora chồi lên một núi quặng bằng đất sét vàng trắng, tất cả la bàn đều mất phương hướng, và Humboldt chuẩn bị leo lên núi. Có lẽ do cảm lạnh nên ông trời vất vả hơn ngày xưa; mấy lần Ehrenberg phải đỡ ông, và có lần định cúi xuống nhặt một hòn đá thì lưng ông đau đến nỗi phải nhờ Rost nhặt hộ. Nhưng chuyện đó là thừa, vì ban lãnh đạo xưởng sắt địa phương đã đợi trên đỉnh để trao một hộp đựng các mẫu quặng sắp xếp theo trật tự. Humboldt cảm ơn với giọng khản đặc. Gió cuốn phần phật chiếc khăn len quàng cổ của ông.

Vậy thì lại xuống núi, Rose hỏi ?

Vừa đến xưởng sắt, một thằng bé được dẫn đến. Nó tên là Pavel, ông giám đốc nói, mười bốn tuổi và đần độn. Nhưng nó đã tìm thấy cục đá này. Thằng bé xòe bàn tay nhóp bảnh.

Rõ ràng là kim cương, Humboldt nói sau khi đã kiểm tra kỹ.

Tiếng reo hò vang dậy, các quán đốc mỏ vỗ vai nhau, công nhân nhảy múa, dàn đồng ca cất tiếng lần nữa, mấy thợ mỏ giáng cho Pavel vài cái bạt tai thân thiện nhưng đau.

Không tồi, Volodin nói. Vừa ở trong nước mấy tuần mà đã tìm thấy viên kim cương đầu tiên của Nga, đúng là bàn tay sư phụ.

Không phải ông tìm thấy, Humboldt nói.

Nếu ông được phép đưa ra một lời khuyên cho Humboldt, Rose nói, thì tốt hơn là đừng nhắc lại câu đó.

Có một sự thật bề nổi và một sự thật nằm sâu hơn, là người Đức càng phải biết điều đó.

Có gì quá đáng đâu, Rose hỏi, khi cho những người này cái mà họ muốn, dù chỉ trong một thoáng thôi ?

Mấy ngày sau, một kỵ sĩ kiệt sức đuổi kịp họ, trao một bức thư cảm ơn của Sa hoàng.

Chứng cảm lạnh của Humboldt không thuyên giảm. Họ đi qua rừng Taiga dày đặc muối. Trời cao vút, mặt trời tựa như không bao giờ lặn làm cho màn đêm chỉ còn là một hồi ức thoáng qua. Chân trời xa xa với những đầm lầy cỏ mọc, cây cối thấp tè và suối uốn hình rắn lượn tan lẫn vào sương trắng. Thỉnh thoảng, khi Humboldt giật mình thức dậy sau vài giây chợp mắt và nhận ra kim đồng hồ đã nhảy thêm một giờ, ông cảm thấy bầu trời với những sợi mây và mặt trời không ngừng thiêu đốt như bị chia thành từng khoảnh và đây những vết cắt chuyển dịch theo tầm mắt nếu ông quay đầu.

Ehrenberg sẵn đón hỏi ông có cần thêm một chiếc chăn nữa không.

Chưa bao giờ ông đắp hai chăn, Humboldt nói. Nhưng Ehrenberg vẫn thản nhiên đưa thêm chiếc nữa, và sự mềm yếu đã chiến thắng cơn bức bối, Humboldt nhận lấy, quần chần tằm chần bông mềm mại quanh người và hỏi bao lâu nữa thì đến Tobolsk, cũng có thể chỉ để chống cơn buồn ngủ.

Xa lắm, Rose nói.

Cũng không xa, Ehrenberg nói. Đất này bao la đến nỗi mọi khoảng cách đều vô nghĩa. Độ dài biến thành toán học trừu tượng.

Humboldt thấy có gì đó rất bất nhã trong câu trả lời, nhưng ông quá mệt mỏi để có

thể nghĩ ngợi thêm. Ông chợt nhớ là Gauss có nói về độ dài tuyệt đối, một đường thẳng không thể thêm gì vào nữa, và tuy hữu hạn, có thể kéo dài đến mức mọi khoảng cách bất kỳ đều chỉ là một phần của nó. Trong mấy giây đó, mơ màng giữa thức và ngủ, ông có cảm tưởng đường thẳng ấy liên quan thế nào đó với cuộc đời mình, và nếu ông hiểu ra mối liên quan ấy thì tất cả sẽ sáng sủa và mạch lạc ra. Câu trả lời có vẻ sắp hiện ra. Ông muốn viết thư cho Gauss, nhưng lại ngủ thiếp đi.

Gauss đã tính toán là Humboldt còn sống từ ba đến năm năm nữa. Gần đây ông lại nghiên cứu thống kê tuổi thọ. Đó là một nhiệm vụ do quỹ bảo hiểm quốc gia trao cho, được trả công cao, về mặt toán học cũng không phải thiếu lý thú. Ông vừa ước tính tuổi thọ của tất cả các người quen. Đếm số người đi ngang qua đài thiên văn trong một giờ, ông có thể dự đoán bao nhiêu người trong số đó sau một năm, ba năm, mười năm sẽ về châu trời. Đó các nhà thiên văn làm được việc đó, ông nói !

Weber trả lời, người ta không được phép coi thường tử vi, một khoa học hoàn hảo sẽ biết cách sử dụng nó, giống như bây giờ người ta đang bắt đầu ứng dụng hóa điện. Ngoài ra, hàm số hình chuông của xác suất không hề thay đổi sự thật đơn giản là không ai biết trước bao giờ mình sẽ chết; một lúc nào đó con xúc xắc sẽ hết lần.

Gauss đề nghị anh đừng có nói chuyện hồ đồ. Vợ ông, Minna khá ốm yếu, vì vậy sẽ chết trước ông, sau đó đến mẹ ông rồi đến chính ông. Thống kê nói vậy, và sẽ xảy ra như vậy.

Ông nhìn chăm chú qua ống nhòm lên tám gương chia vạch phía trên máy thu, nhưng cái kim không động đây, Weber không trả lời nữa. Có thể các xung lực lại bị mất đi trên đường truyền.

Họ hay tán gẫu kiểu ấy. Weber ngồi ở trung tâm thành phố, trong phòng vật lý, trước một ống thứ hai với một cây kim tương tự. Họ dùng máy cảm ứng để gửi cho nhau các tín hiệu vào thời điểm đã thống nhất trước. Trước đó mấy năm Gauss và Eugen đã thử nghiệm một kỹ thuật tương tự với gương hướng dương, nhưng thằng bé không nhớ nổi bảng chữ cái kếp. Weber cho kỹ thuật đó là một phát minh độc đáo, và ngài giáo sư chỉ cần công bố là sẽ nổi tiếng và giàu có. Ông nổi tiếng rồi, Gauss trả lời, và thật ra cũng tương đối giàu. Để nhận ra ý ông muốn nhường cho bọn ngu làm chuyện ấy.

Không thấy Weber trả lời nữa, Gauss đứng dậy, đẩy cái mũ nhung ra sau gáy và đi dạo. Bầu trời đầy những đám mây mỏng suốt, trông có vẻ sắp mưa.

Đã bao nhiêu giờ đồng hồ ông ngồi trước chiếc máy thu này đợi một dấu hiệu của cô ? Nếu Johanna ở ngoài đó, giống như Weber, chỉ là xa hơn và ở một nơi nào đó khác, tại sao cô không tận dụng cơ hội ? Nếu người chết được cô bé mặc váy ngủ gọi lên, sao họ lại khinh rẻ kỹ thuật tài tình này ? Gauss hấp háy nhìn: mắt ông có vấn đề, ông thấy vòm trời như bị xé tan tành. Gauss cảm thấy mấy giọt mưa đầu tiên. Có lẽ người chết không nói nữa, vì họ ở một thực tại mạnh mẽ hơn, và thực tại ở đây đối với họ giống như một giấc mơ, một sự nửa vời, như một câu đố đã được giải đáp từ lâu mà nếu họ muốn đi lại và nói năng thì sẽ lại vướng vào mớ bong bóng của câu đố ấy. Có một số vấn đề thừa thãi. Số thông minh hơn thì không cần. Ông ngồi lên một tảng đá, nước mưa lăn từ đầu và vai ông xuống. Cái chết sẽ đến như một nhận biết về sự phi thực. Lúc đó ông sẽ hiểu ra thời gian và không gian là gì, tính chất của một đường hình học, bản chất của con số là gì. Có thể ông cũng ngộ ra tại sao ông luôn cảm thấy mình như một phát minh không hoàn hảo lắm, như phiên bản của một người thật hơn gấp bội do một nhà phát minh kém cỏi đẩy vào một vũ trụ hạng tầm tầm đến kinh ngạc. Ông ngó quanh. Có gì đó nhấp nháy chạy qua bầu trời, trên một đường thẳng, trên cao vợi vợi kia. Con đường trước mặt ông như rộng hơn, không nhìn thấy tường thành nữa, và mấy ngọn tháp bằng thủy tinh phản chiếu chồi lên giữa các ngôi nhà. Những hòn bi kim loại xô đẩy như đàn kiến dọc phố, có tiếng gầm trầm trầm tràn đầy không khí, lo lừng dưới bầu trời, thậm chí có vẻ như chui lên từ nền đất khe khẽ run rẩy. Gió có vị chua chua. Có mùi gì cháy. Còn cả thứ gì vô hình mà ông không thể tự giải thích nổi: một sự chao đảo tích điện chỉ nhận ra qua chút xốn xang trong người, qua nét đung đưa trong thực tại. Gauss khom người xuống, và tất cả biến mất; ông tỉnh dậy với một tiếng kêu sợ hãi. Người ướt lướt thướt, ông đứng dậy và rào bước quay về đài thiên văn. Tuổi già đồng nghĩa với chỗ nào cũng ngủ

gật được.

Humboldt đã gà gật trong bao nhiêu xe ngựa, đã từng được bao nhiêu con ngựa kéo đi và nhìn thấy bao nhiêu bình nguyên phủ xanh, mãi mãi vẫn những bình nguyên ấy, đã thấy bao nhiêu chân trời, mãi mãi vẫn là những chân trời ấy, đến nỗi chính ông không thấy mình là thực nữa. Những người đi theo ông chụp mặt nạ lên để chống muỗi, nhưng ông không cần, muỗi làm ông nhớ đến tuổi thanh xuân và những năm tháng của cảm giác sống động nhất. Đoàn tháp tùng đông thêm lên, ngót một trăm kỵ binh phóng rầm rập cùng họ qua rừng Taiga, làm sao mà sưu tầm và đo đạc được nữa. Chỉ có một lần, ở tỉnh Tobolsk, sinh ra vấn đề: tại Ishim Humboldt đã tiếp xúc với phạm nhân Ba Lan, rất trái ý cảnh sát, sau đó ông lên lên một ngọn đồi và dựng kính viễn vọng. Mấy phút sau lính tráng vây quanh. Ông làm gì ở đây, tại sao chia ống kính vào thành phố ? Những người trong đoàn đã giải cứu ông, nhưng Rose chắn chính ông trước mặt mọi người: ông phải đi theo đoàn tháp tùng, sao lại để xảy ra những chuyện ấy !

Bộ sưu tập của họ phình ra liên tục. Khắp nơi, các nhà nghiên cứu đợi sẵn và trao các mẫu đá và thực vật ghi chú cẩn thận. Một vị giáo sư đại học râu ria đầu hói mang kính mắt tròn tặng ông một chai nhỏ xíu đựng tinh không vũ trụ do ông lọc ra từ không khí qua một bộ lọc phức tạp. Cái chai nhỏ nặng đến mức phải bằng hai tay mới nhấc lên nổi, và ruột nó tỏa một ánh đen làm mọi vật gần đó mờ đi. Phải lưu giữ chất này cẩn thận, vị giáo sư nói và lau mắt kính đọng ẩm của mình, nó rất dễ bốc cháy. Riêng ông đã tháo dỡ hệ thống dụng cụ thí nghiệm, ngoài chất này chẳng còn sót lại gì nữa, và ông khuyên nên chôn nó cẩn thận xuống đất. Cũng không nên quan sát nó lâu, không có lợi cho tâm trí.

Ngày càng thấy nhiều nhà gỗ có mái chùa hình tròn, mắt người dân ở đây có vẻ híp hơn, ngoài thảo nguyên dựng ngày càng nhiều nhà lều của dân du mục Kyrgyzstan. Trước biên giới, một đoàn Cô-dắc đứng nghiêm chào, cò quạt phấp phới, kèn trận vang vang. Họ đi hồi lâu qua một vùng đất hoang vu phủ rêu, sau đó gặp một sĩ quan Trung Quốc đón chào. Humboldt đọc một diễn văn về thế giới mới và thế giới cũ, phương Đông, phương Tây và toàn thể nhân loại. Sau đó người Tàu phát biểu. Không có thông ngôn.

Anh trai của ông thậm chí đã học ngôn ngữ này, Humboldt nói thầm với Ehrenberg.

Viên sĩ quan Trung Quốc mỉm cười nâng hai tay. Humboldt tặng anh ta một cuộn vải, anh ta trao lại một cuộn giấy da dê. Humboldt mở cuộn giấy, thấy có viết chữ, và lúng túng nhìn những ký tự.

Bây giờ phải quay về thôi, Ehrenborg thì thảo, chuyện này đi quá thiện chí của Sa hoàng, không có chuyện đi qua biên giới.

Trên đường về họ đi qua một ngôi đền Kalmyk (*một dân tộc miền Tây Mông Cổ*).

Đây là đất của những tập tục bí hiểm, Volodin nói, nên xem cho biết.

Mọi ông từ đầu tọc khoác áo vàng dẫn họ vào đền. Những pho tượng vàng mỉm cười, có mùi cỏ cháy. Một vị thiền sư nhỏ nhắn mặc áo vàng đỏ đợi họ ở đó. Ông nói tiếng Tàu với ông từ và người này nói tiếng Nga bập bẹ với Volodin.

Ông đã nghe nói có một người thông tường mọi sự du hành qua.

Humboldt phản đối; ông không biết gì cả, nhưng cả đời ông nhằm mục tiêu biến cải tình trạng đó, ông đã thu nhập tri thức và du ngoạn thế giới, có thể thôi.

Volodin và ông từ dịch lại, vị thiền sư mỉm cười. Ông nắm tay đắm vào cái bụng phệ của mình. Bao giờ cũng ở đây !

Nghĩa là sao ? Humboldt hỏi.

Lớn mạnh ở trong này, thiền sư nói.

Đó luôn là đích để ông vươn tới, Humboldt nói. Thiền sư chụm vào ngực Humboldt với bàn tay trẻ con mềm mại của mình. Nhưng ở đây là hư vô. Ai không hiểu điều đó sẽ

không có định hướng, lướt qua thế gian như trận cuồng phong, lay động tất cả mà không có tác dụng gì.

Ông không tin vào hư vô, Humboldt nói lạc giọng. Ông tin vào sự phong phú muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên.

Thiên nhiên không siêu thoát, thiên sư nói, nó thờ ra sự tuyệt vọng.

Humboldt ngơ ngàng hỏi Volodin dịch có đúng không.

Đồ quỷ tha ma bắt, Volodin trả lời, làm sao biết được, tất cả chẳng nói lên gì cả.

Thiên sư hỏi Humboldt có đánh thức được con chó của ông không.

Rất tiếc, Humboldt nói, nhưng ông không hiểu ẩn dụ đó.

Volodin trao đổi với ông từ rồi nói, không phải ẩn dụ, mà con chó yêu của thiên sư mới chết hôm qua, ai đó lỡ chân giẫm phải nó. Thiên sư giữ xác nó lại và xin Humboldt hồi sinh cho nó, vì ông cho Humboldt là nhà hiền triết.

Ông không làm được, Humboldt nói.

Volodin và ông từ dịch lại, thiên sư cúi chào. Ông biết rằng một người của thượng giới ít khi được phép ra tay, nhưng ông xin Humboldt chiếu cố, con chó là con vật yêu của ông.

Ông thực sự không thể làm được, Humboldt lặp lại, hơi đỏ mặt, ông không thể hồi sinh bất cứ ai !

Thiên sư nói, ông hiểu con người thông minh muốn ám chỉ điều gì.

Ông không ám chỉ gì hết, Humboldt nói, đơn giản là ông không thể làm được !

Ông hiểu, thiên sư nói, ít nhất ông cũng muốn mời con người thông minh một chén trà ?

Volodin khuyên nên cẩn thận, ở vùng này người ta cho bơ thiêu vào trà. Ai không quen, sẽ phát bệnh khủng khiếp.

Humboldt cảm ơn và từ chối, ông không uống được trà.

Thiên sư nói, ông cũng hiểu thông điệp đó.

Không có thông điệp nào cả, Humboldt kêu lên.

Ông hiểu rồi, thiên sư nói.

Humboldt bối rối cúi mình, ông áy náy thay cho vị thiên sư, rồi tất cả lại lên đường.

Trước Orenburg một đoàn Cô-dắc nữa nhập vào bọn họ để bảo vệ khỏi bị dân mọi cuội ngựa tấn công. Bây giờ cả đoàn là hơn năm mươi người trên mười hai xe ngựa, với trên hai trăm lính tháp tùng. Họ luôn đi với tốc độ cao nhất, không nghỉ giữa chặng, mặc cho Humboldt đề nghị.

Vì rất nguy hiểm, Rose nói.

Đường còn dài, Ehrenberg nói.

Còn nhiều việc phải làm, Volodin nói. Ba lãnh chúa Kyrgyzstan với bầu đoàn đông đảo đang đợi ở Orenburg để gặp con người thông tường mọi sự. Humboldt rút rờ hỏi xin phép leo lên vài ngọn đồi, vì ông quan tâm đến các loại đá, cũng đã lâu ông chưa đo áp suất không khí.

Đội đã, Ehrenberg nói, bây giờ có trò chơi !

Buổi tối trước hôm đi tiếp Humboldt cũng bí mật đo được từ trường trong phòng ngủ của mình. Sáng sớm hôm sau ông bị đau lưng, từ lúc ấy cứ phải đi lom khom. Rose ân cần đỡ ông lên xe ngựa. Lúc đi qua một đoàn tù nhân, ông cố không nhìn ra cửa sổ.

Ở Astrakhan, Humboldt lần đầu tiên trong đời bước lên một chiếc tàu thủy chạy hơi nước. Hai động cơ phun khói hôi mù vào không trung, con tàu vỏ sắt nặng nề miên cưỡng trườn ra biển. Trong ánh ban mai bọt sóng như tòa sáng yếu ớt. Họ xuống tàu ở một hòn đảo bé xíu. Những con nhện lông vùi trong cát thò chân lên. Khi Humboldt chạm vào thì chúng giật giật nhưng không chạy mất. Ông vẽ nhanh vài hình với vẻ mặt khá thỏa mãn. Và sẽ viết một chương dài về hiện tượng này trong cuốn du ký của mình.

Ông không nghĩ thế, Rose nói. Ông có trách nhiệm viết du ký, Humboldt không việc gì phải động tay.

Nhưng ông muốn tự mình viết, Humboldt nói.

Ông không muốn tranh phần, Rose nói, nhưng vua đã trao cho ông nhiệm vụ đó.

Tàu thủy rời bến, chẳng mấy chốc đã không còn thấy hòn đảo. Sương mù dày đặc bao quanh họ, không phân biệt được trời và nước nữa. Chỉ thỉnh thoảng nhô lên một cái đầu hải cẩu râu ria. Humboldt đứng ở đuôi tàu, chăm chú nhìn ra ngoài và thoát tiên không phản ứng khi Rose nói đã đến lúc quay về. Về đâu?

Trước hết vào bờ đã, Rose nói, sau đó về Matxcova rồi về Berlin.

Vậy thì đây là chặng cuối, Humboldt nói, là đỉnh núi, là điểm ngoặt tối hậu? Ông sẽ không đi xa hơn nữa?

Trong kiếp này thì không, Rose nói.

Họ nhận ra là tàu đã đi chệch hải trình. Không ai tính là sương mù sẽ dày đến thế, thuyền trưởng không mang theo hải đồ, không ai biết đất liền ở phía nào. Họ đi dọc ngang vô hướng, sương mù nuốt hết các tiếng động trừ tiếng xình xịch của động cơ. Sắp đến lúc nguy hiểm, thuyền trưởng nói, nhiên liệu không phải vô tận, và nếu bị trôi quá xa thì đến Chúa cũng bó tay. Volodin và thuyền trưởng ôm nhau, vài người giở rượu ra uống, tâm trạng bi ai lan ra khắp tàu.

Rose xuống đuôi tàu tìm Humboldt. Bây giờ cần sự trợ giúp của người hoa tiêu vĩ đại, không có ông tất cả sẽ chết.

Và không bao giờ quay về được nữa, Humboldt hỏi.

Rose gật đầu.

Đom giản biển mất tăm, Humboldt nói, ra biển Caspia ở đỉnh cao của cuộc đời và không bao giờ quay về?

Đúng thế, Rose nói.

Hòa mình vào chốn xa xăm, biển mất tăm tích trong những phong cảnh mà lúc còn nhỏ ta từng mơ đến, bước vào một bức tranh, ra khỏi nó ở phía bên kia và chẳng bao giờ về nhà nữa?

Cũng có thể gọi như vậy, Rose nói.

Hướng kia, Humboldt chỉ sang trái, nơi màu xám có vẻ hơi sáng hơn trong những vệt trắng nhờ nhờ nhằng nhịt.

Rose ra chỗ thuyền trưởng và chỉ về phía đuôi tàu. Nửa tiếng sau họ về đến bờ.

Ở Matxcova họ được chứng kiến yến tiệc lớn nhất trong đời. Humboldt xuất hiện trong bộ áo đuôi tôm màu lam, bị đẩy đi đẩy lại, các sĩ quan rạp gót chào ông, các mệnh phụ nhún gối chào, các giáo sư khom lưng, rồi tất cả im bật, sĩ quan Glinka đọc một bài thơ bắt

đầu với cảnh hỏa hoạn Matxcova và kết thúc bằng đoạn về nam tước Humboldt, Prometheus của kỷ nguyên mới. Tràng vỗ tay kéo dài mười lăm phút. Khi Humboldt cất giọng khàn khàn và nhỏ nhẹ toan nói về từ trường trái đất thì vị hiệu trưởng trường đại học tổng hợp ngắt lời để trao tặng ông một đoạn đuôi sam tét bằng tóc của Alexander Đại đế. Toàn tán nhắng tán cuội, Humboldt nói thắm vào tai Ehrenberg, không phải khoa học. Nhất định ông phải nói với Gauss là bây giờ ông đã hiểu rõ hơn.

Tôi biết là ông hiểu, Gauss trả lời. Ông đã luôn luôn hiểu, người bạn tội nghiệp của tôi ạ, hiểu nhiều hơn ông biết. Minna hỏi có phải ông khó ở. Ông xin cô để ông yên, ông chỉ vừa nói to suy nghĩ của mình ra miệng. Ông đang bồn chồn, chỉ riêng vì thằng cha người Tàu cười mím nhìn ông suốt đêm là đủ, một kiểu hành xử không chấp nhận được ngay cả trong mơ. Ngoài ra ông lại vừa nhận được một luận văn về hình học thiên văn của không gian, lần này người gửi không phải ai khác là Martin Bartels. Thế là sau bao nhiêu năm trời ông ta đã vượt qua được ta, và tựa như câu trả lời không phải Minna mà là của Humboldt đang trên chuyến xe lao nhanh đến Saint Petersburg: sự việc là thế như chính nó vẫn thế, và khi ta hiểu chúng thì chúng vẫn hết như khi người khác hiểu hoặc không ai hiểu. Ngài nói sao, Sa hoàng hỏi và ngừng tay trong khi đang quàng lên vai ông tấm băng của Huân chương thánh Anna. Humboldt vội vã giải thích, ông vừa nói là người ta chớ nên đánh giá quá cao thành tích một nhà khoa học, nhà nghiên cứu không phải là đáng Sảng thế, vì không phát minh ra cái gì, không khai phá được đất, không trồng ra quả, không gieo cũng chẳng gặt, sau lưng còn có những người kế tục biết nhiều hơn, và lại kế đó những người còn biết nhiều hơn nữa, cho đến khi rốt cuộc tất cả lại chìm xuống. Sa hoàng nhú mày quàng tấm băng lên vai ông, tiếng tung hô vang lên, và Humboldt cố không đứng khom lưng. Lúc này ở trên bục danh dự ông chợt thấy khuy áo bị tuột ra, và ông phải ngượng ngập nhờ Rose cài lại hộ. Đạo này ngón tay ông bị co cứng. Bây giờ phòng tiệc Vàng mờ ảo trước mắt ông, những chùm đèn phát ra loại ánh sáng như từ nơi nào khác, tất cả vô tay, một thi sĩ da màu giọng mềm mại ngâm một bài thơ. Humboldt chỉ muốn kể cho Gauss về lá thư nhàu nhĩ và lấm lem sau hơn một năm mới đến tay ông ở Saint Petersburg. Trong thư Bonpland viết, ngày lại ngày trôi qua nặng nề và chậm chạp, quả đất nay đã nhỏ lại, chỉ còn chứa mỗi ông ta, căn nhà và cánh đồng bao quanh, mọi thứ bên ngoài thuộc về thế giới mờ ám của tổng thống, ông bình thản, chẳng hy vọng gì nữa, đợi cái tồi tệ nhất sẽ đến là có thể nói là đã tìm được bình an; tôi nhớ anh, bạn già ạ. Tôi chưa từng gặp ai yêu cây cỏ như anh. Humboldt giật mình hoảng hốt, Rose vừa chạm vào tay ông. Tất cả mọi người quanh bàn nhìn ông. Ông đứng dậy, nhưng trong khi nói bài khai tiệc khá lộn xộn ông nghĩ đến Gauss. Có lẽ giáo sư sẽ trả lời ông rằng gã Bonpland nọ gặp rủi, còn hai chúng ta có gì phải phàn nàn đâu? Ông chẳng bị kẻ mọi rợ nào ăn thịt, tôi không bị thằng ngu nào đập chết. Có gì làm ta xấu hổ, khi chúng ta có nhiều may mắn như vậy? Và cái gì bây giờ xảy ra là cái phải xảy ra: đáng nản ra ta đã ngán ta rồi! Gauss bỏ tẩu thuốc xuống, đẩy chiếc mũ nhung tụt ra sau gáy, nhét quyển từ điển tiếng Nga và cuốn thơ Pushkin vào túi rồi bắt đầu đi dạo một vòng trước bữa ăn tối. Lưng ông đau, bụng cũng đau, và trong tai ông có tiếng ù. Tuy vậy sức khỏe của ông không đến nỗi nào. Người khác đã chết, ông vẫn sống nguyên. Ông vẫn tư duy được, cho dù không phải những thứ quá phức tạp, nhưng cũng đủ trong phạm vi cần thiết nhất. Những ngọn cây nghiêng ngả trên đầu ông, vòm mái đài thiên văn của ông nhô lên đằng xa, đêm muộn ông sẽ đến bên kính viễn vọng và, bởi thói quen hơn là mong phát hiện gì mới, dõi mắt lên dải Ngân Hà theo hướng vòng xoáy mờ sáng xa xăm. Ông nghĩ đến Humboldt. Ông chỉ muốn chúc Humboldt đoạn đường về bình an, nhưng ở đoạn cuối người ta chẳng thể nào bình an trở về, mà mỗi lần lại yếu đi một chút, và kết cục là chẳng còn gì nữa. Biết đâu thỉnh không nuốt ánh sáng thật cũng nên. Tất nhiên có thỉnh không thật, Humboldt nghĩ vậy trên xe ngựa của mình, ông mang nó bên người đây, chỉ không nhớ ở đâu trong đồng hàng trăm hòm xiềng mà ông không bao quát được hết nữa.

Ông đột ngột quay sang Ehrenberg. Sự thật! À ha, Ehrenberg nói. Sự thật, Humboldt lặp lại, sự thật sẽ còn lại, ông sẽ chép lại tất cả sự thật, một tác phẩm vĩ đại đầy sự thật, mọi sự thật của thế giới này chứa trong một cuốn sách duy nhất, mọi sự thật và chỉ có sự thật, thể hiện một lần nữa cả vũ trụ, tuy nhiên đã tách lọc mọi nhầm lẫn, tưởng tượng, mơ màng và sương khói; sự thật và con số, ông ngập ngừng nói, có thể cứu ta chẳng. Ví dụ như, hãy nghĩ lại mà xem, họ đã hai mươi ba tuần trên đường, đi được bốn nghìn năm trăm verst (tương đương 1.066,8m), đến sáu trăm năm mươi tám trạm bưu điện, và, ông ngập ngừng, sử

dụng mười hai nghìn hai trăm hai mươi tư con ngựa, như vậy mọi rối ren sẽ chỉnh lại thành trật tự, đủ để ta lạc quan. Song, trong khi vùng ngoại ô Berlin lướt qua và Humboldt tưởng tượng ra cảnh Gauss đứng lúc ấy đang ngắm các thiên thể qua kính viễn vọng và có thể quy tụ quỹ đạo của chúng vào mấy công thức đơn giản, thì đột nhiên Humboldt không thể nói được, ai trong họ chu du khắp nơi và ai luôn luôn ở nhà.

Cây

Nhìn đường bờ biển khuất dần đi, Eugen châm lửa tẩu thuốc đầu tiên trong đời. Không ngon, nhưng có lẽ là sẽ quen được. Bây giờ anh để râu và lần đầu tiên không thấy mình trẻ con nữa.

Buổi sáng sau hôm anh bị bắt tựa như đã lùi xa. Viên chỉ huy quân cảnh có ria mép lao vào phòng giam của anh và tát hai phát chí mạng, làm anh sái hàm. Một lát sau bắt đầu hỏi cung: một người lịch sự đến khó hiểu trong bộ áo đuôi tôm buồn bã hỏi anh tại sao lại làm chuyện ấy. Với hành vi chống cự khi bị bắt, anh đã sa vào tình cảnh khốn khổ, có nhất thiết phải thế không?

Nhưng anh có chống cự đâu, Eugen kêu lên.

Tay đặc vụ hỏi anh có định buộc tội cảnh sát Phổ nói dối.

Eugen xin ông ta được bắt liên lạc với bố.

Tay đặc vụ thờ dài hỏi, chẳng lẽ anh không tin là người ta đã làm việc đó từ lâu. Hẳn vườn người sang, cẩn thận tóm hai tai Eugen và dùng hết sức đập đầu anh xuống mặt bàn.

Khi tỉnh lại, Eugen nằm trên một chiếc giường trải sạch sẽ sát tường trong phòng ngủ bệnh viện với cửa sổ có chấn song. Đây không phải là một trong những chốn tồi tệ nhất, một bà y tá đứng tuổi nói, người ta chỉ chuyển đến đây dân quý tộc hay ai đó có người bảo lãnh, anh nên vui mừng mới phải.

Gần tối, tay đặc vụ lịch sự lại xuất hiện. Mọi việc xong xuôi, Eugen sẽ ra khỏi đất nước. Người ta khuyên anh qua bên kia đại dương.

Anh không rõ lắm, Eugen nói, xa xôi quá.

Thật ra đây không phải là một đề nghị, tay đặc vụ trả lời, việc này không phải đem ra để tranh luận, và nếu biết được mình sẽ thoát khỏi số phận nào thì anh phải phát khóc vì hạnh phúc mới đúng.

Bố anh đến vào buổi tối. Ông ngồi xuống cạnh giường và hỏi, tại sao anh có thể làm khổ mẹ như vậy.

Anh không định làm thế, Eugen vừa nói vừa khóc, anh hoàn toàn không biết gì, anh không muốn đi xa.

Cái gì xảy ra thì đã xảy ra, bố anh nói, ông lo đăng vô lên vai con và dúm ít tiền xuống gối. Nam tước đã giải quyết mọi việc, một người đáng kính, tuy hơi lẩn thẩn.

Eugen hỏi, anh sẽ sống bằng gì.

Bố anh nhún vai. Liệu anh đã nghĩ về chuyện tính toán các trường chưa?

Trường gì?

Hàm số hình cầu, bố anh tư lự, có thể làm được như thế lắm chứ. Ông giật mình và nhìn lại Eugen, tựa như vừa tỉnh giấc mộng. Thế nào cũng được, anh sẽ làm được thôi! Rồi ông ôm con thật chặt, vấp vai mình vào hàm anh; Eugen tê dại đi mấy giây vì đau. Khi đầu óc Eugen tỉnh táo trở lại thì bố anh đã đi khỏi. Mãi đến lúc đó anh mới hiểu ra là sẽ không bao giờ gặp lại bố nữa.

Ba hôm sau anh ra đến cảng. Trong lúc đợi phà qua Anh, Eugen bắt chuyện với những người đại diện thương mại, những người hiền lành, không thông minh lắm, họ làm việc cho các nhà băng mới thành lập và rủ anh chơi bài. Anh thắng. Thoạt tiên được một ít,

rồi nhiều hơn, cuối cùng anh được nhiều quá khiến người ta cho anh là một tên bịp bợm và anh phải vội biến. Trong khi anh chẳng làm gì ngoài việc thuộc các quân bài theo phương pháp Giordano Bruno, như bố anh đã dạy trước đó mấy năm: người ta phải biến mỗi quân bài trong óc thành một hình người hay con vật, càng buồn cười càng tốt, để chúng hợp lại thành một câu chuyện. Tập luyện rồi thì có thể ghi nhớ một bộ bài ba mươi sáu quân. Hồi đó anh không sao làm nổi, bố anh chỉ biết chửi rủa và bỏ cuộc. Nhưng bây giờ thì mọi việc trôi chảy.

Trong một quán ăn khác anh uống quá chén. Không khí quanh anh như trở nên lung linh, và anh thấy mỗi một dễ chịu ở cả tứ chi. Anh muốn ngủ đến mức suýt nữa anh không nhìn thấy cô gái trẻ đẹp bỗng dung ngồi cạnh mình. Nhìn gần thì anh nhận ra cô ta tuy cũng không trẻ lắm, và cũng không hẳn xinh đẹp, nhưng khi anh nói dối là không có tiền thì cô hỏi anh với vẻ xúc phạm, chẳng lẽ anh coi cô là hạng người đó. Và chỉ để cho cô ta biết là anh không nghĩ vậy mà Eugen đưa cô cùng về phòng trọ của mình. Trên đường về anh nghĩ xem có nên nói với cô ta rằng cô là người đàn bà đầu tiên của anh và anh hầu như chẳng biết phải làm gì. Nhưng hóa ra rất đơn giản, và trong bóng tối nhập nhoạng, khi cảm thấy tay cô trên má mình thì anh khoan khoái và mệt mỏi đến nỗi thiếu chút nữa thì thiếp đi, nếu cô gái không biết cách giữ cho anh tỉnh, và lứa tuổi cũng như bề ngoài của cô không hề quan trọng nữa, và sớm hôm sau, khi nhận ra là cô ta đã cuôm sạch chỗ tiền thắng bài của mình thì anh cũng không bức mình nổi. Tất cả nhẹ nhàng xiết bao khi người ta lên đường.

Rồi Eugen sang đến Anh: toàn người không quen, ngôn ngữ có những âm kỳ dị, biến tên địa phương lạ mắt và thức ăn khó hợp. Nghe nói ở London có hàng triệu người sống, nhưng anh không tưởng tượng ra nổi; một triệu người nghĩa là thế nào. Ở nhà trọ anh nhận được thư của Humboldt, ông khuyên anh lên một trong những chiếc tàu thủy hơi nước loại mới. Ông gửi kèm những lời khuyên trong quan hệ với bọn người man khai: phải tỏ ra thân mật và quan tâm, không được che giấu ưu thế của mình, mà cũng đừng quên nói những lời chỉ bảo, vui sướng về sự vô học của người khác là một dạng khinh thị. Eugen bật cười. Cứ làm như anh đang sống cùng lũ mọi rợ! Không thấy nói một chữ đến bố anh. Đêm đến anh không ngủ được vì xa nhà và cô quạnh. Anh lên chiếc tàu hơi nước đầu tiên còn chỗ.

Trên boong có ít khách, tàu hơi nước vượt đại dương mới có chưa lâu, còn quá mới mẻ với quần chúng. Trời mây giăng thấp, tàu thuốc của anh bị tắt, anh định châm lại nhưng gió thổi quá mạnh. Thuyền trưởng nghe nói là anh biết chút ít về toán, ông mời anh vào buồng lái.

Ông hỏi Eugen có quan tâm về hoa tiêu ?

Không một chút xúu nào, anh trả lời.

Ngày xưa, thuyền trưởng nói, mây dày như hôm nay là một vấn đề, nhưng hôm nay họ lấy hướng mà không cần nhìn sao, bây giờ người ta có đồng hồ chính xác. Với chiếc đồng hồ Harrison (*John Harrison: 1693-1776: thợ đồng hồ Anh*) một kẻ nghiệp dư cũng đi vòng quanh địa cầu được.

Vậy là, Eugen hỏi, kỷ nguyên của những hoa tiêu vĩ đại đã qua ? Hết thời những Bligh và Humboldt ? (*William Bligh: 1754-1817: nhà hàng hải Anh, thuyền trưởng tàu Bounty huyền thoại*)

Thuyền trưởng suy nghĩ. Eugen ngạc nhiên tại sao mọi người cần nhiều thời gian suy nghĩ như vậy để kiếm câu trả lời. Câu hỏi đâu có khó ! Kỷ nguyên ấy đã qua, rồi cuộc ông ta trả lời, và sẽ không bao giờ quay trở lại.

Buổi đêm Eugen không ngủ được, vì xúc động hơn là vì tiếng ồn của máy, thêm vào đó cũng bởi tiếng ngáy ầm ầm của một người Ailen cùng phòng. Một cơn bão dữ dội nổi lên: sóng đập khùng khiếp vào vỏ sắt, động cơ rền rĩ, và khi Eugen loạng choạng lên boong thì bọt sóng quật vào anh mạnh đến nỗi suýt trôi khỏi tàu. Người ướt sũng, anh trốn về phòng. Người Ailen ngừng cầu nguyện.

Anh có một gia đình lớn, anh ta nói bằng thứ tiếng Pháp nghèo nàn, anh có trách nhiệm với họ, anh không được phép chết. Cha anh là người nhân tâm không biết đến tình

yêu, mẹ anh mất sớm, giờ thì Chúa gọi cả đến anh.

Mẹ anh còn sống, Eugen nói, và bố anh yêu nhiều thứ, trừ anh ra. Và anh không tin là Chúa đã muốn có anh bên mình rồi.

Sớm hôm sau mặt biển lặng như cái ao. Thuyền trưởng cúi mình trên bản đồ, miệng lầm bầm, ngó vào kính lục phân và đồng hồ Harrison. Họ đã đi lệch khỏi hải trình, bây giờ phải lấy thêm chất đốt lên tàu.

Vì vậy họ phải cập bến Tenerife. Trời sáng chói lọi, một con vệt tò mò quan sát họ từ ban công ngôi nhà sở hải quan mới xây xong. Eugen lên bờ. Đàn ông hô lệnh, hòm xiềng được chất lên tàu, đàn bà quần áo hở hang nhún nhảy duyên dáng đi lại. Một kẻ ăn mày xin bố thí, nhưng Eugen chẳng còn gì nữa. Một cái cũi mở ra, và một bầy khỉ nhỏ rú rít tóe ra mọi hướng như một vụ nổ.

Eugen bỏ hải cảng lại sau lưng và đi về phía ngọn núi hình nón xa xa. Anh tự hỏi lên đến đỉnh núi sẽ ra sao. Có lẽ nhìn được xa. Không khí rất trong trẻo.

Bên vệ đường là một đài kỷ niệm bằng đá. Bức phù điêu tạc hình quả núi và cạnh đó là một người đàn ông quần khăn, mặc áo đuôi tôm và mũ trụ. Eugen không hiểu dòng chữ trên đó, trừ tên người. Anh ngồi lên một tảng đá, thò ra khỏi thuốc và ngắm bức hình trên đá. Một người dân địa phương khoác khăn choàng và mũ len đứng lại, chỉ vào hình, nói gì đó bằng tiếng Tây Ban Nha, chỉ xuống đất, lên trời, lại chỉ xuống đất. Một con cuốn chiếu có râu dài dị thường bò lên quần Eugen. Anh ngó quanh. Rất nhiều cây cỏ lạ. Anh tự hỏi chúng mang những tên gì. Mặt khác thì, có ai muốn biết đâu ! Chỉ là những cái tên mà thôi.

Anh đến một khu vườn có tường bao, cổng vào để mở. Phong lan quần lấy thân cây, tiếng ríu rít của hàng trăm con chim xuyên suốt không gian. Gần bức tường rõ ràng là mới xây có một cây rất to. Vỏ cây xù xì đầy vết sẹo, tận trên cao thân cây tõe ra thành một búi cành rậm rì. Eugen ngập ngừng đi vào dưới bóng râm của cây, dựa vào thân cây và nhắm mắt. Khi mở mắt ra, anh thấy một người đàn ông đứng trước mặt, tay cầm đòn xóc và cất giọng chửi rủa. Eugen mỉm cười trấn an. Cây này chắc cao tuổi lắm ? Người làm vườn giậm chân và chỉ tay ra cửa. Eugeti xin lỗi, anh vừa nghỉ chân, trong một thoáng anh nghĩ rằng mình là người khác hoặc chẳng là ai, đây là một chốn rất dễ chịu. Người làm vườn gio đòn xóc đe dọa, Eugen rảo bước đi khỏi.

Tàu thủy rời bến lúc mờ sáng, vài tiếng sau những hòn đảo biến khỏi tầm mắt. Đại dương yên tĩnh mấy ngày liền, khiến Eugen tưởng như họ không chuyển động. Nhưng họ luôn vượt qua những chiếc thuyền buồm căng gió, hai lần vượt cả tàu hơi nước khác. Trong đêm Eugen có lần tưởng như thấy ánh lửa lập lòe đằng xa, nhưng thuyền trưởng khuyên anh đừng để tâm, biển tạo ra ảo ảnh, thỉnh thoảng nó có vẻ biết mơ mộng như người vậy.

Rồi sáng mạnh lên, một con chim xơ xác vụt hiện ra trong sương mù, rít chói tai rồi biến mất. Người Ailen hỏi Eugen có muốn cùng anh bắt tay mở doanh nghiệp, một hãng nhỏ.

Tại sao không, Eugen nói.

Anh cũng có em gái, người Ailen nói, cô ta son rồi, không xinh, nhưng biết nấu ăn.

Biết nấu ăn, Eugen nói, tốt đấy.

Anh nhồi thuốc lá vào tẩu, đi xuống mạn đuôi tàu và đứng đó với cặp mắt đắm lệt vì gió, cho đến khi có gì đó thấp thoáng hiện ra trong sương chiều, thoát tiên trong suốt và nửa hư nửa thực, nhưng ngày càng rõ hơn, và thuyền trưởng vừa trả lời vừa cười, không, lần này không phải ảo ảnh nữa và cũng không phải chớp giông, đó là châu Mỹ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04 37161518104 37161190 Fax: 04 38294781

Email: Nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam kỳ Khởi nghĩa Điện thoại: 08 38469858 - 08 38483481

Chịu trách nhiệm xuất bản NGUYỄN CỬ

Chịu trách nhiệm nội dung NGUYỄN THỊ HẠNH

Biên lập: TRỊNH THỊ DIỆU

Thiết kế bìa: HỮU KHOA

Trình bày: HỒNG NHUNG

Sửa bản in: NHỊ LINH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÂN NAM

1B/1F Thái Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại 04-35146875 - Fax: 04.35146965

Website www.nhanam.vn. Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

In 1.000 cuốn, khổ 13 X 20.5cm tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc Phòng.

Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 76-2009/CXB/64-01/VH
và quyết định xuất bản số 41/QĐ-VH của Nhà xuất bản Văn học ngày 4.2.2009.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2009.